

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
Năm 14 TẬP 65, THÁNG 7, NĂM 2015

Chủ đề: Tưởng niệm nhà văn Hoàng Ngọc Hiến

Mục lục

Thư tòa soạn /3

Phân chủ đề Tưởng niệm Hoàng Ngọc Hiến

Sơ lược tiểu sử /5

Trần Hoài Thư: Viết về nhà văn HNH /7

Thái Kim Lan: Đọc Hoàng Ngọc Hiến /19

Nguyễn Lệ Uyên: Phận người trong “Quê hương lưu đầy” của HNH /27

Nguyễn Vy Khanh: Nhân đọc trích đoạn Quốc lộ 13... / 33

Phạm văn Nhân: HNH vẫn còn nguyên trong tâm thức của người lính ./48

Trích văn Hoàng Ngọc Hiến

Quê hương lưu đầy /55

Quốc lộ 13 / 66, 78

Cơn say /87

Viên đạn định mệnh / 95

Em có về Côn Phước /100

Côn Sơn ngày về / 112

Thân phận “Tiếng súng cao nguyên” / 122

Bóng núi Tà Cú / 133

Ngã Ba Rừng Càn Lê /142

Rắn cấn vó ngựa / 160

Độc chiêu: “Lộng giả thành chân” /171

Văn liệu đặc biệt

Nguyễn Vy Khanh: Ghi nhận về giải Bút Việt 1974 /182

Hoàng Ngọc Tuấn: Chào mừng Hội Văn bút VN nhân ngày trao giải thưởng... / 185

Nguyễn Tử Năng: Tiểu thuyết “Đường Một Chiều” của

Nguyễn Mộng Giác và sự tuyển trạch... / 190

Giới thiệu tạp chí Thời Tập

Trần Hoài Thư: Hành trình của tạp chí TT / 199

Trích Thời Tập:

Trần Phong Giao: Độc giả và những người làm một tạp chí văn chương / 204

Thơ Nguyễn Bắc Sơn / 211, Kim Thượng / 212, Dương Huyền Ý / 212

Trần thị NGH.: khoan điều / 213

Hoàng Ngọc Tuấn: Độc thân / 220

Lữ Quỳnh: Những người tưởng quen nhau / 234

Trần Hoài Thư: Đôi mắt người Sơn Tây / 243

Nguyễn Kim Phụng: Thời bút / 256

Mười tác giả: Vai trò của người cầm bút / 260.

Giới thiệu sách / 273

Trình bày bìa: THT

Liên lạc Tòa soạn:

Trần Hoài Thư

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Email: tranhoaithu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Số báo kỳ này mang chủ đề “Tuởng niệm nhà văn Hoàng Ngọc Hiến”.

Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến sinh năm 1942 và mất vào ngày 27-12-2014 tại Nam Cali.

Về mặt văn chương, năm 1969, tạp chí Văn xuất bản truyện dài “Quê Hương Lưu đầy” của ông. Sách bán hết sau hai tháng phát hành. Bị tù 14 năm 7 tháng, qua Mỹ, ông vẫn tiếp tục viết với 5 tác phẩm được xuất bản hay tự xuất bản. Đó là chưa kể hai tập truyện còn trong dạng bản thảo và một tác phẩm gồm 18 bài đọc sách chưa in

Về mặt đời, trước khi bị động viên, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến là một giáo sư triết, văn chương và sử địa. Năm 1967, bị động viên (Khóa 25 Thủ Đức). Rời quân trường, ông chọn đại đội 399 tiểu khu Bình Long - đơn vị được xem là thiện chiến nhất và “dữ” nhất của tiểu khu, có mặt tại những hiểm địa tử thần như Lộc Ninh, An Lộc, quốc lộ 13.... Ông ở đơn vị này từ trung đội trưởng lên đến đại đội phó.

Nhà nhận định Nguyễn Vy Khanh nhận định về thái độ dẫn thân của ông như sau:

“Hoàng Ngọc Hiến đã viết thành tác-phẩm, chắc chắn ông đã khởi đi từ ý thức, từ tâm tình yêu nước cụ thể cùng những tâm trạng bồn khoăn, những kinh nghiệm sống chết thực-hữu. Ông viết như để xác định thái độ phải nói, phải viết để nói lên từng ý nghĩ đã đến khi hành quân, thám kích, từng sự việc đã thực sự xảy ra - một lựa chọn can đảm để những tâm tư, sự kiện đó đến với người khác. Một thái độ dẫn thân khi đang theo hướng đi của tập thể (miền

Nam), của lịch-sử, ở thời đại đang sống. Như vậy, thái độ sáng-tác và dẫn thân như vậy quả thật đáng trân quý dù chính ông tự nguyện đóng một vai trò có thể ông tự xem là khiêm tốn.”

Vậy mà sự ra đi của ông thật âm thầm, không thấy một diễn đàn văn học nào (đất cũng như mạng) nào đưa tin hay cho vài dòng thương tiếc như họ đã rầm rộ làm cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác...

Đó là lý do tại sao chúng tôi thực hiện số tưởng niệm này.

Mặt khác chúng tôi cũng dành nhiều trang để giới thiệu tạp chí Thời Tập. Dù chỉ có 23 số nhưng nó mang một chứng tích lịch sử của nền văn học miền Nam. Chính nó là pháo đài văn học cuối cùng vẫn còn đứng vững cho đến ngày 15/4/75.

Kỳ này chúng tôi tạm bỏ Phần Sống và Viết và mục sáng tác thường xuyên để dành trang cho chủ đề. Chúng tôi thành thật xin lỗi các bạn có bài mà chúng tôi hứa sẽ đăng. Xin quý bạn niệm tình mà hoan hỉ thông cảm cho.

Cuối cùng xin được cảm ơn bà quả phụ Hoàng Ngọc Hiến, các thân hữu trong cũng như ngoài nước sẵn sàng mở rộng vòng tay khi chúng tôi cần để số báo kỳ này vượt khỏi sự mong đợi của chúng tôi.

Xin được chúc lành đến tất cả.

Trân trọng
Trần Hoài Thư
Chủ trương Tạp chí TQBT

CHỦ ĐỀ
NHÀ VĂN HOÀNG NGỌC HIỂN
(1942-2014)



Sơ lược tiểu sử

Tình thân,

1. Nguyễn Văn

13-10-2014

(thủ bút có chữ ký của nhà văn HNH ngày 13-10-2014)

Tên thật : Trần Ngọc Hiến, sinh năm 1942 tại Phủ Lý, Hà Nam, Bắc Việt. Di cư vào Saigon năm 1954. Cựu học sinh trung học Chu văn An SG. Sinh viên Luật Khoa. Sinh viên Ban Triết Tây. Tốt nghiệp Khả năng Sư phạm Trung Cấp, ban Văn Chương.
Giáo sư văn chương các trường trung học Côn Sơn, Ngô

Quyền, Minh Đức, Trí Đức SG và Kỹ thuật Biên Hòa.
Động viên Khóa 25 Thủ Đức, ra trường phục vụ tại đại
đội 399 thuộc tiểu khu Bình Long từ trung đội trưởng
đến đại đội phó và Sĩ quan tham mưu Hành quân Phòng
3.

Sau 1975 hoạt động chính trị bị nhà nước Cộng Sản đưa
ra tòa xử án 20 năm (nhưng trên thực tế chỉ ở tù 14
năm).

Nhập cảnh Hoa Kỳ giữa thập niên 1990.

Nhân viên Thư viện thành phố Garden Grove, California
cho đến ngày về hưu.

Từ trần vào ngày 27-12-2014 tại Nam California hưởng
thọ 73 tuổi.

TÁC PHẨM :

- *Quê Hương Lưu Đà*, truyện dài, VĂN xuất bản, Saigon,
Việt Nam, 1969.
- *Tình yêu và thù hận*, tập truyện, tác giả xuất bản, Hoa Kỳ
1998.
- *Thuyền Bát Nhã*, tập truyện thuyết, đăng trên Tạp Chí Văn
Nghệ Tiền Phong, Hoa Kỳ (2000-2001)
- *Cơn Mưa Mơ Ước*, truyện dài, đăng trên Tạp chí Văn Nghệ
Tiền Phong, Hoa Kỳ (2002)
- *Em có về cồn phượng?*, tập truyện, Hương Cau, Paris, Pháp
xuất bản, 2013
- *Lửa “Kim tinh muội”*, truyện dài, tác giả xuất bản, Hoa Kỳ,
2014
- *Cuộc Hành Trình Thịnh Kinh. Đọc “Tây Du Ký”*, tác giả
xuất bản, Hoa Kỳ 2014.
- *Đọc 12 tác phẩm VN*. Thư Ân Quán xuất bản, Hoa Kỳ, 2014

Thơ, văn đăng trên các tạp chí Văn, Khởi Hành, Hồn Việt,
Văn Nghệ Tiền Phong, Tân Văn, Thư Quán Bản Thảo...

Di cao văn chương cuối đời của ông là bài *Từ Thị Trấn An
Lộc đọc Khởi Hành*, đi trên tạp chí TQBT số 62 chủ đề Khởi
Hành và Tôi.

Trần Hoài Thư viết về nhà văn cùng thời : Hoàng Ngọc Hiến

(I)

TRẢ LẠI DANH DỰ CHO MỘT NHÀ VĂN !

Trong bài điểm sách “Sông Côn mùa lũ” trường thiên tiểu thuyết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã được phổ biến rộng rãi trên các trang mạng quen thuộc (cũng như trong cuốn Văn Học Miền Nam sẽ in), nhà nhận định văn học Nguyễn Vy Khanh đã ghi lại một số sự kiện về giải truyện dài Bút Việt (Trung tâm Văn bút) năm 1974 trao cho truyện dài Đường Một Chiều của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, đặc biệt là Email ngày 1-10-2008 của nhà văn NMG giải thích lý do tại sao có sự “quậy phá” giải văn học này: **“... cuốn Quốc Lộ 13 của Tô Vũ (Lê Vĩnh Thọ) vì thua phiếu nên nhóm Văn Học “quậy phá” trên tạp chí Văn Học và Phổ Thông”**

(Mời đọc toàn bộ ghi chú của Nguyễn Vy Khanh đăng ở phần sau)

Sự thật tác giả “Quốc Lộ Mười Ba” là Hoàng Ngọc Hiến (HNH), chứ không phải là Lê Vĩnh Thọ. Nhà văn HNH không hề cộng tác với Văn Học. Ông chỉ có bài ở Văn, Khởi Hành. Năm 1969, tạp chí Văn đã xuất bản truyện dài đầu tay của ông là *Quê Hương Lưu Đây*, với tiền tác quyền là \$5000 (5 ngàn). Số tiền này rất lớn vào thời ấy. Điều này chứng tỏ là tên tuổi của HNH được trọng nể hay ít ra được dành một chỗ đứng trong sinh hoạt văn học bấy giờ. Trong khi tên tuổi của nhà văn NMG vẫn thật

sự chưa biết nhiều, và chưa có một tác phẩm nào. Theo WIKIPEDIA, NMG chỉ bắt đầu viết văn từ năm 1971.

Thứ hai, là nhà văn NMG mang việc cuốn Quốc Lộ 13 vì bị thua phiếu ra để giải thích lý do có sự "quậy phá" từ báo Văn Học và Phổ Thông. Tôi đã đọc kỹ bài đăng trên tạp chí Văn Học của Nguyễn Tử Năng, nhưng không hề thấy người viết đã động hay đề cập gì đến Quốc Lộ 13 (xin mời đọc bài của Nguyễn Tử Năng chúng tôi sưu tầm và đăng lại ở phần sau).

Thứ ba, một câu hỏi tại sao có nhiều tác phẩm dự thi, nhà văn NMG lại chỉ nhắc đến QL 13 ?

Hẳn là phải có lý do để ông phải nêu đích danh.

Trong khi tác giả của Quốc Lộ 13 - nhà văn Hoàng Ngọc Hiến - chưa hề có một bài, hay một giòng nào để nói lên ý nghĩ cá nhân của ông về cuộc thi. Suốt cả một tháng (tháng 5/2014), trước khi xuất bản “Đọc 12 tác giả VN” của ông, hầu như mỗi ngày chúng tôi liên lạc thường xuyên, tôi chỉ nghe ông khen hơn là chê, không nói xấu ai một lời. Riêng chuyện dự thi tôi chỉ được biết qua lá thư dài bà quả phụ Hoàng Ngọc Hiến gửi cho chúng tôi khi chúng tôi yêu cầu bà cung cấp những tin tức cần thiết để chúng tôi thực hiện số chủ đề về nhà văn HNH:

"... Đến khi tôi có thai cháu Trần Minh Nhật năm 1970 (1), anh có đưa tập Quốc lộ 13 đi dự thi cùng với thời điểm "Bóng Thuyền Say" của anh Nguyễn Mộng Giác. Anh Hiến kể với tôi là 2 tác phẩm ngang nhau số phiếu chỉ còn một phiếu vắng mặt. Về sau có ai đó đề nghị bỏ cho "Bóng Thuyền Say" của anh Nguyễn Mộng Giác, còn chính vị đó lại muốn bỏ cho "Quốc Lộ 13". Vì thế "Bóng Thuyền Say" được phiếu. Anh nói là anh muốn dự để kiếm mấy trăm cho em tiêu, còn không thì cũng chả sao, vì thật ra đánh giá về giá trị văn chương thì mỗi người có quyền, có quan điểm của họ, còn anh thì anh rất ưng ý về tác phẩm này vì anh viết toàn cảm xúc và chất liệu thật của anh: sống thật, làm thật. Anh Hiến còn nói cho tôi biết có một vị trong Hội đồng nói cho anh biết về vị kia muốn bỏ cho "Quốc Lộ 13" mà vì quen biết nên bỏ

cho "Bóng Thuyền Say". Sau này ông cậu của tôi em con dì là ông Nguyễn Hà Vĩnh bút hiệu là Trần Dạ Từ bảo tôi "cậu mợ không biết Hiền dự thi, biết thì cậu mợ đề nghị bỏ phiếu cho Hiền là được ngay". Tôi cảm ơn cậu tôi và nói nhà cháu muốn tự nơi văn anh người ta ưa chuộng chứ anh không muốn gây bè phái, mất sự tự trọng và làm phiền cậu mợ...". (trích thư)

Thú thật, cực chẳng đã chúng tôi mới viết bài này. Nhà văn NMG và HNH đều là bạn văn thân thiết. Nhưng vì Email của NMG đã được phổ biến rộng rãi trên NET nên buộc lòng chúng tôi phải lên tiếng để tránh ngộ nhận, hầu trả danh dự lại cho người đã khuất cũng như cho gia đình cố nhà văn HNH.

Trích một trang thư của bà quả phụ Hoàng Ngọc Hiền

Và khi vào Suối Lớn^{th 12} cuối Quốc Lộ 13 tôi đã quên được đúng 5000¹⁰ lúc ấy, anh em về nhà hết cho vào con, tôi mua sữa cho 3 cháu và còn dư 100. Sau đó cái lúc vào 3 lạng tay để đi mua lương là ở phía bên. Đến khi tôi có thời giờ đi thăm anh Hiền nhất năm 1970, anh có đưa tập Quốc lộ 13 đi dự thi, đây mới là thời điểm "Bóng Thuyền Say" của anh Hiền, những giấc 2 tác phẩm ngang số 1 phiên chỉ còn 1 phiên. Vậy thật về sau có ai đó đề nghị bỏ cho "Bóng Thuyền Say" của anh Hiền một giải, còn chính vì đó lại được bỏ cho Quốc lộ 13. Vì thế nên "Bóng Thuyền Say" theo Hiệp hội Văn (Hội Văn) và nói tiếp anh Hiền dù đã kiến nghị trước cho em Hiền, còn ở thì ở chỗ sao vì thế là đã quá về Văn (Hội Văn) thì mới (Hội Văn) có quyền có quan điểm của họ, còn anh Hiền rất ủng hộ và tác phẩm này anh viết toàn cảm xúc và thật lòng thật của anh, ông thật làm thật, anh Hiền còn nói cho là biết có 1 vì thế nên anh Hiền anh viết về vì vì kia muốn bỏ cho Quốc lộ 13 dựa trên biết anh bỏ cho "Bóng Thuyền Say". Sau này ông Cậu của tôi, em con dì, con gái của anh tôi là ông Nguyễn Hà Vĩnh đã biết Hiền là Trần Dạ Từ bảo tôi Cậu mợ ở biệt Hiền dự thi, biết thì cậu mợ đề nghị bỏ phiếu cho Hiền là được ngay tôi cảm ơn Cậu tôi và nói nhà cháu muốn tự nơi văn anh người ta ưa chuộng chứ anh không muốn gây bè phái, mất sự tự trọng và làm phiền cậu mợ...". Anh Hiền đó, con người anh Hiền

(1) Thời điểm dự thi giải Bút Việt là vào năm 1974, chứ không 1970.(Chú thích của TQBT)

(II)

nghĩ về những con số

Những con số có khi rất cần phải nhớ. Số An sinh xã hội. Số điện thoại. Hay ngày sinh năm sinh... Cần nhớ bởi vì xã hội buộc người dân phải nhớ... Ví dụ khi tôi tới Wall Green nhận thuốc, họ bắt tôi phải đọc ngày tháng năm sinh hay 4 số cuối cùng của điện thoại nhà trước khi họ giao thuốc.

Nhưng cũng có những con số mà luật lệ xã hội chẳng cần. Nhưng chúng lại rất cần cho đời sống mình. Chúng giúp mình đứng thẳng, nếu không nói là kiêu hãnh.

Tôi muốn nói đến đại đội 405 Thám kích của tôi và đại đội 399 của anh.

Thật vậy, đọc các tác phẩm của anh, 3 số ấy thỉnh thoảng anh nhắc, như là một phần máu huyết của mình.

“...Thế là một đêm dài chờ tử chiến đã trôi qua. Đêm ấy đem lại bao ý nghĩa cho đời chiến binh như chúng tôi? Chỉ ở trong chiến tranh, chúng tôi mới ngồi với nhau trong căn hầm này? Mới chia sẻ ly cà phê, điều thuốc, trong gió rừng, cành cây khô gãy và tiếng chim cú kêu sương? Có lần, tôi cao hứng nói đại đội 399 là điểm hẹn của kiếm sĩ phương Đông, trọng nghĩa khinh tài, tâm hồn cao thượng, không gò bó, không hẹp hòi. Đại úy Bộ phá lên cười:

“Kiếm sĩ phương Đông? Đúng quá chứ! Bọn ta quá chén không điên không cuồng như ông Bá Trắc”. “

(Ngã ba Rừng Càn Lê)

Đơn vị ấy đã biến đổi một nhà mô phạm thành một con người khác: sống thật và làm thực.

“...Tôi bây giờ thế đó. Mày không còn là của mày nữa. Đã khoác bộ đồ trận này vào, mày đã trở thành con người của quốc gia, của chính phủ. Mày không còn là của cha đường mẹ sanh. Mày không còn là của vợ, của con mày nữa. Vợ tôi vẫn không giấu giếm được những giọt nước mắt mỗi lần tôi bước chân đi. Đã nhiều lần, có lẽ chúng tôi đã đếm gần hết số lần xa nhau trên những đầu ngón tay trong vòng năm năm trời. Chưa bao giờ chúng tôi được sống bên nhau được một thời gian dài trên năm tháng. Giờ này, giờ này, đã lại xa nhau nghìn trùng. Mười lăm cây số, nhưng tôi có cảm tưởng như cả một nghìn trùng. Em biết không em, chiếc xe chở anh tới đây, anh đã thấy chỉ những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su thâm u bí mật. Pha gương ở đó nào cảm thù, nào oan khiên. Anh không thể nào có một cảm tưởng khác được là cả một nghìn trùng vây bọc. Em đã có thêm ý nghĩ u hoài nào nữa chưa em? Không ngờ phải không? Không ngờ anh đã thành một người lính cầm súng bước tới chôn này. Không ngờ, anh đã cầm sự vụ lệnh tới trình diện một đại đội tác chiến nổi tiếng và thiện chiến nhất miền này. Tới làm một cấp chỉ huy ở đại đội toàn lính dữ dằn này, anh đương nhiên trở nên dữ dằn hơn chúng nó lúc nào không nhớ nữa. Em đừng trách anh rằng bây giờ anh còn nhớ gì nữa chứ. Anh đã bị xô đẩy nhiều quá rồi.... Và kỷ niệm đã nhiều lần bật thành tiếng thét trong hồn như một tiếng súng nổ vọng vào đêm...” (Quốc Lộ 13)

Trong khi những nhà văn lớn nhỏ ở Saigon viết trong những điều kiện thoải mái, an ổn thì nhà văn Hoàng Ngọc Hiến phải sống như thế này :

“...Thời điểm ấy, sau trận tổng công kích Mậu Thân 1968, nên Bình Long luôn bị đặt trong tình trạng “nguy hiểm”. Đêm thì đi kích, có khoảng một thời gian dài hơn sáu tháng, tôi toàn ngủ đường, ngủ rừng, ngủ chợ, ngủ dưới đường mượn công viên Tao Phùng,... không biết đến cái

phòng ở trọ là gì!!! Thịnh thoảng mới có một ngày đại đội ứng chiến, lợi dụng một lúc nào đó có thể tạt vào sập báo. Có bữa Văn, Bách Khoa đều đã hết! Rồi có một thời gian dài đại đội đi đóng đồn Tân Hưng, một đồn ở xã Tân Hưng cách Quốc Lộ Mười Ba về phía tây hơn 15 cây số đường rừng, hầu hết là rừng cao su mênh mông, trải dài tới tận biên giới Việt Miên. Riêng tạp chí Khởi Hành tôi đọc được do có khi đi phép về Saigon, vợ vội vài tờ ở sập báo đem đi, hoặc do một người bạn nào đó có được, đọc xong, đưa cho. Thú thật, lúc đó, tôi lo sống trước đã, lo làm tròn trách nhiệm một người lính chiến trước đã; nên có tạp chí đọc, hay không có, không quan trọng, không tha thiết, không mong đợi. Có thì đọc, không có thì thôi. Có lẽ ly cà phê, điều thuốc Salem mỗi buổi tối, nhất là ở đồn Tân Hưng quan trọng hơn nhiều! Đôi khi, đọc xong thấy cho một người bạn nào đó, hoặc ném vào xó xỉnh nào đó, cũng có khi xé ra đốt lửa hun khói đuổi muỗi trong hầm ở đồn Tân Hưng, nhất là vào những đêm mưa gió, căn hầm ẩm ướt, u ám, nỗi buồn của những người lính như chúng tôi, tưởng dâng cao lên đến tận trời!”

(Ở thị trấn An Lộc đọc Khởi Hành)

Trên đây, chúng tôi chỉ trích một vài đoạn tiêu biểu về đại đội 399 của anh và những gian khổ nhọc nhằn và hy sinh mà anh và đồng đội anh đã chấp nhận.

Vậy mà anh vẫn nhớ và tự hào. Vậy mà tôi vẫn nhớ và tự hào về 405 của tôi.

Có gì để mà nhớ mà tự hào chứ ?

Trong một đời người, người ta vẫn thường có một thời để yêu và để nhớ. Nhưng bất hạnh cho chúng tôi, chúng tôi không có cái thời để yêu ấy. Thời thanh xuân của chúng tôi xám đen bầm dập làm gì để yêu. Nhưng nhớ thì nhớ lắm. Nhớ và tự hào. Làm sao tôi không thể nhớ được một chiếu rượu trong một đêm trăng trên đồi Tháp Bánh Ít - hậu cứ của 405 TK:

*Nửa đêm, như thể ngày xưa ấy
Mấy thằng trải chiếu dưới đèn trắng
Trắng sáng phơi trên hàng kềm lạnh
Rồi chảy vào bát rượu băng khuâng*

*Nửa đêm, mấy đứa chưa buồn ngủ
Buồn ngủ làm sao, ta chiêm bao
Lính trận đường quân, nhờ tí tửu
Để mai nằm xuống hồn bay cao*

*Nửa đêm, doanh trại đèn leo lét
Người lính canh ngồi như tượng đêm
Ma quỷ muốn chơi, xin hoãn chiến
Để ta còn đụng với anh em*

Làm sao không tự hào cho được như hình ảnh của viên đại đội trưởng đại đội 399 vào ngày 30-4-1975 mà nhà văn Hoàng Ngọc Hiến đã ghi lại trong truyện “Ngã Ba Rừng Càn Lê”:

“...Tôi theo dõi bước đi của Đại úy Đại Đội Trưởng 399, ông vẫn mặc bộ đồ tác chiến, trên cổ khăn quàng đen bay bay theo gió nhẹ. Tay cầm khẩu M16 mũi hơi chúc xuống mặt đất. Ông bước qua Quốc Lộ Mười Ba, sang phía bên kia. Ông theo con lộ nhỏ vào xóm Càn Lê. Ông đi qua xóm, con đường đất đỏ dẫn xuống Suối Đá Trắng. Rồi tôi không thấy bóng ông nữa, chỉ thấy một đám bụi đỏ bốc lên như đang ở trong một cơn gió xoáy. Chừng nửa giờ sau, tôi nghe nhiều tiếng súng nổ ở phía Suối Đá Trắng vọng về đồn Càn Lê. Tôi biết điều gì đã xảy ra. Tôi đứng lặng người đi, như trong một phút mặc niệm một chiến hữu đã hy sinh cho tổ quốc.”



(III)

Làm vợ một nhà văn

Chị tên thật là Nguyễn thị Tiệp, nguyên là một nữ sinh Trung Vương. Trước khi lập gia đình với nhà văn Hoàng Ngọc Hiến, chị là nhân viên của Đài Phát Thanh Saigon.

Cuộc tình của họ thật đẹp. Đẹp ở chỗ là, vì tình yêu, anh chị đã vượt qua bao thử thách: Từ thành kiến gia đình, đến thành kiến về tôn giáo, để cuối cùng anh chị đã chiến thắng. Đẹp không phải ở "tình chỉ đẹp khi còn dang dở", mà ngược lại ở chỗ họ đã chế ngự được cái "dang dở" ấy bằng ý chí và bằng trái tim để mà cuối cùng họ trở thành đôi lứa bền chặt trọn đời. Cho dù cuộc đời ấy, nhiều buồn hơn vui, nhiều khổ nạn lận đận hơn là phẳng lặng êm đềm như mơ ước của bất cứ cặp vợ chồng trẻ nào trên đời...

Năm 1967, anh bị động viên vào khóa 25 Thủ Đức khi là một giáo sư dạy Triết và văn chương ở Côn Sơn. Ra trường Thủ Đức, dù đậu khá cao, nhưng anh vẫn chọn tiểu khu Bình Long, một nơi mà báo chí vẫn thường nhắc nhở với những tin tức hàng đầu về những trận đánh thần sầu qui khốc.

Anh chọn cho anh, nhưng anh cũng chọn dùm cho chị. Từ Côn Sơn - Quê hương lưu đầy chị mang con để theo chồng về Quốc lộ 13, An Lộc, dù biết rằng nơi ấy không phải là đất hứa mà là cõi dữ.

“... Anh Hiến được bổ đi đại đội 399, được biết là đại đội khăn quàng đen - đại đội sát cộng nổi tiếng của tỉnh Bình Long. Anh đi hành quân, đi kích liên miên. Đêm thì ngủ bờ ngủ bụi dưới giao thông hào. Có lần anh kể: " buồn ngủ quá, đứng trùm poncho dựa vào bờ vách giao thông hào mà ngủ một chút cho tỉnh. Nhiều khi gặp mưa thì cả người

dầm nước cứ thế mà chịu cả đêm..."

Chị nhớ lại những ngày tháng đầu tiên ở An Lộc:

"...Mấy tháng đầu, gia đình ở nhờ nhà một người quen. Sau đó chúng tôi thuê một gian nhà sau của một người nông dân nguyên là dân Bắc di cư. Những tháng đầu, tiền lương chuẩn úy mới ra trường không đủ tiền trả tiền thuê nhà , phải chờ lãnh rappelle mới trả cho ông bà chủ. Hàng ngày con dâu bà chủ nhà cắt rau muống mang ra bán ở chợ, chị nhặt rau non, vụn biếu chúng tôi làm thức ăn, còn tới bữa cơm thì ông chủ nhà cứ gọi hai con "chèo béo" (con gái chúng tôi) lên ăn chung với ông bà . Thế là hai đứa cầm bát đũa lên....."

Niềm vui to lớn của chị là nhận được 5 ngàn đồng, tiền tác quyền mà tạp chí Văn trả cho cuốn truyện dài *Quê Hương Lưu Đây* của anh vào năm 1969:

"...tác quyền cuốn *Quê Hương lưu đây* đúng 5000 đồng. Anh đem về đưa hết cho vợ con , tôi mua sữa cho 3 cháu, còn dư tôi sắm được một cái lắc nhỏ 3 chỉ vàng Tây để kỷ niệm mong là không phải bán..."

Nhưng chị không quên nhắc đến nỗi buồn của anh khi tác phẩm Quốc Lộ 13 anh mang dự giải văn bút lại không được trúng giải vì việc chấm này dựa vào sự quen biết hơn là giá trị văn chương:

"... Đến khi tôi có thai cháu Trần Minh Nhật, anh có đưa tập Quốc lộ 13 đi dự thí cùng với thời điểm "Bóng Thuyền Say" của anh Nguyễn Mộng Giác. Anh Hiền kể với tôi là 2 tác phẩm ngang nhau số phiếu chỉ còn một phiếu vắng mặt. Về sau có ai đó đề nghị bỏ cho Bóng Thuyền Say của anh Nguyễn Mộng Giác, còn chính vị đó lại muốn bỏ cho Quốc Lộ 13. Vì thế Bóng Thuyền Say được phiếu . Anh nói là anh muốn dự để kiếm mấy trăm cho em tiêu, còn không thì cũng chả sao, vì thật ra đánh giá về giá trị văn chương thì mỗi người có quyền, có quan điểm của họ, còn anh thì anh rất ưng ý về tác phẩm này vì anh viết toàn

cảm xúc và chất liệu thật của anh: sống thật, làm thật. Anh Hiền còn nói cho tôi biết có một vị trong Hội đồng nói cho anh biết về vị kia muốn bỏ cho quốc lộ 13 mà vì quen biết nên bỏ cho Bồng Thuyền Say. Sau này ông cậu của tôi em con dì là ông Nguyễn Hà Vĩnh bút hiệu là Trần Dạ Từ bảo tôi "cậu mợ không biết Hiền dự thi, biết thì cậu mợ đề nghị bỏ phiếu cho Hiền là được ngay".

Chị còn cho biết, ngoài Quốc Lộ 13, anh còn hoàn tất "Bao Vây". Sau 1975, rất tiếc, bản thảo của hai tác phẩm trên bị hủy.

Sau 1975, vì là giáo chức biệt phái, nên anh chỉ có 7 tháng ở trong trại "cải tạo tập trung". Vào năm 1977, anh bị mật tham gia một tổ chức chính trị nhưng chẳng may bị lộ. Ngày anh bị bắt gia đình đều không hay biết. Sau nhiều ngày dò hỏi, gia đình mới biết anh bị bắt tại nhà ga Phú Nhuận cùng với một số người khác. Chị bèn lên Phường làm giấy tờ có chồng mất tích xin giấy đi tìm chồng. Sau đó chị kiếm tìm khắp cả Saigon, tìm không ra, chị làm đơn khiếu nại lên Trung ương ở Hà Nội..

Cuối cùng, Trời thương, nhờ những quới nhân thật xa lạ, như một người công an gặp trên tàu hỏa, hay một người bà con xa làm việc trong Bộ Công an... chị mới tìm ra manh mối, biết anh bị giam tại nhà giam Phan Đăng Lưu, rồi sau đó giải qua Chí Hòa, chờ ngày ra tòa án nhân dân.

Buổi xét xử hôm ấy, trong số 6 người bị kết án thì 3 người bị kêu tử hình. Riêng anh bị kêu 20 năm.

Ngày anh vào tù, đứa lớn nhất 12 tuổi, đứa nhỏ nhất mới biết đi, không ai tưởng tượng là chị đã có thể gánh vác nỗi bốn phận làm vợ và bốn phận làm mẹ. Chị làm đủ nghề, nào buôn thúng bán bưng, chợ trời, mua bán nhu yếu phẩm, làm vườn, buôn gạo lậu, làm môi giới để ăn hoa hồng, rồi quay sang làm nghề vắn (cuốn) thuốc điếu, nuôi gà... Và biết bao nhiêu việc linh tinh khác...

Vậy mà chị đã chu toàn.

Điều này được một blogger nguyên là bạn học của người con gái đầu của anh chị ghi lại trên Internet khi đến nhà chị:

...Nhà bạn ở cuối một con hẻm nhỏ quanh co. Ngôi nhà thấp, nằm lọt thỏm giữa một khu vườn yên tĩnh, như một gia trang. Các em của bạn thường ở trên cây nhiều hơn dưới đất mỗi lần đám bạn của chị hai đến chơi. Bên hông nhà là những cây vú sữa râm mát, rồi đến mận, ổi, me, những loài cây dễ thương, gần gũi, thân cận với đám trẻ con tinh nghịch trong độ tuổi học trò. Những xô, chậu đầy ắp nước giếng mới xách vội, bên cạnh là tấm bảng đen với dòng phấn trắng nguệch ngoạc “cắm vệt vào!” (vết ở đây là bọ vệt con, nhà bạn nuôi) – tác phẩm độc đáo của mấy đứa em bạn.

Khi đám bạn học tấn công lũ cây trái ngoài vườn thì tôi chú ý đầu vào cái tủ sách của Ông. Toàn là sách giáo khoa Văn chương, Sử Địa, lẫn với những trang bản thảo rời rạc. Bạn lấy cuốn truyện của Ba cho tôi mượn đọc lại. Truyện có bối cảnh là Côn Đảo, nơi tác giả đã có những ngày tháng dạy học. Lời văn kể lể như tâm tình, êm đềm, nhẹ nhàng nhưng không kém phần đậm thắm.

Mẹ bạn một mặt lo dành dụm thăm nuôi chồng tù cải tạo, mặt khác lo cho các con ăn học. Nơi Bà toát lên vẻ đẹp dịu dàng quý phái và rất mực bao dung với lũ con và đám bạn quý sư của chúng. Trong khi đó, bạn và những đứa em không thiết tha với việc học, vì lý lịch đã bị nhà nước xếp vào loại công dân hạng bét. Chuyện không có gì lạ trong chế độ xã hội chủ nghĩa: Học để làm gì khi tất cả những nỗ lực bán thân rồi sẽ bị phủ nhận??? (1)

Tôi kêu chị gắng viết những gì chị có thể viết được hầu giúp tôi có thêm những dữ liệu cần thiết cho sổ chủ đề. Và chị đã viết tay, gần 20 trang giấy học trò. Trang đầu trang cuối không thấy có một ngày bình an. Từ việc thành hôn, đến khi anh vào quân đội, rồi anh ở tù 14 năm....

Chỉ có một niềm vui to lớn: Đó là tiền tác quyền 5000 đồng do tạp chí Văn trả cho truyện dài “Quê Hương Lưu Đây” của anh vào năm 1969. Chị đã dùng hầu hết số tiền để mua sữa cho con. Và dành ra một ít để làm tấm lắc 3 chi vàng Tây như là kỷ niệm về một tác phẩm của chồng được một nhà xuất bản bẽ thế xuất bản. Chị mong chị sẽ giữ mãi

tấm lắc kỷ niệm này.

Tấm lắc dù chỉ 3 chỉ vàng Tây nhưng nó gói ghém tất cả tấm lòng của chị dành cho anh. Chị đã thấy công khó của anh và sự xứng đáng của anh để có số tiền này. Nó là tấm lòng của chị dành cho việc làm của anh.

Vặng. Tôi cũng có giải thưởng. Nhưng tôi không có ai chia sẻ tấm lòng. Cặp viết Canon phần thưởng dành cho tôi như là một sinh viên sĩ quan báo chí xuất sắc nhất của khóa 24 Thủ Đức, do chính tướng Lâm Quang Thi chỉ huy trường trao tặng, vậy mà chẳng biết dùng chúng để làm gì khi phải ra Bình Định chơi với đám Sao Vàng suốt gần 4 năm. Chẳng lẽ treo chúng trong hầm hay mang chúng ra hù VC ? Vinh quang của giải thưởng đâu bằng khẩu súng, băng đạn, tấm bản đồ, địa bàn và một chỗ trung đội trưởng thám kích bị khiếm khuyết đang chờ được bổ sung?

(1) (nguồn: *Người trí thức dần thân*, blog Phay Van <http://123hoang.wordpress.com>)

Thái Kim Lan

Độc Hoàng Ngọc Hiến

Tôi đọc Hoàng Ngọc Hiến với một tâm trạng khá lạ kỳ, lạ của một người... thật xa và kỳ của một cuộc ngộ bất ngờ.

Anh Trần Hoài Thư viết cho tôi, luôn trong hồi hải như muốn hốt cả nền văn học miền Nam vào trong cái hồ lô TQBT của anh, và lần này, đây! Hoàng Ngọc Hiến đó! Chị thấy chưa? Thưa, ban đầu lơ ngơ thì “chưa” nhưng rồi thì, “có”, đã thấy!

Chưa quen nên thoát đầu hờ hững khi lưu bài để đọc, dù nổi nước TQBT đang sôi, - tôi phải thú nhận từ khi đi du học ở phương xa, kể từ 1965, tôi đã bỏ lửng mất một khoảng thời gian, tính đến 1975 là mười năm, ít chú tâm ngó ngang đến sinh hoạt văn học tại quê nhà (ngay cả sự nghiệp của chị Phùng Thăng, anh Trần Xuân Kiêm...), cho nên Hoàng Ngọc Hiến là tên tuổi chưa có dịp nghe. Những trang chữ hiện ra mới nước lã người dưng, nhưng bỗng – chữ “bỗng” tôi dùng cho tôi chứ Hoàng Ngọc Hiến và văn nghiệp của anh thì diễm nhiên có tự bao giờ, diễm nhiên như thế, hiển hiện như thế, đã là như thế, chưa từng một lần đòi được đọc, được quen – Nhưng bỗng, nếu có ai đọc, thì có lẽ bấy giờ... có như tôi đang ở trong tâm trạng này?: Tôi vừa đọc mà nghe như mình ăn năn, hối lỗi chừ mới đọc Hoàng Ngọc Hiến, và cùng với tiếc nuối không đọc HNH sớm hơn vào thời ấy, lẫn trong ý thức miên man đôi theo dòng văn, tôi nghe tôi nói lời xin lỗi về sự thờ ơ với nghiệp dĩ văn chương của anh, với sự nghiệp văn chương những người miền Nam đồng thời nay đã không còn trên

cõi thế...

Điều gì đã gây chấn động cho một người đọc ban đầu trong thế bị đọc Hoàng Ngọc Hiến? Chính Hoàng Ngọc Hiến! Ngòi bút của anh đã phác họa được con người mà đáng đáng hơn 40 năm vô thức Việt Nam trong tôi tìm kiếm giữa bao thăng trầm văn học Việt, thấp thoáng cổ nhân hay mơ mòng mong ước được gặp: vẻ ung dung của một người tử tế cầm bút văn học, thể hiện hồn phách con người và con người Việt, qua văn chương và mỹ học Việt. Trong ba đào điên đảo của thời thế, lênh đênh đoạn trường nhân sinh, Hoàng Ngọc Hiến đã trải qua, nếm hết cay chua của cuộc đời, của thăng trầm thế sự, thật khó để thể hiện ung dung tự tại nếu không có một bản lĩnh tinh thần, một thâm sâu chất người, sự rớt ráo và hội nhập nguồn suối văn hóa mà anh được tắm gội và vùng vẫy suốt cả đời người, trên quê hương cũng như ở miền đất khách. Xuyên suốt tác phẩm của anh, dù chỉ được đọc không nhiều, nổi thao thức trở về, tìm lại để nhận ra, để trực nhận tính Việt cũng là tính phổ quát của con người tại thế, như tìm lại hạnh phúc đánh mất trên trần gian, đã mang lại khoái cảm, thú vị tẻ nhạt bất ngờ.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dư, Nguyễn Du, Trần Quý Cáp... những nhân vật lịch sử quen thuộc nhất tưởng như nhẵn mòn, không mới, dễ rơi vào khuôn sáo để viết về, nhưng nhãn quan tinh tế từ kiến thức sâu sắc đã đưa ngòi bút của HNH phác họa được hồn phách bản lai con người nơi chốn Nam ai một thời. Thể tính Việt, hiện sinh Việt của họ trở nên cảm hứng vô tận cho hiện sinh nhân thế, linh hồn và tâm cảm họ như những nét thơ thể nghiệm thân phận con người Việt, có thể mang lại thi vị làm người đứng ngẩn con người. Họ, những con người mãnh liệt nhất trong lịch sử Việt Nam, những con người Việt ấy xuyên qua chất chữ của HNH lại là những con người dung dị nhất, gần gũi lạ thường trong cuộc trở về quê nhà, với sông, núi, gió, trăng, mưa tuôn trước ngõ, bến đò xưa, ao thu lạnh lẽo – quê hương đích thực sau cuộc lưu đầy lênh đênh giữa danh vọng và dục vọng.

“Căn lều này, nơi đây, tôi vẫn ghé nghỉ chân trong nhiều buổi trưa hè, mở bọc cơm nắm muối vừng ra ăn. Đôi khi chia sớt cho những người bạn nhỏ của tôi. Cũng có khi, họ chia cho tôi một nửa củ khoai lang, hoặc một cái bắp luộc chín. Tôi vẫn còn nhớ hương vị của cơm nắm muối vừng thơm phức, khoai lang ngọt bùi, và bắp nếp chín dẻo làm sao!!! Tôi vẫn còn nhớ cái tình của chúng tôi với nhau, đơn sơ mà chân thật, giản dị mà thâm tình, mộc mạc chẳng thể nào quên. Chúng tôi thương yêu nhau làm sao! Đôi khi chúng tôi còn cho nhau cái quần, cái áo. Chúng tôi rách rưới mà đùm bọc nhau biết bao! Ôi, chúng tôi thương nhau biết bao! Bây giờ tìm đâu ra nữa? Chính những người bạn trẻ thơ ấy đã dạy tôi về tình thương, sự đùm bọc, nhường cơm xẻ áo, để sau này tôi biết chia sẻ cho các kháng chiến quân của chúng ta như thế.”

“Còn tôi, tôi xin về Côn Sơn, làm người cày ruộng, đánh đập, sống đời nông dân trong một đất nước độc lập thanh bình. Kiếm được gì, tôi ăn nấy. Còn không, tôi đói, nằm ở lều cỏ này, nhìn trời mây, cũng đủ thấy lòng vui, ông ạ. Tôi không còn bận tâm đến đói khát, sống chết, bệnh tật, già yếu, thì tôi còn bận tâm về điều chi nữa?! Mọi bận tâm của tôi về giang sơn thì, nay giang sơn đã sạch bóng quân thù, nước nhà thanh bình rồi, thưa ông.” (1)

Đừng giã nẫu khi đọc những Khổng Tử, Khương Tử Nha, Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn... trong tâm trạng phẫn uất, cho rằng giai đoạn “Khổng Tử viết” ấy đã quá ư lỗi thời, mang mầm phản quốc hay với tâm trạng về hòa huệch hoang văn miếu, thứ văn miếu vô hồn ngu ngốc đang mọc ra nhan nhản với quảng cáo đất tiền. Phải nhận ra – nhận với đầu ngẩng cao và không chút mặc cảm – rằng hầu như cả dòng văn học Việt đều dính líu đến nền tảng triết học Trung Hoa, và triết học Đông phương không thể vắng mặt Khổng Lão, – tập truyện của HNH thường lấy chất liệu từ nền cổ học ấy, nhưng con đường anh đi rẽ sang lối khác, lối về đất quê, để làm sống lại con người thực Việt nam,

thân phận nhỏ nhoi trong điều kiện không gian chật hẹp nhưng lại cao cả trong sứ mệnh của chính nhược tiểu ấy: tỏ rõ nhân nghĩa trên đời, rộng khắp như Trần Hưng Đạo, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi đã hơn một lần hành đạo để chỉnh lý chính cội nguồn, nơi đạo ấy xuất phát, “*Đạo cũng không phải là tam cương ngũ thường! Đạo là tri cơ rất ráo!!! Nghĩa là hiểu được rất ráo nguồn gốc cho đến rất ráo cái sau hết!!! Đó là đến bến vậy!!! Không phải cứ buông bỏ là về được! Mà phải xuống thuyền đi tìm bến!!! Ông cần phải vượt sông, ông Tri huyện ạ. Ông đã hỏi tôi, thì tôi muốn nói hết. Đã trót đem thân xác vào đời, thì có khác gì con thuyền lênh đênh trên sông nước? Không xuống thuyền, sao tới bến được? Tôi mạn phép ông, cho rằng “nước nguy không vào, nước loạn không ở”, chỉ thích hợp trong một giai đoạn nào đó thôi. Có xuống thuyền, mới có ngày tới bến hỏi Đạo được, thưa ông.”(2)*

Với HNH sự tử tế của người viết đã hơn một lần cho thấy tinh hoa của triết lý Đông phương không nằm trong đền đài văn miếu mà trong sự thấu triệt lẽ biến dịch của cuộc đời để trở về với trung dung, thả mình thấm đượm biến dịch của cuộc đời. Văn phong chuẩn mực, đẹp dung dị của HNH đã chắt lọc được những tinh hoa ấy, cho người đọc thứ hương vị mà Nguyễn Tuân đã khơi dậy vang bóng một thời, hầu như buồn nhiều hơn, ngát tím hơn màu hồng của “quan quan thư cưu, yếu điệu thực nữ” đã có lần gặp được rồi vượt mất. Chút hạnh phúc ngắn ngủi làm cho bóng chiều trở nên dài hơn. Cảm giác hoài cổ, nhớ phố xưa hoàng thị, cũng chính là tâm thức của kẻ lưu đầy, với khát vọng tìm lại chốn quê nhà trên đường trần lang thang...

“Bài ca của những người không quê hương đó. Bài ca của những người Chiêm Thành còn sót lại trên đất khách quê người. Họ than vãn về quê hương xứ sở đã mất và dân tộc bị diệt vong. Họ yêu quê hương hơn yêu bản thân họ. Bài ca này ít ai có được. Hồi tôi đi trận, một tên lính, nó người Chiêm dạy tôi hát đó. Tôi có nghe nó giải thích nhưng tôi không cần ghi nhớ những lời giải thích ấy. Chỉ cần hát là đủ, hát đủ cảm thông nỗi lòng của những người lưu vong

đã mất quê hương.

Rồi lão cất cao tiếng hát. Có chút gì suốt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rượu của lão khàn khàn chênh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh..."(3)

Có thể nói cảm thức lưu đầy của con người trần thế và khát vọng tìm lại quê hương đích thực là những nét chủ đạo trong sáng tác của HNH. Thân phận của người lính miền Nam, thân phận của kẻ tù đầy, thân phận của người trở về, của kẻ thất nghiệp, của người thương binh, của kẻ bị phản bội, lường gạt về mọi mặt, tình cảm cũng như chính trị đều được tác giả đưa ra, thẳng thắn vạch trần, phê phán mà không nguyên rủa, bởi vì bên trên mọi sự phản bội, đối với người cầm bút, hiện sinh con người vẫn trần trụi trong cõi vô thường, trong đôn đau dày vò, trong cô đơn, cho nên văn chương – phương tiện nhân tính nhất mà con người được phú thác – mà Nguyễn Du, Bạch Cư Dị là hiện thân toàn vẹn nhất – dành cho bi thương, liên cảm thân phận con người hơn là căm thù ganh ghét. Cảm thức ấy vượt chập chững cá nhân, riêng lẻ, trong Hoàng Ngọc Hiến, đã vươn đến chân trời vũ trụ nhân sinh. Bên cạnh âm hưởng hoài cảm của một Nguyễn Tuân nhưng với thủ đắc uyên bác kín đáo, cẩn kẽ tư liệu, cẩn trọng khiêm tốn hơn, Thuyền và Bến, Trăng Lu Bến Cũ gọi nghĩ nỗi băn khoăn hiện sinh phi lý mà Camus đã một thời làm xôn xao văn học thế giới và dĩ nhiên không khỏi, cả văn học miền Nam.

“Nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập hợp tiểu đội đi kích. Tôi châm một điếu thuốc, và theo dõi lão già kiểm soát toán lính. Tôi trở về đời sống thực tế tôi: dùng cơm chiều với thằng Thành và thằng Vụ, uống ly cà phê cuối thứ hai trong ngày. Giấc ngủ thường đêm vẫn thao thức khi không có rượu uống mê mồi. Câu chuyện tình đau thương của thằng Thành nó kể còn dở dang, chưa hết. Tôi sẽ được nghe hết trong đêm nay hay trong một đêm mai.

Đêm khác đến chuyện thăng Vực. Đêm khác nữa, đến chuyện tôi. Và cứ thế, chúng tôi hút thuốc, uống cà phê, thao thức, đếm tiếng đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quần Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát.”(4)

Trên tấm màn trắng của đời người, Camus tô đậm nét “cô đơn” và nhấn phím đơn điệu thời gian: “Rồi sẽ có ngày không còn gì để bàng hoàng ngưỡng mộ, tất cả đều trở nên quen thuộc, tất cả cuộc đời trôi đi trong lặp lại. Thời của lưu đày, của cuộc sống khô cằn, của linh hồn khắc khoải chết.” (1953)

Camus viết và nỗi đơn côi (solitaire) bám chặt trên tấm bảng đen trắng đời người, chỉ trệt một chữ “d” (solidaire) là đánh mất chung côi, tác phẩm của ông rất cùng khắc khoải, nặng trĩu phi lý đến vô phương. Nhưng HNH, dù thâm đượm nỗi cô đơn như là điều kiện hiện sinh của đời người, HNH vẫn đông phương trong chính sự chịu đựng nỗi đơn côi ấy như lẽ sống với con người, cho nên quay bút là sức mạnh của thể tính người. Sức mạnh ấy nằm trong chữ “Nhẫn” mà anh đã thấy được ở “Ngộ Tĩnh” Sa Tăng. Khám phá Sa Tăng trong Tây Du Kỵ chính là một trong những tài tình tinh tế và nhạy cảm văn học mà Hoàng Ngọc Hiến đã chứng tỏ hơn một lần ở những câu chuyện khác.

Trong lúc mọi con mắt đổ xô về các nhân vật sáng ngời Đường Tăng, kinh thiên động địa Tôn Ngộ Không, ồn ào náo nhiệt Trư Bát Giới, HNH thâm lặng tìm được bóng dáng đích thực của con người nơi Sa Tăng: một con người bình thường với cái tâm ẩn nhẫn ngày ngày quẩy gánh đi hết con đường chứng ngộ. Chính chữ nhẫn làm cho con người bình thường với cái tâm bình thường có thể chia, có thể chung, có thể viết khác đơn thành chung côi với con người. Anh, nhà văn âm thầm và dung dị, nhưng văn phong rất mực chuẩn xác từng chữ, từng dấu chấm phết, từng ngắt câu, gãy gọn và nhiều nhạc điệu – làm nhớ lối hành văn của những tác phẩm văn học mà tôi đã được học

từ khi đến trường, như một truyền thống văn chương tiếng Việt - hiện nay đang dần mai một với lối viết phủ đầu, hồi hải kiểu phong trào thời thượng đang chế ngự, – Với chính nhân vật trong tác phẩm mà anh hoàn tất, HNH hoàn tất được cái tâm của người cầm bút, chính là sự liên cảm của đức nhân “tâm công” mà Nguyễn Trãi dùi mài và Sa Tăng ngày ngày quẩy gánh lên đường.

Lấy được, thấu lượm được chữ “nhẫn” trong Tây Du, đó là tài nghệ văn chương và tài tình mỹ học của HNH. Cảm khái văn chương muốn thoát ra tiếng kêu, hay đập bàn thút vị của người đi tìm, thoát tiên với chút dã tâm tìm lỗi, không ngờ được đất. Có một chữ nhẫn lạ lùng trong đạo Phật đó là sự nhẫn nại trải qua kiếp người như cơ hội giải thoát, không phải là một thứ luân lý cương thường nhện nhục, mà là sự dung nạp thể tính, nó đụng chạm đến thể tính làm người với con người, có nghĩa chịu đựng kiếp người với con người, chia đau với người, với nhau, bình thường, đồng đẳng với mọi người. Thi ca chính là tiếng kêu liên cảm đoạn trường của đời người, thấu rõ lẽ vô thường, hành văn như bộ hành trong nắng mưa, cũng có thể như người lính ngồi chờ tiếng súng, không nao núng, ung dung thưởng thức ngum trà dưới ánh trăng, tự tại chờ “cá đàu đớp động dưới chân bèo”, thâm lặng như khi chờ một cơn mưa hay một tiếng chuông rớt xa chạm đến bờ thuyền:

“... thỉnh thoảng hòa thượng chùa Trên đổ một hồi chuông khuya, như chùa Hàn San. Không giờ là điểm khởi đầu, mà cũng là điểm kết thúc. Khởi đầu ở không giờ. Kết thúc cũng ở không giờ. Nó mang nghĩa trọn vẹn của “vô thường”. Mọi sự từ hư không mà đến, thì tất cả mọi sự sẽ trở về hư không.

Tôi bỗng chờ đợi một hồi “Vô thường chung” hơn bao giờ hết. Núi Tà Cú xanh mượt mà trên bầu trời rực nắng. Và chợt nhớ suối Đá Bạc, nơi tôi thường hay ngồi bên bờ, hút hết một ống điếu, mỗi buổi chiều. Có lẽ, sau mấy ngày bão rớt, mưa dầm dề, giờ đây nước dâng đầy suối Đá Bạc? Tôi

*sẽ là một cánh lá rơi trên dòng suối ấy? Nhưng bao giờ?
Tôi đã sẵn sàng...” (5)*

HNH đã cho tôi niềm vui tìm lại được gương mặt cố nhân, không chỉ văn học miền Nam, đó đã là nhân diện văn học Việt Nam. Đã là, nên phải, sẽ là như thế?

Thái Kim Lan

(1) *Côn Sơn ngày về* - trong bản thảo tập truyện “Bóng Thời gian”

2) *Thân phận “Tiếng súng cao nguyên”* trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”.

(3) *Quê hương lưu đầy* chương 9, truyện dài Văn xuất bản Saigon 1969

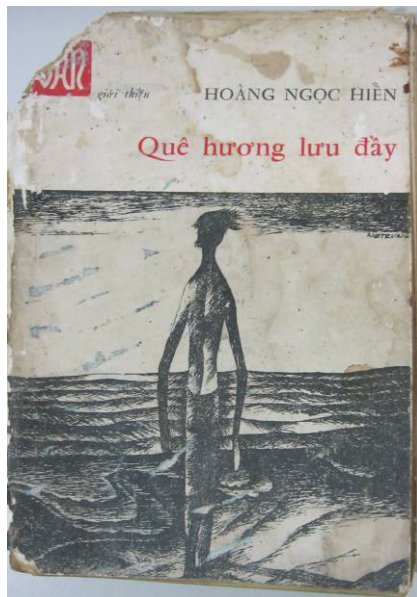
(4) *Cơn Say* (Khởi Hành số 73)

(5) *Bóng núi Tà Cú* (truyện ngắn) trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”.

Để bạn đọc có thể đọc toàn bài, tòa soạn TQBT sưu tầm và đăng lại ở phần “trích văn Hoàng Ngọc Hiến” cả 5 truyện mà tác giả Thái Kim Lan đã đề cập trong bài viết.

PHẬN NGƯỜI TRONG “QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY” CỦA HOÀNG NGỌC HIỂN

Bài Nguyễn Lê Uyên



Quê Hương Lưu Đầy là tác phẩm đầu tay của Hoàng Ngọc Hiến được Văn ấn hành năm 1969, trong ý tưởng của cố nhà văn Trần Phong Giao lúc còn làm thư ký tạp chí Văn: giới thiệu tác phẩm đầu tay của những cây bút trẻ đến với độc giả (trước đó là Một Cách Buồn Phiền của Lê Văn Thiện).

Với tầm vóc của tập san Văn, với những hoài bão của ông Trần Phong Giao, hai tác phẩm trên đã được độc giả nồng nhiệt đón đọc. Số lượng phát hành tuy không lớn, chỉ khoảng 1.000 bản nhưng sau 2 tháng phát hành đã hết sạch trên các nhà sách.

Ở thời điểm những năm cuối thập niên 1960, độc

giả chỉ biết đến Hoàng Ngọc Hiến qua vài truyện ngắn trên Văn, ít ai nghĩ rằng ông viết truyện dài. Điều này khiến độc giả bất ngờ với những lời giới thiệu trang trọng của nhà xuất bản: *“Cuốn thứ hai được gửi tới tay bạn đọc là một truyện dài của Hoàng Ngọc Hiến, một giáo sư trẻ tuổi hiện đang phục vụ trong quân ngũ. Với đề tài chưa ai khai thác, chúng tôi hy vọng “Quê Hương Lưu Đây” sẽ làm vừa lòng bạn đọc...”* (Trần Phong Giao).

Trước khi vào truyện, Hoàng Ngọc Hiến đã viết mấy dòng ngắn ngủi, như một giải bày: *“Quê hương lưu đây, những tiếng này được dùng để gọi riêng Côn Sơn, một hải đảo mà chúng tôi đã thực sự tham gia đời sống tại đây. Chúng tôi đã nhìn Côn Sơn không phải với đôi mắt bàng quan của một người đi du lịch, cũng không phải với cái nhìn miễn cưỡng bất mãn của nhiều kẻ bị lưu đây đến đó; mà còn coi Côn Sơn là một quê hương dù quê hương này dưới mắt hầu hết mọi người vẫn chỉ là một miền lưu đây...”*.

Như vậy, quê hương Côn Sơn của ông đã được ông dàn trải, gửi gắm tâm lòng, đời sống của mình ra sao trong truyện dài đầu tay này?

174 trang sách, không dài mấy. Nội dung xoay quanh hành trình của nhân vật “tôi” từ đất liền ra đảo dạy học, gần như là một thiên tự sự có giới hạn về thời gian và không gian, dập dềnh những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân trước mọi chuyển động trên bề mặt chật hẹp: Côn Đảo!

Và rồi, người đọc bắt đầu cùng nhân vật “tôi” đứng đợi phi cơ ở một phi trường quân sự nào đó trong đất liền, cùng sự có mặt của người vợ tiễn đưa và một nhóm người là quân nhân công chức đang làm việc tại đảo, để đến quê hương mới, cho đến khi kết thúc là bữa nhậu ở quán Ba Càng, với lời ca náo nức của lão chủ quán.

Phi cơ đáp xuống sân bay Côn Đảo là một thế giới khác: lẻ loi, xa cách để “tôi” kịp nhận ra bóng dáng Côn Sơn khi vừa đặt chân lên đảo: *“Tôi nhìn bao quát toàn thể phi trường một lượt. Một cái bảng nền xanh để bốn chữ vàng “Phi trường Côn Sơn” gắn ở trên một căn nhà trống chỉ có mái tôn che”* (trg 21).

Về hoang sơ, tuyềnh toàng đầu tiên ấy cũng đã

được Hoàng Ngọc Hiến tiếp tục mô tả sơ lược trong đời sống sinh hoạt ở đây trong suốt tháng ngày “tôi” có mặt, từ ngôi nhà tạm ở nhờ của anh chị Thịnh, đến một vài hàng quán nghèo nàn trên phố, những con đường ra biển, ngôi trường, tòa hành chính... khiến cho mảnh đất này càng trở nên heo hút, xa cách với thế giới sầm uất, ồn ào trong đất liền mà “tôi” vừa đã bỏ lại sau lưng.

Hẳn độc giả sẽ rất thất vọng khi cố công tìm kiếm trong “Quê Hương Lưu Đày” những khổ nhọc tù đầy, những lam lũ của người dân khi phải xa cách với văn minh, phồn hoa đô hội trong đất liền, càng không thể tìm thấy những ngời ca Côn Sơn như một thiên đường hoang sơ. Không có gì hết ngoài những mẩu chuyện đời thường xoay quanh những người sống bên nhau là những giáo sư cùng trường, một vài công chức quen mặt, chị bán cá, ông chủ quán... Và, mặc dù, có vẻ như Côn Sơn là xứ sở rất thanh bình, bởi chiến tranh không hề có mặt ở đây, nhưng qua những suy nghĩ, nếp sinh hoạt trên toàn đảo thì chiến tranh vẫn thật thụt trong từng câu chuyện trao đổi, những tin tức trên đài, những lời nói xa gần của mọi người dân, công chức, giám thị... trên đảo.

Có điều, ngoài vẻ lặng lẽ của nhân vật “tôi” còn ẩn chứa bên trong nó một thân phận làm người. Đó là một thanh niên phải tìm cách mưu sinh để nuôi sống bản thân và vợ con, khởi đi từ một chuyến bay quân sự từ đất liền ra đảo.

Cuộc đời của một nhà giáo bắt đầu từ đây. “Tôi” phải chấp nhận để lại vợ sắp đến kỳ sinh nở trong đất liền, một thân một mình lên đảo mưu sinh bằng nghề dạy học, nhưng không phải chính ngạch mà là dạy giờ, ngoại ngạch; dạy giờ nào hưởng lương giờ ấy, đầy dẫy những khô lụi, bạc bẽo bởi không hề được hưởng bất kỳ một loại phụ cấp nào như những công chức chính ngạch khác.

Rải rác trong truyện, HNH thỉnh thoảng lại nhắc đến vấn đề trên như một bất công trong xã hội thời bấy giờ; đôi khi lại thấy như lạc lõng giữa các giáo sư khác: *“Giáo sư dạy giờ, thật khổ nạn. Hơn ba tháng hè mốc meo, thất nghiệp, nằm nhà ăn bám gia đình. Những tên có ngạch, vừa chơi vừa ăn lương. Ngày lễ họ nghỉ thành thói,*

mình mất giờ dạy, mất phụ cấp. Nhiều lúc nghĩ buồn, uống rượu, đánh bạc cả đêm” (trg 152).

“Tôi” không bắt buộc phải xin làm giáo sư tư nhân, nhưng trong cuộc sống, không có con đường chọn lựa nào khác và “tôi” phải chấp nhận như một định mệnh đã được an bài, cuộc sống cứ thế lặng lẽ trôi qua trong những ngày trên đảo chẳng khác một tù nhân, xa cách mọi sinh hoạt với thế giới đang âm ỉ bên trong kia.

Nỗi cô đơn của “tôi” thường trực trong mọi nơi mọi lúc, ngay cả khi nhìn ngắm bãi biển, hàng dương xanh tấp, phẳng lì: *“...ngoài khơi ba hòn đảo nhỏ nhô lên như ba nỗi niềm cô độc. Hàng cây dương không ngừng reo lên những tiếng than buồn lặng lẽ. Càng lắng nghe, nó như càng thấm sâu vào tận da thịt mình. Nó làm cho tâm hồn mình bỗng dưng lạnh lẽo và da thịt mình như cũng muốn thờ dài”* (trg 42).

Mỗi nhân vật bên cạnh “tôi”, dù số phận khác nhau, chỗ đứng khác nhau nhưng chung quy đều có nỗi niềm riêng. Đó là ông Hạ, một người ham danh lợi nên tham gia vào một tổ chức bí mật và bị bắt đày ra Côn đảo: *“...Tôi ham danh lợi, chúng nó đến mời tham gia một tổ chức bí mật với một chức vụ quan trọng, trường ban liên lạc. Tôi ham cái danh đó mà bỏ vợ con ruộng vườn ra đi. Chúng nó lại còn hứa hẹn sau ngày mặt trận thành công sẽ cho chức vị xứng đáng. Tôi đã làm, sau tôi mới biết chúng nó... lợi dụng tôi cho dễ. Chúng đánh lừa tôi, chúng chỉ coi tôi như một công cụ hoạt động. Khi biết rõ dã tâm của chúng nó thì muộn rồi”* (tr 74).

Họ sẵn sàng chia sẻ nỗi niềm với nhau, dễ dàng hiểu nhau và thông cảm về thân phận của nhau trên mảnh đất lăm tính từ đi kèm. Nó không chỉ giới hạn với những đồng nghiệp hay người thân, mà với bất kỳ người dân nào đang sinh sống kể cả tù đầy, đều có những suy nghĩ hướng về cái thiện. Đó là một ông Hạ bị phỉnh phờ gia nhập mặt trận và bị bắt bị tù; hay như ông Ba Càng - một người lính già đã giải ngũ - từng vác khẩu đại liên ra mặt trận, quyết định chọn lựa xứ này như một quê hương thứ hai, mở một quán nhỏ bên bãi biển và gắn cả cuộc đời còn lại với nó trong niềm an lạc tuổi già.

Ngay cả “tôi” cũng bắt đầu có những suy nghĩ như vậy khi trải qua những tháng ngày ngọt bùi cay đắng trên đảo: *“Anh vẫn công nhận cuộc đời này cao vời vợi, sừng sững thách đố con người kia mà. Anh thua sút. Anh cần suy nghĩ để chọn cho mình một chỗ đứng, một lối tiến thủ, trước hết là chọn cho mình một quê hương... Anh đã có ý tưởng muốn sống đời ở đây. Rồi cuộc đời dính liền với ngôi trường, với ẩm đạm núi cổ, với thường xuyên biến động. Dần dà anh biến thành nhân vật cổ tích”* (trg 168-169).

Để khép thiên truyện dài này, Hoàng Ngọc Hiến mở ra cuộc gặp gỡ giữa “tôi” và ông chủ quán Ba Càng bên chén rượu, kể lể về cuộc đời của nhau, cùng suy gẫm và cùng triết lý về cuộc sống trong lúc đang ngà ngà say. Ông Ba Càng cất lên tiếng hát ai oán một bài hát do một người lính Chiêm Thành dạy ông khi còn tại ngũ. Trong khung cảnh nhập nhòa sáng tối, “tôi” đã ngồi yên chăm chú lắng nghe và “tôi” cảm được thân phận con người qua chất giọng nức nở của ông Ba Càng: *“Có chút gì suốt mướt... tôi chợt hiểu. Mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rượu của lão khàn khàn chénh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh...”* (trg 174).

Hai người, một già một trẻ, bên bàn rượu đã nhận ra và hiểu được phận người trong vòng xoáy lịch sử, ngậm ngùi và xé lòng với *những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh.*

Cú va đập âm thanh này cũng chính là thân phận của hai người trong quán tranh nghèo sát biển: *“Đêm đã đến thực rồi, trời trong suốt trên cao”* (trg 174). Đó là câu cuối cùng của thiên truyện. Câu khiến người đọc bắt buộc phải quay lại đọc lần nữa để đào xới sâu hơn, chín hơn và chính xác hơn về nhân vật “tôi” phân thân ra hai ngã mà như nhập làm một: *trong suốt trên cao!*

Cũng nói thêm rằng, khi lần mở lại những thùng sách với đôi tay run, tôi không ngờ mình còn giữ được Quê Hương Lưu Đây sau 40 năm bị giam trong thùng carton,

bằng với thời gian của những người tù khổ sai chung thân! Tôi vẫn cứ nghĩ nó đã bị “xử bắn” bằng mỗi lửa như bao quyển sách quý khác? Và tay vẫn tiếp tục run với nhiều loại cảm xúc khác nhau.

Tìm lại được tập tiểu thuyết này của Hoàng Ngọc Hiến, cầm trên tay, mừng vô hạn nhưng sau đó, tự dưng lòng dấy lên một nỗi buồn đập dềnh về số phận cuốn sách và những con người bị biếm trích ngay trên chính quê hương mình.

Sự độc ác từ một dúm người không tim óc, đã khiến QHLD phải mang số phận đọa đầy, phải sống chui nhủi, lẫn trốn rờn rã bao nhiêu năm trời trong đáy thùng lèn chặt các loại sách báo để tránh sự truy bức dã man, truy sát bạo liệt. Và nó đã phải trả giá bằng những vết cắn lam nhăm của đám chuột nấp bên lỗ người vô pháp vô cương đục khoét, gặm nhấm rách cả góc trái bìa sách, xóa đi phân nửa logo VĂN đỏ chói một thời! Cũng may, những con chuột đó cũng có phẩm cách của loài vật gặm nhấm; chúng cũng biết chữa lại cho chủ nhân những trang in gần như nguyên vẹn.

Nhìn “bộ dạng” bìa sách, từ logo đến tên tác giả, tác phẩm và hình nhân đứng trước biển của họa sĩ Nguyễn Trung, thì cái phận người tôi gọi tên cho tác phẩm này là chính xác, như tiếng than xé lòng không thấu tới trời cao.

Viết một vài dòng về Quê Hương Lưu Đày, dưới con mắt của người cùng thế hệ với ông, may mắn còn sống sót sau bao tháng năm đọa đầy, như một lời tạ tội cùng ông, đã không giữ quyền truyện được nguyên vẹn, nhưng ở thế giới bên kia, nếu có, ông cứ xem đây như những nén hương thấp trước mộ chí ông với cả lòng thành của một con người cũng đã “mất quê hương”!

Tháng 6/2015
Nguyễn Lê Uyên

NGUYỄN VY KHANH
Nhân đọc trích đoạn truyện dài
Quốc Lộ Mười Ba của
Hoàng Ngọc Hiến

Từ nhiều năm nay, công trình *biên-khảo, nhận định và thư tịch về Văn-Học Miền Nam 1954-1975* của chúng tôi cứ “dậm chân” ở vài mảng văn-học sử, trong số có mảng “những người viết trẻ” đã xuất hiện trên văn đàn từ gần cuối thập niên 1960 đến biến cố 30-4-1975. Chúng tôi thiện nghĩ nếu viết về những nhà văn thơ đã nổi tiếng thì đã có nhiều người khác làm rồi, việc của mình nếu không có gì mới, khác, thì khá uổng công. Trong khi đó, những người viết trẻ thuộc thế hệ văn-học sau, 1964-1975, hầu như chưa được giới thiệu và đánh giá đúng mức. Về văn bản, lại là một khó khăn khác. May mà có *Thư Quán Bản Thảo* và *Thư Ấn Quán* ở ngoài nước và *Quán Văn* ở trong nước với nhiều nỗ lực phục hồi văn bản và giới thiệu theo chủ đề các tác-giả và tác-phẩm của những nhà văn trẻ này. Với nghề chuyên môn quản thủ thư viện, từ thập niên 1980, chúng tôi đã âm thầm sao lục một số sách báo từ vài thư viện của Hoa-Kỳ, Pháp và Canada trong đó có một số ít ỏi tác-phẩm đã xuất-bản thuộc mảng người trẻ này vì đa phần là trên các tạp-chí thời đó. Công trình của chúng tôi, cuối cùng, cũng bao gồm được một số nhà văn thơ trẻ theo đề mục tác-giả hoặc xen lẫn trong các chương sách theo thể-loại văn-học.

Anh Trần Hoài Thư mới đây cho biết sẽ ra *Thư Quán Bản Thảo* số đặc-biệt về nhà văn Hoàng Ngọc Hiến; và anh đã gởi cho 3 trích đoạn đã đăng tạp-chí của cuốn truyện dài *Quốc Lộ Mười Ba*, mà khi đọc xong, thúc đẩy chúng tôi phải viết về tác-phẩm này, trước là bổ túc cho phần về “những người viết trẻ”, sau cũng là cơ hội để trả

lại công bằng cho tác-phẩm có thể xem là “bất hạnh” này – vì nhiều năm trước, khi viết về tiểu-thuyết lịch-sử và dùng bộ *Sông Côn Mùa Lũ* để nhận định về thể-loại này, chúng tôi đã vô tình không nhắc đến cuốn Quốc Lộ Mười Ba mà lại ghi chú thích sai lạc theo điện-thư của nhà văn Nguyễn Mộng Giác rằng truyện dài này là của tác-giả Tô Vũ (Lê Vĩnh Thọ) thua phiếu - nên *Đường Một Chiều* của họ Nguyễn trúng giải truyện dài của Bút Việt năm 1974.

Hoàng Ngọc Hiến tên thật là Trần Ngọc Hiến, sinh năm 1942 tại Phủ Lý Bắc Việt (và mất ngày 27-12-2014 tại Hoa-Kỳ). Ông bắt đầu nghiệp văn với các sáng-tác đăng trên các tạp-chí *Văn* và *Khởi Hành* và năm 1969, tập truyện dài *Quê Hương Lưu Đây* (174 trang) của ông đã được Tạp chí Văn xuất bản. Ông còn có truyện dài Quốc Lộ Mười Ba gửi dự thi Giải Bút Việt năm 1974 mà hình như ông đã khởi viết từ trước, ít ra là từ năm 1969 và theo nội-dung thì câu chuyện đã diễn ra sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968. Vì quá-khứ sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa gốc giáo chức bị tù “cải tạo” 7 tháng nhưng sau đó ông bị kêu án tù thêm 20 năm vì tham gia một tổ chức chống Cộng ở trong nước năm 1977. Ông sang Hoa-Kỳ theo diện H.O. và nghiệp văn của ông tiếp tục với 7 tác-phẩm sáng-tác và bút ký, nhận định văn-học.

Nhận xét đầu tiên của chúng tôi sau khi đọc được 4 phần của tập truyện dài Quốc Lộ Mười Ba là tác-giả Hoàng Ngọc Hiến thuộc về số những nhà văn cảm sủng có lòng, viết văn như nhu cầu tinh thần cho mình, cho bằng hữu, cũng như đồng hành với phần nộ, đau khổ cùng vui mừng hiềm hoi của đồng bào, đồng đội và của quê-hương đất nước thời loạn ly nói chung. Những bất hạnh, tàn phá do chiến-tranh đem tới có thể sẽ bị kẻ chiến thắng vì mưu chước sẵn nghề đã và sẽ tẩy xóa, viết lại theo tiếng nói 'chính thức', nhưng những trang sách báo của giai đoạn này sẽ mãi mãi còn đó, hôm qua hôm nay trong tâm thức và trí nhớ của con người miền Nam và vĩnh viễn trong các thư viện và tàng thư liên mạng Internet.

Trong Quốc Lộ Mười Ba, Hoàng Ngọc Hiến đã đứng về phía những nhà văn dẫn thân bằng chính bản thân và mạng sống mình. Trong trích đoạn với tựa **“Quốc Lộ Mười Ba”** đăng trên tạp-chí *Văn* (số 127 “Đầu mùa nắng lúa”, 1-4-1969) có thể là phần đầu của truyện dài, ông cho biết nhân vật Tôi đang là sĩ quan Trung Đội Trưởng từng đêm dẫn trung đội đi kích ở những cánh rừng cao su cạnh Quốc lộ 13 thuộc Khu 32 Chiến Thuật, tỉnh Bình Long, không xa thủ phủ An Lộc nơi sẽ là một trong ba mặt trận khốc liệt nhất vào Mùa Hè Đỏ Lửa từ 5-4 đến 12-6-1972 quân đội Cộng hòa đã tử thủ và thắng 7 cuộc tấn công của Việt-cộng, giải tỏa chiếm lại và dựng cờ trên đỉnh đồi Đồng Long. *“Con đường nằm bên bìa rừng cao-su này đẹp quá, tôi thở dài, thời buổi thanh bình thì đây là một khung cảnh lý tưởng cho những cặp tình nhân, cho những khách nhàn du và cho những anh hùng mệt mỏi như tôi. Con đường đất đỏ mịn màng sạch mát dốc 30%, một bên là muôn nghìn những cây cao-su nằm thẳng hàng yên lặng buồn tênh hắt cái bóng mát rọi của sóc Thượng nghèo nàn nằm rời rạc dưới nắng chiều. Mắt nhìn cảnh tượng, tâm hồn nghĩ ngợi đến ý tưởng nhỏ nhẹ mong manh ấy, nhưng tôi vẫn chú ý đến chú lính mang máy C.10”*.

“... Chúng tôi bắt đầu đi lên đỉnh cao nhất của con đường. Càng đi lên, con đường càng thơ mộng. Rừng cao-su mới thay lá non trông ngon mắt lạ lùng. Nhưng rất nhiều lá khô úa mục phủ dưới mỗi gốc cây. Những lá ấy sẽ thành đất bùn trong mùa mưa tới. Sự thay đổi dạng của những rừng đồi cao-su như những người con gái đổi màu áo trong mỗi mùa, trong mỗi tuổi. Trung đội tôi đã tách rời khỏi bộ chỉ huy đại đội. Lúc này, tôi thực sự nhận thấy trách vụ quan trọng của tôi, chức vụ trung đội trưởng. Giờ này, tôi chỉ huy một trung đội không đủ cấp số, chỉ có hai mươi một người kể cả tôi. Tôi cảm thấy đơn độc, dù chiếc máy C10 kia vẫn cho tôi liên lạc với bộ chỉ huy hành quân, nhưng tôi vẫn cảm thấy tôi chỉ huy một cách đơn độc. Trong óc tôi, một ý nghĩ hiện ra rất mau: nếu bây giờ địch từ trong lòng rừng cao-su này tràn ra thì sao? Nhưng ý

nghĩ ấy chỉ thoáng qua, nó bay đi một cách tài tình, tôi vẫn tin tôi là một cấp chỉ huy không sát quân và dẫn trung đội đi không bao giờ đụng địch. Địch thì vẫn biết không hiểu nó xuất hiện lúc nào, chúng nó chỉ đánh du kích mà”.

Người lính hành quân vẫn có những lúc nhớ thương mẹ và vợ con nơi xa xôi: “*Mẹ có hiểu được nỗi buồn cô liêu con đang chịu đựng này không? Và em, vợ yêu của anh, em thương anh như thế nào nếu thấy gót giày anh dính đầy bụi đỏ? Nghĩ đến các con của chúng mình, anh nhiều chua xót lắm. Biết thế đừng sanh chúng ra, sanh chúng ra để chúng sống trên một quê hương chiến tranh dài như thế này anh chẳng nở nào. Thời buổi này thật phiền. Có lẽ người ta đã phải quên để sống. Phải quên để tiếp tục hàn gắn xây dựng. Phải quên những đổ vỡ, những cảnh tượng đau lòng, để còn thấy cuộc đời vẫn đẹp dù chỉ có vài giờ, vài ngày đẹp đẽ. Người ta phải tập làm quen để xây dựng trên đổ vỡ, yêu thương trên tan tác, nhớ nhung trên đau khổ. Tôi chợt thấy buồn như một con tàu dòi phở thối”.*

Nhập thân trong vai nhân-vật “Tôi”, Hoàng Ngọc Hiến đã có những trần trọc rất nhân bản: “*Thân phận con người cũng chỉ như một con sâu trong rừng rú hẻo lánh trên mặt địa cầu này thôi sao? Sinh ra, sống gian khổ nghèo đói trên quê hương chiến tranh, sống bất an với nhớ thương chia cắt, sống ray rứt với đam mê không thỏa đáng. Rồi một ngày nào đó, vẫn còn thêm sống mà phải gục ngã, phải nằm xuống. Nhiều người đã chết đi một cách vội vàng, chưa kịp nói hết lời với những người ở lại, với những người chết sau. Hầu hết họ đã chết đi như thế, và những người con ở lại phá vỡ những kỷ niệm đẹp đẽ với những người đã chết. Nhưng có phải chỉ có những người nằm trong lòng đất sâu, dưới một lớp đá ong mới thật là chết hay không? Còn nữa, tưởng phải kể đến cái chết dờ dang chứa đựng ngay trong thân phận con người, ngay trong thời đại này, ngay trong cuộc chiến này. Có ai tự hỏi làm sao để cứu rồi? Đã cả trăm năm nay, người ta vẫn không trả lời được. Trả lời làm sao nỗi khi tiếng súng vẫn còn vang vọng trên các miền đồng lầy, trên các cao*

nguyên, trong các rừng biên giới. Và trả lời làm sao nổi khi vẫn còn những trái lựu đạn phá hoại nổ ở một ngã ba trong thành phố, nổ ở cửa một nhà hàng, cửa một công sở. Khi con người còn nhìn những sự kiện ấy một cách bình thường thì chưa thể trả lời được”.

Truyện nói đến những người lính rất con người, có vui có buồn, có than thân trách phận hoặc thần nhiên chấp nhận định mệnh, có những giấc mơ và cũng rất thực tế, sống tự nhiên với những cụ thể của nhân sinh thế sự. Trong màn đêm đen, người sĩ quan ấy đã thấy gì? “... Bóng tôi xuống thật mau trong thành phố trước mặt. Vợ con tôi mới ở Sài-gòn lên, hiện đang có mặt trong thành phố đó, tôi nhận định khu vực vợ con tôi ở với một sự băng khuâng. Một nỗi băng khuâng thật sự. Một sự lơ lửng, một niềm bơ vơ. Lúc này, tôi không thèm muốn gì, không ao ước gì, không than thở gì. Có lẽ tôi đã quen với việc đêm không ngủ nhà với vợ. Tôi đã quen với việc ngủ dưới đường mương, ngủ trong vườn bỏ hoang, ngủ bên bìa rừng... Riêng đêm nay thì có lẽ dễ chịu hơn một chút, ngủ trong một doanh trại vững vàng, nơi một lô cốt bọc sắt. Những trái nổ mạnh đã bắt đầu được bắn đi từ bên trong thành phố. Những trái đó sẽ nổ ở trong rừng, ngăn chặn từng toán quân địch di chuyển. Và bắn vào những tọa độ nghi ngờ.”

Giấc ngủ dù khó yên hàn, vẫn cần thiết sau một ngày hành quân mệt nhọc phải đương đầu với kẻ thù giấu mặt và một không-gian đầy bất trắc: “Tôi nhắm mắt. Quả thực lúc này tôi cũng đã thấy buồn ngủ rồi, hai mi mắt trĩu xuống. Nhưng không hiểu sao trong đầu óc tôi chập chờn nhiều hình ảnh, trong đó có một hình ảnh làm tôi xúc động nhiều nhất: người con gái ngoài phố, ở tiệm may cắt Phúc Hải chiều hôm qua tôi đi qua cửa còn thấy mặt tươi tỉnh đầu trần, tóc dài rối trên lưng, thế mà sáng nay tôi đi qua tôi đã thấy người con gái ấy mang một khăn tang trắng trên đầu. Bây giờ tôi hơi thắc mắc: tang ấy tang chồng hay tang một người thân, và biết đâu chẳng có thể là tang một người yêu chưa cưới, chỉ mới có hẹn thề?”.

Trích đoạn tiếp theo trên tạp-chí Văn số 130 (“Mặt trời tháng Tư”, 15-5-1969), thị trấn bị đặt trong tình trạng báo động vì pháo kích của kẻ thù. Trung đội của Tường, nhân-vật “Tôi”, ở vào tình trạng sẵn sàng để đối phó với những biến chuyển mới. *“Tiểu khu vội vã tung ra những cuộc hành quân lục soát và phục kích đêm với cấp tiểu đoàn. Với lệnh cấm trại 100%, tôi đã tham dự hầu hết. Đối diện với bóng tối, với bìa lô cao-su, với hiểm nghèo có thể đến bất cứ lúc nào, với lệnh tử thủ; tôi đã trở nên già dặn lúc nào không hay, tôi đã cảm thấy tôi là một lính nghề lúc nào không nhớ nữa. Tôi mới bắt đầu thấy tôi kiêu hãnh để kéo xệ cây súng Colt 45 đeo ở bên hông xuống một chút nữa. Nhưng, nhưng khi kéo xệ câu súng Colt xuống, tôi bỗng thấy tôi cô độc giữa núi rừng cao-su trùng điệp miền cao nguyên biên giới này. (...) Tôi bắt đầu mơ tưởng lại quá khứ với những gì đã thụ hưởng hoặc đã để lỡ trôi qua. Một chút ân hận. Một chút nuối tiếc. Một chút thèm muốn. Điều đó đã dậy lên như một mặt trời cao ráo dựng đứng trên những đỉnh đồi cao-su mù mịt. Nhất là vào những đêm trời mưa đi kích ở chợ, nằm trên quầy hàng bọc nhôm chập chờn đi vào giấc mơ tình ái. Để rồi chợt tỉnh táo tức khắc sau một trái 82 ly nổ giữa thành phố hay một trái hỏa châu soi sáng vùng trước mặt. Bây giờ súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt-đồ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon, cái lon hình oméga gắn trên ngực áo như một bay bướm duy nhất còn lại trên người tôi. Ngày cũng như đêm tất tưởi. Ngày cũng như đêm chỉ ở trại, ở chợ, ở đường, ở rừng”.*

Trung đội của chuẩn úy Tường được lệnh chuyển quân đến “Đồn Tân Hưng” thay thế cho toán quân vừa hết hạn trấn giữ. Người sĩ quan trẻ dần thân vào cuộc đời mới không khỏi chạnh lòng nghĩ đến người mẹ và những ngày chinh chiến thời thơ ấu xem như là hành trang, lời mẹ trở thành khí giới *“và bây giờ đem theo tôi tiền đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết.*

Vâng, mẹ đâu đã biết đưa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loan tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không..”.

Toán lính ngày đêm túc trực phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê-hương, nơi mảnh rừng cao su hẻo lánh này, vì những ngày gần đây, Việt-cộng đã “tấn công vào hầu hết các cứ điểm ven quốc lộ Mười-ba danh tiếng. (...) Tại Tân-hung, nơi tôi vừa tới đây, hồi sư đoàn 5 ở, Cộng quân cũng đã tung vào một trận đánh với cấp tiểu đoàn. Tự độ ấy, quốc lộ Mười-ba được mệnh danh là quốc lộ máu. Có người còn gọi quốc lộ của tử thần”.

Mỗi khi có được giây phút ngơi nghỉ, 'tôi' luôn hướng tâm hồn về người vợ chốn xa xôi: “chiều nay, có lẽ mình phải viết mấy lá thư về nhà. Chắc chắn phải có một cái dành cho vợ. Thôi bây giờ, súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nó sặc như một nét dữ dằn. Bớt chờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon hình omega gắn trên ngực áo anh như một bay bướm duy nhất ở chốn địa đầu này đó em. Giọng ca Bạch-Yến thâm trầm trong nhạc bản “Đêm đông”, kể từ đêm nay, lại âm vang trong lòng này như tiếng súng vọng vào lòng rừng... đêm đông ta mơ cố nhân gia đình yêu thương... Buồn quá phải không em? Anh vẫn chấp chờn giấc ngủ với giọng ca mơ hồ ấy... Và anh, anh vẫn còn tự hỏi không biết chúng ta từ cõi hư vô nào lưu lạc tới đây, sống kiêu hãnh ven quốc lộ mù bụi đỏ, thâm u rừng đồi cao su. Quốc lộ Mười-ba. Quốc lộ của tử thần...”.

Đến trích đoạn **Con Say** đăng trên tạp-chí *Khởi Hành* (số 73, 1-10-1970), người đọc sẽ thấy và cảm được đời-sống của người lính Việt-Nam Cộng-Hòa trên đường hành quân phải ngủ nghỉ ở bất cứ nơi nào của chiến địa. Nhân-vật Tôi cho biết đã khuyên vợ con trở về Sài-Gòn: “Tôi đóng

máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẫng, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó.

“Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến”.

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vũng nước mưa trong suốt như nước mắt. Nhớ mùa mưa nào đi hưởng hạnh phúc ở một thành phố cửa biển, nàng vẫn vén cao ống quần nhúng trọn cả hai chân xuống vũng nước bên bờ đá, mắt cười: “Anh ngắm đi, chân em xinh không, no tròn, anh thèm không?”. (...) Tôi cần có mùi hương thơm nhẹ, mùi phấn thoảng trên da, trên tóc ngọt bùi... Vậy mà sao tôi lại đến đây? Tôi lớn lên từ một khu rừng heo lánh, qua một vùng sa mạc vàng rực, chỉ có bóng dáng của lạc đà thôi sao?... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: “Au revoir”. Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật nhanh...đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tui. Kể từ khi lấy nhau, chúng tôi đã đi tới một vùng đất mới. Dù ở đâu, chúng tôi vẫn là những kẻ đi xa, thật xa. Và tất cả mọi liên hệ thân thuộc, để khỏi phải phôi bầy với họ nổi tung thiếu của mình. Chúng tôi đã đến vùng, mà vinh nhục của chúng tôi cũng không một người thân nào biết đây là đâu. Vinh chúng tôi biết, nhục cũng chúng tôi biết, cũng chỉ chúng tôi chôn giấu trong lòng.

Xin từ chối mọi sự thăm viếng. Xin cha mẹ, xin anh em đừng nhớ gì, đừng nhắc gì đến đời sống chúng tôi nữa. Xin chấm dứt thật sự cái liên hệ hờ hững đó, cho chúng tôi được êm ả tách bến, đi biệt vào vùng đồi núi cô độc của chúng tôi. Sự sống cũng như sự yên nghỉ, chúng tôi muốn thu xếp một cách lặng lẽ. Chúng tôi đã khởi đầu cuộc sống, khởi đầu mọi tham dự, từ một con đường bụi cuốn cao định mệnh như thế nào? Biết làm sao khi những người yêu nhau không có nhà để ở, không có tiền mua rượu mời anh em bè bạn, không có nhiều thứ khác mà xã hội bắt họ phải có đủ thứ hết. Có lẽ xã hội không tốt gì với họ, mang thùng buộc vào chân họ, mang lưới chum vào đầu họ, và mang bộ da đười ươi khoác lên mình họ,... Và rồi chúng ta cũng phải biết khoác bộ da đười ươi, để làm những điều mà nếu còn khoác bộ áo người chúng ta không thể nào làm được!”

Sau một cơn say có tính huynh đệ chi binh, người lính thức dậy liền phải đối đầu với hiện thực. Trong căn hầm đã chiến, sau những cơn mưa, “nước dột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, mầu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mửa,... ngó phát lợm giọng”. “Tôi” đã nhận chân “đây là một trường hợp chiến tranh trên quê hương nghèo khổ, lắm tàn tích, lắm chủ nghĩa, lắm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vùi đầu vào những cơn say vô vị. (Đài phát thanh chột loan tin chiến sự. Chúng tôi lắng nghe. Ngày hôm qua đoàn công vova của lực lượng Hoa Kỳ, di chuyển trên Quốc Lộ Mười Ba đã bị địch phục kích khoảng mười lăm cây số nam An Lộc, tỉnh Bình Long. Sau mười phút giao tranh ác liệt, địch đã bỏ lại 5 chết. Lực lượng Đồng Minh tịch thu 3 AK, 1B40. Riêng bạn có một hy sinh và hai xe bị hư hại 50%). Những tin ngắn như thế, tôi nghĩ, như những kết luận của những vở kịch. Thảm kịch? Thảm kịch của quê hương? Một vở kịch lớn mà tất cả mọi người cùng sắm vai, những vai trò đều mang tính cách của định mệnh đang tiếp diễn? Và vai trò nào chẳng dùng tới thủ đoạn? Cuộc đời là đấu trường của các thủ đoạn cá nhân? Quê hương chiến

tranh là đấu trường của tập thể chính trị? Tất cả đang bị đắm chìm không lối thoát trong một cơn mưa... Chúng tôi đang là các cá nhân trong tập thể đông đảo đó: những cá nhân mê muội nhất”.

Đó là những cơn mưa của “chiến-tranh lạnh”, của những chủ nghĩa không chất người, của những tranh giành, đấu đá chính-trị ở xa xôi nơi thủ đô. Và người lính tiếp tục lên đường hành quân, bảo an, giữ sự vẹn toàn cho đất nước và an ninh cho đồng bào miền Nam: “Tôi buồn máy, bình tĩnh tiếp tục lộ trình đã được ấn định. Càng đi sâu vào lòng rừng, càng cảm thấy không gian lạnh lẽo. Đầu óc đã hết nặng nề, hơi thở đã hết mùi rượu. Và tôi nghĩ, sau cuộc hành quân, mình vẫn có thể ngồi vào một bàn rượu thịt khác. Tôi nhớ đến lão thường vụ già trông coi đồn bót ở nhà, không biết lão có mong ước, một con bò thui treo trên một cái xà nào đó ở giữa sân trại, với những thùng lade đã bọ, anh em chúng ta uống bằng các ca lớn, dưới ánh nắng mặt trời chiều nay, sau khi tịch thu được một kho vũ khí đạn dược của địch ở Sóc Xoài, mục tiêu chúng ta đương tiến đến đây? Tôi cười với ý nghĩ mình, tưởng như đây là đoàn quân trung cổ của Thành Cát Tư Hãn, đang trên đường chinh chiến? Thú thật, trong tâm hồn tôi, sao chợt nhiên nghe vang nhạc ngựa, nghe vang tiếng trống dồn giục giã...”. Sau một ngày gian nan trong rừng tìm đuôi giặc, khi “chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đông nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuốm màu ảm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thếch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ dờ dẩn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm

qua? Lục soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu. Tin tình báo hơi chậm và Tiểu Khu phản ứng cũng trễ nữa. Do đó, chúng tôi trở về đồn không có gì cả. Một lần trở về mệt mỏi, rã rời, vô vị...”

Những người lính mệt mỏi sẽ để cho trí tưởng bay xa theo tâm tình rất người. Nhớ nghĩ đến những khuôn mặt thân yêu hoặc tình cờ bắt gặp trên bước đường hành quân. *“Tôi thấy ngày tháng với từng buổi chiều đang đi qua những cánh rừng âm thầm và lặng lẽ. Tôi thấy đời người ở miền trời này gắn liền với rừng cây trĩu trịt, với lũng sâu bóng tối. Tôi không thấy gì vui. Trong ý nghĩ đó, tôi nhìn lên và tôi thấy mơ hồ một bóng giáo đường. Sao không có hồi chuông nào giống lên trong chiều nay? Sao không có một động lực nào thúc giục tôi tìm đến? Tôi bỗng thêm nghe một hồi chuông. Ước gì có một hồi chuông rộn rã trên các đồi rừng này, trên đời sống buồn bã tôi? Hình bóng một giáo đường cao ngất vừa hiện ra đã trôi đi hun hút vào những tầng mây mờ tối. Vẫn không có một hồi chuông nào vọng tới. Tôi thêm nghe hơn bao giờ hết, tôi thêm nghe như ước vọng cuối cùng của một tên tử tội”*.

Cuộc sống hiện thực vẫn đi từ thất vọng này sang nhận chân khác. *“Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập hợp tiểu đội đi kích”* và những tiếng *“đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quận Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát”*.

Trong truyện trích Viên Đạn Định Mệnh đăng trên tạp chí *Khởi Hành* gần hai năm sau (số 154, 24-5-1972; và tuyển đăng trong *Văn Miền Nam*, tập 1, Thư Ấn Quán, 2009), vẫn là những cơn mưa nơi núi rừng cao-su Bình Long. Và một câu chuyện tình thời chiến: một viên đạn định mệnh đã khiến người con gái tên Ngân bị thương và chấp nhận cái chân gỗ cũng như mặc cảm “là con ngựa què...”. Tác-giả kể: *“Những tiếng “con ngựa què” nhỏ dần và lẫn vào trong mưa. Phải, kể cũng lâu lắm, kể từ*

ngày nàng nhập viện lần thứ nhì thay cái chân gỗ mới, có lò xo cho tiện đi đứng, cử động hơn. Dễ cũng đã hơn hai mùa mưa. Và trí óc của một người xông pha chiến trận không dám chắc mình nhớ đúng được điều gì. Vì những kỷ niệm êm đềm đã bị những vùng khói lửa che khuất, cũng như những mơ tưởng đã vội quên vùi bởi cảnh tượng chết chóc và súng đạn thô bạo. Ngàn đã trở thành một nét phác trong số hình ảnh hỗn độn gây đổ đổ. Trong một cơn mưa âm thầm kéo dài từ chập tối, không lúc nào ngớt, Ngàn ôm quyển sách kinh, đứng mãi ở nhà thờ Tin Lành chờ tạnh. Mưa vẫn không ngớt. Ngàn kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng, một lúc nào đó, hạt mưa sẽ nhỏ dần và thưa hơn, để băng qua con lộ. Bỗng súng nổ bốn phía chung quanh, khắp cả. Mới đầu là búa vây, sau đó là vồ chụp. “Tôi hét lên, không biết lúc đó, tôi đã băng qua con lộ chưa, hay vẫn co ro đứng ôm quyển sách kinh ở cửa nhà thờ? Viên đạn định mệnh nào đã giết đời con gái của tôi? Tại sao người ta lại bắn nhau ở trong khu phố đó? Vô lý quá. Tôi không tài nào hiểu được. Và tôi đã trở thành con ngựa què giữa lòng cuộc đời.”

Cô Ngàn đến trung đội thăm trung úy Phúc nhưng anh không có mặt ở đó; Định, nhân-vật Tôi, từ một quá-khứ tình cờ nào đó trở về với Ngàn như những tình cảm mong manh của thời chiến: “Phúc chỉ có nghĩa là một người hiện đi qua đời sống tôi. Không biết chàng sẽ đi khỏi lúc nào. Cũng như anh trước kia vậy. (...) Tôi là một nhà ga miền núi, nói như tiểu thuyết, con tàu nào cũng có thể ghé qua trong mỗi cuộc hành trình. Quả thật, tôi bắt chước tiểu thuyết để sống... Anh đã ghé qua nhà ga đó lần đầu tiên trong số kiếp nó, chỉ một lần, không bao giờ trở lại nữa. Chờ mãi... mơ mãi... nhà ga thành một địa danh của tiểu thuyết từ đấy. Tôi không trách anh, không trách ai hết, kể cả kẻ vô danh nào đó đã tặng viên đạn định mệnh cho tôi”.

Với Ngàn bây giờ thì “tình yêu như một sa mạc, một sa mạc mưa bão, không người đánh xe nào dám khởi hành để đưa em tới đó. Em đã bình yên ở lại với tháng ngày quên lãng...!” Nàng đành chấp nhận định mệnh cuộc đời “Nghĩ

cho cùng, định mệnh nào cũng ác nghiệt, cũng đẩy chúng ta đi... nhưng rồi cũng phải đến chỗ tận cùng, giới hạn. Ngàn hãy tin đi, thế nào rồi cũng có ngày...”. Định nghĩ, đó là “ngày hòa bình cho nhân loại, ngày tươi sáng cho đời Ngàn hay ngày... Tôi không tìm thấy một ngày nào hết trong những cánh rừng dài này, trong những buổi chiều mưa mù ở miền trời này”, còn Ngàn khi trở lại chốn tình cũ, nơi đã cho nàng tình-yêu cũng là nơi mà định mệnh đã lấy mất một chân, vì nàng “còn những giọt lệ cuối cùng, anh Định... Em vẫn để dành trong khóe mắt. Em muốn được khóc lần này cho hết, anh Định...”.

*

Chúng tôi rất tiếc đã không có được toàn bộ văn bản tập truyện dài Quốc Lộ Mười Ba, nhưng qua bốn trích đoạn vừa qua, người đọc đã có thể “thấy” tác-giả đã kể chuyện với những con chữ chuyên chở đầy suy tư và triết lý nhân sinh. Chuyện những người lính bảo vệ quê-hương không lạ và đã có nhiều nhà văn thơ có những sáng-tác dài hơi và nhiều lần trở lại với đề tài. Chúng tôi thì thấy Quốc Lộ Mười Ba vẽ lên một cuộc *hiện sinh* đặc-biệt, của một số người lính, có thể thuộc Đại đội 399, ở vùng rừng cao-su Bình Long, ven Quốc lộ 13, có thể ở những địa danh khác, nhưng là hiện sinh như một *dấn thân*, ở thái độ và hành động. Tác-giả đã như nhân-vật Ngàn, có thể có thái độ dấn thân, đương đầu với sự thật khi đã chấp nhận định mệnh - tình-yêu như một định mệnh, mà chiến-tranh thì cũng thế - một định mệnh to lớn hơn vì chạm đến một tập thể, nhiều người hơn. Thái độ chấp nhận này rất hiện sinh mà cũng trung-thực không kém. Ở người lính, và ở nhà văn. Dấn thân, nhập cuộc là hình-thức hiện hữu trọn vẹn nhất của nhà văn qua tác-phẩm, hơn nữa đó là một nhà văn cầm súng, ở mặt trận! Hoàng Ngọc Hiến đang dạy học ở chốn thật xa (Côn Sơn), biệt lập với thế-giới văn-học nghệ-thuật ở thủ đô và các thành phố lớn, ông đã nhập ngũ, ra chiến trường, trận địa của một vùng khá hiểm nghèo về địa lý cũng như chiến thuật – Bình Long, sát biên giới Cam Bốt, nơi Cộng-sản Hà-Nội đưa người vào miền Nam.

Hoàng Ngọc Hiến đã viết thành tác-phẩm, chắc chắn ông đã khởi đi từ ý thức, từ tâm tình yêu nước cụ thể cùng những tâm trạng băn khoăn, những kinh nghiệm sống chêt thực-hữu. Ông viết như để xác định thái độ phải nói, phải viết để nói lên từng ý nghĩ đã đến khi hành quân, thám kích, từng sự việc đã thực sự xảy ra - một lựa chọn can đảm để những tâm tư, sự kiện đó đến với người khác. Một thái độ dẫn thân khi đang theo hướng đi của tập thể (miền Nam), của lịch-sử, ở thời đại đang sống. Như vậy, thái độ sáng-tác và dẫn thân như vậy quả thật đáng trân quý dù chính ông tự nguyện đóng một vai trò có thể ông tự xem là khiêm tốn.

Trong những ngày tháng cuối đời, Hoàng Ngọc Hiến trong bài *Đọc Đi cho hết một Đêm Hoang vu trên Mặt Đất* của Phạm Công Thiện (trong *Đọc 12 Tác Phẩm Văn Chương Việt-Nam*, Thư Ấn Quán, 2014), ông đã có dịp nói đến một nỗi ám ảnh vẫn bám theo ông: *“Cuối cùng thì tất cả, không trừ một ai, đều lên đường đi về nắm mô chung thủy?! Ai cũng phải đi hết đêm hoang vu của đời mình. Trong đêm hoang vu ấy, biết bao nhiêu bi hài kịch ra máu mắt? Mỗi người một vở kịch khác nhau! Tôi ngồi ở quán cà phê The End Café nghĩ về những chiến hữu của tôi, nhất là ở Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long, họ đã nằm xuống trong cuộc chiến bất tử của lịch sử nhân loại. Dẫu sao, họ cũng đã đi hết đêm hoang vu của đời họ trên mặt đất, bây giờ họ nằm đó và lặng nhìn những cánh rừng thâm u trầm mặc...Đó là một góc bể chân trời!!”*.

Chúng tôi không dám phê-bình Ban giám khảo Giải truyện dài Bút Việt năm 1974, nhưng với tư cách độc giả, sau khi đọc một phần Quốc Lộ Mười Ba và toàn bộ văn bản truyện dài *Đường Một Chiều*, chúng tôi tiếc là giới văn-chương thường chạy theo những cái thời thượng, để ra vẻ hợp trào lưu thế-giới và trí thức thời đại. Cả hai truyện dài của Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Mộng Giác đều nói đến những người lính nhưng một bên ở trận tiền, một bên ở hậu phương, trong một cư xá sĩ quan ở hậu cứ. Trong khi

Quốc Lộ Mười Ba trình bày một thế-giới đầy bất trắc nhưng con người ở đó thắng thần nhập cuộc, làm việc phải làm, thì *Đường Một Chiều* đã cho người đọc nhập nhanh chóng vào không khí bi quan, hiện sinh, mất định hướng, xa nếp cũ gia-đình,... qua nhân-vật Ninh không rời cuốn *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học* của Phạm Công Thiện, cuốn sách và tác-giả thời thượng đối với nhiều thanh niên lúc bấy giờ, từ giữa thập niên 1960 ở Việt-Nam, như nhân-vật Ninh, mà theo nhận xét của Lộc thì “*anh ta không thuộc loại làm dáng trí thức, loại ruột rỗng theo đòi thời thượng*” và sau đó Lộc biết thêm là Ninh “*đang học đệ nhị, tự nhiên báo chán nản, rồi lén nhà đầu quân đi lính tron. Có thể là do một xúc động nào đó về tâm lý, như thứ xúc động dậy thì muốn “đâm thủng mặt trời và hiếp dâm mặt trăng*” - từ thơ hiện sinh chống thẩm quyền của Phạm Công Thiện: “*Tôi giao cấu với Mặt Trời sinh ra mặt trăng / Tôi thủ dâm với Thượng đế sinh ra mặt trời*” (Ngày Sanh Của Rắn, 1967). Cốt truyện, không khí và kỹ thuật tiểu-thuyết của *Đường Một Chiều* không thể không khiến người đọc liên tưởng đến *L'Étranger* của Albert Camus; cũng là cái Chết nhưng ở *L'Étranger* xảy ra như một phi lý tột cùng, phi lý hoàn toàn, không thể cắt nghĩa, lý luận. Nhân-vật Lộc của Nguyễn Mộng Giác ra tòa mới hiểu về Thúy, vợ mình, có một đời-sống mà ông không hề hay biết. Và Ninh, một Meursault Việt-Nam thời Phạm Công Thiện, cũng bị công tố viên nhìn ra “*... bị can xác nhận trước tòa rằng mình là một kẻ hoàn toàn lạnh lẽo, vô tình, không còn có điểm nào đáng hồ nghi về tính tình đặc biệt ấy của bị can, cái tính đáng lẽ phải tha thiết, thâm sâu đối với cha mẹ, chị em, quê hương, làng xóm*”, nhưng có chút hối hận và can đảm hơn khi dùng mề chai cắt gân tự tử!

Trong khi đó, ở Quốc Lộ Mười Ba, cái Chết đã là một định mệnh, khởi từ một thái độ sống can đảm, sống thực!

Montréal, 10-6-2015

Nguyễn Vy Khanh

Phạm Văn Nhân

Hoàng Ngọc Hiến Vẫn Còn Nguyên trong tâm Thức Của Người Lính

Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến mất vào ngày 27 tháng 12 năm 2014. Tháng mà TQBT số 62 phát hành, có đi bài viết Ở *Thị Trấn An Lộc đọc Khởi Hành*. Đây là bài viết cuối cùng của anh trong cuộc đời cầm bút. Một người lính. Một nhà văn sống ngoài mặt trận cho đến ngày cuối cùng của Miền Nam (tháng 4-1975) rồi sau đó vào tù và qua định cư bên Mỹ.

Hôm nay, đọc lại ba sáng tác của anh viết trước năm 1975: **Con Say, Viên Đạn Định Mệnh, Quốc Lộ 13** và hai tập truyện ngắn còn trong dạng bản thảo : **Bóng Thời Gian** và **Trăng Lu Phổ Cũ** được viết sau ngày anh và gia đình qua đến Mỹ, mà anh đã ưu ái gởi cho Thư Quán Bản Thảo. Đọc để càng thích lối viết của một người lính cầm bút như anh. Tại sao ? Có lẽ vì cái mẫu số chung giữa chúng tôi : Chúng tôi là người lính thật sự tham chiến ngoài chiến trường. Chúng tôi là những người lính vừa cầm súng vừa ít nhiều cầm bút.

Sự đóng góp tích cực của những người viết trẻ vừa cầm súng vừa viết ấy trong 10 năm chiến tranh không phải là nhỏ mà trái lại hết sức to lớn. Cứ thử mở bất cứ một tạp chí miền Nam trước 1975 trong thời chiến tranh mới thấy rõ sự đóng góp tích cực này.

Vậy mà, trong cuộc hội luận về 20 năm Văn học Miền nam (1954-1975) được tổ chức tại Nam Cali trước đây, các diễn giả ít ai nói đến, hay họ cố quên đi những nhà văn thật sự cầm súng là ở ngoài mặt trận năm nào. Họ chỉ nói đến những cây bút một thời viễn mơ. Dù trong số những cây

bút ấy cũng có những người khoác áo lính. Nhưng là loại lính, theo tôi: *sáng vác ô đi chiều vác về* . Họ lái vespa đi làm. Chủ Nhật họ ngồi La pagode, Tối họ ngồi Đêm Màu Hồng. Họ viết trong bối cảnh yên bình, có điều kiện sáng tác hơn. Trong khi những người lính cầm bút ngoài mặt trận thì họ viết trong bối cảnh rất khó khăn, để đem đến cho người đọc những sáng tác rất trung thực từ cuộc sống gian khổ cơ cực của người lính, như trong truyện ngắn của Lê văn Thiện: **Nước Mắt Trong Cổ** (Trình Bày 16- đi lại trên TQBT 64). Họ viết thật, không viễn mơ dưới một góc độ lãng kính màu. Họ viết và sống thực trong các tác phẩm. Trong số đó có nhà văn Hoàng Ngọc Hiến.

Khi đọc lại những truyện ngắn của anh (cùng một thể hệ với chúng tôi), như trong truyện ngắn: **Con Say, Viên Đạn Định Mệnh, Quốc Lộ 13** như khơi lại trong ký ức của tôi những năm tháng còn hành quân, đóng đồn ở một nơi nào đó, một địa danh nào đó chỉ có trên bản đồ mà không có trong trí nhớ của người dân thành phố (Bắc Bình Định). Con Say. Vâng, chỉ có những cơn say cùng với anh em lính trong đơn vị để quên đi những sự bất trắc có thể xảy đến lúc nào mình không hay trước.

"....Như vậy, tôi vẫn chưa hết hẳn một cơn say túy lúy càn khôn? Lão thượng sĩ già vẫn còn nằm kia, chết giấc, mùi rượu bay nồng trong hơi thở lão. Cái mùi khó chịu buồn nôn ấy, tôi chợt nhớ ra từ mấy bãi mả, vương vãi trên sàn hầm xông lên nữa... Tôi ngó xuống, chúng đang trôi lều bều trong nước đục đỏ ngầu. Thì ra đã có mưa đêm, cơn mưa đã đến và đã tạnh lúc nào, tôi không biết. Dòng nước từ một chỗ đột chảy xuống tấm poncho căng trên trần hầm hình như vẫn còn đọng ở những chỗ trũng, chỉ chờ đợi một động tới là đổ ào cả xuống một góc hầm. Căn hầm thì đã ngập nước..."(Con Say). Mà đâu phải ngày nào cũng có những cơn say như thế ? Đâu phải có ngày nào cũng có rượu để uống với đồng đội mình. Thôi có dịp là uống để quên nỗi gian khổ sống trong những cái hầm ở nơi tiền đồn. Mà nơi đây, có lẽ không có cuộc sống nào thâm trầm khi phải sống trong căn hầm nơi tiền đồn ấy như hang

chuột. Vừa ẩm thấp, hôi mốc, nước mưa. Nhất là vào những mùa mưa rừng đổ ập đến. Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến đã viết lên, đã nói thay cho những người lính trận. Ta đọc đoạn văn sau đây, để thấy cái thật của người lính viết văn:

"... Sống lâu ngày trong hầm dựng bằng cây và bao cát ẩm mục, sinh lực mòn mỏi trông thấy. Thấm thoát đã ở tiền đồn Tân Hưng này gần hai tháng trời, giữa một mùa mưa. Khuôn mặt lão thượng sĩ thường vụ vàng ửng, nhợt nhạt dưới thứ ánh sáng yếu của ngọn đèn dầu nhỏ; tôi ngó vào hai cánh tay trần tôi, tôi cũng thấy như vậy. khuôn mặt tôi có thể không? Có khi còn sưng húp lên vì cơn say chưa tan hết. Xem đồng hồ tay: gần bốn giờ sáng. Tôi mở máy C.10, bóp ống liên hợp: "Đào nguyên, Đào nguyên một gọi, nghe trả lời?". "Nghe, phát, thẩm quyền.". "Tôi tỉnh chưa mày?". "Thẩm quyền đâu có say, thẩm quyền?". "Xạo mày, tao say túy lúy, mặt còn đỏ hơn mặt trời nữa, mày ngạo tao đó hả?". "Dạ, đâu có, em còn thấy thẩm quyền diu lão thượng sĩ già về đồn kia mà. Em còn thấy chuẩn úy cướp súng colt của lão đưa cho thằng Thành nữa.". Tôi cười: "Thế thì tao say rồi, tao có nhớ mẹ gì đâu. Có cà phê chưa mày?". "Chưa, hẹn một giờ nữa, thẩm quyền.". Tôi đóng máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẳn, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó..."

Ngôn ngữ rất thân thương giữa đồng đội, giữa cấp chỉ huy và người lính dưới quyền. Nó dễ thương chi lạ. Không là kẻ bề trên thường hay hống hách. Nhưng đã là con người, trong nỗi khổ thiếu thốn đủ mọi thứ, gia đình vẫn là nơi mà người lính nhớ đến. Trong trường hợp này, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến bộc bạch rất rõ:

"... ... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: "Aurevoir". Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo

màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật nhanh...đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tủi...."

Nỗi thương nhớ cho dù vẫn ray rức trong người lính trận. Ông vẫn phải dứt khoát khi nói với vợ con khi lên thăm ông ở tiền đồn: "... Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến."

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vùng nước mưa trong suốt như nước mắt..."

Người lính nào cũng có hạnh phúc gia đình. Người lính trận cũng thế. Cho nên qua lời văn của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến chắc chắn thế nào cũng có những giọt nước mắt nóng của người vợ và mấy đứa con. Chắc chắn phải nói là khác xa với những cây bút lính có được sự may mắn ở thành phố . Nếu có chăng những giọt nước mắt cũng chỉ là những tưởng tượng mà thôi.

Chắc chắn không bao giờ nhìn thấy những giọt nước mắt của những người vợ phải xa chồng nơi tiền đồn hẻo lánh.

Vâng, đọc **Con Say**, tôi mới thấy hết được cái tình đồng đội của chuẩn úy nhà văn Hoàng Ngọc Hiến. Cũng như tôi, những năm mới ra khỏi quân trường đi chiến đấu với những người lính trong đơn vị năm xưa. Cái tình đó vẫn giữ y nguyên cho mãi tới ngày 30 tháng 4 và còn hơn thế nữa. Phải không anh Hoàng Ngọc Hiến?

Thế rồi. Những buổi chiều buồn thăm đi qua, như những đám mây chiều buồn trôi về một phương trời nào đó. Những buổi chiều trở về đồn của những người lính buồn hiu, trên lưng áo đầy mồ hôi. Có lẽ rồi cũng chỉ ngồi trên những nóc hầm nhìn cánh rừng trước mặt chờ bóng đêm về

trong tâm thức lo âu . Không biết đêm nay có yên ổn hay không???

"....Nhưng buổi chiều, chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đồng nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuộm màu ảm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thêch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ đờ đẫn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,..."

Và, cũng như trong truyện ngắn Quốc Lộ 13, ý nghĩ rất đơn sơ của người lính là có một ngày nghỉ, như ngày chủ nhật, rảnh rỗi về thị trấn. Như chúng tôi ngày nào. Thị trấn dù là một thành phố nhỏ, nhưng cũng đủ cho những người lính trận mơ về dù chỉ trong khoảnh khắc. Nhưng với Quốc Lộ 13, tôi đọc mới thấy cái tâm của một trung đội trưởng trẻ. Một trung đội không đủ cấp số, 21 người, dẫn 21 con người đến kích ở một tọa độ trong cánh rừng cao su được đánh dấu sẵn. Biệt phái cho tr/uy Hồng 3 người. Còn 18 người. 18 con người nếu đụng trận thì sẽ ra sao ? Một đoạn văn ngắn, đối đáp với Tr/uy Hồng (trong truyện):

".....Sau cái bắt tay, tôi mở một nút áo nơi ngực kéo ra một tấm bản đồ mở rộng trước mắt trung úy. Tôi nói nhỏ trong khi ngón tay tôi chỉ vào một áp nhỏ bên bìa rừng ở trên tấm bản đồ:

- Tối nay tụi tôi nằm đây, cách trại chừng hai trăm thước. Trung úy đại đội trưởng nói liên lạc với trung úy trước để nếu có gì thì rút về trại với trung úy. tôi muốn nói nhỏ với trung úy. Nếu trung úy chịu, tôi dẫn cả trung đội tôi vào trại trung úy.

Trung úy Hồng khoái chí:

- Thế thì còn gì bằng, tôi được giữ cả một trung đội giữ trại thì nhất. Nhưng ông báo cáo thế nào và mấy giờ lên? Tôi cũng hứng chí:

- Thì tôi vẫn báo cáo nằm ở tọa độ đã chỉ định. Bỏ đi, cấp chỉ huy chịu chơi mà.

18 mạng con người, một điểm kích ? Đọc đoạn văn trên, tôi thấy ít có người chỉ huy nào đồng ý cho thuộc cấp bỏ vị trí kích theo tọa độ đã ấn định, để tìm đến một nơi chốn an toàn cho đồng đội mình Có lẽ chỉ có Tr/úy Hồng (nhân vật trong truyện) có cái tâm biết thương lính. Đọc đoạn văn này, tôi lại nhớ đến thiếu úy Bảy em tôi. Cũng nắm một trung đội, cấp chỉ huy bắt lên đóng chốt. Bảy xin rút về một nơi khác vì có tin là đêm đó địch sẽ tấn công. Cấp trên không cho bắt phải nằm đó. Bảy rút. Qua ngày sau bị An Ninh Quân Đội của tiểu khu Ninh Thuận điều tra và bị đưa ra tòa án binh với tội danh "chống lại lệnh hành quân". Từ một ĐĐT/ TĐT và cả Chi Khu Trưởng quận An Phước đồng loạt cáo buộc. Thế cô, Thiếu úy Bảy phải vào quân lao Nha Trang. Tôi đi thăm. Thắng em tôi vẫn vui với cái tâm thiện. Bảy cười và nói với tôi: em vào tù mà cứ được biết bao nhiêu mạng khỏi phải chết uống. Thế rồi, sau khi ra tòa án binh, Bảy trình bày trước Tòa. Và được tha cho về Sư đoàn 3 đóng quân ở Quảng Ngãi. Bảy chết ở Mộ Đức hai tháng trước ngày 30 tháng 4 đến. Sau này tôi nghe nói Bảy lãnh trọn một trái pháo không toàn thân. Sau đưa về chôn trong Nghĩa trang Gò vấp. Sau 30 tháng 4 mộ em tôi cũng được di dời đi đâu, cho mãi đến hôm nay, 40 năm qua, không biết em tôi thật sự nằm ở đâu nữa.

Đoạn văn trên của Hoàng Ngọc Hiến đã gọi lại trong trí nhớ tôi về một người em đã mất. Và, phải nói ít có người chỉ huy nào như tr/úy Hồng. Quốc lộ 13, con đường được mệnh danh là Quốc Lộ Máu, còn dẫn dắt tôi nhớ về một thời quá khứ đau khổ không phải của riêng từng gia đình mà khoảng chung của dân tộc khi gót giày của Pháp xăm lược trên quê hương :

"...và cái mirador màu gạch cua cũ dựng từ hồi Pháp thuộc còn để lại. Tôi biết chắc như thế, không cần phải giải thích, vì cái kiểu cách đó, tôi đã thấy ở nhiều đồn bót Pháp hồi người Pháp còn đặt những bước viễn chinh của

họ trên quê hương này. Tôi thấy từ hồi còn nhỏ, một túi trên lưng, khăn quàng trên cổ, theo gót chân mẹ tôi tản cư xuôi ngược, vùng nọ sang vùng kia, vùng này sang vùng khác. Lửa bốc cháy sau lưng. Đạn bắn bay trên đầu. Và bóng tối mưa dài vây bủa chung quanh. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không. Mấy mẹ con mình ngã dấm ngã dúi. “Tội nghiệp con tôi”, mẹ kêu không biết bao lần, con còn nhớ lắm. Tiếng nói đó đã khắc sâu vào tâm con và bây giờ nó đã trở thành một thứ trầm tư thẳm kín trấn giời đời con....”

Quốc lộ 13, nhà văn Hoàng Ngọc Hiến như một nhân chứng sống viết lại những sự việc, những sinh hoạt của những người lính đóng trên một địa danh mà hầu hết ai cũng biết. Bình Long; mà xuyên qua câu chuyện, tôi vẫn thấy một lối viết không hận thù trong chiến đấu. Có lẽ, câu chuyện kết thúc bằng tiếng hát của một ca sĩ qua bài Đêm Đông mới diễn tả hết cái nỗi xa nhà, nhớ thương của người lính trận: *đêm đông ta mơ cố nhân gia đình yêu thương...*

Thế nhưng sau 40 năm, những người viết văn là lính ấy hầu như bị quên lãng. Ngay cả như một nhà văn nổi tiếng và cũng là một nhà giáo còn gọi nhà văn Trần Hoài Thư ngày hôm nay chưa chịu giải ngũ. Ý muốn nói là văn của Trần Hoài Thư nói riêng và những nhà văn lính năm nào trong đó có Hoàng Ngọc Hiến cứ nhắc đến lính năm xưa. Tôi xin thưa làm sao quên được những năm tháng ngoài mặt trận. Nó đã ăn sâu vào tâm thức. Thì cho dù 40 năm hay 50 năm người lính viết văn năm nào vẫn phải nhớ. chỉ có nhưng nhà văn như ông nhà văn (xin dấu tên) kia chưa một lần đi lính thì làm sao hiểu được tâm tình của người lính viết văn?

Houston, ngày 14/6/2015

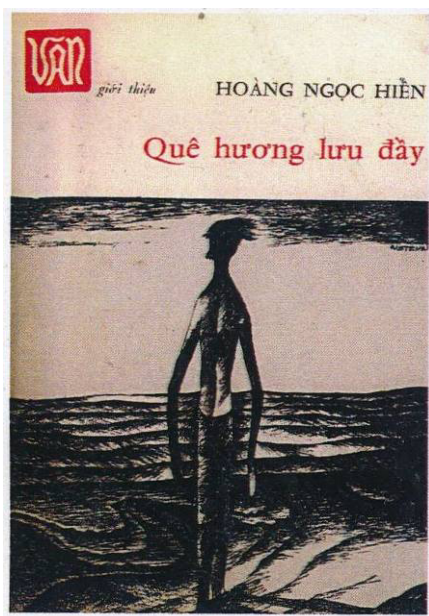
VĂN TRÍCH

HOÀNG NGỌC HIỀN

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

Chương 10

*“...Rồi lão cất cao tiếng hát. Cái chút gì
sướt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê
hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn
lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì...
“*



Anh Bông sửa lại kiểu ngồi, thử bộ điệu báo trước
cho mọi người biết mình đã bốc được lá thăm hoàng đế

trong cuộc chơi. Anh trải miếng giấy trắng nhỏ hình chữ nhật trên bàn, vuốt cho thẳng thăn, nói lớn:

- Trẫm là Lưu Bị đây. Sở dĩ bữa nay ta cùng các khanh hội họp nơi quán Ba Càng này là có một việc vô cùng hệ trọng. Các khanh hãy vì ta, vì sơn hà xã tắc mà ra tài kinh bang tế thế, trị nước an dân, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng! Quân sư Khổng Minh Gia Cát Lượng của ta đâu?

Anh Hồ chậm chạp rút trong túi ra cái thăm của anh, cùng loại, cùng khổ giấy. Tất cả chúng tôi mười người ồn ào, coi sự xuất hiện của từng nhân vật như một tiếng pháo nổ bất ngờ và lý thú. Anh đưa cao lá thăm cho mọi người nhìn thấy hai chữ “Khổng Minh” ghi trong đó. Anh đã uống quá nhiều whisky, mặt đỏ bừng, chệnh choáng lên giọng:

- Thần là Khổng Minh Gia Cát vừa được nghe bài diễn văn ngắn nầy lửa của bệ hạ. Xin nghiêng đầu bái phục!

Anh Bông ung dung gật gù nhắm nháp ly rượu nhỏ:

- Quân sư!

- Chẳng hay bệ hạ vời thần ra chốn Côn Đảo này có điều chi chỉ dạy? Bấy lâu nay được bệ hạ tin dùng dưới trướng, thần nguyện mang hết thân trâu ngựa ra đền đáp ơn sâu. Dù có phải vượt chín cửa ải, xông pha vào chốn hiểm nghèo, thần đã quyết lấy da ngựa bọc thây thể hiện chí khí anh hùng!... A ha!... *Chí làm trai dặm nghìn da ngựa, gieo thối sơn nhẹ tựa hồng mao.*

Tiếng cười, giọng ngâm của anh sang sảng trong ngói quán lạnh lẽo gió biển thổi.

- Quân sư! Trước khi trao phó sứ mạng lịch sử, anh hãy uống cùng trẫm ly rượu đào này. Rượu này sản xuất tận xứ Anh Cát Lợi, Thổ Nhĩ Kỳ gì đó mà năm xưa trẫm đi chinh phục phương tây đã... ăn cướp được!

Anh Tuấn nhắc khéo: “Này, rượu của anh Vĩnh ủng hộ đây nhé!”. Anh Bông vẫn điềm nhiên, nhắc cao ly rượu, nghiêng chai rót đầy, trao về phía anh Hồ:

- Khanh uống đi!

Anh Hồ uống cạn ly rượu (nhiều khi những ly rượu

ân thưởng này là một khổ hình đối với kẻ nhận nó). Anh Bông tiếp:

- Có cái tên Tào Tháo đó. Quân sư hãy điều binh khiển tướng bắt nó cho được đem về đây trị tội. Sứ mạng hoàn thành ta trọng thưởng, bằng không để nó trốn thoát, ta chém bay đầu!

Anh Bông cho chúng tôi những giây phút hào hứng khởi đầu. Anh Hồ được đà:

- Xin tuân lệnh bệ hạ!... Đó các tướng có nghe rõ chưa? Phép nước có nghiêm, binh mới hùng, tướng mới mạnh. Các tướng mà không làm nên việc thì các tướng cũng bỏ đời các tướng! Dưới lưỡi gươm thần này, không một kẻ trở về tay không mà lại thoát chết? Bây giờ ta sai hai tướng, cấp cho hai ngàn binh mã, chặn bắt tên Tào Tháo!

Anh nâng bảng danh sách lên. Những giây phút hồi hộp nhất thực sự bắt đầu...

Chúng tôi đang chơi trò “bắt Tào Tháo” trên một bàn kê giữa quán Ba Càng. Quán mới xây dựng trong khu hàng cây dương thơ mộng. Sở dĩ có tên “Ba Càng” vì chủ nhân là một lão binh vừa giải ngũ, khi xưa còn dẫn thân ngang dọc trên các mặt trận, ông là xạ thủ đại liên 30, gọi nôm na là súng ba càng. Đã nhiều lần ông ôm cây súng này bắn xả vào đầu giặc, đem chiến thắng về cho đơn vị. Bây giờ đầu đã hai thứ tóc, da mặt đã nhăn nheo đen sạm, sâu đầy thương tích, tất cả những danh vọng, oán thù... đã lui vào dĩ vãng. Rồi bóng ông cũng sẽ mờ khuất trong những ngày sắp tới. Vì thương nhớ thời kỳ oanh liệt xưa của đời mình, ông đã chọn hai chữ “Ba Càng” đặt tên cho ngôi quán. Ông cho tôi một hình ảnh rõ rệt nhất về các lão tướng thời trung cổ mà tôi vẫn đọc thấy trong sách sử. Sau ngày chiến tranh chấm dứt, vó ngựa xâm lăng đã tắt hẳn, không còn gây ám ảnh đe dọa trên quê hương, thời thanh bình trở lại, biết bao lão tướng đã già từ gươm giáo trở về chốn cũ dựng lều quán thành thói vui với thơ với rượu, chuyện trò khinh bạc cùng khách ngàn phương ghé quán. Sau hai mươi năm trời chinh chiến, lão binh này giờ mới thấy lại Côn Đảo, quê hương cũ. Tổ tiên xưa đã truyền nhau nhiều đời sinh sống trên hải đảo này, nhưng cái lý do

ông trở về không phải vì cái lưu truyền cốt nhục đó, ông trở về vì không biết nên về đâu khi đất nước còn phân ly, khi mình đã biến thành một anh hùng thất vọng. Ông mong muốn những ngày chót trong đời ông không còn vang vọng một tiếng súng nào. Ông muốn thấy đêm nhìn lên trời chỉ thấy trăng sao, không còn thấy một trái hỏa châu nào. Cảm cái nghĩa khí và công lao phụng sự của ông bấy lâu, tòa Tỉnh thuận cho ông mở ngôi quán này, lại còn được cung cấp nhiều phương tiện và dành nhiều sự dễ dàng trong hoạt động mở quán của ông. Quán Ba Càng ở một vị trí êm ả thơ mộng, nằm ngay trong khu hàng dương không ngừng lên tiếng ru hời, cửa quán trông thẳng ra bờ biển bãi đá. Những đêm thủy triều lên cao, sóng đánh đến gần cửa, bọt bay vào tận trong quán. Tôi yêu thích quán Ba Càng ngay từ khi quán mới mở. Tôi thường dẫn vợ con xuống đây, ông bà chủ quán đã quen quá. Nhiều hôm chúng tôi ở đây từ sáng đến xế chiều, nhậu rồi xuống biển tắm, lên bờ phơi khô, ăn nhậu no say, lại lao xuống biển.

Sau ngày anh Diên đưa Nhạn về Sài Gòn với cơn bệnh thần kinh chúng tôi buồn bã đi một dạo gần ba tuần lễ. Đến khi anh Diên trở ra kể chuyện Nhạn đã vào bệnh viện Chợ Quán. Việc anh đưa Nhạn về tới Sài Gòn là một tin đáng mừng. Ở xứ hẻo lánh này, gần cách một trùng dương mà có được chuyến bay sớm sửa đưa người bệnh về là cả một may mắn. Sinh hoạt trong trường dần dà bình thường sau một tai họa. Tin này lan truyền khắp tỉnh rồi cũng bật đi. Vào một chiều thứ bảy, anh Vĩnh đề nghị:

- Tôi thấy ở dưới hàng dương mới mở một quán ăn. Quán Ba Càng đó. Chúng ta hãy xuống đây “bắt Tào Tháo” một phen. Ở chôn này, lâu lâu cũng phải yếm ỉm cho đời sống bớt bình thường. Với lại, cũng cần làm cho tinh thần sảng khoái một chút chứ. Tôi mới được nhà gửi cho hai chai whisky, xin mang ủng hộ đó!

Đề nghị của anh Vĩnh được hưởng ứng nhiệt liệt. Chúng tôi tụ tập được sáu anh em ở trường rồi kéo nhau xuống quán Ba Càng, không quên mời ông Bông, hiệu trưởng bên trường tiểu học và các anh em bên đó. Tất cả chẵn mười người, vừa đẹp cho một bàn tiệc hình tròn. “Bắt Tào Tháo” là một trò chơi thường xuyên của chúng tôi, trò

chơi toàn mang tên nhân vật Tam Quốc. Chúng tôi lấy mười miếng giấy nhỏ như nhau, ba miếng đề: Lưu Bị, Khổng Minh, Tào Tháo. Đó là ba tên bắt buộc phải có. Còn những miếng kia đề tên những nhân vật như: Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Ngụy Diên, Hoàng Trung v.v... Nhiều ít nhân vật tùy theo số người chơi. Mười người có mười lá thăm. Người bắt trúng thăm Lưu Bị sẽ được sai người bốc trúng thăm Khổng Minh chỉ định hai nhân vật nói xem kẻ nào bốc trúng thăm Tào Tháo.

Giờ đây, anh Hồ - người đang đóng vai Khổng Minh, tiếp tục lên giọng:

- Nhị vị tướng quân, Mã Đằng và Mã Siêu, đi bắt Tào Tháo cho ta!

Thế là giây phút hồi hộp nhất đã qua. Người bốc trúng thăm Mã Đằng và Mã Siêu hơi giật mình đôi chút, được phép sau năm phút dò xét xem ai là Tào Tháo, phải trình diện Khổng Minh. Anh nào bốc phải thăm Tào Tháo, nếu bản lĩnh không cao cường, thế nào sắc mặt cũng biến đổi, cử chỉ cũng mất tự nhiên. Nếu bị bắt trúng phải trả tiền một món ăn, nếu không bắt trúng, kẻ tìm bắt phải trả. Mỗi một bàn chơi cho một món ăn. Như vậy, người thua cuộc cũng chỉ như đãi bạn, số tiền trên dưới trăm bạc. Cuộc chơi lại hào hứng, người chơi có dịp trở tài tâm lý.

- Ta là Mã Đằng đây!

- Ta Mã Siêu đây! Trình diện phụng mạng quân sư!

Đó là hai tiếng nói của anh Hòa và anh Vĩnh. Tôi bắt được thăm Triệu Tử Long, nên yên chí ngồi nhậu, và xem các bạn trở tài tiên đoán (đây là một triều đình toàn những kẻ say, đang kiểm món ăn để bắt tên... Tào Tháo trả tiền!).

Anh Hồ cười say:

- Ta hân hạnh biết mặt hai tướng. Đã sai đi, tất ta đặt hết hy vọng, đừng phụ lòng tin tưởng của ta, sễnh việc, hại đến cả muôn dân đang trông đợi. Nếu về không, ta quyết mang ra pháp trường chém đầu. Hai tướng nghe rõ chưa?

- Dạ, xin tuân thượng lệnh!

- Trước khi các tướng lên đường... xông pha gió bão trắng ngàn, tên treo đầu ngựa, pháo ran mặt thành... Ta

trao tặng ly rượu đào này... Rượu bệ hạ chúng ta đã ăn cướp được của kẻ ăn mày khi đi chinh chiến phương tây!

Một trận cười vang dội. Mã Đằng và Mã Siêu lần lượt nhận ly rượu của Khổng Minh. Mã Đằng ngất ngưỡng:

- Xin cảm ơn quân sư đã cho... ta chén rượu này. Rượu đào... đúng là rượu tiền... thứ rượu này, ngày xưa, mỹ nhân đã dùng để tiễn Kinh Kha!

Mã Siêu tiếp:

- Còn Mã này, đâu có làm nên chuyện hay không, ly rượu đào sẽ mãi mãi mang mang trong tâm hồn lão tướng... Xin đa tạ quân sư... Lão tướng xin cạn chén rồi lên đường, gà đã gáy, trời sắp hừng sáng!

Rượu vào lời ra, cuộc săn bắt Tào Tháo mỗi lúc mỗi trở nên hào hứng. Hết bàn này qua bàn khác, cuộc chơi như không hề muốn dứt... Khu hàng dương đã nặng nề bóng tối. Sóng ngoài triền cát đã lượn cao, đập mạnh vào bãi đá. Gió thổi ào ạt vào hàng dương tạo ra những âm thanh kỳ dị không cùng. Điều này làm tôi lại nhớ đến Cấp, miền biển nằm trong kỷ niệm cũ, ước mơ cũ. Làm sao có thể trở lại miền biển đó đúng mùa mưa? Tôi đã trót say mê những tiếng gõ móng sắt chân ngựa trên con đường ven biển. Phải chăng tiếng gõ đó cho tôi cảm giác về một triều đại cổ kính xa xưa nào đã mờ khuất... Không hiểu tại sao miền biển đó lại nhiều quyến rũ đến thế? Hay điều đó chỉ đến với tôi từng lúc?

*

Năm học sắp tàn...

Học sinh đã tỏ ra uể oải, chúng tôi cũng lơ đãng phần nào. Chúng nó đã đặt ra vấn đề nghỉ hè, học hè. Chúng tôi thì nghĩ tới việc chấm thi gác thi sắp tới với dự định làm một vài việc gì cho đời sống trong ba tháng hè. Ba tháng hè, đối với tôi, lại không có lương. Tôi chỉ là một giáo sư ngoại ngạch, dạy giờ nào hưởng phụ cấp giờ đó. Người có ngạch trật, cái gì cũng được ưu đãi. Nhiều bất công làm tôi chán nản. Tôi tự hỏi tại sao vợ con tôi không được hưởng phụ cấp? Vợ con những người có ngạch, phải chăng họ bề thế hơn nên được ưu đãi? Chính phủ đã cải tổ trong lãnh vực quân đội, vợ con lính cũng được hưởng phụ

cấp như vợ con quan. Tôi vẫn chờ đây, bao giờ những người có thẩm quyền ngó mắt vào địa hạt, vào đời sống gia đình công chức lương giờ, lương khoán? Ba tháng hè, tôi không có đồng trợ cấp nào, vợ con vẫn phải nuôi. Không có tiền mua sữa cho con, tôi phải làm sao? Tôi có thể trở thành một tên trộm cướp được không, ai cấm? Dù tôi vẫn dạy học trò: ăn cướp là xấu xa bỉ ổi, dễ sa vào tù? Tôi nghĩ đến hoàn cảnh của những người cấm cố nơi đây. Vì sự sống của vợ con và làm bậy? Rồi bị bỏ tù, đầy ải năm mười năm. Những bản án bất công phi lý do chính xã hội này gây ra đó phải không?

Bắt nguồn từ lo âu thực tại giữa đời sống, tôi thường dẫn Phương, bé luôn cả bé Thảo, xuống quán Ba Càng; chúng tôi ăn phở, ăn mì thay cho những bữa cơm. Lâu lâu chúng tôi gọi một chai la-de, cho đầu óc chênh choáng một chút, cho tim gan tăng vài nhiệt độ để thấy cuộc đời còn đáng tin yêu, còn đáng sống, chưa đến nỗi phải đâm đầu xuống biển tự tử. Tôi nói với Phương trong những lần ngã mình trên cái ghế mây ở khu vực hàng cây buồn đó:

- Anh mê những chiều thế này rồi. Nằm đây uống la-de, nhậu tôm khô, ngó mông ra biển. Bên tai âm thanh kỳ dị của những cây dương nghe mơ hồ hết sức. Những âm thanh đó muốn ru cuộc đời anh về già rồi đấy.

Phương kêu lên:

- Trời ơi!

Già thì chưa cảm thấy thực là già. Nhưng mệt mỏi. Đôi lúc, chán cuộc đời này. Làm giáo sư dạy giờ mỗi năm thất nghiệp ba bốn tháng hè. Kể thêm một tuần lễ quốc khánh, nửa tháng nghỉ tết nguyên đán. Thử làm một con tính xem, anh thất nghiệp bao nhiêu ngày trong một năm, những ngày kiếm ra tiền không đủ bù cho những ngày thất nghiệp. Bao giờ mới có một đời sống bảo đảm?

Phương an ủi tôi:

- Để ý làm gì đến tương lai anh. Đối với em, hai chữ tương lai đã trở thành cổ ngữ. Nhất là đời bây giờ, chiến tranh giết chóc, biết sống chết lúc nào?

- Dầu biết vậy, mình vẫn phải xây dựng. Còn sống một ngày, mình phải tìm ý nghĩa cho mình ngày đó. Anh

không muốn đời sống bị bế tắc. Mỗi người chỉ sống mấy chục năm, nhưng thời gian ấy mà không dài sao? Người ta đã làm được khối việc. Thừa đủ thì giờ để làm một kẻ anh hùng, làm một nhân vật phi thường.

- Em bất cần. Chính anh cũng đang bất cần đó. Anh thích uống la-de cho ngà ngà say, ham nằm dài trên những ghế mây êm ả, thích nghe tiếng reo của những cây dương, mê ngắm những đợt sóng kia; đấy anh chỉ nghĩ đến hưởng thụ những gì anh đang có. Anh chẳng bất cần là gì?

Tôi cười nhẹ. Có lẽ Phương có lý.

- Có thể, nhưng anh thú nhận anh bất lực. Anh vẫn công nhận cuộc đời này cao vọi vọi, sừng sững thách đố con người kia mà. Anh thua sút. Anh cần suy nghĩ để chọn cho mình một chỗ đứng, một lối tiến thủ, trước hết là chọn cho mình một quê hương.

Phương nhiệt thành:

- Đây có thể là quê hương của anh được đó. Quê hương lưu đày.

- Anh đang nghĩ đến. Anh đã có ý tưởng muốn đời sống ở đây. Rồi cuộc đời dính liền với ngôi trường, với âm đậm núi cổ, với thường xuyên biến động. Dần dà anh biến thành một nhân vật cổ tích. Nhân vật nào rồi cũng bị lãng quên hết.

- Anh cứ mơ ước, ai cấm. Mơ ước làm đẹp thực tế.

- Đành vậy. Nhưng điều quan hệ là sống làm sao cho phù hợp với những mơ ước, hoặc thực hiện lần hồi những mơ ước đó. Khó khăn làm sao! Như thêm trở về Cấp?

- Em nghĩ anh cần tìm lại cho anh một thời gian bình tĩnh trong tâm hồn.

- Bằng cách nào đây?

- Sao anh không nghĩ tới những phương sách anh đã dùng. Anh đọc truyện Tàu cả thág, hết Tam Quốc Chí đến Thủy Hử... Có đạo ưa tới nhà thờ với ước vọng cảm thông thượng đế. Anh cũng đi tới chùa tìm nghe nổi quạnh hiu ở chốn tôn nghiêm đó. Hoặc là anh ngồi hăng giờ ngoài bãi biển, ở một bờ đá, hút thuốc. Sao anh không tìm lại những chỗ tốt đó để tìm lại sự bình an cho tâm hồn mình?

Tôi vẫn buồn:

- Đã lâu anh quên bằng đi điều đó. Bây giờ đã già, đã mỏi mệt; không biết những phương cách trấn an tâm hồn cũ có còn hiệu nghiệm?

- Sao không, anh thử đi!

*

Tôi nghe lời Phương, bắt đầu thử. Tôi chọn cách ngồi thật lâu ngoài bãi biển, nơi hàng dương này mỗi chiều, hút thuốc. Chọn cho mình một chỗ cô liêu để theo dõi biến chuyển của tâm hồn mình thật là một việc làm kỳ lạ, nhiều lúc thấy vô ích. Cho đến một chiều, tôi khám phá ra điều này: tôi cũng chỉ giống mọi người. Tôi cũng có những phút hồn nhiên vui sướng, tôi cũng có những thời gian bóng tối đau khổ, tôi cũng có những phút nhục vinh. Tôi cũng có vợ, rồi có con. Rồi tôi cũng sẽ già không còn ham muốn gì trong cuộc đời này nữa. Tôi cũng như ông chủ quán Ba Càng mệt nhọc sau bao ngày chinh chiến trở về quê hương mở quán rượu không cần đông khách. Nếu cần kiếm khách, ông đã mở ở một thị trấn đông dân nội địa, đại gì ra đây, hàng hóa chuyển vận tàu bè khó khăn? Hẳn lão binh này còn nhiều lý do khác nữa? Biết bao nhiêu kẻ sẽ soi thấy bóng mình trong cuộc đời ông quán? Tôi, tôi đã nhìn thấy mình qua hình ảnh của lão binh này rồi đó. Hôm khám phá ra sự thật tầm thường, tôi ngồi lại đến chạng vạng tối mới lần tới quán của lão Ba Càng.

Lão hỏi tôi:

- Thôi, hôm nay tôi đãi thầy đó. Tôi hầu chuyện thầy được chứ?

Tôi kêu lên:

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Được lão binh kể chuyện cho nghe thì tuyệt.

Lão ngồi đối diện với tôi, mang ra hai chai la-de, một đĩa mực xào. Lão quán chịu chơi hết mình với những kẻ được lão mến mộ. Nhưng trong câu chuyện lão nói, vẫn có một uẩn khúc, không biết cái đó lão cố ý chôn giấu trong lòng hay là ngôn ngữ này không đủ để lão diễn tả, xoay trở?

Lão than phiền về cái thị xã này:

- Thầy ạ, tôi muốn đánh một bữa thịt cây quạ. Thấy

chó nhiều quá, thầy để ý mà coi, trời hãy còn sáng tinh mơ đã thấy chúng quần tụ nhau ở ngã ba đường, cắn xé loạn xà ngầu. Thật là những quân khôn nạn, tôi muốn làm thịt cho rồi.

Nhấp một ngụm, lão tiếp tục:

- Bữa nào tôi ra đường, chúng quần tụ dưới chân tôi thì chúng nó chết. Dù là chó của ông nào bà nào. Với tôi, chỉ một cú đá là vỡ mồm.

Tôi hòa thêm:

- Vậy, lão binh còn tốt tướng lắm. Hôm nào có chó chết vì cái đá của lão, lão nhớ cho người gọi kẻ ngưỡng mộ này tới nhậu với nhé.

Lão binh khoái trá:

- Cái đó đã hẳn! Thầy dám nhậu say khướt không?

- Dám chứ, tôi dám nhậu suốt đêm với lão binh ngoài bãi biển này.

- Hồi còn trẻ như thầy, tôi nhậu ở dưới hầm. Hầm đào sâu trong nhà, thấp nền dưới đó mờ ảo lắm thầy. Dĩ nhiên phải có một em tiếp mình suốt đêm. Mãi sau cũng thấy chán, tôi mới tập làm anh hùng đấy chứ.

- A, thế ra lão binh này gớm thật!

Lão cười tíu mắt:

- Một đêm tôi đổi ba em, với em nào tôi cũng dèo dai như em nào. Thế mà cũng có ngày phát ngán. Cũng phải lấy vợ có con như người ta vậy. Tôi những tưởng đời tôi phải giang hồ lắm, ai ngờ ở yên một chỗ. Vẫn phải quay đầu về quê hương cũ.

Tôi hỏi:

- Quê hương của lão ở đây thực à?

- Thực chứ, tổ tiên tôi mấy đời lập nghiệp ở đây. Gia phả còn ghi. Ngày xưa còn trẻ tôi có coi cuốn gia phả ra cái gì, thế mà về già tôi quý nó hết sức. Tính nét thay đổi theo tuổi tác hay sao đó thầy ạ.

- Tôi cũng cảm thấy thế, lão binh.

Lão gật gù, mắt ngầu đỏ, ngó mông ra biển tối.

Bỗng lão cất cao giọng hát một bài ca rất lạ. Cái giọng khàn khàn mang mùi rượu tạo nên một thứ âm thanh kỳ dị ma quái. Tôi nghe như có một chút gì sứt mẻ như khóc một cái gì đã mất. Lại pha một chút gì lụn bại đau

đón. Những cái đó chỉ là những thứ tôi cảm thấy, hoàn toàn tôi không hiểu biết gì về bài ca đó. Bài ca đó bằng một thứ tiếng nào kỳ lạ man dại. Những âm thanh sắc cạnh trong đêm heo hút lạnh gió ngoài bãi này muốn rót đến tận đáy lòng tôi, nghe tan vỡ, nghe như đang bay bổng lên một lưng chừng trời nào.

Một lát sau lão quán ngừng lại, uống một hơi cạn ly la-de, gấp một miếng nhắm. Có lẽ cái mặt của thức nhắm đã từng làm ngọt vị giác lão. Lão bảo tôi:

- Thầy nhậu đi chứ, tôi cạn ly rồi đó.

- Được rồi, tôi lai rai cũng hết mà. Tôi uống cũng chẳng kém gì lão đâu. Lão vừa hát bài gì đó, tôi nghe buồn mà không hiểu gì hết.

- Bài ca của những người không quê hương đó. Bài ca của những người Chiêm Thành còn sót lại trên đất khách quê người. Họ than vãn về quê hương xứ sở đã mất và dân tộc bị diệt vong. Họ yêu quê hương hơn yêu bản thân họ. Bài ca này ít ai có được. Hồi tôi đi trận, một tên lính, nó người Chiêm dạy tôi hát đó. Tôi có nghe nó giải thích nhưng tôi không cần ghi nhớ những lời giải thích ấy. Chỉ cần hát là đủ, hát đủ cảm thông nỗi lòng của những người lưu vong đã mất quê hương.

Rồi lão cất cao tiếng hát. Có chút gì suốt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rệu của lão khàn khàn chênh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh...

Đêm đã đến thực rồi, trời trong suốt trên cao.

HOÀNG NGỌC HIỂN

(Trích chương cuối truyện dài Quê Hương Lưu Đà của Hoàng Ngọc Hiến, VĂN ấn hành ngày 20.12.1969)

Hoàng Ngọc Hiến

QUỐC LỘ MUỖI BA



(hình Internet. Mũi tên chỉ áp lực dịch vào QL 13 - con đường huyết mạch nối từ SG đến Bình Long. Đại đội 399 của tác giả đóng ở đồn Tân Hưng cách Lộc Ninh 15 cây số về phía Bắc, với nhiệm vụ giữ an ninh QL 13 mạn Bắc)

LTS: Tập QUỐC LỘ MUỖI BA của Hoàng Ngọc Hiến được viết trong thời gian tác giả là một trung đội trưởng thuộc đại đội 399 tiểu khu Bình Long.

Năm 1974, tác giả gửi dự giải Bút Việt thuộc Trung Tâm Văn Bút VN. Cuộc chấm giải này đã gây nhiều phản ứng. Chính nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã đề cập đến QL 13 và lý do tại sao ông bị “quậy phá”. (Chúng tôi đã viết về sự kiện này ở những trang trước)

Sau 1975, bản thảo QL 13 bị mất.

Chúng tôi đã ra công sưu tầm lại.

2 bài cùng tựa đề Quốc Lộ 13 trên tạp chí Văn (số 127, 130)

2 bài trên Khởi Hành (do chính tác giả cho biết chúng được trích từ Tập QL 13)

Rất tiếc tác giả đã qua đời nên chúng tôi không biết làm gì hơn là chỉ căn cứ vào các tạp chí. Có thể bản thảo được sửa đổi nhuận sắc lại đôi chút. Nhưng không hề gì, với bốn truyện mà chúng tôi may mắn tìm ra cũng đủ nói về cái kích thước lớn của tác phẩm, và sự dần thân của tác giả để hoàn thành tác phẩm này.

1

QUỐC LỘ MƯỜI BA

(Văn số 127)

Con đường nằm bên bìa rừng cao-su này đẹp quá, tôi thờ dài, thời buổi thanh bình thì đây là một khung cảnh lý tưởng cho những cặp tình nhân, cho những khách nhàn du và cho những anh hùng mệt mỏi như tôi. Con đường đất đỏ mịn màng sạch mắt dốc 30%, một bên là muôn nghìn những cây cao-su nằm thẳng hàng yên lặng buồn tênh hắt cái bóng mát rọi của sóc Thượng nghèo nàn nằm rời rạc dưới nắng chiều. Mắt nhìn cảnh tượng, tâm hồn nghĩ ngợi đến ý tưởng nhỏ nhẹ mong manh ấy, nhưng tôi vẫn chú ý đến chú lính mang máy C.10. “Ồ nhận rõ, thôi tình nghĩa đôi ta chỉ thể thôi, thẩm quyền tôi nhận rõ, hẹn sáng mai cà-phê Tài-Ký”. Nó quay sang tôi:

- Chuẩn úy...

Tôi yên lặng chờ tiếp:

- Nó bảo chia tay ở ngã ba này. Tôi nay chuẩn úy cho năm đầu chuẩn úy.

Tôi nói:

- Nó bắt mình nằm ở bìa rừng, phía trên kia, đi tới chừng năm trăm thước. Nhưng đeo vào, tội gì, xem lại bản đồ đã. Rồi tôi ra hiệu cho thằng Vụ cận vệ tôi.
- Bảo tiểu đội một đi phía trước chậm lại và đi chừng hai trăm thước nữa dừng quân.

Chúng tôi bắt đầu đi lên đỉnh cao nhất của con đường. Càng đi lên, con đường càng thơ mộng. Rừng cao-su mới thay lá non trông ngon mắt lạ lùng. Nhưng rất nhiều lá khô úa mục phủ dưới mỗi gốc cây. Những lá ấy sẽ thành đất bùn trong mùa mưa tới. Sự thay đổi dạng của những rừng đồi cao-su như những người con gái đổi màu áo trong mỗi mùa, trong mỗi tuổi. Trung đội tôi đã tách rời khỏi bộ chỉ huy đại đội. Lúc này, tôi thực sự nhận thấy trách vụ quan trọng của tôi, chức vụ trung đội trưởng. Giờ này, tôi chỉ huy một trung đội không đủ cấp số, chỉ có hai mươi một người kể cả tôi. Tôi cảm thấy đơn độc, dù chiếc máy C10 kia vẫn cho tôi liên lạc với bộ chỉ huy hành quân, nhưng tôi vẫn cảm thấy tôi chỉ huy một cách đơn độc. Trong óc tôi, một ý nghĩ hiện ra rất mau: nếu bây giờ địch từ trong lòng rừng cao-su này tràn ra thì sao? Nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, nó bay đi một cách tài tình, tôi vẫn tin tôi là một cấp chỉ huy không sát quân và dẫn trung đội đi không bao giờ đụng địch. Địch thì vẫn biết không hiểu nó xuất hiện lúc nào, chúng nó chỉ đánh du kích mà.

Khi người lính đi sau cùng của trung đội tôi lên đến đầu dốc, tôi hạ lệnh dừng quân. Tôi nói:

- Bây giờ đồng hồ tôi là bốn giờ ba mươi. Các bạn có thể nghỉ ngơi và dùng cơm chiều đến năm giờ ba mươi. Nghỉ nhưng các bạn phải lưu ý đến lòng rừng này. Nhớ, đúng năm giờ ba mươi di chuyển.

Tôi chọn một gốc cây cao-su. Tôi dựa lưng vào đó và nhìn vào lòng rừng cao-su. Vài người lính, trong đó có tên Vụ và tên mang máy C.10 là Du lại bên tôi. Tôi nhai những miếng cơm một cách rời rạc, chán nản, chậm chạp. Một người lính giục tôi:

- Chuẩn úy ăn đi chuẩn úy.

Tôi nói khác ý tôi nghĩ:

- Tôi dùng ít lắm, cứ việc ăn đi.

Nó than thở:

- Ở cái đại đội này cực quá, nói thật với chuẩn úy, ai làm em đổi khỏi đại đội này, em khao nhậu cả tuần. Đại đội 212 ở bên nó mặc civil đi bay bướm hoài. Hôm nay chủ nhật cũng hành quân. Chán thật chán.

Tôi an ủi:

- Nhưng biết sao. Phải chịu đựng vậy. Chúng ta buộc phải hy sinh, buộc phải xa rời lạc thú. Tôi cũng như anh em, tôi cũng biết hôm nay là chủ nhật đẹp trời.

Chủ nhật ở tỉnh lỵ miền biên giới này gần như một ngày tết. Chợ đông, nhà thờ đông, các quán ăn đông. Phố xá được trang điểm bằng những màu áo xanh đỏ. Chỉ có chủ nhật, các cô mới được dịp cởi chiếc áo trắng nữ sinh và chiếc áo màu xanh đỏ. Trông các cô lớn hơn, đẹp hơn, bạo dạn hơn, duyên dáng hơn. Bởi thế các chú lính trẻ ở trung đội tôi lấy làm tiếc ngày chủ nhật. Mà cũng đúng vậy, đáng lẽ giờ này các chú ấy phải mặc civil lẻo đẻo theo sau một màu áo... thay vì tới nằm bên bìa rừng cao-su này nhai cơm ròi, bánh mì khô. Và chờ cho đến sập tối làm một cuộc phục kích đêm mà chúng tôi vẫn gọi là đi ăn sương.

Khi bữa ăn vừa xong, tôi đứng dậy chống khẩu carbine M2 dưới chân, tay nắm ở đầu mũi súng. Tôi nhìn vào lòng rừng và nhìn lính của tôi ngồi dài một khoảng chừng một trăm thước. Xem chừng chúng nó có vẻ dửng dưng, gập địch lúc nào cũng được. Có lẽ chỉ có mình tôi lo ngại đôi chút. Vụ bỗng hỏi tôi.

- chuẩn úy đã bắn thử cây súng này chưa?

- Chưa, nhưng súng mới chắc tốt không sao.

- Chuẩn úy nên bắn thử, em e rằng nó trình đạn kém. Có thể sửa chữa cấp tốc được.

Tôi vặn nó:

- Nếu trình đạn yếu, chữa bằng cách nào?

Vụ vui vẻ:

- Kinh nghiệm thì kéo dài lò xo hoàn lực ra một chút.

- Vậy thì tôi thử xem sao.

Tôi ngồi xuống, đưa đế súng vào hốc vai và hướng súng vào lòng rừng cao-su. Tôi bóp cò. Mấy viên đạn nổ. Tiếng súng vọng vào lòng rừng cao-su nghe như một nỗi đau buồn trong lòng quê hương Việt-nam. Khi ấy chiều đang xuống thấp, sóc Thượng ở dưới con đường dốc này đang đổi màu. Sau mấy tiếng súng, rừng cao-su với những hàng cây thẳng hàng vẫn nằm im yên lặng với nỗi thâm trầm của nó. Những rừng đồi cao-su này được thành lập từ những năm 37, 39. Hồi ấy, người Pháp còn đặt những bước chân cai trị vững vàng của họ tại đây. Họ đã mộ phu từ những rừng đồi nước độc miền Việt-bắc và dùng tàu chuyên chở tới miền biên giới nam Việt-nam Cambodge này. Những rừng cao-su này đã có cả một quãng đời thâm trầm dài rộng.

Chú lính Du chợt đến bên tôi:

- Trình chuẩn úy, bộ chỉ huy nói tăng phái ba người cho trung úy Hồng giữ trại cũ.

Trại cũ của đại đội tôi nằm cách đây hơn năm trăm thước về phía Bắc. Trung úy Hồng, đại đội phó, phải giữ trại trong thời gian chờ đợi làm bàn giao cho một tiểu đoàn mới. Hình như tiểu đoàn này từ trong Tân-hung ra. Đại đội tôi phải rút về ở chung với đại đội 212, một vị trí giáp ba điểm đặc biệt: phi trường Bình-long, một nghĩa trang và một cái đình. Nếu coi trại cũ ở rìa bên này thành phố thì trại mới ở rìa bên kia thành phố.

Tôi hỏi Du:

- Bây giờ ở trại cũ có mấy người rồi?

- Thưa bốn.

Tôi cười nhỏ:

- Bấy tám người giữ hậu cứ... quân tung ra ngoài hết... ở đây đã có thời kỳ nào như thế này chưa?

- Dạ chưa chuẩn úy, mới từ hồi tết, trước khi chuẩn úy tới ít bữa.

Tôi tự tin:

- Đạo này tụi nó làm dữ. Nhưng chúng nó không đánh tinh này đâu, nếu có thì đã ở ngay trong thời kỳ tổng tấn công. Tinh này nghèo, chẳng có gì giá trị chiến thuật nên viên

tướng già họ Võ mới không tung quân vào, phí đi. Chúng nó tấn công là phải có kế hoạch, công trình của mười mấy năm... Nhưng sau trận này thì hết, chúng nó kiệt quệ. Cứ bình tâm, bảo tôi ra lệnh chuẩn bị di chuyển. Mờ mấy liên lạc với trung úy Hồng đưa người ra đón ba người tăng phái của mình vào.

Trung đội tôi lại bắt đầu di chuyển. Nắng vàng nhạt của một buổi chiều sắp tắt chiếu vào một góc bìa rừng, nằm phơi trên đất đỏ, trên lá khô, trên quạnh quẽ cô đơn. Tôi chợt thấy buồn. Không hiểu vì những nguyên nhân tôi thương nào đã đưa tôi đến vùng cao nguyên đất đỏ này, dọc ngang những rừng đồi cao-su thâm u? tôi chợt thấy buồn, vắng, tôi chợt thấy buồn ở trong lòng, buồn lắm... buồn lắm người ơi... buồn lắm mẹ ơi. Giờ này, chiều xuống thấp, con tay súng lưng đạn dẫn trung đội đi ngoài bìa rừng. Lòng mẹ thương con như thế nào hả mẹ. Mẹ có hiểu được nỗi buồn cô liêu con đang chịu đựng này không? Và em, vợ yêu của anh, em thương anh như thế nào nếu thấy gót giày anh dính đầy bụi đỏ? Nghĩ đến các con của chúng mình, anh nhiều chua xót lắm. Biết thế đừng sanh chúng ra, sanh chúng ra để chúng sống trên một quê hương chiến tranh dài như thế này anh chẳng nở nào. Thời buổi này thật phiền. Có lẽ người ta đã phải quên để sống. Phải quên để tiếp tục hàn gắn xây dựng. Phải quên những đổ vỡ, những cảnh tượng đau lòng, để còn thấy cuộc đời vẫn đẹp dù chỉ có vài giờ, vài ngày đẹp đẽ. Người ta phải tập làm quen để xây dựng trên đổ vỡ, yêu thương trên tan tác, nhớ nhung trên đau khổ. Tôi chợt thấy buồn như một con tàu đời phố thị. Thân phận con người cũng chỉ như một con sâu trong rừng rú hẻo lánh trên mặt địa cầu này thôi sao? Sinh ra, sống gian khổ nghèo đói trên quê hương chiến tranh, sống bất an với nhớ thương chia cắt, sống ray rứt với đam mê không thỏa đáng. Rồi một ngày nào đó, vẫn còn thềm sống mà phải gục ngã, phải nằm xuống. Nhiều người đã chết đi một cách vội vàng, chưa kịp nói hết lời với những người ở lại, với những người chết sau. Hầu hết họ đã chết đi như thế, và những người con ở lại phá vỡ những kỷ niệm đẹp đẽ với những người đã chết. Nhưng có phải

chỉ có những người nằm trong lòng đất sâu, dưới một lớp đá ong mới thật là chết hay không? Còn nữa, tưởng phải kể đến cái chết dờ dang chứa đựng ngay trong thân phận con người, ngay trong thời đại này, ngay trong cuộc chiến này. Có ai tự hỏi làm sao để cứu rỗi? Đã cả trăm năm nay, người ta vẫn không trả lời được. Trả lời làm sao nổi khi tiếng súng vẫn còn vang vọng trên các miền đồng lầy, trên các cao nguyên, trong các rừng biên giới. Và trả lời làm sao nổi khi vẫn còn những trái lựu đạn phá hoại nổ ở một ngã ba trong thành phố, nổ ở cửa một nhà hàng, cửa một công sở. Khi con người còn nhìn những sự kiện ấy một cách bình thường thì chưa thể trả lời được.

Chúng tôi di chuyển tới chừng ba trăm thước nữa thì gặp vài căn nhà bỏ hoang. Đã có căn sập vì đạn của pháo binh. Tôi cho trung đội vào đó nghỉ ngơi, kiểm trái cây và lấy nước giếng, trong khi chờ trung úy Hồng ra lãnh ba người về trại. Tôi chọn địa điểm này và ra lệnh cho Du gọi máy liên lạc. Tôi chọn một mô đất cao nhìn cảnh tượng này. Một vài đứa mở cửa vào nhà lục soát. Vài đứa đứng ở quanh miệng giếng đang thả dây cho chiếc thùng xuống. Vài đứa ở ngoài vườn, đứa chọc ổi, đứa chọc quả điều. Cũng có vài đứa chả thiết gì, kiểm chỗ dựa lưng hút thuốc. Tôi chú ý đến một tên lính trẻ trong đám này, nó trẻ nhất trung đội, ngồi ở cách tôi không xa vừa châm một điếu thuốc.

Tôi hỏi nó:

- Chú mới vào trung đội này?
- Dạ vâng, em mới đến hai hôm nay.

Tôi quay sang hỏi người trung sĩ trung đội phó:

- Trung đội mình được mấy người mới.
- Thừa ba, chú này và hai chú nữa, đều đã làm lính.

Tôi tiếp tục hỏi chú lính trẻ:

- Chú tên chi?
- Em tên Đàng.
- Chú năm nay bao nhiêu?
- Dạ mười tám.
- Chú trẻ hơn thằng em tôi, thằng em tôi còn hăm hai. Chú đã đi lính gì trước đây?

Nó ngược đôi mắt một mí lên nhìn tôi, thờ một hơi thuốc và hình như nó xúc động đến một chút gì:

- Em đi biệt kích Mỹ cùng với một thằng bạn trẻ như em. Tụi Mỹ bắt hai đứa em học một khóa huấn luyện hai tuần rồi thả trực thăng xuống một tiền đồn ở sông Bé Phước-long. Thằng bạn em chết, em đào ngũ về rồi xin vào đây. Ở miệt đó đụng luôn, trận nào cũng dữ.

- Tôi cũng cố nghe. Chú có vẻ gan lỳ và lạnh lẽ. Tôi biết chút ít về tướng số, nụ cười của chú huyếch hoác râu rĩ, đời chú vất vả lắm.

Nó nhận lời đó của tôi như nhận một an ủi:

- Dạ vâng, em khổ cực nhiều.

Tôi tiếp:

- Thôi ráng, tôi tin ở số mạng. Tin ở số mạng để an ủi cho đời yên vui. Tôi cũng gian khổ từ nhỏ, cũng hồi mười tám như chú.

- Năm nay chuẩn úy bao nhiêu?

- Hai mươi tám.

Nó mời tôi hút thuốc, tôi cảm ơn nó, tôi ít dùng. Một lát, trung úy Hồng và người cận vệ của ông ta từ trên một dốc nhỏ trong trại đi ra. Tôi lại đón và bắt gặp ở trên môi ông ta một nụ cười trẻ trung dễ chịu. Hồng còn độc thân, bằng tuổi tôi, nhiều lúc vui tính như trẻ con, Hồng lên tiếng trước:

- Chờ đây lâu chưa?

Tôi nhìn đồng hồ:

- Chừng mười lăm phút.

Sau cái bắt tay, tôi mở một nút áo nơi ngực kéo ra một tấm bản đồ mở rộng trước mắt trung úy. Tôi nói nhỏ trong khi ngón tay tôi chỉ vào một áp nhỏ bên bờ rừng ở trên tấm bản đồ:

- Tối nay tụi tôi nằm đây, cách trại chừng hai trăm thước. Trung úy đại đội trưởng nói liên lạc với trung úy trước để nếu có gì thì rút về trại với trung úy. Tôi muốn nói nhỏ với trung úy. Nếu trung úy chịu, tôi dẫn cả trung đội tôi vào trại trung úy.

Trung úy Hồng khoái chí:

- Thề thì còn gì bằng, tôi được giữ cả một trung đội giữ trại

thì nhất. Nhưng ông báo cáo thế nào và mấy giờ lên?

Tôi cũng hứng chí:

- Thì tôi vẫn báo cáo nằm ở tọa độ đã chỉ định. Bỏ đi, cấp chỉ huy chịu chơi mà.

Hồng cười:

- Ông chịu chơi thiệt. Chuẩn úy trẻ có khác.

- Tôi cũng phải lo bảo vệ trung đội tôi chứ. Nằm ngoài này động chuyện sợ rút không kịp, pháo binh yểm trợ chúng nó bắn ầu lăm. Nó bắn trên đầu mình thì hết chỗ chạy. Thôi giờ trung úy cứ về trại đi, lát nữa xâm xẩm tôi tôi dẫn cả vào.

Hồng khôn ngoan:

- Nhưng ba người tăng phái cho tôi đâu, tôi lấy trước đây. Ngộ nhờ có chuyện gì ông không vào được thì sao. Ăn chắc cái đã.

Tôi cười:

- Ông này ma-le thiệt, thôi ông muốn chọn ai ông chọn. Nhưng yên trí, tôi sẽ dẫn vào an toàn mà.

Hồng nhắc đến ba tên. Tôi cho ba người đó theo trung úy Hồng vào trước. Chờ mười lăm phút sau, tôi dẫn trung đội vào theo bằng con đường mòn đi tắt, chúng tôi phải nâng cuộn dây thép gai và tránh bãi mìn nên di chuyển rất chậm. Nhưng khi cả trung đội lọt vào trại, trời mới bắt đầu xẩm tối. Trại cũ này nằm trên một ngọn đồi thấp, tôi đứng trên một mô đất cao nhìn thấy rõ thành phố bên trong đang bị bóng đêm bao bọc lại. Tôi nhận thấy khoảng cách, ngọn đồi này đúng là một tiền đồn.

Vụ lại bên tôi:

- Ngủ đâu chuẩn úy?

Tôi phác một cử chỉ:

- Chọn một cái hầm ở phía trái, khoảng giữa, đủ ba người tôi, chú và thằng Du như mọi khi. Lại trước đi, tôi gặp trung úy Hồng đã, lát tôi lại. Nói anh em rải đều ra suốt mặt đó, cất gác cẩn thận và đi ngủ sớm, mai có thể đi hành quân.

Vụ vâng rồi bước đi. Tôi nhìn nó cho đến khi tôi thấy nó và thằng Du vào một căn hầm. Tôi vẫn đứng ở mô đất cao đó, ý nghĩ muốn gặp trung úy Hồng tếu một lúc không còn nữa. Bóng tối xuống thật mau trong thành phố trước mặt.

Vợ con tôi mới ở Sài-gòn lên, hiện đang có mặt trong thành phố đó, tôi nhận định khu vực vợ con tôi ở với một sự băng khuâng. Một nỗi băng khuâng thật sự. Một sự lơ lửng, một niềm bơ vơ. Lúc này, tôi không thèm muốn gì, không ao ước gì, không than thở gì. Có lẽ tôi đã quen với việc đêm không ngủ nhà với vợ. Tôi đã quen với việc ngủ dưới đường mương, ngủ trong vườn bỏ hoang, ngủ bên bờ rừng... Riêng đêm nay thì có lẽ dễ chịu hơn một chút, ngủ trong một doanh trại vững vàng, nơi một lô cốt bọc sắt. Những trái nỏ mạnh đã bắt đầu được bắn đi từ bên trong thành phố. Những trái đó sẽ nổ ở trong rừng, ngăn chặn từng toán quân địch di chuyển. Và bắn vào những tọa độ nghi ngờ. Tôi nhủ thầm :

“Thôi ngủ yên một đêm”.

Tôi nhìn xuống chân, bóng đêm đã chan hòa ở đó, nền đất đỏ đã xậm lại. Tôi đi về phía lô cốt thẳng Vụ đã chọn. Bóng những tên lính của tôi lơ mờ, lẫn với bóng tối gần đó. Cảnh tượng này không đem lại gì vui. Tôi muốn nói với chúng nó: “Đi ngủ đi, loanh quanh làm gì, nếu giặc đến thì dậy vớ súng mà bắn.”

Thằng Vụ gọi tôi:

- Hàm này chuẩn úy.

Tôi lọt vào bên trong. Thằng Du đang đốt một mớ bìa vàng, ánh lửa loang loáng cho tôi thấy một chiếc giường gỗ kê sẵn. Vụ mặc xong chiếc võng, nó nói:

- Chuẩn úy ngủ trên võng, để hai tụi em ngủ trên giường gỗ này.

- Ừ, thế nào cũng được.

Ánh lửa chột yếu đi, Du nhìn mớ giấy gần hết, nó giục thằng Vụ:

- Mày đi kiếm một mớ giấy nữa đi mày, đuổi hết muỗi đi mới ngủ được.

Vụ bỏ đi. Tôi ngả mình xuống võng. Một chút êm ả và một chút ấm cúng mới len lỏi đến đây. Đêm nay súng vẫn ì ầm ở bốn phía chung quanh, nhưng chúng tôi có một đêm bình yên. Chúng tôi coi những đêm bình yên như thế này thật quan trọng bởi vì chúng tôi là những người lính thường xuyên với những vụ bắt trặc. Chúng tôi phải thức trọn đêm là chuyện thường lắm, lúc ấy chỉ có đứa nọ thương đứa

kia, canh chừng cho nhau ngủ. “mày chợp mắt một lát đi, tao trông cho, có gì tao gọi.” Mười phút, mười lăm phút ngủ gục đem lại tỉnh táo và sáng suốt không ngờ được. Đêm qua chúng tôi ngủ dưới một đường mương, những con muỗi vo ve bầu vào mặt vào hai cánh tay đen đúa của chúng tôi... Những con muỗi khốn nạn mà chính tôi, chính thằng tôi trong một tỉnh giấc đuổi chúng đã rửa: “Tiên sư chúng mày, lũ khốn nạn, làm ông mất cả ngủ.”

Tôi nhận định vị trí tôi đang nằm. Thật lạ. Thân tôi như một cánh chim trời phiêu bạt. Tôi đã từng vượt trùng dương tới sống ở những hòn đảo cô liêu. Còn bây giờ nằm ở một tiền đồn nhỏ bé bên những rừng đồi cao-su trầm mặc, tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại ân tặc cho rừng cao-su nhiều danh từ triết lý như vậy. Tôi coi rừng cao-su như một con người, một con người suốt đời mang tâm sự. Rừng cao-su như một triết nhân suốt đời nằm tư tưởng. Vụ trở lại lúc nào tôi không biết nữa, nó hỏi tôi:

- Chuẩn úy có tiếc ngày chủ nhật hôm nay không chuẩn úy?

Tôi nhìn ánh lửa:

- Không, tôi chả tiếc gì. Và cũng chả có gì để tiếc. Tôi hết ham muốn những thú vui rồi. còn chú?

Nó ngần ngừ:

- Em có hện.

- Với một cô đào?

- Vâng.

Tôi thở dài:

- Đáng tiếc. Quen cô ấy lâu chưa?

- Dạ từ hồi mới lên đây, hơn hai năm rồi.

- Thế quê chú ở đâu?

- Dạ Đức-hòa, Hậu-nghĩa.

- Tôi biết, nghe nói ở đó Việt-cộng như địa đới. Ít lâu nay chú có về thăm quê không?

- Dạ không, nhưng mẹ em có lên đây thăm.

- Thế bà cụ có bằng lòng cô ấy không? À nhưng chú có định lập gia đình với cô ấy không? Cô ấy tên gì vậy?

Nó vui vẻ tâm tình:

- Dạ Hà, em cũng đã nhiều lần tính chuyện với cô ấy. Em hãy còn giấu bà cụ, nhưng nếu em muốn thì bà cụ em cũng

chiều theo. Hà ngoan, dễ thương lắm chuẩn úy.

- Vậy hả, thế thì tốt và may mắn. Tính chắc đi cho tôi uống rượu với chứ?

- Dạ nếu có thì thế nào cũng mời chuẩn úy.

Tôi quay sang hỏi Du:

- Còn Du thì thế nào?

- Dạ nhiều lắm chuẩn úy. Em cũng đang tính với một cô đó.

Tôi cười:

- Thế ra các chú đào hoa quá... . Thôi ngủ đi, chúc các chú mơ thấy người lý tưởng trong giấc ngủ. Riêng tôi, tôi ngủ say lắm, không mơ thấy gì cả.

Tôi nhắm mắt. Quả thực lúc này tôi cũng đã thấy buồn ngủ rồi, hai mi mắt trĩu xuống. Nhưng không hiểu sao trong đầu óc tôi chập chờn nhiều hình ảnh, trong đó có một hình ảnh làm tôi xúc động nhiều nhất: người con gái ngoài phố, ở tiệm may cắt Phúc Hải chiều hôm qua tôi đi qua cửa còn thấy mặt tươi tỉnh đầu trần, tóc dài rối trên lưng, thế mà sáng nay tôi đi qua tôi đã thấy người con gái ấy mang một khăn tang trắng trên đầu. Bây giờ tôi hơi thắc mắc: tang ấy tang chồng hay tang một người thân, và biết đâu chẳng có thể là tang một người yêu chưa cưới, chỉ mới có hẹn thề?

HOÀNG NGỌC HIỂN

(Tập chí Văn số 127 năm 1969)

Quốc lộ Mười-ba (tiếp)

(nguồn: tạp chí Văn số 130)

Sau cuộc pháo kích xâm nhập này, thị trấn đương nhiên bị đặt trong tình trạng báo động. Nó sẵn sàng chờ đợi để đối phó với những biến động mới. Tiểu khu vội vã tung ra những cuộc hành quân lục soát và phục kích đêm với cấp tiểu đoàn. Với lệnh cấm trại 100%, tôi đã tham dự hầu hết. Đối diện với bóng tối, với bìa lô cao-su, với hiểm nghèo có thể đến bất cứ lúc nào, với lệnh tử thủ; tôi đã trở nên già dặn lúc nào không hay, tôi đã cảm thấy tôi là một lính nghề lúc nào không nhớ nữa. Tôi mới bắt đầu thấy tôi kiêu hãnh để kéo xệ cây súng Colt 45 đeo ở bên hông xuống một chút nữa. Nhưng, những khi kéo xệ cây súng Colt xuống, tôi bỗng thấy tôi cô độc giữa núi rừng cao-su trùng điệp miền cao nguyên biên giới này.

Tôi bắt đầu mơ tưởng lại quá khứ với những gì đã thụ hưởng hoặc đã để lỡ trôi qua. Một chút ân hận. Một chút nuối tiếc. Một chút thèm muốn. Điều đó đã dậy lên như một mặt trời cao ráo dựng đứng trên những đỉnh đồi cao-su mù mịt. Nhất là vào những đêm trời mưa đi kích ở chợ, nằm trên quầy hàng bọc nhôm chập chờn đi vào giấc mơ tình ái. Để rồi chợt tỉnh táo tức khắc sau một trái 82 ly nổ giữa thành phố hay một trái hỏa châu soi sáng vùng trước mặt. Bây giờ súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bớt-đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon, cái lon hình oméga gắn trên ngực áo như một bay bướm duy nhất còn lại trên người tôi. Ngày cũng như đêm tất tưởi. Ngày cũng như đêm chỉ ở trại, ở chợ, ở đường, ở rừng.

Nhưng cái sinh hoạt ấy chợt dừng đứng lại.

Một tối, vừa cho trung đội tới vị trí kích, thằng Thành mang máy C10 lại bên tôi.

- Chuẩn úy.

Tôi thở một hơi thuốc, thản nhiên như mọi lần:

- Gì vậy?

- Dạ thẩm quyền muốn nói chuyện với chuẩn úy.

Tôi cầm lấy ống liên hợp đưa lên tai nghe.

- Thanh Thúy, Thanh Thúy, đây Thanh Thúy Một gọi.

Cái giọng nói rề rề của ông Trung úy Đại đội trưởng ở bên kia đầu máy:

- Thẩm quyền tư tưởng đó hả?

- Vâng, thẩm quyền có gì cho?

- Anh bảo đàn em của anh đó. Sáng sớm mai, sau khi đi kích về, sửa soạn một ba-lô với mười lăm ngày ăn, một bộ đồ trận. Mang theo xêng, hỏa lực đầy đủ. Tám giờ xong. Anh có thể cho chúng nó về sớm hơn mọi bữa để làm cho kịp. Đại đội chúng ta phải đi đóng “đồng đa” đó, thay thế cho thằng 215 đã quá nhiệm kỳ. Nhận rõ trả lời?

Tôi bấm cái nút nhựa trên ống liên hợp:

- Nhận thẩm quyền rõ. Còn gì cho tiếp.

- Có vậy thôi anh. Dứt, tạm dứt nghe anh.

Tôi rầu rĩ lắm lắm: “Đ.m., đúng là lệnh nhà binh, ban ra lúc nào đi ngay lúc ấy...”

•

Chiếc camion đầu tiên chở tôi và trung đội của tôi xả ga xuống cái dốc cuối cùng rồi chồm lên, sau đó mới dừng khựng lại nơi vọng gác của đồn. Tôi còn thấy gần vọng gác, một bàn thờ dựng bằng một cột, không nhang khói. Trong tầm mắt có tới cả chục chặng dây thép gai căng chằng chịt. Rồi tới cổng vào căn cứ, dựng một tấm biển màu xanh loang lổ có hàng chữ màu vàng sắp phai mất hết: “Đồn Tân Hưng”. Tôi phải chăm chú mới đọc được hàng chữ đó. Xa hơn và thu hút nhất là cột cờ với lá cờ vàng ba sọc đỏ bay nhẹ và cái mirador màu gạch cua cũ dựng từ hồi Pháp thuộc còn để lại. Tôi biết chắc như thế, không cần phải giải thích, vì cái kiểu cách đó, tôi đã thấy ở nhiều đồn bót Pháp hồi người Pháp còn đặt những bước viễn chinh của họ trên quê hương này. Tôi thấy từ hồi còn nhỏ, một túi trên lưng, khăn quàng trên cổ, theo gót chân mẹ tôi tản

cư xuôi ngược, vùng nọ sang vùng kia, vùng này sang vùng khác. Lửa bốc cháy sau lưng. Đạn bắn bay trên đầu. Và bóng tối mưa dài vây bủa chung quanh. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không. Mấy mẹ con mình ngã dầm ngã đuối. “Tội nghiệp con tôi”, mẹ kêu không biết bao lần, con còn nhớ lắm. Tiếng nói đó đã khắc sâu vào tâm con và bây giờ nó đã trở thành một thứ trầm tư thâm kín trấn giữ đời con. Như khí giới của tên lính trấn thủ lưu đồn. Thứ khí giới ấy, con đã cất giữ, và bây giờ đem theo tới tiền đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết. Vâng, mẹ đâu đã biết đứa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loan tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không...

- Ê, Tường, mày vào đây hả?

Thiếu úy Cung, xử lý thường vụ Đại-đội trưởng 215 đã ra đón tiếp chúng tôi. Tôi mở cửa xe nhảy xuống bắt tay Cung:

-Ồ, tôi húng cái khỏ cho tụi mày đây. Chiều nay mày tha hồ mà bay bướm với các em ở thành phố...

Hắn toét miệng ra cười:

-Đ.m, cũng phải cho tụi tao xả ga chứ, không ứ lên chịu sao thấu mày. Thôi mày cho xe vào đi, bảo thằng truyền tin của mày gắn antel dù vào ngay, nó pháo kích còn liên lạc xin pháo binh. Tao xong nhiệm vụ rồi, tao đeo biết nữa đâu.

Tôi cũng văng tục:

-Đ.m., chưa đi hẳn đã lổi. Tôi cũng đeo biết, tôi đâu phải Đại-đội trưởng mà anh tính bàn giao cho tôi. Trung úy của tôi còn ở dưới kia kìa, xe sau đó, pan mẹ nó rồi, còn chữa ở dưới đó. Xe tao đi đâu, trung đội Một mà.

-À, có mấy xe mày?

-Bốn camion, đại đội tao đầy đủ cấp số chứ đeo như đại đội mày đâu. Việt Cộng đeo dám thử. Thử là chúng nó lúa vàng hết.

Vẫn cái nụ cười toe toét của Cung:

- Thôi lên xe vào trại đi cha, biết rồi khổ lắm... Cho con còn gô som sớm.

Chiếc camion len lỏi qua nhiều chặng dây thép gai vào trong đồn, đổ quân, đổ đồ, đổ đạn xuống. Tôi liền ra lệnh cắt gác, phân chia quân và hỏa lực bố trí tại các hệ thống phòng thủ, bảo truyền tin gắn antel dù vào máy C10, sẵn sàng đối phó với phản trắc bất ngờ. Địch chỉ lợi dụng lúc hỗn tạp này. Trung đội tôi trực bữa nay nên đã phải tới đây trước hết, xong xuôi mới kéo cả đại đội vào.

Cung chỉ cho tôi sơ lược địa thế, hầm hố. Tôi ngó qua, thất vọng rủa nó:

- Đm., tụi mày sắp đi tụi mày ỉa cả ra cho tụi tao tới **hốt** hả. Gì mà bắn thiêu, dột nát, xập xệ, rác rưởi quá xá thế này.

- Mùa mưa mà mày.

- Mưa thì mưa chứ. Tụi mày chắc chỉ chơi không, ăn rồi ỉa thôi, chứ đéo gì. Chỉ chết tụi con... Thôi tụi mày xéo bỏ nó đi cho rồi. Để các con làm lại cuộc đời.

Những chiếc xe sau chở đại đội tôi lần lượt vào đồn. Sau khi Đại-đội trưởng nhận bàn giao, và những chiếc xe chở chúng tôi tới đây đã chở hết những tên lính của đại đội 215 ra khỏi doanh trại, thì trời đã trưa. Mặt trời đã bắt đầu nghiêng bóng về tây. Trưa rồi. Tôi nhận khu vực phòng thủ của trung đội: mặt Nam hướng về xã Tân-hung.

Tuyến phòng thủ của chúng tôi khoảng ba mươi thước gồm có mười cái hầm. Ở khoảng giữa, thụt vào phía trong một chút có một cái hầm. Tôi ở hầm đó. Bộ chỉ huy trung đội ở đó. Tôi, cận vệ của tôi, và truyền tin. Ba người. Hầm hơi chật nhưng cũng phải chịu, được cái trông có vẻ cao ráo, sạch sẽ, thoáng khí hơn nhiều hầm khác. Bởi vì tương đối nó nông hơn, nhiều thanh gỗ và bao cát còn mới, có lẽ đã được tu bổ gần đây. Tuy nhiên, mùi gỗ ẩm, mùi đất ẩm cũng làm khó thở; cố gắng lắm tôi mới không khỏi buồn nôn. Tôi gọi cận vệ, truyền tin của tôi lại trước hầm đó:

- Mình ở đây. Chịu khó dọn dẹp, tu bổ sao cho được. Làm ngay đi, bây giờ còn nắng. Chiều mùa này hay mưa lắm, chịu khó làm gấp đi. Phân chia cắt đặt xong, tôi lại phụ cho.

Chúng nó ừ hử. Tôi nhảy lên nóc hầm trước mặt cái hầm

tôi ở. Trung đội đã loanh quanh ở gần cả đây và đang chờ tôi quyết định. Tôi nói:

- Cái hầm này, cái hầm tôi đang đứng đây dành cho bộ chỉ huy. Ông trung đội phó, phụ xạ thủ M79 và trung liên bar của bộ chỉ huy. Bốn hầm phía bên phải tôi của tiểu đội Một. Bốn hầm phía bên trái tôi của tiểu đội Hai. Hai ông tiểu đội trưởng phân chia cho các anh em và sắp đặt vị trí súng trung liên sao cho có một xạ trường hoạt động tốt. Các ông nhớ, như tôi đã nói nhiều lần, cây M79 và các cây trung liên là linh hồn của trung đội. Bây giờ các ông thi hành, có gì tôi sẽ ban lệnh sau. Các bạn có gì thắc mắc không?

Những tiếng “không” nói lớn. Tôi chỉ vào hầm của tôi:

- Tôi ở hầm này. Có chuyện gì lại đó kiểm tôi. Rồi, các bạn tan hàng.

Chúng nó lục tục kéo đi. Ba-lô, nón sắt, dây đạn, thùng đạn làm mờ hôi đổ. Tôi lần lượt đi xem từng hầm một. Hầm nào cũng rác rưởi, cỏ dại, ướt át, đất đỏ dính dấp và mùi gỗ mục xông lên ẩm thấp. Trận mưa đêm qua còn để lại nhiều vũng nước đục bẩn như nước cống. Ống bơ, chai lọ, muống chén bừa bãi trên đất lầy. Cúi đầu ở cửa hầm nào nhìn vào bên trong, tôi cũng lắc đầu thất vọng, an ủi chúng nó: “Thôi chịu khó, ở đây cũng coi như nhà mình ở, ráng nghe”.

Khi trở lại hầm của tôi, tôi đã thấy thằng Vụ và thằng Thành (truyền tin mới đã đến thay thế thằng Du hơn một tháng nay), hai đứa đã xoay tròn ra sức sửa sang. Mồ hôi đổ từ cổ xuống lưng. Tôi thở dài:

- Tao chán quá rồi mày ạ.

Nó nói:

- Mới vậy đó chuẩn úy. Vài bữa đâu vào đấy bớt đi. Chuẩn úy mới đóng đồn lần đầu, tôi nhiều rồi, riết quen chuẩn úy. Chuẩn úy kiểm chỗ nghỉ đi, lát xong tụi tôi gọi vào.

- Được, tụi mày cứ làm đi. Nghỉ ngơi gì giờ này. Chưa ra đâu vào đâu hết.

Tôi chột nhìn lên mirador, một tên lính của trung đội tôi đang ngồi gác trên đó. Nó nhìn ra phía xa chăm chú. Tôi dời chỗ đứng, lần bước đi lên với nó. Tôi lên đứng gần nó. Gió thổi tới. Con gió thổi mát lòng làm tôi tỉnh táo. Tôi lấy

cái zumen để ở gần nó đưa lên ngang mặt. Tôi di động vòng tròn tại một chỗ đứng. Đứng ở vị trí nào tôi cũng chỉ thấy những rừng đồi cao su. Những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su nằm im phăng phắc. Những rừng đồi cao-su vẫn trầm tư mặc tưởng, như chưa bao giờ biết đến một đồi thay nào hết. Những rừng đồi cao-su từ đây chạy dài ra tới quốc lộ, chạy dọc hai ven quốc lộ; nó có con mắt trong suốt chứng kiến từ phút đầu cho đến phút chót những trận đụng độ, những trận phục kích... Nhưng đôi mắt trong suốt đó, đã từ nghìn đời nào rồi, vẫn lạnh lẽo như một mặt nước mùa thu im lặng.

Tôi buồn buồn hỏi tên lính của tôi:

- Mày gác gì đó mày?

- Em gác Việt Cộng, chuẩn úy.

- Ở gác Việt Cộng mà tao thấy mày chỉ nhìn về có mỗi một hướng trước mặt. Ngồi một chỗ thế này chả mấy chốc mà mày gục. Mày có tiếng là gác ngủ rồi đó nghe, tao lưu ý mày rồi đó. Có buồn ngủ không, tao cho đi ngủ gấp, gọi thằng khác lên gác thế.

Nó vội vã:

- Dạ không chuẩn úy. Em quan sát mọi hướng mà.

Nhưng tôi cũng chẳng tin nó được. Tôi đứng ở đó hết vọng xuống:

- Ông tiểu đội trưởng tiểu đội Hai đâu? Cho tôi một thằng nữa lên đây. Ở trên đài quan sát này là phải gác kếp cho tôi. Tất cả cấm đầu vào lo hằm lo hỏ, nó bò tới hàng rào lúc nào không hay à.

Tôi trao cho nó cái zumen:

- Cái này phải đeo vào người. Mày là bê bối lắm đó. Ở đây, mày mà nhảy dù về là tao tính mày đó. Nhớ không?

- Dạ nhớ.

Tôi bỏ đi, miệng lẩm bầm “ờ nhớ”.

Tôi bây giờ thế đó. Mày không còn là của mày nữa. Đã khoác bộ đồ trận này vào, mày đã trở thành con người của quốc gia, của chính phủ. Mày không còn là của cha dưỡng mẹ sanh. Mày không còn là của vợ, của con mày nữa. Vợ tôi vẫn không giấu giếm được những giọt nước mắt mỗi lần tôi bước chân đi. Đã nhiều lần, có lẽ chúng tôi đã đếm gần hết số lần xa nhau trên những đầu ngón tay trong vòng

năm năm trời. Chưa bao giờ chúng tôi được sống bên nhau được một thời gian dài trên năm tháng. Giờ này, giờ này, đã lại xa nhau nghìn trùng. Mười lăm cây số, nhưng tôi có cảm tưởng như cả một nghìn trùng. Em biết không em, chiếc xe chờ anh tới đây, anh đã thấy chỉ những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su thâm u bí mật. Pha gương ở đó nào cảm thù, nào oan khiên. Anh không thể nào có một cảm tưởng khác được là cả một nghìn trùng vây bọc. Em đã có thêm ý nghĩ u hoài nào nữa chưa em? Không ngờ phải không? Không ngờ anh đã thành một người lính cầm súng bước tới chôn này. Không ngờ, anh đã cầm sự vụ lệnh tới trình diện một đại đội tác chiến nổi tiếng và thiện chiến nhất miền này. Tới làm một cấp chỉ huy ở đại đội toàn lính dũ dần này, anh đương nhiên trở nên dũ dần hơn chúng nó lúc nào không nhớ nữa. Em đừng trách anh rằng bây giờ anh còn nhớ gì nữa chứ. Anh đã bị xô đẩy nhiều quá rồi.... Và kỷ niệm đã nhiều lần bật thành tiếng thét trong hồn như một tiếng súng nổ vọng vào đêm.

Tôi đi tới hầm chỉ huy đại đội. Tôi gặp trung úy Đại-đội trưởng ở đây. Ông nhớ tôi ngay:

- Anh Tưởng.

- Có việc gì trung úy?

- Tôi bận quá, tôi nhờ anh việc này nghe. Anh vẽ giùm tôi sơ đồ phòng thủ và thảo giùm tôi kế hoạch phòng thủ. Được không anh?

Tôi ngần ngại. Trung úy tiếp:

- Cái sơ đồ phòng thủ thì anh không có gì thắc mắc chứ gì. Phòng thủ đồn bót tương tự như bố phòng chu vi đóng đêm, quen rồi phải không anh?

- Vâng, nhưng còn cái kế hoạch...

Trung úy cướp lời tôi:

- Tôi biết. Đại khái như thế này. Đề tôi nói rồi anh thêm bớt. Đại khái chủ nghĩa, trên giấy tờ mà anh. Thế này nghe anh...

Ông ấy nói một thôi một hồi.

Tôi cười:

- Trung úy nói vậy, chẳng biết tôi có nhớ để phản ảnh trung thực hay không.

Ông khuyến khích tôi:

- Được anh cứ làm đi mà.

Tôi chán nản trở về hầm của tôi. Thăng Vụ và Thành đã dọn dẹp căn hầm. Chúng nó đã vặn radio, nhạc hay vang lên. Tôi thấy có sẵn một cái kệ. Chúng nó dùng những mảnh gỗ kê được một cái giường nhỏ một người nằm. Và chúng nó còn kiếm đâu được mấy cái thùng gỗ nhỏ thấp dùng che phủ mặt đất ẩm ướt dơ bẩn, trên đó là một mặt phẳng tốt để đặt balô, dây nịt đạn, nón sắt. Trông đã có vẻ mát mắt. Tôi nói:

- Khá rồi ha. Bây giờ lấy một poncho trải lên cái giường này. Một cái căng trên trần hầm. Thế mới thật sạch mát. Còn cái kệ này dùng để đồ vật đèn nến đường sữa café thuốc lá, kiếm cái gạt tàn thuốc. Mình sẽ xin ván bìa đóng vào vách hầm, rồi kiếm mấy cái hình “truồng cỏi” dán vô chứ. Mình làm cho xôm xôm nghe.

Hai đứa nó cười.

- Chuẩn úy chịu chơi rồi đó.

- Ở đây phải thế mới được, phải không mày? Mình phải trang hoàng cái hầm mình cho sang nhất đồn. Ở đây thăm quá, mình phải cố gắng làm cho nó bớt thăm đi chứ. Thôi, để tôi làm mấy cái vụ này, chúng mày làm cái gì ăn đỡ đi. Một giờ trưa rồi, vừa chán, vừa nản, vừa mệt, vừa buồn nôn, và vừa đói nữa.

Thăng Vụ mau miệng:

- Có rồi chuẩn úy. Để tôi trải poncho rồi dọn cơm ăn. Chuẩn úy thích ăn thịt hay cá?

Tôi vui vẻ:

- Ừa, đóng đồn cũng ăn thịt cá, sang quá nhỉ.

Đói, mệt, nhưng tôi chỉ ăn được vài miếng. Không tài nào nuốt nổi. Tôi thoát ra khỏi hầm leo lên một nóc hầm kiếm gió. Nực nội quá. Tôi móc túi lấy thuốc hút. Tôi kéo theo ra với gói thuốc cả cái thẻ công vụ. Cái thẻ dân sự, chúng nhận là giáo sư, nghề nghiệp trước khi tôi nhập ngũ. Tôi mở ra xem cái ảnh dán trên cái thẻ. Hình tôi nửa người mặc áo lớn, tóc dày bất xanh mượt, trông trẻ trung mập mạp hơn lúc này nhiều. Lại một chút tiếc rẻ, nhớ thương dĩ vãng. Nhưng sau khi châm một điếu thuốc, tôi quên ngay. Các lô cốt, các hầm hố, các antel dũ, concertina, bãi mìn và

lính tráng mang bộ mặt ngơ ngáo đập mạnh vào mắt tôi. Nhiều đứa trông lúng túng, không biết làm gì lúc này. Tôi, tôi cũng vậy nữa. Tôi chả biết tôi sẽ phải bắt đầu như thế nào cái công việc mà trung úy đại đội trưởng nhờ tôi lúc này. Nhưng dầu thế nào, tôi cũng phải bắt tay vào việc, để kịp thời đối phó với cộng quân đang mưu đồ leo thang chiến cuộc. Chưa biết chừng ngay đêm nay cộng quân mở trận tấn công vào tiền đồn này. Trong mấy ngày gần đây, chúng đã tấn công vào hầu hết các cứ điểm ven quốc lộ Mười-ba danh tiếng. Những trận Bến cát, Bàu-lòng, Tân-khai, Tàu-ô, Cần-lê, Lộc-tấn, Lộc-ninh tất cả khốc liệt đã ném vào đầu óc mọi người những ý tưởng khủng khiếp về miền đất đỏ cao-su độc địa này. Tại Tân-hung, nơi tôi vừa tới đây, hồi sư đoàn 5 ở, Cộng quân cũng đã tung vào một trận đánh với cấp tiểu đoàn. Tự độ ấy, quốc lộ Mười-ba được mệnh danh là quốc lộ máu. Có người còn gọi quốc lộ của tử thần.

Tôi nghĩ, chiều nay, có lẽ mình phải viết mấy lá thư về nhà. Chắc chắn phải có một cái dành cho vợ. Thôi bây giờ, súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt dờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon hình oméga gắn trên ngực áo anh như một bay bướm duy nhất ở chốn địa đầu này đó em. Giọng ca Bạch-Yến thâm trầm trong nhạc bản “Đêm đông”, kể từ đêm nay, lại âm vang trong lòng này như tiếng súng vọng vào lòng rừng... đêm đông ta mơ cố nhân gia đình yêu thương... Buồn quá phải không em? Anh vẫn chập chờn giấc ngủ với giọng ca mơ hồ ấy... Và anh, anh vẫn còn tự hỏi không biết chúng ta từ cõi hư vô nào lưu lạc tới đây, sống kiêu hãnh ven quốc lộ mù bụi đỏ, thâm u rừng đồi cao su. Quốc lộ Mười-ba. Quốc lộ của tử thần...

HOÀNG NGỌC HIỀN

CÒN SAY

(nguồn: Khởi Hành số 73)

Tôi thức giấc nghe nhức nhối và nặng nề trong đầu. Hình như một loài ma men nào đang đục rữa khối óc chết tôi. Rồi tôi cảm thấy cả người vẫn còn ê ẩm, một sức hủy hoại của rượu. Như vậy, tôi vẫn chưa hết hẳn một cơn say túy lúy càn khôn? Lão thượng sĩ già vẫn còn nằm kia, chết giấc, mùi rượu bay nồng trong hơi thở lão. Cái mùi khó chịu buồn nôn ấy, tôi chợt nhớ ra từ mấy bữa mưa, vương vãi trên sàn hầm xông lên nữa... Tôi ngó xuống, chúng đang trôi lều bều trong nước đục đỏ ngầu. Thì ra đã có mưa đêm, cơn mưa đã đến và đã tạnh lúc nào, tôi không biết. Dòng nước từ một chỗ đột chảy xuống tấm poncho căng trên trần hầm hình như vẫn còn đọng ở những chỗ trũng, chỉ chờ đợi một động tới là đổ ào cả xuống một góc hầm. Căn hầm thì đã ngập nước.

Sống lâu ngày trong hầm dựng bằng cây và bao cát ẩm mục, sinh lực mòn mỏi trông thấy. Thấm thoát đã ở tiền đồn Tân Hưng này gần hai tháng trời, giữa một mùa mưa. Khuôn mặt lão thượng sĩ thường vụ vàng ửng, nhợt nhạt dưới thứ ánh sáng yếu của ngọn đèn dầu nhỏ; tôi ngó vào hai cánh tay trần tôi, tôi cũng thấy như vậy. Khuôn mặt tôi có thể không? Có khi còn sưng húp lên vì cơn say chưa tan hết. Xem đồng hồ tay: gần bốn giờ sáng. Tôi mở máy C.10, bóp ống liên hợp: “Đào nguyên, Đào nguyên một gọi, nghe trả lời?”. “Nghe, phát, thẩm quyền.” “Tao tỉnh chưa mày?”. “Thẩm quyền đâu có say, thẩm quyền?”. “Xạo mày, tao say túy lúy, mặt còn đỏ hơn mặt trời nữa,

mày ngạo tao đó hả?”. “Dạ, đâu có, em còn thấy thâm quyền diu lão thượng sĩ già về đồn kia mà. Em còn thấy chuẩn úy cướp súng colt của lão đưa cho thằng Thành nữa.”. Tôi cười: “Thế thì tao sayrồi, tao có nhớ mẹ gì đâu. Có cà phê chưa mày?”. “Chưa, hẹn một giờ nữa, thâm quyền.”. Tôi đóng máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẳn, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó.

“Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến.”

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vũng nước mưa trong suốt như nước mắt. Nhớ mùa mưa nào đi hưởng hạnh phúc ở một thành phố cửa biển, nàng vẫn vén cao ống quần nhúng trọn cả hai chân xuống vũng nước bên bờ đá, mắt cười: “Anh ngắm đi, chân em xinh không, no tròn, anh thèm không?”. Để thấy tôi cười cầu tài: “Thèm đứt đi ấy chứ”. Nghĩ ngợi làm tôi thiếp đi được một lát, nhưng lại chợt tỉnh dậy trong cơn mơ nào lạ, hình như có vợ tôi, vài người lạ mặt ở trên một chuyến xe ngựa, đi ra ngoại ô thành phố. Từ lúc đó, giấc ngủ mới thật sự không trở lại nữa. Không có hy vọng gì làm một người thái cổ hoang mang trước tảng đá lẩn, tiếng thác đổ, để thu mình vào trong một hang hốc vui thú với một người đàn bà. Tôi cần có mùi hương thơm nhẹ, mùi phấn thoảng trên da, trên tóc ngọt bùi... Vậy mà sao tôi lại đến đây? Tôi lớn lên từ một khu rừng hẻo lánh, qua một vùng sa mạc vàng rực, chỉ có bóng dáng của lạc đà thôi sao?... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: “Aurevoir”. Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật

nhANH...đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tủi. Kể từ khi lấy nhau, chúng tôi đã đi tới một vùng đất mới. Dù ở đâu, chúng tôi vẫn là những kẻ đi xa, thật xa. Và tất cả mọi liên hệ thân thuộc, để khỏi phải phôi bầy với họ nổi tung thiếu của mình. Chúng tôi đã đến vùng, mà vinh nhục của chúng tôi cũng không một người thân nào biết đây là đâu. Vinh chúng tôi biết, nhục cũng chúng tôi biết, cũng chỉ chúng tôi chôn giấu trong lòng. Xin từ chối mọi sự thăm viếng. Xin cha mẹ, xin anh em đừng nhớ gì, đừng nhắc gì đến đời sống chúng tôi nữa. Xin chấm dứt thật sự cái liên hệ hờ hững đó, cho chúng tôi được êm ả tách bến, đi biệt vào vùng đồi núi cô độc của chúng tôi. Sự sống cũng như sự yên nghỉ, chúng tôi muốn thu xếp một cách lặng lẽ. Chúng tôi đã khởi đầu cuộc sống, khởi đầu mọi tham dự, từ một con đường bụi cuốn cao định mệnh như thế nào? Biết làm sao khi những người yêu nhau không có nhà để ở, không có tiền mua rượu mời an hem bè bạn, không có nhiều thứ khác mà xã hội bắt họ phải có đủ thứ hết. Có lẽ xã hội không tốt gì với họ, mang thùng buộc vào chân họ, mang lưới chum vào đầu họ, và mang bộ da đười ươi khoác lên mình họ,... Và rồi chúng ta cũng phải biết khoác bộ da đười ươi, để làm những điều mà nếu còn khoác bộ áo người chúng ta không thể nào làm được!

Cơn mưa chợt trở về khi trời dửng sáng. Tôi vừa bỗng thấy mình rơi vào một trạng thái xa lạ nào. Có một chút bã buồn. Có một chút trống rỗng. Có một chút bức dọc. Có một chút mệt mỏi. Qua khung cửa hầm, tôi thấy trong tâm mắt những bức tường rêu xám xịt, những mái tôn lác lõng mấy cành cây khô rớt, những hàng rào kẽm gai đã cũ,... Và thế là ngày lại bắt đầu. Tôi chợt thờ dãi nghĩ ngợi: “Đó, ngày đã đến rồi đó, làm sao bây giờ đây em? Anh sống làm sao đây em? Đây sự sống đâu? Sinh lộ của anh rẽ đâu rồi? Sao chúng mình lại cách nhau những cánh rừng dài? Sao chúng mình đi qua được những đau khổ một cách tài tình đến vậy?”.

Trong một phút cố gắng, tôi vươn vai ngồi dậy, và đập vào lão thượng sĩ già:

“Thôi, dậy đi cha ơi!”

Lão mở mắt, há hốc miệng ngáp:

“Đ.M., say một bữa thích quá. Đêm qua, lão đại cần câu qua người quan, quansay, quan đích biết gì cả!”

Tôi đập lão:

“Bố tiên nhân cái lão già khốn nạn này!”

Lão cười ha hả.

“Ngủ nữa đi quan ơi, mưa bỏ mẹ đi, hôm nay cho lính ngh3 hết, nghỉ trọn ngày. Lão thường vụ này chịu chơi rồi, quan ơi!”

“Đ.M., có lệnh mở đường cho mai bạc vào thăm đồn bây giờ đó, thường vụ ơi!”

“Thì quan dẫn lính đi, chứ lão có đi đâu!”

Tôi chửi lão:

“Bố cái lão già bẻm mép. Thôi dậy kiểm ly cà phê cho tỉnh ngủ chứ! Mơ suốt đêm, ướt nhẹp cả quần rồi, còn chưa chán sao?”

“Mẹ kiếp, muốn ra áp thăm em Minh thì nói toạc ra, còn kiểm cà phê cà pháo! Già này biết quá mà!”

“Ôi cái lão già bày đặt quá! Già rồi mà còn lắm chuyện!”

Lão cười hình hích:

“Mùi rượu bay thơm quá!”

Tôi chỉ còn biết lắc đầu. Nước đột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, màu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mửa,... ngó phát lợm giọng. Đây là một trường hợp chiến tranh trên quê hương nghèo khổ, lắm tàn tích, lắm chủ nghĩa, lắm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vui đầu vào những cơn say vô vị. (Đài phát thanh chợt loan tin chiến sự. Chúng tôi lắng nghe. Ngày hôm qua đoàn công voa của lực lượng Hoa Kỳ, di chuyển trên Quốc Lộ Mười Ba đã bị địch phục kích khoảng mười lăm cây số nam An Lộc, tỉnh Bình Long. Sau mười phút giao tranh ác liệt, địch đã bỏ lại 5 chết. Lực lượng Đồng Minh tịch thu 3 AK, 1B40. Riêng bạn có một hy sinh và hai xe bị hư hại 50%). Những tin

ngắn như thế, tôi nghĩ, như những kết luận của những vở kịch. Thảm kịch? Thảm kịch của quê hương? Một vở kịch lớn mà tất cả mọi người cùng sắm vai, những vai trò đều mang tính cách của định mệnh đang tiếp diễn? Và vai trò nào chẳng dùng tới thủ đoạn? Cuộc đời là đấu trường của các thủ đoạn cá nhân? Quê hương chiến tranh là đấu trường của tập thể chính trị? Tất cả đang bị nhấn chìm không lối thoát trong một cơn mưa... Chúng tôi đang là các cá nhân trong tập thể đông đảo đó: Những cá nhân mê muội nhất.

Thằng Vụ đem đến trả tôi cây colt và giầy nịt đạn, mà bữa qua khi tôi gục xuống tấm gỗ này, nó đã tháo ra cho tôi nằm khỏi cần bận. Đồng thời với một tấm bản đồ, trên đó ông Trung úy Đại Đội Trưởng đã vẽ sẵn phông đồ cuộc hành quân hôm nay. Nó nói:

“Chuẩn úy và thượng sĩ dậy uống cà phê là vừa. Mưa cũng ngớt hạt rồi.”

Tôi hỏi:

“Chuẩn bị bữa cơm chín chưa?”

“Thưa rồi, lâu quá mới thấy chuẩn úy say.”

Tôi cười:

“Tại cái lão già này. Hôm nay đi chắc bết lấm đây. Xem nào.”

Tôi ngó vào tấm bản đồ. Chỉ có một mục tiêu duy nhất. Sóc Xoài. Chắc có kho vũ khí hay lương thực gì đây. Một đại đội thứ hai sẽ đi bọc lên làm tuyến án ngữ cho đại đội tôi vào lục soát mục tiêu. Đã nhiều lần hành quân vào đây và lần nào cũng có kết quả, cũng kiếm được một vài cái huy chương cho anh em binh sĩ, hoặc một mớ tiền thưởng của ông Tiểu Khu Trưởng về nhậu chơi. Tôi đẩy tấm bản đồ vào chỗ lão thường vụ:

“Chín giờ đến tuyến xuất phát này cha. Dậy tập hợp đại đội đi thôi! Ông muốn uống cà phê không có đường hay sao mà còn trườn trải ra đây.”

Lão kêu lên:

“Ôi cái thân già này còn khổ đến chừng nào đây? Lão

làm đơn xin về Biên Hòa rồi, chắc có kết quả ngày gần đây. Miền cao su lắm nhựa, dính chặt quá.”

Lão cúi kiểm giày, nhưng tôi thấy đôi giày bốt đồ xô của lão đã chìm ngập trong nước bùn, nằm lẫn với đồng cơm, thịt, rượu mà lão đã mửa ra trong đêm. Tôi mặc kệ lão và thoát ra khỏi căn hầm. Cơn mưa mới tạnh, trời bắt đầu sáng rõ, sương mù trên những cánh rừng đang tan loãng. Tôi đánh răng rửa mặt, và đón nhận ly cà phê trong tay thằng Vụ. Trong khi đó, lão thường vụ đang huýt còi, la hét bọn lính tập hợp. Tôi nhìn vào chân lão, tôi thấy lão vn đi đôi giày bản thủ đó.

Tôi uống xong ly cà phê rồi dẫn trung đội tôi ra khỏi đồn. Đất đỏ dẻo quanh dính chặt dưới chân giày, làm bước đi trở nên mệt nhọc, chậm chạp, nhưng tôi chợt thấy hứng khởi! Hình như sau một cơn say, tôi đã bôi xóa được những thói quen nhàm chán cũ, đã có một phần nào đổi thay tốt đẹp hơn trong đời sống tôi. Phải chăng say cũng là một cách yêu thương cuộc đời? Và một cách nhìn ngắm thân thể mình?

Khi trung đội ra tới bìa rừng, tôi lớn tiếng:

“Đi thưa ra! Đi sâu và bám vào cây!”

Chúng nó dừng lại, làm theo lệnh tôi. Tôi hài lòng đứng ngắm. Thằng Thành lại bên, tôi cầm lấy ống liên hợp máy C10:

“Đào nguyên, đây Một gọi.”

“Nghe phát thẩm quyền.”

“Hỏi hai mai cho đi cặp suối hay xuyên rừng, trả ời?”

Một lát.

“Cứ đi xuyên rừng, thẩm quyền.”

“Nhận được, nhưng xác nhận lại đi, khu rừng nào có mìn bẫy, có chông? Nguồn tin cảm tình viên cho biết, trả lời!”

“Cứ đi chuyển thẳng đến mạnh mẽ tư tưởng (mục tiêu), không có ghi nhận trở ngại nào hết, thẩm quyền.”

Tôi buông máy, bình tĩnh tiếp tục lộ trình đã được ấn định. Càng đi sâu vào lòng rừng, càng cảm thấy không gian lạnh lẽo. Đầu óc đã hết nặng nề, hơi thở đã hết mùi rượu. Và tôi nghĩ, sau cuộc hành quân, mình vẫn có thể ngồi vào một bàn rượu thịt khác. Tôi nhớ đến lão thường

vụ già trông coi đồn bót ở nhà, không biết lão có mong ước, một con bò thui treo trên một cái xà nào đó ở giữa sân trại, với những thùng lade đá bọt, anh em chúng ta uống bằng các ca lớn, dưới ánh nắng mặt trời chiều nay, sau khi tịch thu được một kho vũ khí đạn dược của địch ở Sóc Xoài, mục tiêu chúng ta đương tiến đến đây? Tôi cười với ý nghĩ mình, tưởng như đây là đoàn quân trung cổ của Thành Cát Tư Hãn, đang trên đường chinh chiến? Thú thật, trong tâm hồn tôi, sao chợt nhiên nghe vang nhạc ngựa, nghe vang tiếng trống dồn giục giã...

Nhưng buổi chiều, chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đông nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuộm màu âm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thêch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ dờ dẩn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm qua? Lực soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu. Tin tình báo hơi chậm và Tiểu Khu phản ứng cũng trễ nữa. Do đó, chúng tôi trở về đồn không có gì cả. Một lần trở về một mối, rã rời, vô vị...

Tôi chợt thấy vô vị thật sự trong một buổi chiều như thế này ở đây. Tôi nghĩ đến gia đình, đến thành phố đầy đèn sáng, rất dừng dưng. Tôi nghĩ đến Mộng, người tình đầu đời, giờ không biết ở đâu, một cách rất bình yên. Và tôi cũng vừa chợt nhớ tới Minh, người góa phụ trẻ ấp Tân Hưng, mới bước vào cuộc sống tôi ít ngày nay, cũng với

một cách ... rất vô tình. Tôi thấy ngày tháng với từng buổi chiều đang đi qua những cánh rừng âm thầm và lặng lẽ. Tôi thấy đời người ở miền trời này gắn liền với rừng cây trĩu trịt, với lũng sâu bóng tối. Tôi không thấy gì vui. Trong ý nghĩ đó, tôi nhìn lên và tôi thấy mơ hồ một bóng giáo đường. Sao không có hồi chuông nào giống lên trong chiều nay? Sao không có một động lực nào thúc giục tôi tìm đến? Tôi bỗng thềm nghe một hồi chuông. Ước gì có một hồi chuông rộn rã trên các đồi rừng này, trên đời sống buồn bã tôi? Hình bóng một giáo đường cao ngất vừa hiện ra đã trôi đi hun hút vào những tầng mây mờ tối. Vẫn không có một hồi chuông nào vọng tới. Tôi thềm nghe hơn bao giờ hết, tôi thềm nghe như ước vọng cuối cùng của một tên tử tội.

Nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập hợp tiểu đội đi kích. Tôi châm một điếu thuốc, và theo dõi lão già kiểm soát toán lính. Tôi trở về đời sống thực tế tôi: dùng cơm chiều với thằng Thành và thằng Vụ, uống ly cà phê cũ thứ hai trong ngày. Giấc ngủ thường đêm vẫn thao thức khi không có rượu uống mềm môi. Câu chuyện tình đau thương của thằng Thành nó kể còn dở dang, chưa hết. Tôi sẽ được nghe hết trong đêm nay hay trong một đêm mai. Đêm khác đến chuyện thằng Vụ. Đêm khác nữa, đến chuyện tôi. Và cứ thế, chúng tôi hút thuốc, uống cà phê, thao thức, đếm tiếng đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quận Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát.

(Trong tập Quốc Lộ Mười Ba, đã đăng trên tạp chí KHỞI HÀNH số 73, ngày 1.10.1970).

VIÊN ĐẠN ĐỊNH MỆNH

(nguồn: Khởi Hành số 154)

Cơn mưa chợt đến. Cánh rừng đang trong xanh, đang mát mắt, tối sầm lại đột ngột. Mặt trời lặn mất. Tôi trốn cơn mưa, bước vội vào phòng thuyết trình hành quân. Một tiếng kêu lên nghe quen (quen ở đâu đó, trong một quãng đời nào đã xa).

“Trung úy ở đây?”

Cơn mưa đã bắt ngờ đẩy tôi đứng cạnh Ngân.

“Ngân cũng ở đây?”

Nàng cười nhẹ.

“Thôi, tôi hiểu rồi, với ai vậy?”

“Trung úy Phúc.”

“Trung úy Phúc về hậu cứ trung đoàn trưa nay...”

Chắc Ngân mới tới đây hỏi chiều?”

Nàng nhìn tôi, ánh mắt muốn biểu lộ một điều gì.

“Tôi biết, nhưng tôi tới đây với anh. Qua câu chuyện với Phúc, tôi biết anh ở đây, nên chiều nay... Anh có lấy gì làm lạ không?”

“Tôi hiểu, nhưng dầu sao thì đây cũng là sự tình cờ của định mệnh hơn là tìm kiếm.”

“Có gì lạ đâu, tôi vẫn còn nhớ cả.”

Mưa đã đổ xuống ào ạt, reo mạnh trên mái tôn, làm mờ cánh rừng trước mặt. Tôi không còn nhìn, không còn nghe gì hết. Chúng tôi im lặng. Một vài người trong phòng di chuyển lặng lẽ, không gây tiếng động. Giờ thuyết trình đã qua. Mấy hàng ghế đã mật thứ tự, nằm rỗng không, lạnh lẽo. Tôi kéo một chiếc ghế mời Ngân ngồi. Nàng giấu

chiếc chân gỗ trong gầm ghế. Tôi nhận ra điều đó, ái ngại. Chúng tôi tiếp tục câu chuyện khi mưa ngớt hạt.

“Đã từ lâu, tôi không được biết Ngàn thay đổi thế nào.”

Tiếng Ngàn trong cổ họng:

“Một lần đi qua cũng đủ biết rồi tôi sống như thế nào.”

“Ngàn... Ngàn muốn nói gì?”

“Tôi nhớ đã tâm sự với anh rồi... Tôi là con ngựa què...”

Những tiếng “con ngựa què” nhỏ dần và lẫn vào trong mưa. Phải, kể cũng lâu lắm, kể từ ngày nàng nhập viện lần thứ nhì thay cái chân gỗ mới, có lò xo cho tiện đi đứng, cử động hơn. Dễ cũng đã hơn hai mùa mưa. Và trí óc của một người xông pha chiến trận không dám chắc mình nhớ đúng được điều gì. Vì những kỷ niệm êm đềm đã bị những vùng khói lửa che khuất, cũng như những mơ tưởng đã vội quên vùi bởi cảnh tượng chết chóc và súng đạn thô bạo. Ngàn đã trở thành một nét phác trong số hình ảnh hỗn độn gây đổ đó. Trong một cơn mưa âm thầm kéo dài từ chập tối, không lúc nào ngớt, Ngàn ôm quyển sách kinh, đứng mãi ở nhà thờ Tin Lành chờ tạnh. Mưa vẫn không ngớt. Ngàn kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng, một lúc nào đó, hạt mưa sẽ nhỏ dần và thưa hơn, để băng qua con lộ. Bỗng súng nổ bốn phía chung quanh, khắp cả. Mới đầu là búa vẩy, sau đó là vỏ chụp. “Tôi hét lên, không biết lúc đó, tôi đã băng qua con lộ chưa, hay vẫn co ro đứng ôm quyển sách kinh ở cửa nhà thờ? Viên đạn định mệnh nào đã giết đời con gái của tôi? Tại sao người ta lại bắn nhau ở trong khu phố đó? Vô lý quá. Tôi không tài nào hiểu được. Và tôi đã trở thành con ngựa què giữa lòng cuộc đời.”

Trời mưa lớn chừng một giờ mới tạnh hẳn. Về quang đăng sáng sủa đã trở về với cánh rừng ngút mắt. Hình như mặt trời chiều vừa ra khỏi đám mây che, nhưng chắc đã chìm sâu ở chân núi nào, những tia sáng cuối cùng của nó chỉ đủ chiếu lên một khoảng rừng, một khoảng nền trời. Đại đội đi “ăn đêm” ở ngoài bìa lô cao su đã bắt đầu

di chuyển lặng lẽ chậm chạp khỏi căn cứ. Ba lô nặng vai, súng cầm tay, mũi súng chúc xuống đất. Chúng tôi cùng nhìn ngắm họ.

Ngàn nói:

“Trông họ hào hùng quá. Vậy mà không biết sống, chết, tàn tật, què quặt lúc nào. Như tôi đây... nhưng thôi, chả nên nhắc tới làm gì nữa. Chỉ thêm ngậm ngùi, vô ích.”

Tôi thở dài:

“Ngàn nghĩ thế là phải. Con mưa đã làm chúng ta gần gũi với quá khứ. Một thứ quá khứ đau buồn, nên quên đi thì hơn. Cũng đừng sống tình cảm quá, kẻ nào sống nhiều về tình cảm sẽ chết về bệnh đau tim.”

Ngàn buồn rầu:

“Nhưng nào quên được? Vết thương trên thân thể này như một tàn tích, cái chân gỗ, văng, cái chân gỗ ám ảnh tôi từng ngày, từng tháng, suốt đời...”

Tôi tưởng Ngàn khóc. Nhưng không, hai con mắt đá đen vẫn chìm lặng. Chiến tranh không chữa ai, không để ai đứng bên lề. Ngàn có lúc nào thôi hận thù và tìm được một lý do để bình tâm bước xuống cuộc đời? Nàng gặp Phúc bao dung ở đâu đó.

Tôi hỏi:

“Còn Phúc?”

“Phúc chỉ có nghĩa là một người hiện đi qua đời sống tôi. Không biết chàng sẽ đi khỏi lúc nào. Cũng như anh trước kia vậy.”

Ngàn như chợt xúc động vì đã vô tình khơi dậy những tro than. Nàng duỗi chiếc chân gỗ ra mà từ nãy vẫn giấu trong gầm ghế, nhìn vào nó. Có lẽ nàng đang đau lòng lắm. Hẳn đã nhiều lần nhỏ lệ xót thương nó. Cái chân giả cũng đi vớ nâu nhạt, mang giấy đen như chân thật, nhưng ai cũng có thể nhận ra chân giả khô cứng, đã chết.

“Tôi là một nhà ga miền núi, nói như tiểu thuyết, con tàu nào cũng có thể ghé qua trong mỗi cuộc hành trình. Quả thật, tôi bắt chước tiểu thuyết để sống... Anh đã ghé qua nhà ga đó lần đầu tiên trong số kiếp nó, chỉ một lần, không bao giờ trở lại nữa. Chờ mãi... mơ mãi... nhà ga thành một địa danh của tiểu thuyết từ đây. Tôi không trách anh, không trách ai hết, kể cả kẻ vô danh nào đó đã tặng

viên đạn định mệnh cho tôi.”

Chiều đã xuống thấp. Những người lính cuối cùng thuộc đơn vị đi kích vừa khuất dạng ở cổng trại. Cái bốt gác in hình lên nền cây rừng, cô độc, xiêu đổ. Ngàn vừa tâm sự, tôi ngâm ngùi:

“Trước khi Ngàn đứng ở cửa nhà thờ chờ cơn mưa dứt, tôi đã nhìn ngắm Ngàn. Không ngờ viên đạn ác nghiệt lại là viên đạn của định mệnh. Sau đó, tôi ra đi, và như Ngàn biết đây, chiến tranh kéo dài đến bây giờ vẫn chưa dứt. Gặp lại Ngàn, mừng cho nhau vẫn còn sống được.”

Ngàn nhìn đắm chiêu vào cái bốt gác và cánh rừng:

“Vâng, gặp lại anh... Ngàn cũng chỉ muốn nhắc nhở với anh kỷ niệm ấy, trước khi em đứng chờ cơn mưa không dứt, Em đã thấy ánh mắt anh... Bây giờ, thực ra đã từ lâu lắm, em không dám nghĩ đến tình yêu... Tình yêu như một sa mạc, một sa mạc mưa bão, không người đánh xe nào dám khởi hành để đưa em tới đó. Em đã bình yên ở lại với tháng ngày quên lãng, anh Định?!”

Im lặng. Tôi đẩy câu chuyện đi hướng khác.

“Tối nay, Ngàn ngủ đâu?”

“Chỗ của Phúc... Còn anh?”

Tôi cười:

“Tôi chỉ có cái võng, mắc lên hai cái xà nào đó, ở khu nhà dưới kia. Tôi vẫn sống một đời cô tịch trên những chặng đường dài nên rất giản dị.”

“Còn em, em sống những ngày tháng chết... nên em đi người không trong suốt cuộc đời.”

Tôi thở dài:

“Tôi không ngờ định mệnh lại như vậy. Nghĩ cho cùng, định mệnh nào cũng ác nghiệt, cũng đẩy chúng ta đi... nhưng rồi cũng phải đến chỗ tận cùng, giới hạn. Ngàn hãy tin đi, thế nào rồi cũng có ngày...”

Tôi ngập ngừng... ngày gì đây? Ngày hòa bình cho nhân loại, ngày tươi sáng cho đời Ngàn hay ngày... Tôi không tìm thấy một ngày nào hết trong những cánh rừng dài này, trong những buổi chiều mưa mù ở miền trời này.

“Ngàn còn đến đây làm gì?”

“Em còn những giọt lệ cuối cùng, anh Định... Em

vẫn để dành trong khóe mắt. Em muốn được khóc lần này cho hết, anh Định...”

(Trong tập QUỐC LỘ MUỖI BA, đã đăng trên tạp chí KHỞI HÀNH số 154, ngày 24.5. 1972. Và đăng lại trên VĂN MIỀN NAM tập Một, Thư Ấn Quán HOA KỲ, 2009)

HOÀNG NGỌC HIỂN

EM CÓ VỀ “CÒN PHƯỢNG” ?

Hồi đầu thập niên 1960, tôi dạy học tại một trường Trung học thuộc tỉnh lỵ Long Xuyên, nơi có “dòng An Giang sông sâu sóng biển” như nhạc sĩ Anh Việt Thu đã diễn tả. Tôi dạy môn Sử Địa và phụ trách giáo sư hướng dẫn lớp Đệ Tam A. Vào dịp gần tết nguyên đán, học sinh lớp này tổ chức một buổi du ngoạn tại Cồn Đất. Cồn Đất là một bãi đất nổi ở khoảng giữa dòng An Giang, ven thị xã. Đi sang cồn bằng thuyền nhỏ. Ở đây có một vài con thuyền đưa khách khi cần, khách lên tiếng gọi, thuyền bên cồn sẽ sang đón khách. Số học sinh tham gia hơn hai chục em, nữ sinh nhiều hơn nam sinh. Số giáo sư tham dự gần mười người, nam nhiều hơn nữ. Trưởng lớp Đệ Tam A là trưởng ban tổ chức. Tôi là giáo sư cố vấn.

Hôm ấy, một ngày đẹp trời như mong đợi của mọi người. Mục đích cuộc du ngoạn chỉ là vui chơi ngoài trời, có mang theo một cây đàn cho ca hát, nhiều món ăn chơi giản dị như bánh mì giò chả, xôi gà rô-ti, nước ngọt, bánh kẹo,... Gọi là đơn giản, nhưng thật ra gồm toàn những món ăn ngon, thứ thượng hảo hạng, bởi người bỏ tiền ra chỉ là em nữ sinh trưởng lớp, con của một thương gia giàu có ở tỉnh Long Xuyên. Chúng tôi tập hợp ở bên sông vào lúc chín giờ sáng. Đến mười giờ, đoàn đã qua được hết bên cồn rồi. Thuyền nhỏ, chỉ gọi được có hai chiếc, mỗi chiếc chở được bốn người.

Chúng tôi tụ họp dưới một gốc cây cổ thụ, cây phượng già, mới đầu tôi không rõ là cây gì. Tôi hỏi các em học sinh. Một em lên tiếng trả lời: Thừa thầy, cây phượng. Ở Cồn Đất này, có nhiều cây phượng lắm. Mùa hè, phượng nở đỏ rực cả cồn. Đẹp lắm thầy. Em nữ sinh trả lời tôi, chính là em trưởng lớp, tên là Phan Thị Hoàng Việt. Thế mà ở Long Xuyên mấy năm rồi, tôi vẫn không biết. Tôi

nói:

“Thế à ? Mùa hè tới, tôi sang còn xem phượng. Tôi thích màu hoa phượng”.

Hoàng Việt nhìn tôi mỉm cười. Ở gần cây cổ thụ, có một quán nước, bán cà phê nước ngọt, bánh trái và hàng tạp hóa. Một em nam sinh vào tiếp xúc, mượn được một bộ bàn ghế. Các đồ ăn thức uống được đặt hết trên bàn. Các em mua cà phê đá và nước đá chanh cho các giáo sư. Tôi chọn cà phê đá. Buổi du ngoạn có được tính chất tự do thoải mái, có thể sinh hoạt tập thể, hoặc chia ra từng nhóm, hoặc cá nhân. Cũng tự do ăn uống.

Mở đầu chương trình văn nghệ mà các em gọi là “văn nghệ bỏ túi”, một em nữ sinh hát bản “Dòng An Giang” của nhạc sĩ Anh Việt Thu. Tuy là một giọng ca tài tử miệt vườn, nhưng đối với tôi, chưa bao giờ tôi được nghe một ca sĩ thứ thiệt nào hát bài ấy hay hơn, gây nhiều cảm xúc hơn. Có thể hôm ấy, người nữ sinh ca sĩ này xuất thần, đem cả hồn mình chuyên chở bài ca, đem cả trái tim mình yêu thương dòng sông của quê nhà ? Hoặc là lòng tôi nhìn cảnh sông nước hữu tình, nên cảm thấy hay tuyệt như vậy?!

Cứ vậy, niềm vui này tiếp niềm vui khác. Buổi trưa, các em học sinh mới lên tiếng mời các giáo sư tham gia chương trình văn nghệ bỏ túi này. Một em nam sinh nhìn tôi gợi ý: “Thưa thầy Hiền, thầy dạy Sử Địa tụi em. Hôm nay, thầy có thể nói cho tụi em nghe về một câu chuyện nào đó liên quan đến Sử hay Địa không thầy”. Dĩ nhiên tôi không thể từ chối. Nhưng chọn đề tài gì thích hợp mới là việc khó. Sau vài phút suy nghĩ, tôi nói:

“Được chứ. Hiện giờ chúng ta đang ở trên mảnh đất phương Nam mà công lao tiền về phương Nam, mở mang là của các chúa Nguyễn. Vậy thì tôi nói về công nghiệp của các chúa Nguyễn này. Được không?”.

“Tất nhiên là được rồi, thưa thầy. Đề tài của thầy hay đấy. Xin thầy bắt đầu ngay đi”, một em lên tiếng cổ vũ.

Tôi vào đề tài:

“Sở dĩ tôi muốn chọn đề tài này vì có chín đời chúa Nguyễn, mà chúa thứ chín, Chúa Định Nguyễn Phước

Thuần (1767-1777) đã bị nhà Tây Sơn bắt tại vùng đất này, Long Xuyên. Đã từ lâu, tôi muốn tìm hiểu xem chính xác là địa điểm nào thuộc Long Xuyên? Biết đâu, chẳng là ở nơi Cồn Đất này? Cồn Đất hẻo lánh, ít người, nằm chơi vơi giữa dòng An Giang, có thể là một nơi ẩn trốn an toàn? Vì sao nhà Tây Sơn có thể tìm ra nơi ẩn trốn của Chúa Định, mà mang quân vây hãm, bắt sống được? Cồn Đất mà bị vây hãm, làm sao thoát được? Sử chép rằng Nguyễn Phước Thuần đã bị Nguyễn Huệ nhà Tây Sơn giết hồi tháng Mười năm Đinh Dậu 1777 tại chùa Kim Chuông ở Saigon. Chùa này nằm trên đường Cống Quỳnh, trong thành Ô Ma cũ dưới thời quân Pháp chiếm đóng. Cùng bị bắt tại Long Xuyên với Chúa Định, có người cháu tên Nguyễn Phước Dương. Dương bị giết ngay tại Long Xuyên. Dương là anh họ của Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó Nguyễn Phúc Ánh cũng ẩn trốn ở Long Xuyên, nhưng trốn thoát được, chạy ra Quảng Nam rồi vào Gia Định, sau đó mượn lực lượng của Xiêm và Pháp, đánh bại nhà Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế năm 1802, niên hiệu Gia Long.

Nói đến các đời chúa này, tôi phải bắt đầu từ đâu đây? Theo “Quốc Sử Quán triều Nguyễn”, ông thủy tổ gia đình các chúa này là Nguyễn Bặc, ông Bặc giữ một chức vụ quan trọng trong triều đình. Một hậu duệ của Nguyễn Bặc là Nguyễn Kim sinh năm 1468. Từ Nguyễn Bặc đến Nguyễn Kim trải mười ba đời. Nguyễn Kim có ba người con. Người con trai út là Nguyễn Ưông bị Trịnh Kiểm giết. Lúc này, Trịnh Kiểm đang làm Tổng Quản Lý hoàng cung của Vua Lê Anh Tông. Kiểm lấy người con gái đầu lòng của Nguyễn Kim là Ngọc Bảo. Nguyễn Hoàng, người con trai thứ hai, sợ quá, bèn nhờ chị Ngọc Bảo xin với Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa.

Về chuyện này, Nguyễn Hoàng đã sai người thân tín đến Hải Dương xin ý kiến của cụ Trạng Trình... Cụ Trạng Trình là ai? Tôi xin được nói qua một chút để các em nhớ lại về cụ Trạng Trình. Cụ tên là Nguyễn Bình Khiêm, người thôn Trung Am, làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, đậu trạng nguyên năm 1536, được phong chức Trình Tuyền Hầu, rồi nhậm chức Thái Phó Trình Quốc Công, Lại Bộ Thượng Thư đời Mạc Đăng Doanh (1530-

1540), nên người đời thường gọi cụ là Cụ Trạng Trình. Cụ dâng sớ hạch tội mười tám lộng thần trong triều, không được Mạc Mậu Hợp nghe theo, nên cụ cáo quan về quê ở, lập am, hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Cụ để lại cho đời cuốn “Đồ Thư” rất khó hiểu. Cụ viết về cái học lý số, cụ gọi là Đồ Thư một quyển nhà làm của! Nói sâu về cụ Trạng, đó là một đề tài khác, xin được hẹn các em vào một dịp khác

Tôi trở lại đề tài các chúa Nguyễn. Khi người thân tín của Nguyễn Hoàng đến xin hỏi cụ, cụ không trả lời, chỉ quay lại nói với người trong nhà: “Thờ Phật thì được ăn oản”, rồi cụ nói: “Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân”. Nhờ hiểu ý cụ Trạng, Nguyễn Hoàng xin đi Thuận Hóa. Đó là vào năm 1558, Nguyễn Hoàng được bổ nhiệm Tổng Trấn xứ Thuận Hóa. Năm 1613, Nguyễn Hoàng chọn Huê làm kinh đô. Huê là chữ Hóa đọc trạch ra thành Huê. Nguyễn Hoàng thọ tám mươi chín tuổi mới mất. Ông có sáu người con, bốn người con đầu đã mất. Người con thứ năm làm quan ở Bắc. Chỉ còn người con thứ sáu ở bên, lên kế vị, đó là Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Vậy nên, ta có thể kể theo thứ tự chín đời Chúa Nguyễn như sau:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613), tại ngôi 56 năm, thọ 89 tuổi.

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1635), tại ngôi 22 năm, thọ 73 tuổi.

Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1601-1648), tại ngôi 14 năm, hưởng dương 48 tuổi.

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1620-1687), tại ngôi 5 năm, thọ 68 tuổi.

Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trân (1651-1691), tại ngôi 5 năm, hưởng dương 41 tuổi.

Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1675-1725), tại ngôi 35 năm, hưởng dương 51 tuổi.

Chúa Ninh Nguyễn Phúc Túc (1696-1738), tại ngôi 14 năm, hưởng dương 43 tuổi.

Chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), tại ngôi 28 năm, hưởng dương 52 tuổi.

Chúa Định Nguyễn Phúc Thuần (1754-1777), tại ngôi 13 năm, hưởng dương 24 tuổi.

Có thể nói chúa Định chết khi còn rất trẻ, bị Nguyễn Huệ nhà Tây Sơn giết.

Tôi không thể đi sâu vào công nghiệp của các chúa Nguyễn này. Chỉ xin được nói một cách khái quát. Có thể nói các chúa Nguyễn thực hiện cuộc Nam tiến từng bước một. Dùng lực lượng quân sự đánh dẹp Chiêm Thành, đó là vùng đất từ Thuận Hóa, Quảng Bình vào đến Phan Rang, Phan Thiết. Đánh dẹp Thủy Chân Lạp, vùng đất từ Phan Thiết đến đồng bằng sông Cửu Long. Các Chúa đã đối đầu với rừng thiêng nước độc, thú dữ, muỗi mòng, sốt rét ngã nước... để khẩn hoang đất đai, biến những vùng hoang vu thành ruộng vườn, ao , lập ấp di dân. Tiến thêm bước nữa, đào kinh, cụ thể là đào sông Đông Xuyên và sông Vĩnh Tế.

Năm Mậu Dần 1818, tướng Nguyễn Văn Thoại được vua Gia Long trao cho trách nhiệm đào sông Đông Xuyên, sau đổi là sông An Giang này đây. Tướng Thoại, hay còn gọi là Thoại Ngọc Hầu, có công lớn trong việc bình định Chiêm Thành. Ông người tỉnh Quảng Nam, thuộc một gia đình công thần nhà Nguyễn, đã di dời về phương Nam, trú ngụ tại tỉnh Vĩnh Long. Ông đi theo vua Gia Long từ khi mới mười bảy tuổi. Năm 1817, ông được vua Gia Long cử giữ chức Trấn Thủ Vĩnh Thanh, gồm Long Xuyên và Cần Thơ. Ông mất năm 1829 tại Châu Đốc, thọ sáu mươi tám tuổi, mộ tang dưới chân núi Sam. Nhân dân xã Vĩnh Tế xây đền miếu thờ ông, hàng năm cúng tế, tổ chức như ngày hội lớn của . Các em hãy biết! Nhà Nguyễn nhờ có nhiều danh tướng như Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Cư Trinh, Châu Văn Tiếp... nên đã chinh phục và hùng cứ được phương Nam. Sau này, được phát triển mở mang thêm. Công nghiệp ấy chẳng thể phủ nhận là một công nghiệp vĩ đại hay sao? Tôi xin được nói vài lời kết. Năm 1945, Việt Minh cộng sản lường gạt giết hại nhiều người ở trong các đảng phái quốc gia, cướp chính quyền, Bảo Đại vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn thoái vị, trao ấn kiếm cho Việt Minh, đã kết thúc chín đời chúa và mười ba đời vua nhà Nguyễn, kết thúc luôn chế độ quân chủ tại Việt Nam. Về ấn kiếm của nhà Nguyễn, đó là một đề tài

khác, xin hẹn các em vào dịp khác. Câu chuyện tôi vừa nói, còn nhiều thiếu sót, xin để lại cho các em nào yêu lịch sử nước nhà tìm hiểu, nghiên cứu bổ túc thêm. Xin cảm ơn”.

Các em vỗ tay. Tiếp theo, các em mời một giáo sư cũng dạy Sử Địa nhưng ở lớp Đệ Tam B. Ông nói:

“Tôi xin được nói về một khía cạnh của Nguyễn Phúc Ánh, niên hiệu Gia Long, lên ngôi năm 1802 sau khi đã tiêu diệt nhà Tây Sơn. Đó là khía cạnh trả thù nhà Tây Sơn rất độc ác của vua Gia Long. Chà tôi bắt đầu câu chuyện từ đâu đây?

Ngày mùng hai tháng Bẩy năm Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi. Việc thứ nhất, Gia Long làm ngay là sai Ngô Nhân Tĩnh, Trịnh Hoài Đức đem phẩm vật và những ấn sách nhà Thanh đã phong cho Nguyễn Huệ, sang nộp cho Yên Kinh và xin cho mình làm An Nam Quốc Vương thay thế Tây Sơn. Điều đáng chú ý là vua Gia Long xin đặt quốc hiệu là Nam Việt, nhưng Càn Long nhà Thanh đổi ngược lại là Việt Nam. Có phải nước ta có quốc hiệu Việt Nam từ lúc này không? Không phải!! Mà quốc hiệu Việt Nam đã có từ xa xưa, Càn Long không biết nên tình cờ trả lại quốc hiệu cũ cho nước ta.

Tôi xin được nói qua về điểm quan trọng này. Trước đây, địa bàn gốc của Trung Quốc là vùng đồng bằng sông Hoàng Hà nằm ở phương Bắc nước Tàu. Khi đó, địa bàn gốc của người Việt ta là vùng châu thổ sông Trường Giang và Dương Tử ở phương Nam. Dân tộc Việt ở phương Nam. Việt Nam, quốc hiệu đó từ thời nhà Chu bên Tàu đã gọi như vậy rồi!! Các nhà viết sử nước ta đã ghi chép, nhưng người Tàu bao nhiêu lần xâm chiếm, đã cướp sách vở nước ta đem về Tàu, phần khác thì đốt đi, hầu muốn đồng hóa. Ngày nay, ta chỉ thấy sử nước nhà được ghi chép từ đời Hồng Bàng, gọi là nước Văn Lang. Đời Mười Tám Vua Hùng. Đến đời nhà Đinh, đổi là Đại Cồ Việt, nhà Lý đổi là Đại Việt... Nước ta hay đổi quốc hiệu nhiều lần, nhưng nói cho thật chính xác, người Việt ta ở phương Nam. Người xưa có thành ngữ: “Phương Nam hỏa đức thịnh”, tức là người phương Nam giàu lòng nhân. Khổng Tử khi dạy cho thầy Tử Lộ, đã nói về sức mạnh của người

phương Nam như sau: “Đem lòng rộng rãi, hiền hòa dạy người, dầu kẻ vô đạo cũng không báo thù. Đó là sức mạnh của người phương Nam. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đó là sức mạnh của người phương Bắc” (Giáo sư Trần Lam Giang dịch). Phương Bắc tức là chỉ người Tàu. Tôi chỉ xin gợi ý, các em nên nghiên cứu Sử nước nhà, đặc biệt chú ý đến những bộ sách cổ của ta bị người Tàu cướp đem về Yên Kinh.

Việc thứ hai, Vua Gia Long cũng cho tiến hành ngay, là đem vua tôi nhà Tây Sơn ra hành tội, để trả thù xưa. Các dũng tướng nhà Tây Sơn đều bị tử hình. Trần Quang Diệu bị lột da, vợ ông Bùi Thị Xuân bị quần vải nhúng sấp nóng, cột trụ sắt, châm lửa đốt. Mấy đứa con nhỏ bị bỏ vào bao vải, đánh nát thây hoặc cho voi xé xác. Nhiều tướng Tây Sơn phải trốn vào rừng sâu, sống và chết trong đó, như Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Lộc, Đặng Văn Long, Phan Văn Lân, Lê Sĩ Hoàng, Phạm Công Chánh... Họ là các bề tôi trung thành, tài ba lỗi lạc, kẻ văn người võ, đã có nhiều công sức trong trận đại thắng Đống Đa quân Thanh ra khỏi bờ cõi. Công lao thiết tướng ngàn năm soi kim cổ. Riêng đối với anh em nhà Tây Sơn, Gia Long đối xử khắc nghiệt, tàn bạo hơn, ra lệnh chém tất cả dòng họ từ vua Bảo Hưng bị bắt, cho đến đứa bé mới sinh đang bị giam giữ. Gia Long nói: “Việc trả thù là nghĩa lớn của kinh Xuân Thu”. Đào mả vua Thái Đức tức Nguyễn Nhạc, cùng vua Quang Trung Nguyễn Huệ, nghiền nát xương đổ xuống biển. Sọ thì đem xiềng xích, để nơi ngục thất trong hoàng cung làm bộ điểu tiêu. Gia Long chủ trương nhổ cỏ tận gốc, truy tầm bà con xa gần của Tây Sơn còn lẫn tránh, hề tìm được người nào giết người nấy. Chưa hết, Gia Long còn cho người đi tìm mộ ông Nguyễn Phi Phúc, thân sinh ba anh em nhà Tây Sơn, ở thôn Trinh Tường trên dãy Hoành Sơn, thuộc huyện Bình Khê. Vùng này đã bị quan quân nhà Gia Long đào bới khắp nơi, nhưng không tìm thấy! Còn nữa, Gia Long ra lệnh tiêu hủy hết sách vở, giấy tờ, sáng tác văn học đời Tây Sơn; điển hình là bộ Lê Triều Thực Lục của Võ Xuân Hoài đã bị đốt! Hành động đốt sách này, có khác gì bạo chúa Tần Thủy Hoàng ?!..

Đất Tây Sơn có bốn môn võ là côn, quyền, kiếm, cổ,

đều bị cấm dạy, cấm lưu truyền. Côn và quyền là những thể võ sử dụng tay chân hoặc gậy. Kiếm và đao sử dụng khí giới sắc bén đúc bằng sắt, đồng, vàng; chuôi kiếm chuôi đao nạm ngọc hoặc sừng tê giác. Cỏ là trống. Đất Tây Sơn có kỹ thuật đánh trống thúc quân mà dùi trống cũng là một thứ khí giới như đao kiếm. Vua Gia Long cấm dạy, cấm học. Nghĩa là Gia Long tìm mọi phương cách hầu cho người đời không còn nhớ gì đến nhà Tây Sơn nữa! Đó là bôi xóa lịch sử. Đó là có tội với dân tộc!! Đó là lời kết câu chuyện của tôi. Xin cảm ơn”.

Chúng tôi vỗ tay hoan hô giáo sư Hưng. Sau đó, tôi xin phép giáo sư Hưng nêu ra một ý kiến nhỏ, gọi là đóng góp thêm một chút vào đề tài:

“Tôi hoàn toàn đồng ý với giáo sư Hưng, nhất là lời kết. Tôi chỉ xin, nhân đề tài này, có thêm một chút ý kiến nhỏ. Đọc sử, tôi được biết vua Gia Long có một cây kiếm, chuôi bằng sừng tê giác có nạm ngọc, được giao cho Bộ Hình để chém các tử tội nhà Tây Sơn. Sau vua Gia Long thu cây kiếm về, đặt tên là “Quy y kiếm”, mà hình như là Bộ Đại Nam Thực Lục Chính Biên, xin lỗi tôi không nhớ chính xác, có nói tới. Vậy phải chăng, có một lúc nào đó, nhà vua chùng tay? Thu kiếm về ? Nhận ra mình quá tàn bạo? Nhất là giết hại các thuộc tướng nhà Tây Sơn, họ đã là những kẻ bại trận, những kẻ ngã ngựa, không một tấc sắt trong tay? Tôi đã có nhiều cố gắng đi tìm tài liệu viết về cây kiếm , nhưng không thấy! Xin cảm ơn”.

Giáo sư Hưng ghi nhận ý kiến của tôi và khuyên các em học sinh nên có công khó nghiên cứu lịch sử nước nhà, hầu làm sáng tỏ nhiều điểm hazy còn chìm trong bóng tối, vì những kẻ Việt gian muốn xuyên tạc hoặc bôi Xóa lịch sử.

Từ bốn giờ chiều, sinh hoạt chung của các giáo sư và học sinh chấm dứt. Chúng tôi tản mát đi chơi trên Cồn. Lúc này, nơi gốc cây phượng cổ thụ, chỉ còn lại tôi và cô nữ sinh Phan Thị Hoàng Việt. Tôi ngồi hút thuốc, uống cà phê. Hoàng Việt lại ngồi đối diện tôi:

“Em xin phép được nói chuyện với thầy”.

“Được chứ. Em cứ nói tự nhiên”, tôi trả lời.

“Em biết chính xác địa điểm Chúa Định bị nhà Tây Sơn bắt sống”.

“Sao mà em biết được? Em có tài liệu?”.

“Em có tài liệu sống. Ông ngoại em nói, từ ông cố nội cố ngoại chi đó. Thầy muốn biết? Có điều kiện, thầy chịu không? Thầy chịu trao đổi không?”.

“Trao đổi? Trao đổi cái gì vậy?”.

“Thầy vừa nói tới “Quý y kiếm” và vẫn đi tìm tài liệu? Vậy khi nào thầy tìm ra được, thầy cho em hay, em sẽ nói cho thầy biết địa điểm Chúa Định bị bắt sống? Trao đổi... trao đổi tài liệu lịch sử đó thầy. Thầy đồng ý không?”.

“Tôi đồng ý”, tôi mỉm cười và đưa tay ra.

Chúng tôi bắt tay nhau, thật lâu và thật chặt. Hoàng Việt nắm chặt lấy bàn tay tôi. Khi buông tay nhau ra, tôi nói:

“Hoàng Việt à , cồn này có rất nhiều cây phượng, tại sao người ta không gọi là Cồn Phượng? Gọi là Cồn Đất, nghe giản dị, đơn sơ, mộc mạc quá? Em thấy sao?”.

“Em cũng không biết. Nhưng nếu thầy thích gọi là Cồn Phượng, thì nó là Cồn Phượng. Thầy có thích sống ở đây không?”.

Tôi trả lời:

“Yêu thích là một chuyện, nhưng thực hiện được hay không mới là điều quan trọng. Thích mà không có khả năng thực hiện thì thích mà làm gì”.

Hoàng Việt hơi nhích người lên, nhìn thẳng vào mắt tôi:

“Em nghĩ rằng thầy không muốn mà thôi. Nếu như thầy muốn thì thực hiện được. Không khó. Không khó một chút nào. Một ngôi nhà giữa một mảnh vườn đầy hoa trái, để về đây sống suốt mùa hè ngắm hoa phượng nở đỏ rực Cồn. Cồn thì thầy vẫn sống ở tỉnh lỵ Long Xuyên đi dạy cho thuận tiện. Không khó chi đâu, thầy ạ”.

Quả thật, nghe Hoàng Việt nói, tôi hiểu ngay ý tình. Ý tình ở Cồn Phượng, cồn đầy những cây phượng, nhưng không một cây phượng nào nở hoa ! Bây giờ đâu mùa xuân, không phải mùa hè!!! Tôi làm như tôi chưa hiểu. Tôi làm như tôi vô tình. Hoàng Việt là cô con gái quý của một thương gia giàu có. Cô còn quá trẻ. Cô mơ mộng. Cô vẽ một bức tranh đầy hoa phượng. Tôi chỉ là một bạch diện

thư sinh, con nhà nghèo, mới bước chân vào đời, chưa có địa vị gì trong xã hội. Tôi có thể bước chân vào cổng biệt thự cổ kính kia được sao? Trong hiện tình đất nước bây giờ, tôi đang đứng trước lệnh động viên, không biết sẽ cầm lệnh nhập ngũ trường Bộ Binh Thủ Đức lúc nào! Tôi có thể để cho đôi mắt thơ mộng kia thành mắt lệ được sao? Tôi không dám nhìn vào đôi mắt ấy. Tôi nhìn lên những tàng cây phượng vương ánh nắng chiều. Tôi nhìn dòng An Giang trước mặt.

Chợt một con thuyền máy chạy qua, tiếng máy vô tình làm vỡ phút im lặng của chúng tôi. Dòng sông nổi sóng nhẹ. Vài đám lục bình giạt trôi bên bờ kia. Tôi vẫn im lặng. Để trở lại không khí bình thường, Hoàng Việt hỏi tôi:

“Thưa thầy, thầy có nghiên cứu về án kiếm nhà Nguyễn? Kỳ tới, thầy nói về án kiếm nghe. Thầy thích kiếm hay ấn?”.

“Tôi không thích án kiếm. Bởi không thích quan quyền. Tôi chỉ thích “cổ”, tức là thích trống !!! Tôi thích tiếng trống lắm! Không hiểu sao, tôi cứ bị ám ảnh bởi hình ảnh người xưa gõ chấu sành mà ca cho cuộc đời vui ! Cuộc đời này có gì buồn? Có gì vui? Tôi ưa thích nhất hình ảnh người lính đánh trống trận thúc quân thuở loài người còn chinh chiến trên lưng ngựa !”.

“Trống trận là trống gì, thưa thầy”, Hoàng Việt hỏi.

“Trống trận là trống thúc quân của người xưa. Trong truyện Kiều của thi sĩ Nguyễn Du có câu: “Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân”. Em tìm lại xem, đó là câu thứ mấy, tôi quên mất rồi. Người xưa gọi cổ là thứ trống lớn. Người lính đánh trống trận phải đem hết tâm hồn của mình vào, đánh thế nào kích động được tinh thần chiến đấu của toàn quân, mới được gọi là giữ chân kích cổ. Trong Chinh Phụ Ngâm, tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm cũng nói đến trống. “Trống trường thành lung lay bóng nguyệt”. Và: “Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống. Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay”. Còn nữa, “ôm yên gói trống đã chôn. Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh”! Cồn rêu xanh, chứ không phải Cồn Phụng!!!”.

Hoàng Việt cười, nói:

“Từ nay, em và thầy gọi cón này là Cón Phượng, nghe thầy”.

“Ừ, đồng ý.

“Chỉ riêng em và thầy thôi”

“Ừ, đồng ý”.

“Thôi, em đi đây”.

“Em đi đâu ?”

“Em đi ra với bạn em. Không thì tụi nó lại chọc em, bảo rằng em yêu thầy!”, nói xong Hoàng Việt chạy đi liền.

Một thời gian sau, tôi rời khỏi tỉnh lỵ Long Xuyên, đến dạy học tại một tỉnh lỵ khác. Chẳng bao lâu sau, lên đường nhập ngũ Khóa 25 Trường Bộ Binh Thủ Đức, ra trường, ôm yên gối trống ở một miền rừng heo hút. Sau tháng Tư 1975, đi tù cộng sản hơn mười năm. Rời khỏi quê hương sang Hoa Kỳ định cư giữa thập niên 1990. Tính đến nay, khoảng nửa thế kỷ, tôi đã xa Long Xuyên, chưa một lần trở lại.

Suốt một thời gian dài lặn lội, tôi quên phứt “Qui y kiếm”. Mãi cho đến bây giờ, bước qua tuổi thất thập, tôi mới nhớ ra Qui y kiếm. Tìm đọc nhiều sách sử, tôi chỉ tìm biết được rằng vua Gia Long có một cây kiếm nạm ngọc, cán bằng sừng tê giác, cây kiếm này bị người Pháp lấy mất trong vụ cướp phá cung điện nhà vua, sau vụ bạo động ngày 5 tháng Bảy 1885 ở kinh thành Huế. Pháp gửi đến Huế viên tướng Roussel De Courcy làm Tổng Chỉ Huy Lực Lượng Pháp tại Việt Nam. De Courcy hồng hách ngay từ hôm đến Huế ngày 3 tháng Bảy 1885. Quan đại thần Tôn Thất Thuyết bất mãn, bất ngờ tấn công đồn Mang Cá, nhưng thất bại, dẫn đến vụ quân Pháp cướp phá hoàng cung, lấy đi rất nhiều vàng bạc, kim cương, ngọc trai, đá quý, đồ nữ trang nạm kim cương... Viên Khâm Sứ Pháp tại Huế là Rheinart đã chứng kiến vụ cướp phá này. Tôi đặc biệt chú ý đến một vật quý bị cướp, đó là cây kiếm chuôi nạm ngọc, cán bằng sừng tê giác. Tôi tự hỏi, phải chăng đó là cây “Qui y kiếm”? Tôi tin rằng nó chính là cây “Qui y kiếm”. Bây giờ đã lưu lạc về đâu? Dẫu sao tôi chỉ biết được đến đó.

Tôi muốn gửi chi tiết này cho Hoàng Việt, để đổi lấy địa điểm Chúa Định bị bắt. Nhưng nửa thế kỷ đã trôi qua,

Hoàng Việt bây giờ ở đâu? Cô có bao giờ về Cồn Phụng giữa mùa hè, để ngắm hoa phượng nở đỏ rực Cồn Phụng hay không? Ôi hoa phượng, hình ảnh của mùa hè, hình ảnh của tuổi học trò, của tuổi hoa niên thuần khiết ấp những ước mơ tuyệt vời! Hình ảnh ấy không còn nữa đối với tôi. Nhưng với Hoàng Việt thì sao? Tôi nợ Hoàng Việt một câu trả lời. Nhưng Hoàng Việt cũng nợ tôi một câu trả lời. Phải chăng chúng ta còn nợ nhau? Hay huề , không còn nợ nhau gì cả? Ôi Cồn Phụng của tôi và của Hoàng Việt ! Hiện giờ em ở đâu? Em có về Cồn Phụng? Tôi đã đánh mất hạnh phúc của mình và của người xưa ấy? Bây giờ chỉ còn biết cầu mong cho người luôn được bình an. Chút tình xưa , không biết ai đó có còn giữ lại được chút gì để nhớ? Để đôi khi bồi hồi? Hay đã vùi chôn ở bên Cồn kia hết rồi? Hoặc là hai ta gặp nhau trong thoáng ấy, bởi duyên nợ chỉ có chừng ấy? Rồi mỗi người, sau đó, phải ra đi để trả nợ nghiệp đời riêng ? Tôi là con thuyền xa bến cũ, viễn xứ xa xôi, vẫn còn nặng chút tình xưa?

Chiều nay, tôi nhớ da diết Cồn Phụng, dấu chừa một lần được ngắm hoa phượng nở ở đó. Sao em lại ngỏ lời không đúng mùa phượng ? Phải chăng đó là điềm báo trước tình yêu không nảy nở, không thành tựu? Ôi chao tình ta chỉ xanh ngắt ngắt màu lá, rồi chìm dần trong bóng chiều, chìm sâu dưới dòng sông sâu sóng biếc? Hỡi em... Em có về Cồn Phụng?

(trích từ tập truyện “ *Em Có Về Cồn Phụng ?*”, Hương Cau xuất bản 2013)

HOÀNG NGỌC HIỀN

Côn Sơn ngày về

Ngày 21 tháng 11 năm Đinh Mùi (1427), cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Bình Định Vương Lê Lợi đã đạt được thắng lợi cuối cùng: Tướng nhà Minh là Vương Thông ở Đông Quan đã cùng bộ tham mưu của hắn và các bộ tướng của Bình Định Vương Lê Lợi làm lễ tuyên thệ “chấm dứt chiến tranh, trả lại nền độc lập cho An Nam, lập lại hòa bình, toàn bộ lực lượng quân sự nhà Minh rút khỏi lãnh thổ An Nam”, tại một địa điểm ở phía Nam thành Đông Quan. Đến ngày 12 tháng 12 cùng năm, quân nhà Minh hoàn tất kế hoạch rút quân. Quân kháng chiến của Bình Định Vương bảo đảm cho quân nhà Minh rút quân an toàn, bao gồm cả việc ngăn chặn sự bạo động của dân chúng. Bước sang đầu năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, tức Lê Thái Tổ, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đổi Đông Quan thành Đông Đô. Lê Lợi tập hợp cả thảy 227 người có công lớn để phong thưởng, như Trần Nguyên Hãn làm Tả Tướng quốc, Phạm Văn Xảo làm Thái Úy, Lê Sát làm Đại Tư đồ, Nguyễn Xí làm Thượng thư bộ Hình, và nhiều người khác được bổ đi coi các phủ, huyện. Trong ngày phong chức ấy, vắng mặt quan Hành Khiển Tham Mưu Nguyễn Trãi, quân sư của Lê Lợi trong suốt cuộc kháng chiến, không một ai rõ ông đã bỏ đi đâu. Sau đó, nhà vua sai Đại tư đồ Lê Sát đi tìm Nguyễn Trãi. Lê Sát nghỉ ngơi Nguyễn Trãi trở về quê ngoại ở Côn Sơn, thuộc núi Chí Linh, tỉnh Nghệ An; Lê Sát quát ngựa ra roi, nhắm hướng ấy. Quả nhiên, ông gặp Nguyễn Trãi ở trong một căn lều cỏ được dựng sơ sài trên một miếng đất cao, nhô lên giữa cánh đồng mênh mông, trải dài đến tận những cánh rừng trúc trong núi Chí Linh. Đó chỉ là một trong những căn lều

được dựng rải rác trong cánh đồng cho nông dân hoặc trẻ cắt cỏ, chăn trâu nghỉ chân khi cần thiết, hoặc để tránh cái nắng gay gắt giữa trưa hè trong khoảnh khắc, hoặc tránh những cơn mưa mùa đông giá buốt. Lúc đó, ngọn núi Chí Linh chìm trong bóng mây chiều.

Lê Sát nói: “Xin quan Hành Khiển Tham Mưu trở về Đông đô. Bình Định Vương đang đợi... Ông về đây có chuyện gì khẩn cấp chăng?”

Nguyễn Trãi không quay lại, thong thả trả lời: “Tôi không có việc gì khẩn cấp ở đây. Thưa ông, những gì được gọi là khẩn cấp trải dài suốt tám năm từ năm Canh Tý (1420) đến Mậu Thân (1428), đã xong rồi. Ta đã đuổi được quân thù ra khỏi nước, thu lại giang sơn, đem lại thanh bình cho trăm họ,... Ta đã làm xong trách nhiệm của một đứa con đối với Tổ Quốc khi Tổ quốc hữu sự. Nay ta rũ áo phong sương trở về quê quán. Nơi đây, ta đã nung chí, học tập diệt thù. Và nhất là nơi đây, ta đã có những người bạn của tuổi ấu thơ. Phải rồi, những người bạn cùng ta cắt cỏ, chăn trâu trên những cánh đồng kia, trên những con đường kia, trên những sườn núi kia...!”

Nguyễn Trãi ngừng nói, như để nhớ về những người bạn ấy, mà ông đã cùng họ ngồi trên mình trâu trao đổi Thi Thu! Bây giờ họ ở đâu?

Lê Sát nói: “Vậy thì, sau khi đã gặp họ rồi, Hành Khiển Tham Mưu quay bước trở về Đông Đô. Tôi phụng lệnh Bình Định Vương đi đón.”

Nguyễn Trãi vẫn thản nhiên. Ông nhìn trời cao, một vài đám mây xám nhạt đang trôi về phương Nam. Ông nhìn rặng núi xa, và những cánh rừng trúc đang chìm vào màn sương đục.

“Căn lều này, nơi đây, tôi vẫn ghé nghỉ chân trong nhiều buổi trưa hè, mở bọc cơm nắm muối vừng ra ăn. Đôi khi chia sớt cho những người bạn nhỏ của tôi. Cũng có khi, họ chia cho tôi một nửa củ khoai lang, hoặc một cái bắp luộc chín. Tôi vẫn còn nhớ hương vị của cơm nắm muối vừng thơm phức, khoai lang ngọt bùi, và bắp nếp chín dẻo làm sao!!! Tôi vẫn còn nhớ cái tình của chúng tôi với nhau, đơn sơ mà chân thật, giản dị mà thâm tình, mộc mạc chẳng thể nào quên. Chúng tôi thương yêu nhau làm sao! Đôi khi

chúng tôi còn cho nhau cái quần, cái áo. Chúng tôi rách rưới mà đùm bọc nhau biết bao! Ôi, chúng tôi thương nhau biết bao! Bây giờ tìm đâu ra nữa? Chính những người bạn trẻ thơ ấy đã dạy tôi về tình thương, sự đùm bọc, nhường cơm xẻ áo, để sau này tôi biết chia sẻ cho các kháng chiến quân của chúng ta như thế.”, Nguyễn Trãi nói như mơ màng, nuối tiếc.

“Tôi biết! Ông vẫn thường hay nhắc nhở tôi lo cho kháng chiến quân của ta được ăn no, được mặc ấm, được có gươm kiếm sắc bén chiến đấu. Tôi biết ông không bao giờ ăn khi họ chưa được ăn. Tôi biết ông khát, nhưng không bao giờ ông nói ông khát. Tôi biết ông đói, nhưng không hề nói mình đói. Tôi biết ông gian khổ, nhưng không khi nào than mình khổ. Hễ binh sĩ có nói khổ, ông bảo họ hãy đuổi bọn xâm lược ra khỏi nước, ta mới hết khổ. Thì ra ông đã học được những điều này từ khi còn nhỏ, ở đây, từ những người bạn ấy?, Lê Sát nói.

“Đúng vậy, thưa ông. Ông hãy ngồi xuống đây, cùng tôi trò chuyện. Lâu quá rồi, chúng ta không có một lúc nhàn rỗi nào để nói chuyện vãn, ông nhỉ? Bây giờ, thật là thú vị quá, ta không còn phải bận tâm đến bất cứ một điều gì nữa!”

Lê Sát nói: “Thưa ông, chưa hết đâu! Đuổi được quân Minh ra khỏi nước rồi, ta còn nhiều việc phải làm lắm. Một đất nước nghèo nàn, tan hoang, nhân dân xao xác như đàn gà con mất mẹ, ta còn phải làm cho đất nước phục sinh. Chưa nghỉ ngơi được đâu, thưa ông.”

Nhưng Nguyễn Trãi cười rồi nói: “Phải, ông nói đúng. Nhưng đó không phải là việc của tôi. Đó là việc của triều đình Bình Định Vương ở Đông Quan. Còn tôi, tôi xin về Côn Sơn, làm người cấy ruộng, đánh đập, sống đời nông dân trong một đất nước độc lập thanh bình. Kiếm được gì, tôi ăn nấy. Còn không, tôi đói, nằm ở lều cỏ này, nhìn trời mây, cũng đủ thấy lòng vui, ông ạ. Tôi không còn bận tâm đến đói khát, sống chết, bệnh tật, già yếu, thì tôi còn bận tâm về điều chi nữa?! Mỗi bận tâm của tôi về giang sơn thì nay giang sơn đã sạch bóng quân thù, nước nhà thanh bình rồi, thưa ông.”

Lê Sát ngồi xuống một chỗ gần Nguyễn Trãi. Con

ngựa ở gần đó, đang thong thả gặm cỏ, thỉnh thoảng dừng lại, ngẩng đầu nhìn cánh đồng chiều. Những ráng vàng đỏ của mặt trời chiều chiếu vào một góc núi xa. Lê Sát thốt lên; “Quả thật, núi Côn Sơn tuyệt đẹp. Giang sơn ta mỹ miều...”

“Ông nói đúng. Chính vì Côn Sơn tuyệt đẹp, nên tôi phải tìm cách giữ lấy, không thể để cho bọn quan quân nhà Minh đến đây tàn sát, đốt nhà, bắt phụ nữ, cướp lương thực. Bọn chúng đã bạo ngược ở đây, ở khắp nơi trên đất nước ta. Nay đuổi được chúng rồi, tôi không còn phải lang thang ở Lỗi Giang, ở Lam Sơn, ở Đông Quan nữa. Tôi trở về với Côn Sơn, nơi có con suối nhỏ chảy qua rừng trúc thưa, của tuổi thơ tôi.”

Lê Sát trân trọng nói: “Nguyễn Trãi, hẳn ông đã được chứng kiến từ nhỏ cảnh quân Minh đến đây đốt phá, cướp bóc, bắt phụ nữ đem đi. Ông cũng đã chứng kiến bao cảnh khốn khổ khốn nạn của quân dân ta. Hẳn ông phải hiểu rõ nỗi đau đớn và lòng thù hận của người gặp cảnh ấy? Vậy mà sao, trong khoảng thời gian, vào lúc Vương Thông xin hàng; một số lớn quân dân, vì hận thù, đã khẩn thiết yêu cầu Bình Định Vương không cho hàng, thừa cơ tiêu diệt chúng, để trả mối hận thù năm xưa, ông lại ngăn cản? Ông có biết bao nhiêu người phản đối, hận ông, oán ông, trách ông? Và chê ông? Ông đã không trả thù cho bố ông, Nguyễn Phi Khanh và triều đình nhà Hồ bị họ bắt về Tàu năm Đinh Hợi (1407)! Nguyễn Phi Khanh đã chẳng dặn ông ở cửa ải Bắc nước ta rằng ông phải lo phục quốc và báo thù cho cha? Ông đã quên lời phụ thân ông? Nhân hôm nay, được dịp nói chuyện riêng với ông, ông có thể có vài lời giải thích cho tôi hiểu được chăng?”, rồi ông chờ đợi.

Một hồi lâu sau, Nguyễn Trãi mới trả lời: “Vâng, thưa ông, quả thật đây là một vấn đề thuộc về gan ruột của Trãi này. Tính toán mãi, tôi quyết định đặt quyền lợi lâu dài của trăm họ trên oán thù của gia tộc tôi. Cha tôi, Nguyễn Phi Khanh đã cùng với nhiều công thần, và Hồ Quý Ly bị bắt, giải về Yên Kinh, không biết số phận ra sao? Bị giết hay bị lưu đày? Còn không thì làm tay sai cho giặc, như Hồ Nguyên Trừng, làm tới Thượng Thư Bộ

Bình! Cha tôi, người từng giữ chức Học sĩ Viện Hàn Lâm, rồi Tư nghiệp Quốc Tử Giám, một chức quan cao trong triều nhà Hồ, ắt Yên Kinh mua chuộc không được thì phải giết! Tôi biết thân phụ tôi chẳng khi nào mang tài năng của mình ra phục vụ cho kẻ thù muôn đời của dân tộc ta. Chắc chắn là người đã bị giết! Người dặn tôi: “Hồi quan Chánh chương đài ngự sử nhà Hồ, hãy về đi! Hãy phục quốc và báo thù cho cha!”. Lúc đó, tôi đang giữ chức Chánh chương đài ngự sử nhà Hồ. Thưa ông, họ giết cha tôi, tất tôi phải giết họ. Như thế mới xòng phẳng? Không phải! Đến đời con cháu họ, sẽ tìm cách giết con cháu tôi. Như thế, bao giờ nhà họ và nhà tôi được yên? Bao giờ hai nước mới được yên? Bởi thế, tôi muốn dứt ra! Thưa ngài, chỉ có cách mà nhà Phật dạy “dùng ân trả oán, oán mới tiêu tan”. Chỉ có cách đó, mới dứt nghiệp khởi trùng phùng! Nếu như nước Nam ta với nước Tàu, cứ thù nhau mãi, gây chiến tranh mãi, bao giờ ta mới có hòa bình? Chi bằng, cuộc chiến này đã kết thúc, ta nghĩ đến hai chữ “hòa hiếu”, quên đi quá khứ, xóa bỏ hận thù, mới có thể đạt được hòa bình cho mình và cho người. Cho nên, tôi đã bạo dạn đề nghị với Bình Định Vương một giải pháp hiếu hòa, dẫu mình có bị thiệt thòi, nhưng chắc chắn sẽ đạt được cái lợi lớn ở xa, đó là một nền hòa bình lâu dài. Thưa ông, khi trình bày kế sách ấy với Bình định Vương, tôi không có mấy hy vọng được ngài chấp thuận. Nhưng rồi, ngài đã hiểu được cái lợi lớn cho toàn dân, cho các thế hệ hậu duệ sau này, cùng với viễn ảnh một nền hòa bình lâu dài, nên ngài đã chấp thuận. Hẳn ông cũng rõ tướng Minh là Mã Kỳ, để gài bẫy hầu bắt được Lê Lợi, cũng như dẹp tan cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của chúng ta, đã ra lệnh tàn sát nhiều người thuộc dòng tộc Lê lợi. Họ còn quật mộ tổ tiên, phụ thân ngài, đem hài cốt ra trưng bày, không ngoài mục đích dụ Lê Lợi đến, hầu bắt sống. Đó là cái bẫy giương ra, tựa như Tôn Tần dụ Bàng Quyên tới Mã Lăng... Ai dám can ngăn Bình Định Vương? Hay là chỉ có một mình tôi dám đứng ra giữ chặt cương ngựa của Lê Lợi?! Lê Lợi đã rút kiếm ra, nhưng rồi phải tra gươm vào vỏ, xuống ngựa, nghe lời tôi? Giữ cương ngựa của Bình Định Vương, tôi biết tôi có thể chết dưới lưỡi gươm giận dữ của ngài!”

Ngừng nói một lát, Nguyễn Trãi nói tiếp: “Thưa ông, tôi đề nghị giải pháp hiếu hòa, tiến chân đại quân thất trận ấy một cách nồng hậu, hầu thiết lập một quan hệ bình thường mới với kẻ thù, may mắn thay, Bình Định Vương chấp thuận. Tôi lại bàn với ngài, về việc xin cầu phong và chịu triều cống nước Tàu. Đây là cái thế bất đắc dĩ... Người Tàu, có khác gì một kẻ đi săn với đầy đủ cung tên, ta chỉ như một con nai mà thôi? Tôi đề nghị cống Tàu hai người bằng vàng, coi như thế mạng hai tướng Liễu Thăng và Lương Minh mà ta đã giết ở trận Chi Lăng! Hai “đại thân kim nhân” là hai con cá mà con nai phải dùng làm lễ, dâng lên cho người đi săn. Thêm nữa, phải dâng biểu xin cầu phong, để chứng tỏ mình nhỏ bé, là kẻ dưới, không bao giờ dám xông lên ăn thịt người đi săn. Chẳng bao giờ con nai có thể giết được người thợ săn. Cái thế nước mình và nước người, chênh lệch quá xa như vậy, nên ta phải nhìn xa, không thể ra tay làm cỏ đoàn quân thất trận ấy được!!! Đó là cách thăng tí hon phải xử với một người khổng lồ. Đó cũng là cách bỏ cái lợi nhỏ trước mắt mà nghĩ đến cái lợi lớn ở xa! Ông Lê Sát! Nếu Bình Định Vương và tôi chấp nhận một cuộc tàn sát cho hả lòng căm giận, một cuộc tắm máu quân Vương Thông ở Đông Quan, theo một sự yêu cầu của một số ít quân dân ta, liệu Yên Kinh có chịu ngồi yên? Hay là một đạo quân hàng triệu người sẽ ồ ạt vượt ải quan, làm cỏ nước Việt ta? Thế thì mục tiêu chấm dứt chiến tranh, văn hồi trật tự, tái lập hòa bình, bao giờ mới có? Ông nghĩ đi! Ông biết quân ta ở thế yếu mà? Đã từng lấy ít đánh nhiều, đánh chớp nhoáng rồi rút chạy vào rừng sâu. Đó là “phục kích chiến” mà ta phải dùng làm chiến thuật hầu như suốt cuộc kháng Minh. Thưa ông, ta đuổi họ, đừng để họ quay lại, đó là sách lược “Tâm công” của tôi, mà tôi đã dâng lên Bình Định Vương. Tôi có thể tạm trả lời ông như vậy.”

Lê Sát chăm chú lắng nghe, không để sót một tiếng nào. Đến lúc Nguyễn Trãi dứt lời, ông buột miệng khen: “Cao kiến! Thật là cao kiến!”

Một lúc sau, Nguyễn Trãi lại nói: “Thưa ông, “Tâm công” của tôi chủ trương lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo, mục đích để đánh vào

lòng người, người mình cũng như người Tàu. Trước hết, nói về người mình, mình có từ bỏ hung tàn mới mong người khác từ bỏ hung tàn. Mình có đại nghĩa ở trong lòng mình trước mới mong người khác có đại nghĩa. Cũng vậy, mình có từ bỏ cường bạo mới mong người khác từ bỏ cường bạo. Và mình có cư xử với người bằng chí nhân, chí hiếu, chí tình, thì người khác mới xử với mình được như vậy. Cho nên, thưa ông, người Việt mình, dẫu bị đàn áp, bóc lột, giết hại; nhưng nay, mình không hận thù, mình quay ra đối xử tốt với kẻ thù, lấy lòng chí nhân đối đãi với họ, ắt hận thù sẽ không lưu truyền đến đời con cháu nữa. Mình đã dứt ra khỏi nghiệp oán thù rồi! Muốn kết thúc oan nghiệp, oán thù, thì mình chủ động dứt ra trước, từ bỏ trước, chứ đừng đợi ở người! Mình buông bỏ, tha hết!!! Thưa ông, “tâm công” của tôi, nói thì dễ, nhưng thi hành rất khó đó, thưa ông! Ai? Ai đã hiểu được tôi, ngoài một mình Bình Định Vương? Quả thật, Lê Lợi đích thật là một “Kiếm khách” hiếm có trên đời!!!”

Lê Sát cười lớn. Tiếng cười của ông vang vọng trên đồng không, tưởng như âm thanh vọng tới tận chân núi Chí Linh, làm xôn xao rừng trúc. Một đàn chim đang đậu ở bụi tre đầu một làng kia bỗng cất cánh bay lên. Trong bóng nắng chiều vàng nhạt, chúng tựa như những cánh hoa bay trên cánh đồng lúa .

Nguyễn Trãi nói tiếp: “Sự thật, hai chữ “Tâm công”, tôi dùng hơi gượng ép, không tự nó nói lên hết ý nghĩa mà tôi muốn nói. Tôi đã tạm dùng hai chữ “tâm công”. Nhưng người nào từ bỏ được ích kỷ, hẹp hòi, có được cái tâm rộng rãi, ắt sẽ hiểu được ý nghĩa đích thật mà tôi muốn nói. Ông Lê Sát, có lần ông đã hỏi tôi về việc tôi vào thành Đông Quan du thuyết? Tôi chỉ cười mà không trả lời. Thưa ông, tôi đã năm lần vào thành Đông Quan, gặp tướng nhà Minh để du thuyết, xin bãi binh, giảng hòa, nước Nam chấp nhận thần phục Trung Quốc như xưa. Chỉ có thế thôi! Tôi đã chỉ dùng những lời lẽ phân trần, có lợi cho cả đôi bên, tránh được giết chóc, mưu tìm hòa bình cho cả hai dân tộc. Nếu các ông cứ tiếp tục chính sách nước lớn, chúng tôi sẽ tiến hành chiến lược chiến thuật du kích, rồi rút vào rừng sâu, thì các ông sẽ không biết có còn

sống để trở về cố hương hay không?! Tướng giặc đầu không nghe, đã không giết tôi hoặc không bỏ ngục, bởi tôi không hề thốt lên một lời hận thù. Trước sau, tôi chỉ nói lên mơ ước một cuộc bãi binh, chấm dứt đổ máu, cùng vui hưởng thanh bình. Mà nếu như tướng nhà Minh có giết tôi, thì ắt những lời nói của tôi càng lưu dấu vào trong lòng họ. Bởi tôi không giả dối, tôi thành thật với chính bản thân tôi và thành thật với người! Khi ta đến với người bằng sự chân thực, mà người hãm hại ta, họ sẽ chuốc lấy ân hận suốt đời mà thôi! Khi tâm ta chứa toàn điều thiện, thì ta chẳng sợ gì phong ba bão táp, ta chẳng sợ gì cái chết! Cho nên, năm lần, tôi vào thành Đông Quan, tôi không mang theo gì cả, tôi chỉ có cái “Tâm” làm vũ khí thôi!!!”

Nguyễn Trãi chợt ngừng nói, thở dài. Nhắc đến chuyện năm lần vào thành Đông Quan, ông không khỏi ngậm ngùi. Đi sứ, đi thuyết khách, tính mạng kể như treo trên sợi tóc! Nguyễn Trãi phụ trách tham mưu chiến lược, phải gánh vác luôn cả trách nhiệm này. Ông không bị địch giết, nhưng đã từng bị câu lưu trong nhiều ngày, có lần dài tới sáu tháng bị cầm giữ ở góc thành nam Đông Quan. Đó là lần thứ tư, năm Bính Ngọ (1426), ông vào thành du thuyết.

Chợt một đàn chim bay ngang bầu trời, phía trên cái lều mà Nguyễn Trãi và Lê Sát đang trò chuyện. Cả hai người cùng ngược nhìn. Nguyễn Trãi nói: “Thời thanh bình, đàn chim bay một cách bình yên, không sợ những tay súng nhắm bắn. Thời bình, không có kẻ xâm lược, không phải mài gươm giết kẻ thù. Nước Nam, người Nam ở. Nước Tàu, người Tàu ở. Đó là cảnh thái bình hoan lạc của cả hai dân tộc. Nay điều đó đang ló dạng ở chân trời...Thôi, đừng khơi dậy quá khứ hận thù. Chỉ có thể, viễn ảnh thái bình mới về gần... Ông Lê Sát,đã lâu, chiều nay tôi mới được ngắm nhìn một đàn chim bay trên cánh đồng miền núi Côn Sơn. Ông nhìn kìa, những ánh nắng chiều màu vàng chiếu trên lưng chừng ngọn núi, đẹp chưa? Hình ảnh ấy, gọi lại cho tôi tuổi thơ đẹp nhất trong đời!”

Lê Sát nói: “Mười năm gian khổ, mới có một ngày hôm nay. Ông có tâm lớn, nhìn xa trông rộng. Quả thật, ông là đệ nhất kiếm sĩ của Bình Định Vương. Tôi sẽ lưu giữ hình ảnh đàn chim chiều, ánh nắng vàng trên sườn núi, cánh rừng trúc xa xanh...Hòa bình đã thực sự về trên đất nước ta! Tôi xin báo để ông được rõ: Bình Định Vương đã lên ngôi hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Việt, phong tước cho nhiều người có công. Tôi đã được phong Đại tư đồ. Nhà vua đang đợi ông. Thôi! Xin ông quay bước về Đông Đô, quan Hành Khiển Tham Muu!”

Nguyễn Trãi thưa: “Vâng, thưa quan Đại tư đồ. Cho tôi nghỉ lại đây đêm nay. Ở đây, chỗ này, lều cỏ này... Ngày xưa, tôi đã từng nằm ngủ ở đây, với những người bạn cất cỏ, chăn trâu của tôi trên cánh đồng này. Tôi cũng cần về thăm ngôi nhà của ông ngoại tôi, Bể Hồ tướng quân Trần Nguyên Đán, ở đằng xa kia. Tôi cũng cần ghé qua chỗ con suối xưa, cánh rừng trúc cũ, lối mòn in dấu chân trâu ngày mưa dầm gió bắc. Ngôi nhà xưa, cảnh xưa, dấu tang thương đến thế nào, ta cũng còn gặp lại được, phải không ông? Chứ biết bao nhiêu chiến hữu của chúng ta đã nằm lại ở chiến trường gió cát!? Thưa quan Đại tư đồ, tôi không còn thiết gì đến quan chức triều đình, tôi muốn giã từ kinh thành, theo bước ông ngoại tôi, đang làm quan khanh ở triều đình nhà Trần đã xin về trí sĩ ở Côn Sơn. Nhờ có thế, tôi mới được ông ngoại dạy cho Thi Thư kim cổ. Tôi mới có được nền tảng kiến thức chiến lược chống quân Minh. Tôi muốn trở về đây, bốn mùa cúng tế tổ tiên. Tôi biết Bình Định Vương chưa cho tôi về! Biết bao giờ tôi mới được tan vào cánh rừng, con suối xa, đồng lúa vàng, và trắng gió của Côn Sơn? Ông ạ, thật sự đối với tôi, không còn gì quan trọng nữa!!”.

Nói rồi, Nguyễn Trãi ngã người, nằm dài trên nền đất của căn lều trống trải. Ông nhìn lên mái cỏ tranh, nhiều chỗ đã hư nát, trống không cho thấy một mảnh trời chiều qua chỗ trống ấy. Ông nhìn thấy một đám mây bay qua chậm chậm. Mọi sự, cuộc đời, đời người, cuộc chiến, rồi đây sẽ trôi đi hết như đám mây trôi kia thôi... Tất cả sẽ theo nhau vào thiên cổ. Muôn đời như thế. Tất cả, như bầy chim trời, bay ngang cánh đồng chiều, đi về nơi mịt mù vô

tận. Ông nhắm mắt và chìm vào giấc ngủ, giấc ngủ bình an sau mười năm “nằm gai nếm mật”!

HOÀNG NGỌC HIỂN

(trích từ bản thảo tập truyện “Bóng Thời Gian”)

HOÀNG NGỌC HIỀN

Thân phận “tiếng sủng cao nguyên”

Đời tôi gặp nhiều lúc con đen vận tủng, nói theo cách nói dân gian có lẽ tôi “sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu”, không biết làm gì để sống. Vốn nghiên cứu khoa Tử Vi Hà Lạc lý số từ khi còn trẻ, bèn bắt chước cụ thi sĩ Tản Đà, người nổi tiếng với bài thơ đường luật “Vịnh Bức Dư Đồ Rách”, tôi đem nghề bói toán ra trước cổng chùa, trải manh chiếu hoa dưới một tàng cây, may ra kiếm được miếng ăn. Vậy mà cái nghề bắt đắc dĩ ấy cũng đã giúp tôi được đôi phần đỡ khổ, tuy không kiếm được cơm, nhưng cũng kiếm được chút cháo sống lay lắt qua ngày. Nhập cảnh vào Hoa Kỳ đất trích, tôi gọi là đất trích vì tôi ở trong một ngõ sâu, giữa thập niên 1990, tuổi đã ở khoảng giữa ngũ thập, tiếng Anh lồm bồm, gọi là “ăn đông” theo cách gọi của những tay nói lưu loát, vội vã xoay ra nghề Hà Lạc kiếm sống trước đã, rồi mọi sự tính sau. Tôi chẳng đăng quảng cáo chi hết, chỉ nhờ bạn hữu, người thân giới thiệu dùm. Hễ có khách, tôi lại nhờ khách giới thiệu. Vả lại, tôi chỉ lấy giá “tùy tâm”, nên giàu nghèo chi, ai cũng có thể đến với tôi được khi cần. Hầu hết, người ta có vấn đề mới hay tìm đến thầy bói thầy số, ít khi có khách đi xem chơi. Trong số những người khách xem chơi ấy, tôi đã tiếp một ông già ngoài bảy mươi tuổi. Khách không cho biết quý danh, địa chỉ, số phôn, quê quán, v... v... Ông khách chỉ cho biết ngày giờ tháng năm sinh, rồi hỏi ngay rằng:

“Thưa ông, tôi xin được hỏi ông, cùng một giờ sinh như tôi, hẳn là có cả hàng trăm đứa trẻ sinh ra cùng một lúc. Thì cuộc đời của họ, có giống như tôi không?”

Tôi thưa ngay:

“Thưa ông, khác nhau chứ ông! Bởi vì khác nhau do dòng giống tổ tiên, khác nhau do phong thổ tức nơi

sinh, và khác nhau do sự phát triển mỗi người mỗi cách. Ông thắc mắc gì nữa? Ông muốn xem gì?”

“Thì ông muốn nói gì thì nói. Ông lập lá số tử vi, hà lạc chi đó; rồi ông thấy chi đáng nói thì nói. Quả thật, hồi còn trẻ tôi có đi xem tử vi nơi một ông thầy bói khá nổi tiếng, nhưng tôi không tin. Bây giờ, tôi bỗng thích xem tử vi, nghe nói ông phối hợp với hà lạc?”

Cảm ơn ông, rồi tôi lập lá số tử vi, quẻ hà lạc; trong lúc ông ngồi uống trà đợi tôi. Nhanh lắm, chỉ trong khoảng ba mươi phút, tôi phán ngay:

“Thưa ông, theo tôi, ông có cách Tử Phủ Vũ Tướng, bị Địa Võng vây hãm, ông bước vào con đường chính trị từ khi còn trẻ, nghĩa là khoảng hai mươi tuổi. Đến đại hạn ba mươi lăm tuổi, ông gặp Không, Kiếp, Kinh, Hinh; nhất định là ông phải ngồi tù. Phối hợp với Hà Lạc, tôi thấy bước đường công danh hanh thông của ông quá ngắn, chỉ chừng năm hay sáu năm thôi! Thưa ông, số ông đi làm nhà cai trị mới đặc cách, chứ làm nhà chính trị, xin lỗi ông, không hợp cách, chỉ ôm một hận sâu sắc trong lòng mà thôi! Bởi vì đối phương ở thế thượng phong! Ông thua là cái chắc! Tôi mạn phép ông, có vài lời như vậy, xin ông cho biết đúng, sai thế nào? Rồi tôi mới có thể coi tiếp.”

Ông khách nở một nụ cười:

“Giỏi lắm! Ông nói đúng lắm! Giá như hồi tôi ba mươi tuổi gặp ông xem cho lá số, được nghe ông nói như vừa rồi, hẳn tôi đã không phải lao đao, lận đận trong tù, cũng như trên đường hoạt động cách mạng. Ất là thoát được bao nhiêu tai họa rồi! Đáng tiếc quá!”

Tôi cười, rồi mới nói:

“Thưa ông, lúc ông ba mươi tuổi, tôi chỉ là một cậu bé mười tuổi, đang học lớp nhì ở Hà Nội, đã biết gì về lý số Hà Lạc đâu!!! Tôi phải trải qua nhiều tai họa mới chứng nghiệm được tử vi hà lạc có một giá trị. Nhưng cũng còn tùy thuộc trình độ và kinh nghiệm người coi. Và hôm nay, tôi mới nói ra được những lời vừa rồi. Vả, thưa ông, cái số nó bày ra thế, ông khó tránh lắm. Vâng, khó thoát lắm! Ông thấy đó, Đường Tam Tạng phải chịu đủ 81 tai nạn, mới hoàn thành được cuộc hành trình thỉnh kinh. Cuộc

nhân sinh khéo bày ra đây!!!”

Ông khách vặn hỏi:

“Thưa ông, nếu như không phải là tôi, mà là một người khác, cũng ngày giờ năm sinh như tôi; người ấy cũng có số đi vào con đường chính trị như tôi sao? Lý do nào, ông phán tôi như vậy?”

“Vâng, thưa ông, nhìn tướng pháp của ông, tôi biết ông là người có học thức cao. Lại nữa, tôi đặt ông vào môi trường xã hội đất nước thời ông sinh sống, đó là một thời tao loạn, như thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu. Tôi mới đi đến kết luận như vậy!”

Ông khách gật gù:

“Ông nói đúng. Quả thật, bây giờ nhìn lại, tôi thấy cái lúc ấy, cái lúc tuổi còn trẻ đó mà, mình cứ lao vào cuộc chơi nguy hiểm ấy, như một nổi đam mê. Ông ạ, mê làm chính trị, có lẽ còn hơn mê gái. Bởi tính chất lý tưởng của nó. Mình muốn đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước mình. Mình muốn tiếp bước cha ông giữ gìn giang sơn tổ quốc. Mình muốn làm trách nhiệm mà hồn thiêng sông núi trao phó cho người trai thế hệ. Không ai bắt mình phải nhận lãnh, nhưng tự mình ý thức nhận trách nhiệm ấy. Dẫu biết đó là nổi khổ, nổi chết! Ông ạ, mê gái khổ như thế nào, mê làm chính trị còn khổ hơn!!! Thế đó! Hèn chi, ông phán hai chữ “khó tránh”, tôi thấy đúng! Đúng lắm! Tuy thất bại, nhưng mình an ủi mình là, không thành công cũng có phần nào thành nhân, như nhà chí sĩ Nguyễn Thái Học đã nói. Quốc gia hưng vong, mình là kẻ sĩ, chẳng lẽ chỉ lo cho hạnh phúc riêng mình, để đất nước cho những kẻ thất phu lo liệu hay sao? Ông ạ, khi mình ngồi tù, mới hiểu rõ được lòng người hơn. Hiểu hơn về những người lãnh đạo đất nước, về lòng những người cai tù, về lòng những người thân yêu của mình. Nói chung, về lòng người. Cổ nhân nói cháy nhà, ấy cái lúc mình cháy nhà ấy mà!!! Cũng là cơ hội mình học được những bài học quý giá ở đời. Ai quân tử? Ai tiểu nhân? Ai chung thủy? Ai lừa dối? Ai bội phản? Mình lớn lên trên những đau khổ của đời mình. Đau khổ có giá trị của đau khổ...”

Ông khách mỉm một nụ cười, nhấp một ngụm trà:

“Thưa ông, ông phán tiếp đi!”

Tôi liền nói: “Tôi thấy, ông bước vào đại vận 35 tuổi, gặp đủ bộ hình tinh. Ất khó tránh cảnh phải ngồi tù. Ông bị tù ở đâu, thưa ông?”

Ông nhìn lên trần nhà, như suy nghĩ, như để nhớ lại, rồi mới cúi xuống nói:

“Nhiều nơi,... Họ giam tôi ở nhiều nơi, nhưng lâu nhất là ở P.2.”

“P.2.?”

“Phải, ở P.2.”

Tôi hỏi: “Ông có ở trong nhóm Caravelle không?”

“Không, thưa ông. Tôi đối lập thật sự với tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, ông Ngô Đình Diệm, nên Sở Nghiên Cứu Chính Trị của Bác sĩ Tuyền mới bắt tôi! Tất nhiên phải do lệnh của Tổng thống Diệm hay ông cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu. Tôi là người của đảng phái, có chân trong ủy ban trung ương. Nhóm Caravelle là nhóm Tự Do Tiến Bộ, họp ở khách sạn Caravelle ngày 26.4.1960 để phổ biến tuyên cáo chính quyền độc tài, đề nghị Tổng thống Ngô Đình Diệm thay đổi chính sách. Họ gồm có mười tám người: Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Lê Ngọc Chấn, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Tuyên, Trần Văn Lý, Nguyễn Tăng Nguyên, Nguyễn Tiến Hi, Lê Quang Luật, Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, Lương Trọng Tường, và Hồ Văn Vui. Sau này, khi chính quyền ông Diệm sụp đổ, nhiều người đã ra tham chính, giữ chức vụ tổng, bộ trưởng...Tôi có được hân hạnh quen biết vài người. Nhưng thưa ông, tại sao ông lại hỏi tôi câu hỏi này? Ông nghi ngờ tôi ở trong nhóm Caravelle à?”

Tôi trả lời:

“Thưa ông, khi coi số cho bất cứ một ai, tôi cũng phải đặt họ vào nơi họ sinh ra, vào môi trường xã hội họ lớn lên, họ sinh sống; xem những cái đó tác động hoặc ảnh hưởng đến cá nhân họ như thế nào? Chứ không chỉ căn cứ vào bộ sao thủ mệnh. Tôi đã đặt ông vào xã hội thời Đệ nhất cộng hòa, nên hỏi ông như vậy. Cảm ơn ông. Thưa ông, P.2., tôi nghe nói là nhà tù bí mật của chế độ ông Diệm, ở Sở Thú, do bác sĩ Tuyền quản trị?”

Ông trả lời:

“Đúng vậy. P.2., đó là một nhà lầu hai tầng, ở trên một khu đất khá rộng, nằm trong vườn Bách Thú, trên đường Nguyễn Bình Khiêm, thuộc Quận Nhất Saigon. Sở Nghiên Cứu Chính Trị do bác sĩ Trần Kim Tuyến cầm đầu, đã sử dụng tầng dưới, ngăn chia thành nhiều phòng, mỗi phòng cho một người nằm, theo kiểu xà lim có song sắt ở cửa. Tầng trên là các văn phòng cho nhân viên của sở. Ban đêm, các cửa phòng khóa lại, đèn thấp sáng suốt đêm ở các hành lang. Nhà tù P.2 đặt dưới quyền điều khiển của một sĩ quan cấp đại úy. Có một tiểu đội phòng vệ. Tôi bị đưa vào đây, sau khi đã trải qua trại Vân Đồn nằm ở bên Vân Đồn, Khánh Hội; và trại Lê Lợi nằm trên đường Lê Văn Duyệt, Quận Ba Saigon. Trại Lê Lợi cũng thuộc sở Nghiên Cứu Chính Trị đấy. Ông ơi, ở tất cả các trại này, tôi chẳng được cấp phát gì cả, kể cả cái mùng mà mình rất cần để chống muỗi. Tôi có kêu ca, nhưng họ cứ lơ đi. Cũng chẳng có chiếu chăn gì, phải nằm trên nền xi-măng lạnh lẽo. Cũng không cấp phát quần áo chi hết! Chỉ khi nào mình được phép liên lạc với gia đình, người nhà mình mới gửi mùng mền quần áo và các vật dụng khác cho mình mà thôi. Còn ông, ông ở tù Cộng sản, trại tù cộng sản thế nào?”

“Cũng tương tự như P2, ông ạ. Còn hơn thế! Trong chế độ tù giam của Việt Nam Cộng Hòa, người tù còn được ăn no đủ, khi ốm đau còn có thuốc thang. Cũng chẳng được cấp phát mùng mền chi hết! Chỉ khi nào họ đưa ra trại lao động cưỡng bức, thì hai năm mới được cấp một bộ quần áo. Ở tù cộng sản, ăn đói, phải lao động cực nhọc, chưa hết, buổi tối về phòng còn phải ngồi đồng, học tập chính sách, kiểm điểm, khổ hết nói, ông ạ. Ông may mắn thoát ra khỏi nước trước ngày 30 Tháng Tư 1975, không phải gánh cái khổ giá ấy!!!”

“Vâng. Ở tù,... Tôi ở tù hơn năm năm trời, không được gặp mặt vợ con. Họ không cho gia đình mình biết mình bị giam giữ ở đâu, còn sống hay đã chết. Nghĩa là tù ở P2, không được gặp thân nhân, không được gia đình tiếp tế, như ở một vài trại giam khác. Hình như P2 đặc biệt chỉ giam tù chính trị? Vả, người tù chính trị này cũng có một điểm đặc biệt chi đó? Ở tù, tôi mới ngộ ra rằng, nếu như mình có quyền, mình sẽ ra lệnh cải thiện chế độ lao tù. Có

lẽ nào người tù bị hạ thấp xuống hàng thú vật? Không được tôn trọng nhân phẩm, một cách tối thiểu? Dẫu là chế độ nào đi chăng nữa, cũng nên để cho người tù có một chút tự do tối thiểu, có một điều kiện sống vật chất tương đối nào đó. Họ cần được đối xử như đối xử với một con người!!!”

Tôi chợt hỏi ông khách:

“Ông ở P2, vậy ông có biết vụ Hà Minh Trí ám sát huyệt tổng thống Ngô Đình Diệm ở hội chợ Ban Mê Thuột năm 1957 không? Anh ta có bị nhốt ở đó cùng thời với ông không?”

“Có. Tôi biết!”

“Hồi ấy, báo chí, nhất là báo chí đổi lập chính quyền, hoặc thân Cộng sản chỉ đó, thổi lớn lên, gọi là vụ “Tiếng súng cao nguyên” nghe rầm rộ, rôm rả lắm! Và bây giờ, tôi nghe nói Cộng sản phong cho hắn là “chiến sĩ anh hùng”, với quân hàm đại tá, để phô trương? Chuyện hư thực thế nào, hả ông?”

Ông cười: “Thì ông còn lạ gì cái trò Cộng sản đánh bóng người của nó lên?! Họ cố tính đánh bóng con bài Hà Minh Trí này để tuyên truyền! Ôi chao, con bài này bị lợi dụng suốt đời thôi! Có lẽ, nay với cái “mạng thương binh, gãy chân trái”, mang quân hàm đại tá, làm Trưởng ban tôn giáo ở tỉnh Tây Ninh, một chức vụ chẳng có quyền hành gì, cũng chẳng có miếng ăn thơm phức nào, hắn cũng đành ngậm ngùi một mình mà thôi! Biết than thở cùng ai? Ông nghĩ xem, thử hỏi, một tên vô học như hắn, thì làm được cái trò trống gì?! Hắn chỉ được người ta dùng như một con bài thí thôi! Họ huấn luyện cho hắn thành một tay súng, cũng chả đến mức thiện xạ gì ráo, rồi giao cho công tác ám sát tổng thống Diệm để gây tiếng vang. Ông có biết tiểu sử hắn không?”

Tôi thành thật thưa:

“Thưa ông, quả thật, tôi không biết. Xin ông cho nghe.”

Thế là câu chuyện xem tử vi hà lạc cho ông khách, bỗng biến thành câu chuyện về thân phận “tiếng súng cao nguyên”. Ông cho biết:

“Hà Minh Trí, tên thật là Phan Văn Điền, sinh năm

1935 tại Nghệ An. Cha mất vào năm 1940. Mẹ đi lấy chồng, bỏ Hà Minh Trí cho bà nội nuôi dưỡng. Hai bà cháu phải đi ăn mày trong nạn đói năm Ất Dậu 1945. Một hôm cậu ta lang thang trên Quốc lộ Một, bị một xe lính Nhật chạy ngang qua, bắt cậu vào tận Vũng Tàu làm tên chăn ngựa cho một sĩ quan Nhật. Sau khi Nhật bại trận, rút đi, cậu vào phụ việc trong một quán ăn mà ông chủ là một cán bộ Việt Cộng. Ông chủ đặt tên mới cho cậu ta là Đinh Văn Phú. Năm cậu ấy hai mươi ba tuổi, được đưa vào mật khu Củ Chi, Hậu Nghĩa, rồi được huấn luyện bắn súng, giao cho công tác ám sát Tổng Thống Diệm ở hội chợ Ban Mê Thuột. Hắn sử dụng khẩu tiểu liên MAT.49, đứng trà trộn vào đám đông rồi ra tay. Việc bắt thành, bị bắt tại trận, đưa về Saigon, một thời gian giam ở P2, bị tuyên án tử hình, nhưng chính quyền ông Diệm không thi hành án, đày đi Côn Sơn năm 1963. Đến ngày 10 tháng Ba năm 1965, được Quốc trưởng Phan Khắc Sửu ký lệnh phóng thích. Về đến Saigon ngày 13 tháng Ba 1965, lập tức hẩn thoát ly ra căn cứ Củ Chi. Tại đây, một lần hẩn bị bom Mỹ đập, nhưng không chết, chỉ bị gãy chân trái, trở thành thương binh. Đến năm 1975, Việt Cộng chiến thắng, về Saigon, hẩn được cử lên đến chức vụ cao nhất là Phó Ban Nội Chính tỉnh Tây Ninh năm 1989. Từ 1992, chuyển sang làm Trưởng Ban Nội Tôn giáo tại tỉnh này. Đại cương tiêu sử của hẩn, tôi biết được là như thế. Ông nghĩ xem, một đứa bé, không được học hành gì, chỉ được huấn luyện bắn súng, nhồi nhét mớ lý thuyết cộng sản đấu tranh giai cấp, quá hấp dẫn với cậu bé mồ côi ấy, rồi giao cho công tác ám sát Tổng thống Diệm. Hẩn bị tù hơn tám năm. Sống tiếp mười năm trong rừng rú, địa đạo, năm 1975 về Saigon, hẩn có khả năng gì chứ? Làm Phó Ban Nội Chính chỉ là một chức vụ ngồi chơi. Làm trưởng ban tôn giáo thì có gì mà làm? Phong cho quân hàm đại tá để tuyên truyền quảng cáo mà thôi! Cho nên bọn thân Cộng nào đó làm rùm beng vụ Hà Minh Trí, thổi lên là “tiếng súng cao nguyên” cho rôm rả, chứ thực chất, bản thân hẩn ta có nghĩa lý gì đâu? Nghệ thuật tạo ra hào quang cho một nhân vật nào đó của Cộng Sản, thì ông đã biết mà! Chẳng hạn như trận Điện Biên Phủ do tướng Tàu Vi Quốc Thanh chỉ huy, chớ đâu

phải Võ Nguyên Giáp! Giáp chỉ thi hành lệnh của Thanh thôi! Vậy mà Hà Nội thổi Giáp lên thành danh tướng, đánh thắng Pháp trong trận Điện Biên ấy! Hồ Chí Minh còn viết sách ký tên Trần Dân Tiên ca ngợi Hồ Chí Minh nữa cơ mà!!! Ôi chao, “tiếng súng cao nguyên” chỉ có thể thôi! Cũng như vụ Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu, cũng vậy. Chúng dựng thành phim ca ngợi Trỗi, ca ngợi Sáu là những chiến sĩ anh hùng! Láo khoét cả!!! Những con chó đẻ đen ấy, được đánh bóng cho nhu cầu giai đoạn của họ!”

Tôi thở ra:

“Thì ra vụ tiếng súng cao nguyên chỉ có thể!!!”

Ông khách cười, nói tiếp:

“Hắn bắn dở ẹt! Đâu có phải tay thiện xạ gì đâu! Thiện xạ? Thì phải như tay súng bắn Tổng thống John Kennedy ở Dallas mới đáng mặt thiện xạ! Tổ chức nào đứng sau lưng tay súng này, tất cũng phải khác xa Hà Nội vậy!... Tên Hà Minh Trí đó, sống sót được là nhờ vào lòng nhân đạo thật sự của Quốc trưởng Phan Khắc Sửu nói riêng, của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nói chung. Tuyên án hắn tử hình, nhưng không nỡ giết một kẻ thừa hành như hắn. Chính quyền ta có lòng nhân đạo, chứ không như bọn Cộng sản. Hà Nội giết biết bao các nhà chí sĩ đảng phái quốc gia, giết biết bao người của nhóm Đệ Tứ, giết biết bao người Đệ Tam ly khai!!! Tôi hy vọng rằng những ai quan tâm đến lịch sử thời cận đại này, hãy cầm bút, viết hết cho các thế hệ hậu duệ của chúng ta được biết, viết thành một bản án tội ác của Cộng Sản. Ghé qua tiệm sách báo, tôi thấy đã có kha khá sách viết,... Tôi hy vọng lịch sử ấy, có cả ngàn người viết!...”

“Tôi cũng mong ước như ông,... sẽ có cả ngàn người viết!!!”

Ông khách lại hỏi tôi:

“Thưa ông, ông là người nghiên cứu về số mệnh con người, ông có thấy cuộc đời này đẹp không ông? Có đáng sống không ông?”

Tôi thưa:

“Ông đặt ra cho tôi một câu hỏi rất khó trả lời. Cuộc đời, theo tôi, có thể đẹp cho người này, mà không đẹp cho người khác. Đáng sống với người này, nhưng

không đáng sống cho người khác. Dòng đời, như sóng biển đồ hoai vào bờ, con người bơi chải kiếm ăn cực nhọc suốt đời, đời này nối tiếp đời khác, từ bao giờ không biết, rồi miên viễn đến khi nào, cũng không biết. Nhưng dường như mọi thứ ở đời, cứ lập đi lập lại, không có gì mới mẻ, cứ trôi hoai trôi mãi,... Cũng ngán ấy thứ buồn vui. Cũng sinh lão bệnh tử, rồi ai cũng có một thời để chết. Biết thế nào là đẹp, biết thế nào là đáng sống? Thừa ông? Số mệnh con người, theo tôi, là cả một quá trình từ quá khứ xa xôi. Con người, hình như đã trải qua nhiều kiếp. Kiếp này, mang tất cả nghiệp đời của các kiếp trước. Kiếp này, mang tất cả trách nhiệm của các kiếp trước. Kiếp này, là một sự tổng kết của mọi kiếp trước kia của người ấy. Do vậy, đau khổ hay hạnh phúc, giàu sang hay nghèo nàn, là kết quả của mọi cái nhân từ xa xôi,... Tôi quan niệm như vậy. Thừa với ông như vậy.... Ông, bây giờ có thể hưởng sự an nhàn được rồi, xin chúc mừng ông.”

Ông khách mỉm cười:

“Cảm ơn ông. Tôi cũng muốn hỏi ý kiến ông về tổng thống Diệm một chút. Có người nói ông Diệm mạng lớn, nên mới thoát chết ở hội chợ Ban Mê Thuột năm 1957. Ông nghĩ sao?”

“Đối với tôi, tôi không phân biệt mạng lớn hay mạng nhỏ, mà chỉ có đức lớn hay đức bạc. Ông Diệm không chết trong vụ ám sát năm 1957, vì ông, lúc đó, còn hồng đức. Sau này, trong mấy năm cầm quyền, không vun trồng đức lớn, ngược lại, làm suy giảm,... Do đó, trong cuộc cách mạng của quân đội cuối năm 1963, không thoát nổi. Thừa ông, mình đối xử với đời như thế nào, thì đời đối xử với mình cũng như thế ấy. Đó là cái nhìn của tôi, ý kiến riêng của tôi.”

Ông khách lại mỉm cười:

“Ông lý giải như thế, tôi ngộ ra rồi. Quả như lời thi sĩ Nguyễn Du: “Có Trời mà cũng có Ta.” Tôi chống ông Diệm vì tính chất độc tài của ông. Theo tôi, đảng tôi chủ trương đoàn kết quốc gia, chỉ sử dụng vũ lực với Bình Xuyên mà thôi! Bởi Bình Xuyên nắm sòng bài Đại Thế Giới. Cần phải dẹp sòng bài này! Để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, lành mạnh hơn. Nhưng đối với các đảng phái,

và lực lượng quân sự của các giáo phái, như Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, cần có sự thương thảo, sự hợp tác, để từng bước chuyển đổi họ thành những sư đoàn chính qui của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Vùng Hậu Giang, được coi như một ốc đảo thanh bình, vì tinh thần chống Cộng Sản rất cao, lực lượng vũ trang của Hòa Hảo nếu như được chính quyền yểm trợ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng, sẽ trở thành một sư đoàn thiện chiến. Được vậy, chính quyền kiểm soát được Vùng Bốn, Việt Cộng không có chỗ dung thân! Vùng Ba cũng vậy, nếu như sử dụng lực lượng vũ trang của Cao Đài. Ông biết không, khi ông Diệm giết tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh của Hòa Hảo, ngài Phạm Công Tắc của Cao Đài giáo sợ quá, phải chạy sang Phnom Penh. Ông biết không, số tín đồ Cao Đài và Hòa Hảo đã bỏ chạy vào rừng, theo Việt Cộng khoảng trên hai ngàn người. Họ bị Hà Nội sử dụng triệt để trong việc thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Thay vì sử dụng được họ, lại đẩy họ sang hàng ngũ kẻ thù!!! Làm suy yếu chính mình, làm suy giảm đoàn kết dân tộc, mà lúc này cần đoàn kết để chống Cộng. Có phải là, theo tôi, ông Diệm đã tự đào hố chôn mình?! Ở Miền Trung, ông Diệm triệt hạ Đại Việt Quốc Dân Đảng ở Quảng Trị, diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Quảng Nam. Lịch sử của các đảng phái này, có ghi chép đầy! Chẳng qua là ông Diệm muốn tập trung quyền hành. Không biết ông có vấn chính trị Ngô Đình Nhu có ý kiến gì trong việc này không? Quả thật, tôi không biết! Chủ trương tập trung này, là độc tài! Trong khi tình hình đất nước, đứng trước nguy cơ xâm lược của Cộng sản Bắc Việt, đòi hỏi một sự linh động hơn, hầu tạo được thế quân dân đoàn kết!!!

“Nay, nghe ông nói đến hồng đức. Tôi ngộ được một điều. Ông Diệm trong những năm cầm quyền, đã làm suy giảm hồng đức,... Cái chết của ông Diệm trong ngày 1 tháng 11 năm 1963, cũng chỉ là tương quan nhân quả thường tình!!! Còn lịch sử nghĩ sao, tôi không biết! Tôi biểu đồng tình với ông về quan điểm này. Cảm ơn ông. Ông giải đoán lá số của tôi, khá lắm. Một lần nữa cảm ơn ông. Tôi cũng xin lỗi ông, không cho ông biết danh tính của tôi. Ông cũng không cần thắc mắc làm gì! Cứ xem tôi,

như một người khách “vô danh” đi, có được không?”

Ông khách cười nhỏ. Tôi hỏi ông:

“Thưa ông, ông là một nhân vật trong thời đại đó, xin được phép hỏi ý kiến ông. Một câu hỏi thôi: Lý do chính nào, chúng ta bại trận năm 1975?”

Ông khách đứng dậy. “Chúng ta bị phản bội.”, ông nói. Rồi ông móc túi, đặt quẻ 50 USD và chào tôi, ra về. Tôi cảm ơn ông và tiễn khách. Từ lúc bước vào nhà, cho đến lúc rời khỏi, ông khách vẫn đội mũ phớt, đeo kính. Không biết đâu ông có bị sói không? Chỉ thấy nhiều sợi bạc ở hai bên thái dương. Ông mặc suit màu xám tro, thắt cà vạt nâu nhạt. Ông cho biết ông đã từng giữ một chức vụ trong chính quyền Miền Nam Việt Nam, sau cuộc đảo chánh tổng thống Diệm. Ông là ai? Tôi không đoán được. Tôi cũng không nhớ rõ được khuôn mặt ông. Thời gian trôi đi, tôi không lưu giữ được một nét gì về ông. Quả thật, ông là một người khách “vô danh”! Bây giờ ông ở đâu? Chúc ông được bình an, vui hưởng cảnh thanh nhàn của tuổi già.

HOÀNG NGỌC HIỂN

(trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”)

HOÀNG NGỌC HIỂN

BÓNG NÚI TÀ CÚ

Sau mấy ngày mưa gió xầm xập, sáng sớm nay bỗng ngừng hẳn. Thế là cơn bão rút đã đi qua. Nắng lên vàng óng, rực rỡ trên sườn núi Tà Cú. Cụm sương trắng đọng trên đỉnh đang tan dần, lộ ra mái ngói âm dương của ngôi chùa trên núi. Gọi là Chùa Núi, đã được xây cất trên hai trăm năm, do hai thiền sư Hữu Tạng và Hữu Đức, nghe nói có từ thời Chúa Nguyễn chiếm được mảnh đất Champa cuối cùng trên con đường Nam tiến mở rộng bờ cõi biên cương. Theo tục lệ, vào ngày mừng Năm tết mỗi năm, các Phật tử lên chùa Núi lễ Phật, ở đó suốt ba ngày, ăn chay niệm tâm. Năm nào, vào những ngày ấy, cũng ẩm áp, trời trong xanh đẹp đẽ, Phật tử có thể ngủ ngoài rừng, phía trước cổng chùa. Ban ngày vào ở bên trong chùa. Trong cảnh yên tĩnh, thanh vắng, tiếng chuông âm vọng: “...úm ma ni bát mê hồng...” như càng làm lắng đọng không gian và thời gian, làm tăng vẻ tôn nghiêm, thành kính, tin tưởng vào chân lý sắc không của Phật tử. Số Phật tử đến Chùa Núi thường không mấy đông, có lẽ bởi Chùa Núi ở trên cao, đường đi không mấy dễ dàng. Nhưng những ai đã từng đến với Chùa Núi, ít ai bỏ được Chùa Núi, mà đi chùa khác. Có khá nhiều Phật tử ở mãi thị trấn Phan Thiết cũng thường tới Chùa Núi này.

Dưới chân núi Tà Cú, có một miếng đất rộng hơn mười mẫu của Chùa Núi, được dùng canh tác, tạo hoa lợi nuôi sống tăng ni và hơn hai mươi trẻ mồ côi. Được cái là hầu hết các trẻ em mồ côi ở đây đã lớn, có nhiều em có thể tham gia lao động. Vả lại, hầu hết các em này được huấn

luyện để trở thành tu sĩ theo ý nguyện của cha mẹ chúng khi bỏ rơi chúng vào đây. Có người đã cấp dưỡng, tuy chỉ một lần duy nhất, nhưng số tiền bạc khá lớn, rồi từ đó không bao giờ trở lại. Có người liên tục cấp dưỡng một thời gian nào, rồi dứt hẳn. Có thể nói, hầu hết những em này bị bỏ vào đây, do chúng bị sinh ra trong một nghịch cảnh, đặc biệt, ngang trái, ngoài ý muốn; gia đình, vì một lý do nào đó, không thể chấp nhận nuôi dưỡng, đành đem chúng lên Chùa Núi nhờ một vị Sư Bà ở chùa Núi này. Do đó, chúng đều bị mặc quần áo nâu sồng, được học hỏi các Pháp để trở thành tu sĩ. Dãy nhà cây, vách ván hoặc nhà lá trên miếng đất trống trọt này, không phải là một trang trại nuôi trẻ mồ côi, nhưng do tính chất khác thường ấy, bỗng biến thành một nơi nuôi dưỡng trẻ mồ côi, một cách mặc nhiên. Trên danh nghĩa, chúng là những tu sinh của Chùa Núi. Cha hay mẹ chúng, bỏ chúng vào đây rồi, coi như đã giải quyết xong số phận chúng.

Huân là một trong số những em này. Năm nay, anh đã bốn mươi tuổi, hoạt bát, tích cực trong mọi công việc của Chùa Núi, nhất là ở Chùa Dưới. Ở đây, gọi chùa này là Chùa Dưới để phân biệt với Chùa Trên. Chùa Dưới chỉ có một phòng nhỏ đặt bàn thờ Phật, bát nhang, chuông mõ, kinh kệ mà thôi. Đôi khi ngài viện chủ xuống đây giảng kinh cho tu sinh. Có khi tất cả phải lên Chùa Trên khi có lệnh của ngài, nhưng thường chỉ xảy ra trong những dịp lễ tết. Huân được ngài viện chủ tin tưởng trao phó cho công việc quản lý ở chùa Dưới. Anh là một tay chơi đàn guitar rất khá. Thú tiêu khiển giải buồn của anh, chỉ là cây guitar. Thịnh thoảng anh mới cất tiếng hát, Giọng anh không hay lắm, nhưng phảng phất, đôi khi như cô đọng một nỗi buồn. Anh chỉ hát nhạc tiền chiến, như những bản của các nhạc sĩ Lê Thương, Văn Cao, Đặng Thế Phong, Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác... Căn phòng của Huân ở kế cận phòng tôi, nên tôi luôn được thưởng thức tiếng đàn giọng hát của anh. Tôi, năm bảy mươi tuổi, tôi bỏ miền “đất trịch” Hoa Kỳ, tình nguyện đến đây, để sống những năm cuối đời mình, thâm thoát thế mà đã được hơn một năm rồi. Nhanh quá. Sáng nay, tôi pha cà phê và trà xong, gọi anh Huân qua uống. Tôi nói:

“Con mưa bão qua rồi. Trời đẹp, có nắng ấm rồi, mai ta lên chùa Trên thăm các ngài trên đó xem sao.”

“Vâng, con cũng vừa có ý nghĩ như chú. Hôm nay, mình kiểm soát, thu dọn chùa Dưới xem có gì hư hại không, để mai báo trình các ngài trên ấy.”, Huân vừa ngồi xuống ghế vừa nói.

“Thì ra anh đã tính toán đầu đuôi rồi, trước cả ý nghĩ của chú. Ngài Viện Chủ trao trách nhiệm cho anh điều hành công việc Chùa Dưới, quả là ngài đã tin tưởng vào khả năng của anh.”

“Chú quá khen. Cảm ơn chú. Con cũng nhờ chú giúp đỡ nhiều. Ngài cũng đưa chú đến đây làm cố vấn cho con, hẳn cũng đã nhìn thấy tài năng của chú.”

Tôi cười: “Thế là chú cháu mình khen nhau! Uống cà phê đi anh, còn đương nóng. Rồi nấu mì gói ăn cho ấm bụng. Sau đó ta bắt tay ngay vào việc. Đám trẻ kia đã có nhà bếp lo liệu, nếu có cần thiết ta mới nhờ đến các em tu sinh ấy. Hy vọng trời nắng ráo, cho đất ấm lên, cây cỏ vươn lên. Chú cũng muốn ra thăm con suối Đá Bạc xem nước đã dâng lên tới đâu rồi? Sau những cơn mưa lớn, chú thích nhìn dòng suối đầy nước, chảy cuộn cuộn...”

Huân đặt ly cà phê xuống:

“Con thấy chú hay ra suối Đá Bạc?”

“Phải, chú thích ngồi bên bờ suối, hút một tẩu thuốc, nhìn dòng nước chảy,...mà liên tưởng đến dòng đời. Dòng nước cứ chảy, dòng đời cứ trôi... Chú có cảm tưởng như là dòng đời cuốn chú đi. Chú chỉ như là một chiếc lá rơi trên dòng suối ấy...”, tôi ngừng nói, như để suy nghĩ. Quả thật, tôi đang nghĩ đến chiếc lá rơi ấy, nó sẽ về đâu?

Huân chép miệng:

“Chú ở đây hơn một năm rồi đấy! Chú có cảm thấy buồn không? Nhớ nước Mỹ không? Chú Phụng, con vẫn thắc mắc vì sao chú bỏ cuộc sống tiện nghi vật chất đầy đủ ở một xã hội văn minh bậc nhất thế giới, về sống giản dị trong vùng núi sâu này? Chú qua Mỹ từ trước ngày 30 tháng Tư năm 1975, ở Mỹ trên ba mươi năm, hẳn chú đã có chỗ đứng vững vàng, có nhà, có xe,... Vậy mà sao?”

Tôi nhấp một ngụm trà, rồi thông thả trả lời chú:

“Đúng, anh thắc mắc cũng phải. Hai đứa con tôi,

một trai một gái, đều đã có gia đình riêng, chúng không những thắc mắc, mà còn phản đối tôi nữa kìa! Phải, tôi có nhà, có xe Mercedes, đời sống đầy đủ tiện nghi. Vợ chết đã hơn mười năm, không vướng bận gì, hưởng tiền hưu đã bốn, năm năm, hàng ngày dong chơi... Vậy mà đột nhiên, tôi bán hết, bỏ hết, về dưới chân núi Tà Cú này, sống cuộc đời mộc mạc. Không phải là tôi không có lý do! Tất phải có chứ? Từ khi tôi bước vào tuổi ngũ tuần, tôi đã có ý định đến năm đúng bảy mươi tuổi, tôi sẽ buông bỏ hết, để đi tu. Tu ở đâu? Tôi chưa biết, nhưng rồi tôi sẽ chọn lựa. Tôi nghĩ, nếu như mình sống được đến bảy mươi tuổi, đã là thỏa mãn lắm rồi, còn ham hố gì nữa? Đến bảy mươi tuổi, tôi cảm thấy mình được hưởng quá nhiều lộc của Trời rồi, dẫu cũng đã có những lúc gian nan, thiếu thốn, vất vả, đau buồn. Tôi bỗng có cảm tưởng tôi chưa làm được gì giúp ích cho đời, cho người. Đã đến lúc tôi phải thay đổi, tôi phải làm một cái gì chứ? Nếu không thì muộn mất! Tôi chợt nghĩ tới Phan Thiết, núi Tà Cú, nơi trước kia tôi đã có một thời làm sĩ quan tác chiến. Tôi vốn biết Chùa Núi, nơi có một số em mô cô, nơi có một số tu sinh. Hình như tôi đã có lần nói cho anh biết, tôi từng là sĩ quan Đại Đội Trưởng một đại đội tác chiến của Tiểu Khu Phan Thiết, từng hành quân vào chân núi Tà Cú? Một lần, tôi lên chùa Núi, gặp vị hòa thượng trụ trì. Không ngờ, vị ấy là thầy học của tôi khi tôi học lớp Đệ Nhất. Ông qua đời rồi... Anh Huân, đó là cơ duyên mà tôi cũng dường chùa Núi, và về đây, đem thân nương nhờ cửa Phật ở vào tuổi cuối đời? May ra mình làm được một chút gì có ích cho đời cho người, trước khi tôi là cánh lá trôi theo dòng suối Đá Bạc kia! Dưới chân núi Tà Cú này, đơn vị tôi đã từng chạm địch, đã từng đẩy lui địch, giết cả trung đội địch, thu giữ nhiều súng AK47, K54, K59,... Đơn vị tôi đã nghỉ chân bên bờ suối Đá Bạc. Lúc dừng chân ấy, tôi thấy dòng suối đẹp quá, ngọn núi Tà Cú rực rỡ quá. Bầu trời cao và xanh ngắt. Một thời oai hùng, oanh liệt. Vậy mà chúng tôi đã thua trận cuối cùng! Tại sao? Tại sao thì giờ đây, lịch sử Hoa Kỳ đang mở ra..."

Tôi ngừng nói. Uống một ngụm trà, rồi nói tiếp:

"Và lại, ở đây, cũng đầy đủ tiện nghi vậy. Nào có

thiếu chi đâu? Tôi thích ăn xôi gà rô-ti, thì chúng ta đã nuôi một bầy gà kia, muốn ăn lúc nào chẳng được? Gà này, bên Mỹ gọi là gà “đi bộ”, để phân biệt với gà công nghiệp nuôi trong chuồng. Gà đi bộ thịt nó dai, chứ không bở như gà chuồng, ngon hơn nhiều. Hơn nữa, đối với tôi, chỉ có ông vô này là quan trọng hơn hết, thì tôi đã căn dặn các con cứ hai hoặc ba tháng gửi cho tôi một lần thuốc hút, hiệu Priar Patch, hương vị Champagne. Nào có thiếu đâu? Ở đây, thỉnh thoảng ta ra biển cát, ngắm những đồi cát vàng, những đồi cát trắng, đẹp tuyệt vời, trông đến thích mắt. Ở Mỹ, muốn ngắm bãi cát trắng, phải mất công tới tận vùng biển Florida! Ở đây, còn màu biển xanh của Phan Thiết, một màu xanh đâu có thua gì màu xanh của vùng biển Địa Trung Hải? Chú đi nhiều nơi, quả thật, không đâu đẹp bằng quê hương mình. Việt Nam ta có những kỳ quan lịch sử, không đâu sánh được! Vịnh Hạ Long đó! Đất Hà Tiên đó! Những hòn đảo nằm trên biển xanh, như Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Sơn, Phú Quốc,... đẹp vô ngần!!! Tôi quyết định dành phần đồi còn lại của tôi ở dưới bóng núi Tà Cú này, vì những lý do đó. Đến đây, tôi lại may mắn được gặp anh Huân, nghe tiếng đàn tiếng hát của anh, thật là thú vị lắm. Còn anh, anh Huân, chắc anh cũng phải có lý do đặc biệt nào đó, mới làm tu sinh ở dưới bóng núi Tà Cú này?”

Anh Huân thông thả trả lời:

“Cảm ơn chú. Thưa chú, quả có thế. Chú muốn nghe, con sẵn sàng kể. Chuyện thế này,...”.

Tôi đặt ly trà xuống bàn, chăm chú nghe:

“... Con là một đứa trẻ mồ côi, bị bỏ rơi ở Chùa Núi này từ khi lên bốn tuổi. Không cha, không mẹ, không có tên nữa. Sư Bà ở đây đã đặt tên con là Nguyễn Thiện Huân. Cũng không biết rõ ngày tháng năm sinh, và sinh ở đâu? Vâng, thưa chú, chuyện đời con như vậy,... Sư Bà kể rằng, một ngày kia, bà nội con, đột nhiên đến Chùa Núi thăm ngài. Xưa kia, Sư Bà và bà nội con vốn là bạn đồng lớp, đồng trường; nhưng lớn lên, mỗi người một chí hướng. Sư Bà đi tu, bà nội con đi lấy chồng, làm con dâu của một gia đình thuộc hàng thế gia vọng tộc. Bà nội con kể cho Sư Bà đây nghe, rằng bà có đứa cháu nội trai, đang

học lớp Đệ Tam bậc trung học đệ nhị cấp, đã gian dứ với một cô gái, đúng hơn, một nữ nghệ sĩ hơn nó đến năm, bảy tuổi. Cô ta mang bầu, sinh ra đứa trẻ, chỉ một tháng sau, đem trả cho người tình, rồi ra đi mất biệt. Người cháu nội trai bé đưa bé về, nhờ bà nội giải quyết. Đứa bé ấy cần được quên đi, đúng hơn, cần được bỏ đi, cần được biến mất, trong gia đình. Cho bố nó được yên tâm theo đuổi việc học hành, xây dựng sự nghiệp, không gây tai tiếng cho dòng tộc. Đứa bé ấy, được bà nội đem thuê người khác nuôi, cho đến khi được bốn tuổi, thì đem bỏ ở chùa này.... Mẹ con, một nữ nghệ sĩ, không biết là nghệ sĩ cải lương, một đào thương trong một đoàn hát, hay một ca sĩ, một nhà văn, một nhà thơ, một kịch sĩ, một tài tử điện ảnh, con không biết rõ. Trước khi gian dứ với cậu học sinh trẻ tuổi, bà ta đã có một đời chồng, có một đứa con gái; nhưng bà ta cũng đã bỏ chồng, bỏ con,... Bà nội con không thể, và không bao giờ có thể chấp nhận một người đàn bà như vậy làm cháu dâu trong nhà. Đó là lý do, bà nội con phải lặn lội từ Ban Mê Thuật đến chùa Núi này gặp người bạn thân cũ, kể câu chuyện đời, và xin nhờ nuôi dưỡng nó như nuôi dưỡng một đứa trẻ mồ côi, và cũng nhờ huấn luyện nó thành một tu sĩ Phật giáo. Đó là nguyện vọng của bà. Bà nội con cũng đã cúng dường vào chùa Núi này nhiều tiền bạc, chỉ vì có một đứa cháu bị bỏ rơi ở đấy vào đúng một ngày lễ hội, ngày mừng Năm tết!!! Thời gian trôi đi... Bà nội con không bao giờ trở lại. Con lớn dần lên. Một ngày kia, Sư Bà ngó ý muốn con trở thành một tu sĩ Phật giáo, xuống tóc qui y. Sư Bà nói, con không thể tìm được nguồn gốc của mình đâu! Bởi bà nội con không trở lại, có lẽ đã qua đời rồi, hơn mười năm bà đã không trở lại chùa Núi. Cũng không hề thấy một người đàn ông, hoặc một người đàn bà nào, đến chùa Núi này hỏi thăm đứa trẻ. Tất cả, đã quên đứa trẻ, đã gạt nó ra khỏi gia đình, dòng tộc. Tuy nhiên, họ vẫn còn một chút lương tâm, nên mới giao nó cho một ngôi chùa nuôi dưỡng và bày tỏ nguyện vọng muốn nó trở thành tu sĩ. Sư Bà nói, họ trốn tránh, vì một lý do nào đó, nên thông cảm và tha thứ. Bà luôn luôn khuyên con nên quên đi quá khứ, nhìn về tương lai. Bà luôn khuyên con nên thông cảm và tha thứ, họ cũng có nỗi khổ

tâm của họ. Có thể Sư Bà biết rõ chuyện, nhưng không nói hết.

“Người thân yêu nhất của con là Sư Bà. Nhưng Sư Bà đã qua đời gần mười năm rồi. Vào những ngày cuối cùng, Sư Bà luôn an ủi con, ngài nói dòng đời nghiệt ngã lắm, con nên đứng xa ra, không nên bước chân vào. Núi Tà Cú này có thể là một bóng mát che chở suốt cuộc đời con. Con nhớ mãi câu nói này của Sư Bà...”

Anh Huân ngừng nói. Câu chuyện kể đã hết. Đường như anh có một chút xúc động nhẹ. Tôi nói:

“Xin lỗi anh Huân, tôi đã gọi lại nỗi buồn của anh.”

“Không! Không có gì, thưa chú. Sư Bà mất, con cảm thấy cô đơn vô cùng, trong mấy năm vừa qua. May sao, có chú đến với con. Con cảm thấy bớt cô đơn, Nhưng liệu chú ở đây được bao lâu nữa? Con e là, với cảnh buồn ở đây, chú sẽ bỏ đi, chú lại trở về Mỹ?”

Tôi nhìn anh nói:

“Chú ở đây, sống với anh như sống với một người bạn. Vui lắm. Cảnh trời chiều dưới chân núi Tà Cú có vẻ hoang lạnh, thời gian đầu, chú cảm thấy buồn thật, nhưng chú ngộ ra rằng cảnh im vắng này mới thích hợp với người tu hành. Chú chẳng đang muốn làm một tu sinh hay sao? Đáng lẽ ra, chú phải bước vào cửa Phật sớm hơn kia. Chú không bỏ nơi này mà đi đâu!... Hình như câu chuyện đời cháu vừa kể, chưa hết?”

“Hết rồi, thưa chú. Sư Bà nói ngài chờ đợi bà nội con trở lại, mòn mỏi,... Bà có hứa là bà sẽ trở lại. Nhưng rồi không bao giờ có nữa!!!”

Tôi đưa ra ý kiến:

“Nhất định là bà nội anh sẽ trở lại, vì bà đã hứa với Sư Bà. Nhưng, theo chú nghĩ, vì thời cuộc thay đổi quá nhanh chóng, quá bất ngờ. Anh biết đấy, đất nước ở trong thời kỳ chiến tranh mà! Ai dự tính trước được đời mình? Cuộc tháo chạy tháng Ba năm 1975, cuộc tan hàng vô nghĩa lý tiếp theo sau, biết đâu bà nội anh đã gặp rủi ro gì chẳng? Sư Bà nói anh nên thông cảm và tha thứ, chú thấy đúng lắm đấy, anh Huân ạ. Mỗi người đều có nỗi khổ tâm riêng, không thể giải bày được. Mình nên thông cảm và tha

thứ, chứ không nên buộc. Như vậy, trước hết, lòng mình được nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Ở đời, mấy ai hoàn hảo? Mấy ai không phạm sai lầm? Trong câu chuyện kể, chú thấy rằng mọi người đều có nỗi khổ tâm riêng. Có lẽ mẹ anh là một nữ nghệ sĩ sắc nước hương trời, mới có thể làm say đắm lòng cậu thư sinh trẻ tuổi? Lỡ rồi, biết giải quyết ra sao? Bà nội anh giải quyết như vậy, cũng là khôn khéo lắm, nhưng hẳn cũng không tránh khỏi nỗi ngậm ngùi, nỗi ân hận, nỗi tiếc nuối,...? Bà nội anh không trở lại được, nhất định là bà hối tiếc lắm. Phải, Sư Bà nói phải lắm, nên thông cảm và tha thứ, cho cả cha anh, mẹ anh. Thời buổi chiến tranh, khói lửa khắp nơi, biết đâu mà tính trước được đời mình?”

Câu chuyện đến đây, chợt có tiếng vọng của hồi chuông sớm từ chùa Trên đổ xuống. Chúng tôi cùng im lặng lắng nghe âm vọng: ...Úm ma ni bát mê hồng...

Khi âm vọng chấm dứt, Huân nói:

“Hòa thượng chùa Trên thỉnh thoảng đánh chuông khuya như chùa Hàn San bên Tàu. Ngài dạy rằng: con hãy để hết tâm hồn con vào tiếng chuông, nhất là tiếng chuông khuya khoắt, trong đêm thanh vắng của núi rừng, con sẽ thấy tiếng âm vọng của nó, úm ma ni bát mê hồng, như có một hiệu lực thần kỳ, làm lòng con quên hết những giông bão của cuộc đời, con sẽ cảm thấy bình yên trong tâm hồn. Đó là niềm vui đích thật, phát xuất từ chính lòng mình.”.... Chú Phụng, thêm vào lời nói của Sư Bà: bóng núi Tà Cú có thể là bóng mát che chở suốt cuộc đời con.... Bởi vậy, con không muốn xa núi Tà Cú, bước chân vào chốn thành thị xa hoa!... Chú nhìn kia, đỉnh núi Tà Cú đẹp chưa?”.

Tôi nhìn ra ngoài. Không còn một mảng sương mù nào trên đỉnh núi Tà Cú. Ngôi Chùa Núi hiện ra giữa bầu trời trong xanh, đầy nắng. Quả thật, như Huân nói, ở đây, thỉnh thoảng hòa thượng chùa Trên đổ một hồi chuông khuya, như chùa Hàn San. Không giờ là điểm khởi đầu, mà cũng là điểm kết thúc. Khởi đầu ở không giờ. Kết thúc cũng ở không giờ. Nó mang ý nghĩa trọn vẹn của “vô thường”. Mọi sự từ hư không mà đến, thì tất cả mọi sự sẽ trở về hư không.

Tôi bỗng chờ đợi một hồi “Vô thường chung” hơn

bao giờ hết. Núi Tà Cú xanh mượt mà trên bầu trời rực nắng. Và chợt nhớ suối Đá Bạc, nơi tôi thường hay ngồi bên bờ, hút hết một ống điếu, mỗi buổi chiều. Có lẽ, sau mấy ngày bão rút, mưa dầm dề, giờ đây nước dâng đầy suối Đá Bạc? Tôi sẽ là một cánh lá rơi trên dòng suối ấy? Nhưng bao giờ? Tôi đã sẵn sàng...

(trích từ bản thảo tập truyện “Trăng lu phố cũ”)

HOÀNG NGỌC HIỀN

Ngã Ba Rừng Cần Lê

Ở một chỗ trong cánh rừng cao su mênh mông, có một ngã ba giao lộ. Không xa Quốc Lộ Mười Ba và cầu Cần Lê bao nhiêu, hai ông cháu đang chụm lửa nướng cá. Ông lão đã ngoài bảy mươi tuổi, râu tóc bạc phơ, nhưng vẫn cường tráng, mắt sáng quắc, chột ngừng tay, nhìn bóng nắng đổ trên con đường đất đỏ, bảo cháu:

“Bây giờ mới khoảng giờ mùi, nắng còn lớn, cứ thông thả, cháu “.

Cậu thiếu niên mười bảy tuổi ngược nhìn ông:

“Ông bảo về sớm, để nghỉ ở đây, chứ không phải về về nhà sao ông ?”.

“Nghỉ ở đây cháu . Bữa nay, mình câu được nhiều cá rồi! Mấy con cá này béo lắm đấy! Cháu nhìn , mỡ chảy xuống đồng lửa, xèo xèo! Bớt lửa lại, cời than ra, cháu”.

Cậu thiếu niên vội đưa thanh củi dụi vào đồng than hồng. Những đốm lửa đỏ như pháo hoa bốc lên, kêu lộp bộp. Mấy con cá nướng trông vàng ngậy treo trên giàn nướng, có vẻ như gần chín, chỉ đầu cá còn trắng.

“Cá sắp chín rồi, ông . Cá béo chấm muối tiêu chanh. Tuyệt đấy, ông ạ . Cháu có đem theo mấy trái chanh cho ông nữa. Cả bình rượu chuối !”.

“Cảm ơn cháu”, ông lão vừa nói vừa mắc võng vào khoảng giữa hai cây lớn.

Như mọi lần. Chỗ này là chỗ quen thuộc của hai ông cháu, thường dừng chân nghỉ lại, đốt than nướng cá, sau khi đi câu ở dưới Suối Đá Trắng trở về. Con suối ở dưới xa

kia, chỉ một thôi đường. Con suối khá lớn, có nhiều bãi cát và bãi đá trắng. Giữa suối, nổi lên một tảng đá trắng lớn, nên dân miền này gọi con suối là “Suối Đá Trắng”. Con suối có nhiều vùng trũng, cá tụ ở đây rất nhiều trong mùa nắng. Hai ông cháu đi câu hầu như suốt mùa. Chỗ ngã ba này, có một khoảng đất trống rộng rãi, vài ba cây cô thụ. Từ đây chia ba ngã. Một ngã đi xuống Suối Đá Trắng, một ngã dẫn tới xã Cần Lê, một ngã ra Quốc Lộ Mười Ba. Trên Quốc lộ, có một cây cầu, gọi là cầu Cần Lê. Trước tháng Tư năm 1975, có một tiền đồn gần cây cầu, do Đại Đội 399 trú đóng, với nhiệm vụ chính là bảo vệ cây cầu, giữ an ninh đoạn đường này dài hơn hai mươi cây số, con đường huyết mạch giữa thị trấn An Lộc và Chi Khu Lộc Ninh. Sau đó, cộng quân chiến thắng, đã phá hủy hoàn toàn tiền đồn Cần Lê.

Ông lão ngả lưng trên võng, nhìn trời. Cậu thiếu niên nhìn ông, hỏi:

“Ông mệt hả ông”.

“ Có lẽ ông hơi mệt thật, nhưng không sao đâu”.

“Hay là ông ngủ một giấc đi”.

Ông lão không trả lời, chỉ âm ừ, rồi nhắm mắt lại. Ông cũng muốn ngủ một giấc ngắn, nhưng làm sao ông ngủ được, bởi trong đầu ông vướng vất với cái ngày đặc biệt: Hôm nay 30 tháng Tư 2005. Đúng ba mươi năm rồi! Đã ba mươi năm ! Ngày ấy, đại đội 399 trấn đóng đồn Cần Lê, mà ông lão lúc ấy là Trung úy Đại Đội Phó. Đêm 29 rạng ngày 30 tháng Tư năm ấy, trong căn hầm của Bộ Chỉ Huy Đại Đội 399, có sự hiện diện của sáu sĩ quan: Đại Đội Trưởng, Đại Đội Phó, bốn Trung Đội Trưởng, một Hạ sĩ quan truyền tin giữ máy PRC.25, và một Hạ sĩ quan cận vệ đại đội trưởng. Họ đã chờ đợi một trận tử chiến với Cộng quân như thế nào, vẫn còn ám ảnh ông như một nỗi chết không rời! Ông lão ngồi nhồm dậy, thong chân chạm đất, lấy cái bọc da nhỏ trong túi áo rộng. Cái bọc da đã cũ mèm, nhưng trong đó là một ống vỏ hiệu dunhill, một gói thuốc, và một cái quẹt ga. Ông lão coi ống vỏ là tài sản đáng giá đáng quý nhất của ông. Gói thuốc hương vị champagne, hiệu Briar Patch do người anh cả ở thủ phủ

tiểu bang California thường gửi cho ông. Ông lão quý lắm. Giờ đây ông nhồi thuốc vào ống vó, bật quẹt châm hút. Hơi đầu dài, khói thờ ra một làn bay theo gió nhẹ, ông nhìn theo làn khói, cảm như có men say thấm đẫm vào hồn... Đối với ông, không còn gì quan trọng trong cuộc đời này nữa, chỉ có tẩu thuốc là còn một chút ý nghĩa cuối cùng nào đó mà thôi! Hút xong tẩu thuốc, ông bắt đầu kể câu chuyện của ông cho đứa cháu nội của ông nghe. Mười bảy tuổi, nó đến tuổi hiểu được câu chuyện rồi !

Đại úy Nguyễn Tiến Bộ, Đại Đội Trưởng trải rộng bản đồ phòng thủ Đồn Cần Lê trên bàn. Tôi, Trung úy Hiệp, Đại Đội Phó biết ông muốn nói gì rồi. Ông muốn nói đến phương án cuối cùng, trong trường hợp địch tràn ngập đồn. Ông nhìn tôi. Tôi nhìn ông. Thế là đủ hiểu. Như lúc Đức Thích Ca, sau bài thuyết pháp, cầm một bông hồng đưa lên, rồi nhìn tất cả một lượt các đệ tử của Ngài. Chỉ có Ca Diếp mỉm cười, và Đức Thích Ca mỉm cười đáp lại. Đó là cái mỉm cười, mang ý nghĩa nhận trách nhiệm của Ca Diếp mà Đức Thích Ca muốn trao phó.

“Các bạn, đêm nay, trong khi chờ tử chiến với cộng quân, sẽ dài lắm đấy! Nào, chúng ta nói chuyện gì đi chứ? Cho đầu óc bớt căng thẳng”, Đại úy Bộ nói.

Tôi móc gói thuốc Salem trong túi ra, mời mọi người. Tôi đốt một điếu bằng chiếc bật lửa zippo màu trắng trơn:

“Thì chúng ta triết lý đi. Triết lý quân sự, chiến tranh... câu chuyện dài đó của bọn mình nói đến bao giờ mới cạn?”.

Thiếu úy Nhẫn, Trung đội trưởng trung đội Một cười nói:

“Thì ông vẫn được coi là triết gia của 399, ông mở đầu đi”.

Nhẫn ngả lưng xuống tấm ván, nói tiếp:

“Sao đêm nay tôi cảm thấy không được bình yên. Trong lòng tôi nó thế nào ấy! Còn quý vị, thế nào?”.

Tôi ngời xuống:

“Bình tĩnh! Bình tĩnh lại các bạn ! Có thể đêm nay chúng ta đánh trận cuối cùng! Hơn bao giờ hết, chúng ta cần bình

tĩnh, đánh một trận cuối tuyệt đẹp! Rồi mỉm cười đi vào thiên thu !”.

Nhưng lời nói kích động của tôi, chỉ làm các sĩ quan đại đội 399 cười gượng gạo, không xua tan được hết nỗi ưu tư trong khi chờ đợi...

Chúng tôi đang đợi T.54 của cộng quân đổ xuống từ Lộc Ninh! Quận Lộc Ninh đã mất vào tay chúng mấy ngày nay rồi! Chúng tôi đang chờ đợi những đơn vị bộ chiến của địch từ trung ương cục R bên rừng Tây Ninh đổ xuống. Tin tức tình báo Tiểu Khu cho hay địch đang di chuyển về Bình Long. Đồn Cần Lê là cửa ngõ vào thị trấn An Lộc. Đại đội 399 đang đứng ở tuyến đầu. Đại Đội Trưởng đã ra lệnh cho chúng tôi: “Chuẩn bị tử chiến !”.

Chúng tôi im lặng. Có tiếng gió nổi lớn bên ngoài. Có tiếng động mạnh như tiếng cành cây khô . Đại úy Bộ đứng dậy:

“Gió rừng lại thổi nữa rồi! Cành cây khô lại gãy nữa rồi! Hình như đêm nay, gió rừng nổi lớn !Như có cái gì bất thường...? Những cánh rừng cao su trầm mặc, thẳng hàng dọc, thẳng hàng ngang, cho tôi cái cảm tưởng đó là những xác chết đã đứng dậy. Mỗi cây cao su là một xác người ! Là một hồn người ! Tôi có linh cảm rừng cao su mách bảo cho tôi biết...”, ông chợt ngừng nói.

Ông dụi điều thuốc. Ông cầm lấy bao lưỡi lê, rút cây lưỡi lê ra khỏi bao, mân mê...

“Đây là lưỡi lê của tôi, dùng trong trường hợp cận chiến. Tôi gọi là kiếm ngắn. Quả thật, đây là một cây kiếm ngắn của Nhật, tôi mua được trong một tiệm tạp hóa ở Saigon, trong một chuyến đi công tác. Kiếm ngắn là một loại đoản kiếm, tiếng Nhật gọi là Tanto! Cây tanto của tôi, chuôi bằng đồng. Nó sắc như nước. Kiếm là đặc tính của dân tộc Nhật, hướng tới chân thiện mỹ... Không chừng đêm nay tôi phải dùng tới cây kiếm này”.

Im lặng.

Tôi như nổi gai ốc . Tôi biết người Nhật thường dùng kiếm ngắn trong trường hợp tự sát để bảo vệ danh dự. Tôi hình dung địch tràn vào đồn. Bọn đặc công thường cử trần, bôi than đen người. Cận chiến? Đồn Cần Lê đang chờ

đội một cuộc tử chiến! Chiến đấu đến người lính cuối cùng? Tôi không run sợ. Nhưng hình như tôi hơi thiếu bình tĩnh. Tôi vội trấn tĩnh lại bằng cách đốt một điếu thuốc. Tôi thấy gói thuốc lên bàn cho các bạn tôi. Ông Đại Đội Trưởng nhìn tôi:

“Trung úy Hiệp, ông nói một cái gì đi chứ? Hay là ông nói tiếp câu chuyện dang dở hôm rồi đi... về William Faulner”. “William Faulner? Tôi không biết rõ về ông ta. Tôi chỉ biết qua loa về cuốn “The sound and the fury” của ông ta thôi! Âm thanh và cuồng nộ... Ông thấy đó, có tiếng gió hú bên ngoài, tiếng cành cây khô gãy mạnh, chẳng đủ âm thanh và cuồng nộ hay sao?”.

“Mặc Trung úy Hiệp cứ nói đi. Không có gì đâu. Những người chết cuối cùng trên tàu Titanic vẫn ca hát, uống rượu, kèn trống! Chúng ta, trong khi chờ tử chiến, vẫn ngồi với nhau, hút thuốc, ngắm cây tanto và triết lý về cuộc đời! Cuộc đời có ý nghĩa gì không, trung úy Hiệp?”.

“Có chứ? Phải không trung úy Hiệp?” , tiếng chú hạ sĩ quan cận vệ đại đội trưởng. Đồng thời, chú bung đến một mâm, trên đó sáu ly cà phê đen nóng, bốc khói. Mời quý vị dùng cà phê. Cà phê Ban Mê Thuật đậm đặc đây”.

“Ồ, hay quá. Cảm ơn chú Tùng. Cà phê của chú đến đúng lúc quá. Tôi xin một ly”. Chuẩn úy Hùng cười nói rộn ràng, với tay lấy một ly, đưa lên miệng uống liền.

“Tuyệt ! Tuyệt !Quý vị “ .

Mỗi người nhận một ly. Tôi có cảm tưởng đó là ly cà phê ngon nhất trong đời, quên phứt tính mạng mình đang bị treo trên sợi tóc. Phải chăng nó đượm chút hào hùng, uống ở một tiền đồn, đêm gió nổi, cành cây rừng khô gãy? Chú Tùng ngồi xuống với chúng tôi. Đại Đội Trưởng liền hỏi chú:

“Cuộc đời có ý nghĩa gì không, chú?”.

“Cuộc đời có ý nghĩa lắm chứ, đại úy . Đối với em, hình ảnh con tàu chuyển bánh trên đường rầy là hình ảnh của cuộc đời. Nhà em vốn nằm kế cận đường rầy... ngày nào mà chẳng có những chuyến tàu qua lại, dẫu trong nắng đổ hay mưa vui. Có lúc em cảm nhận con tàu đi nhẹ nhàng, thanh thoi; có lúc em thấy nó nặng nề, mệt mỏi. Em cũng nhiều lần đi chuyển đây đó bằng tàu hỏa. Tàu dừng lại ở

nhiều ga, mỗi ga có một sắc thái riêng, tựa một nỗi niềm riêng. Khách đi tàu cũng vậy, đủ mọi loại người, trên tàu, em thấy đủ mọi vui buồn. Chúng ta là những hành khách trên một con tàu. Con tàu ấy là cuộc đời ! Dẫu một ngày nào đó, không có em, con tàu vẫn tiếp tục hành trình của nó... Đời người, theo em, có khác gì con người có mặt trên một chuyến tàu thôi ? Nhưng đủ cả hương vị, cay có đắng có, vinh có, nhục có... có đau khổ, có hạnh phúc ... Đó chẳng là ý nghĩa cuộc đời sao, đại úy ?”.

Bỗng có mấy tiếng súng M. 16 ở ngoài rừng vọng về. Rồi vài tiếng nổ của trái hỏa châu soi sáng trời đêm. Chúng tôi im lặng, lắng nghe... Nhưng sau đó, im bật, yên ắng . Câu chuyện trở lại. Đại úy nhìn ông Hùng:

“Còn chuẩn úy Hùng thì sao ?”.

“Tôi ... Quê tôi ở gần Côn Phụng. Gần chỗ ông Đạo Dừa đó. Quý vị đã biết ông tục danh Nguyễn Thành Nam, tốt nghiệp kỹ sư ở Pháp về Việt Nam đầu thập niên 1960, đi giảng thuyết đây đó. Ông chỉ sống bằng nước dừa. Ông dựng một cái am nhỏ, gọi là cốc ở trên một thân cây dừa để tĩnh tu. Năm 1963, ông lập một cái đền nổi trên một xà lan, cắm sào ở Côn Phụng. Con thuyền , ông gọi là con thuyền cứu rỗi. Có khi ông gọi là thuyền bát nhã. Có lúc ông gọi là thuyền Prajna. Đứng ở sân nhà tôi, có thể nhìn thấy bóng dáng con thuyền ấy thấp thoáng mấy cây dừa. Đã có lúc, tôi muốn mặc áo nâu đi theo ông Đạo Dừa. Nhưng nào tôi có được chọn lựa? Dòng đời đã đẩy tôi ra khỏi quê tôi. Tôi nhập trường Bộ Binh Thủ Đức năm 1973. Ra trường, tôi chọn Tiểu Khu Bình Long, về đại đội 399, lưu lạc từ đó đến nay, chưa một lần tôi trở về thăm quê. Tôi cũng không có kỷ niệm gì đáng nhớ ở đó... Có nhớ chẳng là nhớ dòng sông và con thuyền ! Cuộc đời là dòng sông. Ta chỉ thuyền. Vì là con thuyền, nên ta lênh đênh mãi trong cuộc đời ! Làm sao yên ?”.

Chúng tôi vẫn lặng lẽ hút thuốc, uống cà phê. Đại úy Bộ có vẻ trầm ngâm suy nghĩ hình ảnh con thuyền và dòng sông.

Đêm 29 rạng ngày 30 tháng Tư năm 1975 trôi đi đều đặn như tiếng tíc-tắc của chiếc đồng hồ treo trên tường.

Chợt có tiếng chim rừng kêu. Chú hạ sĩ quan truyền tin
Phú có vẻ hơi hốt hoảng:

“Tiếng chim gì kêu vậy? Chim cú phải không? Chim cú...?”.

Quả thật có tiếng chim cú kêu. Giữa đêm khuya, có tiếng chim cú kêu, nghe rờn rợn thế nào ! Nhưng chỉ vài tiếng, rồi mất hút. Phú nói tiếp:

“Đích thật tiếng chim cú kêu! Có điềm, có điềm... Đại úy ! Em gọi mấy thằng bạn xem sao ?”.

Đại úy gật đầu. Phú mở máy.

“Đứa con thứ ba, mày đang làm gì? Có nghe tiếng chim cú kêu không ?”

“Có, gần đây, nghe rất rõ. Nó bay đi rồi ! Không có gì đâu ! Tang tảng sáng rồi !”

“Ấy, rắn thường chui ra khỏi hang vào lúc mờ sương sớm. Thứ rắn độc ấy tinh khôn lắm. Mày biết không? Cẩn thận đó !”

“Biết rõ... súng bọn tao có thần Núi yểm trợ. Yên chí đi !”

“Lúc này đang động rừng! Thảm quyền ba mai nhắc nhở, không được coi thường! Gió nổi, cây khô gãy, để ý xem rắn có bò về không ?” .

“Nhận rõ, có gió, có cây khô gãy, có chim rừng kêu nhưng bọn tao quan sát kỹ, không thấy rắn độc xuất hiện. Hẹn mai về phép, uống cà phê Tài Ký”.

Phú tắt máy. Nó vẫn bị ám ảnh bởi tiếng chim cú kêu:

“Cổ nhân bảo chim cú kêu là nó sẽ lấy đi mạng sống của một người nào đó !”.

Đề xưa tan nỗi ám ảnh đó, tôi dụi điếu thuốc xuống cái gạt tàn, vỗ vào báng súng. Các bạn tôi vỗ tay. Hề tôi vỗ vào báng súng, các bạn biết ngay là tôi đã nổi hứng ngâm bài “Hồ Trường” của Nguyễn Bá Trắc. Đại úy Đại Đội trưởng phụ họa, gõ tay xuống bàn... Tôi cất giọng hào sảng:

“Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cốt

phù cương thường

Sao lại tiêu dao bốn bể lưu lạc tha hương?

Trời Nam nghìn dặm thăm,

mây nước một màu sương

*Học không thành, công chẳng lập,
 trai trẻ bao lăm mà đầu bạc
Trăm năm thân thể bóng tà dương.
Vỗ guơng mà hát, nghiêng bầu mà hỏi:
Trời đất mang mang, ai là tri kỷ?
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường
Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?
Rót về Đông phương, nước bể Đông chảy xiết sinh
cuồng loạn
Rót về Tây phương, mưa Tây sơn từng trận chứa chan
Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút, đá chạy cát
dương
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt,
 có người quá chén như điên như cuồng
Nào ai tỉnh, nào ai say?
Chí ta ta biết, lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thử
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây ?”.*

Trong đêm tiền đồn heo hút, xa xôi, quanh là những cánh rừng mênh mông, trải dài tận biên giới Việt Miên, tiếng ngâm Hồ Trường hào sảng của tôi vọng lên, cho đến lúc dứt tiếng, chính tôi còn nghe âm vọng của nó từ xa dội về. Tôi nhìn mọi người... ai cũng nhắm mắt hết cả. Có người đã gục xuống bàn, có lẽ đã thiếp ngủ. Mí mắt tôi cũng từ từ sụp xuống... Lúc tôi bừng mắt dậy, trời đã hừng sáng!

Thế là một đêm dài chờ tử chiến đã trôi qua. Đêm ấy đem lại bao ý nghĩa cho đời chiến binh như chúng tôi? Chỉ ở trong chiến tranh, chúng tôi mới ngồi với nhau trong căn hầm này? Mới chia sẻ ly cà phê, thuốc, trong gió rừng, cành cây khô gãy và tiếng chim cú kêu sương? Có lần, tôi cao hứng nói đại đội 399 là điểm hẹn của kiếm sĩ phương Đông, trọng nghĩa khinh tài, tâm hồn cao thượng, không gò bó, không hẹp hòi. Đại úy Bộ phá lên cười:

“Kiếm sĩ phương Đông? Đúng quá chứ! Bọn ta quá chén không điên không cuồng như ông Bá Trắc”.

Tôi tỉnh dậy. Mùi cà phê thơm phức xộc vào mũi. Tôi tỉnh ngay lập tức. Các kiếm sĩ phương Đông kia đã tỉnh giấc từ bao giờ ! Họ đang uống cà phê cỡ buổi sáng mai rồi! Thấy tôi dậy, chú Tùng liền đem cho tôi một ly:

“ Trung úy Hiệp ngủ giấc say nhất đấy”.

“Thì tôi đã nói rồi mà! Tôi coi quả Kinh nói rằng đời bình yên, địch dấy binh đất ta, ta phá được địch, như đến bến hỏi đạo vậy”, tôi nói.

“Cảm ơn trung úy Hiệp. Quả bói của ông lúc nào cũng tốt cho đơn vị. Ông làm công tác chính trị rất đẹp”, Đại úy Bộ nói.

Tôi hỏi:

“Các vị đang nói chuyện gì vậy?”.

Đại úy Bộ nối tiếp câu chuyện:

“Tôi đang nói về hòa bình. Trong những giờ phút cuộc chiến lên cao điểm, tôi thường nghĩ đến hòa bình, mặc dầu tôi không mơ ước. Bởi vì, tôi nghĩ nó ở ngoài tầm tay của dân tộc mình, Hiệp định Genève chẳng hạn, bọn mafia quốc tế chia đôi đất nước mình, người Việt mình không làm chủ được ngôi nhà của mình. Họ cần gây chiến tranh ở tiểu quốc, hầu có cơ nhảy vào kiếm chác quyền lợi. Thì... hòa bình là một cái gì ngoài tầm tay của mình! Mơ ước ? Vô ích !.

“Từ khi Đại đội đến trú đóng cầu Cần Lê, tôi thường vào thăm dân xã Cần Lê. Hơn một trăm nhà, họ là phu cạo, làm rừng, chăn nuôi, trồng trọt, đời sống khó khăn, thiếu thốn. Đã thế, bọn cộng sản nằm vùng, bọn trung ương cục R ở bên rừng Tây Ninh lâu lâu xâm nhập xã, bắt dân đóng góp lương thực, vừa tuyên truyền “chống Mỹ cứu nước”, vừa hăm dọa ! Làm cho người dân xã Cần Lê đã khổ càng thêm khổ. Đại đội chúng ta chưa hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ họ. Tôi cảm thấy mình thiếu trách nhiệm, bất tài !!!

“Cuộc chiến đã đưa tôi đến đây. Quốc lộ Mười Ba. Rừng cao su. Cầu Cần Lê. Suối Đá Trắng... Tâm hồn người dân xã ấp Cần Lê giản dị, thanh khiết, trong vắt như nước Suối Đá Trắng! Hễ có dịp, là tôi tới suối, vốc nước suối rửa mặt, nước suối làm mát mẻ lòng mình. Tôi muốn làm mát mẻ lòng người dân Cần Lê. Nhưng cách nào?

Cách chi? Khi cuộc chiến được phát động từ Bắc Kinh? Từ Washington DC? Cuộc chiến này sẽ đẩy chúng ta về đâu? Con người đã hủy hoại ước mơ của con người ! Thời đại này đã giết chết ước mơ của tôi lâu rồi! Tôi ước mơ một đời sống khác? Nhưng làm sao có được một đời sống khác bây giờ? Chuẩn úy Hùng đã nói, cuộc đời là dòng sông mà ta là con thuyền, lênh đênh mãi trên sóng nước, làm sao yên? Quí vị , tôi muốn nói xa hơn chuẩn úy Hùng. Cuộc đời là dòng sông, ta là một đám lục bình trôi... Tôi đã từng thấy những đám lục bình hoa màu tím than, lênh đênh, trôi giạt trên sóng nước, một chiều nào trên một nhánh sông Vàm Cỏ...”.

Ông Bộ ngừng nói. Tôi biết tính ông, mỗi khi ông buồn thường nói nhiều. Ông đang buồn đây. Tôi quen rồi, kìa ông! Tôi uống cà phê cho tỉnh ngủ. Đêm 29 đã qua ! Ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã tới! Đại Đội 399 lại bắt đầu một ngày làm việc: Ứng chiến 100%! Theo lệnh của Đại úy Bộ, người hạ sĩ quan truyền tin gửi cho hai trung đội nằm ở ngoài rừng: “Lệnh của ba mai, ứng chiến tại chỗ 100%. Hết. Thời gian qua mau. Chẳng bao lâu sau đó. Mười giờ. Từ chiếc máy thu thanh đặt trên bàn Đại úy Đại Đội Trưởng, phát ra bản tin từ hệ thống truyền thanh Quốc Gia. Đó là lời tuyên bố của tổng thống Dương Văn Minh. Chúng tôi lắng nghe: “Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hãy bình tĩnh ngưng nổ súng và dẫu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng, vì chúng tôi ở đây chờ gặp chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự, tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào”.

Sau đó, đài phát thanh Saigon lập đi lập lại nhiều lần lệnh này. Thiếu úy Thành thắng thốt: “Sao lại như vậy được? Hoa Kỳ cam kết những gì? Hoa kỳ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa thật ? Thì ra những cam kết của họ đều dối trá. Hoa Kỳ phản bội chúng ta rồi!!! Đại úy , bây giờ đại đội

chúng ta phải làm gì? Chúng ta tuân lệnh ông Dương Văn Minh tổng thống bất hợp pháp? Hay ta gọi về Tiểu Khu, xin ý kiến Đại Tá Tiểu Khu Trưởng ?....”

Nhưng Đại úy Đại Đội Trưởng không trả lời. Ông ngồi bất động như tượng đá. Chúng tôi hầu như rơi vào cơn thất thần, thẳng thốt, bàng hoàng! Hình như mọi người đều suy nghĩ lung lăm. Kể cả tôi. Niềm thất vọng hầu như bao trùm không khí đồn Cần Lê. Không biết nên nói với nhau điều gì bây giờ? Thời gian trôi qua một cách ngột ngạt, nặng nề.. Đến khoảng quá giờ Ngọ, Đại úy Bộ, Đại Đội Trưởng 399 nói với tôi: “Tôi không còn tư cách pháp lý Đại Đội Trưởng Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long nữa! Tôi tuyên bố tôi không còn quyền hành gì trên các bạn nữa. Các bạn hãy tự quyết định vận mệnh của mình. Các bạn có thể ở lại đồn chờ gặp người của Chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, hoặc tự do bỏ đồn ra về. Tôi chỉ xin Trung úy Hiệp Đại Đội Phó Đại Đội 399 ở lại để bàn giao đồn Cần Lê cho Bắc quân. Tôi cảm ơn tất cả các bạn và xin các bạn bỏ qua cho tôi tất cả mọi chuyện, trong suốt thời gian chúng ta sống và chiến đấu. Bây giờ, đối với tôi, không còn gì nữa. Chào tất cả các bạn..”

Nói xong, ông Bộ đeo bao súng colt 45 Vào thắt lưng, tay cầm khẩu M16 đã gắn sẵn một băng đạn. Bình tĩnh, thư thái, chậm rãi, ông bước ra khỏi cổng đồn Cần Lê. Khi bước qua mặt tôi, ông nói: “Giờ phút này, ai cũng có quyền hành sử riêng theo cách suy nghĩ của mình.Tôi đi đây”.

Tôi theo dõi bước đi của Đại úy Đại Đội Trưởng 399, ông vẫn mặc bộ đồ tác chiến, trên cổ khăn quàng đen bay bay theo gió nhẹ. Tay cầm khẩu M16 mũi hơi chúc xuống mặt đất. Ông bước qua Quốc Lộ Mười Ba, sang phía bên kia. Ông theo con lộ nhỏ vào xóm Cần Lê. Ông đi qua xóm, con đường đất đỏ dẫn xuống Suối Đá Trắng. Rồi tôi không thấy bóng ông nữa, chỉ thấy một đám bụi đỏ bốc lên như đang ở trong một cơn gió xoáy. Chừng nửa giờ sau, tôi nghe nhiều tiếng súng nổ ở phía Suối Đá Trắng vọng về đồn Cần Lê. Tôi biết điều gì đã xảy ra. Tôi đứng lặng người đi, như trong một phút mặc niệm một chiến hữu đã hy sinh cho tổ quốc.

Người thiếu niên chờ mãi, không thấy ông nội mình nói gì nữa, mới lên tiếng:

“Ông nội kìa tiếp đi”.

“Hết chuyện rồi! Cá nướng chín chưa? Ông cảm thấy đói rồi”.

“Cá chín quá rồi! Đây, cháu mời ông! Muối tiêu chanh đây ông”.

“Cảm ơn cháu”

Ông lão nhận một con cá nướng và đĩa muối tiêu chanh. Cậu thiếu niên vừa ăn vừa hỏi chuyện: “Trung úy Hiệp, Đại Đội Phó đó, là ông nội của cháu đây. Sau đó, Cộng Sản bắt ông đi tù cải tạo bao lâu”.

“Mười bốn năm”, ông lão bậm môi.

“Sao ông không đi Mỹ theo diện HO?”, cậu thiếu niên gặng hỏi.

Ông lão bỏ miếng cá xuống, rút khăn tay lau miệng. Ông thông thả nhồi thuốc vào điếu, bật quẹt châm lửa hút một hơi dài. Rồi ông mới trả lời:

“Câu hỏi của cháu... Cháu hãy nhìn cái giao lộ ngã ba này đây. Con người luôn đứng trước ngã ba, mà mình phải chọn lấy một thôi. Mỗi con đường dẫn đến một ý nghĩa, một kết cuộc khác nhau... Nhiều khi, sự chọn lựa ấy rất khó khăn, rất nhức nhối. Cháu thấy đấy, trong câu chuyện ông vừa kể, ông Đại úy Đại Đội Trưởng đã chọn con lộ nhỏ dẫn xuống Suối Đá Trắng. Ông ấy âm thầm đi vào lịch sử như Ông Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản...uống độc được khi mất thành!! Điều đó, ông không cần ai biết. Ông chỉ cần lịch sử biết!!! Trở lại câu hỏi của cháu, lúc ấy, ông đã bước vào ngũ tuần. Ông cảm thấy quá mệt mỏi. Cũng chán đời rồi! Ông không muốn bắt đầu bước trải lại cuộc đời của mình nơi xứ người. Ở lại quê nhà, ông biết ông đã bị đẩy ra bên lề xã hội. Tuy nhiên, ông có thể nương nhờ vợ, người Bình Long, có đất đai nhà cửa sẵn rồi. Ông vui lòng ẩn cư ở đây, sống nốt cuộc đời thừa của mình... Đấy, cháu thấy không, bây giờ ngoài thất tuần, ông vẫn là một ông lão câu cá ở Suối Đá Trắng. Vừa ngồi câu, vừa ngậm ống điếu, chẳng cần gì nữa! Còn có ông vó này... đủ rồi”.

Ông lão đưa ống điếu lên môi, thản nhiên hút tiếp. Rừng chiều hoang vắng. Nắng nghiêng. Ông lão bất chợt buông ống điếu, rót một chén rượu chuối uống cạn, rồi vào rượu mà ngâm:

*“Hồ trường! Ta biết rót về đâu?
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt,
Có người quá chén như điên như cuồng
Nào ai tỉnh, nào ai say?
Chí ta ta biết, lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thử
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây”*

Ông lão buông bầu rượu xuống, than rằng:

“Giọng ta không còn hào sảng được như xưa nữa! Sao lại đượm buồn vậy cả”.

Cậu thiếu niên hỏi:

“Nguyễn Bá Trác, tác giả bài Hồ Trường là ai vậy ông?”.

“Nguyễn Bá Trác? Có phải cháu nghe mấy ông thầy xã hội chủ nghĩa giảng rằng ông Trác đi theo Tây, ra làm quan cho Pháp, là Việt gian, nên bị Việt Minh kết án xử tử cùng với Phạm Quỳnh...?! Biết như thế là không đúng! Sách vở của Việt Nam Cộng Hòa có đầy đủ tài liệu, nhưng Hà Nội đã ra tay đốt hết. Họ sửa lại lịch sử theo ý họ ! Cháu à, viết sai, bôi xóa, xuyên tạc lịch sử là có tội.. Nguyễn Bá Trác? Ông Trác người Quảng Nam, sinh năm 1881, đỗ Cử nhân năm 1906 tại trường Thừa Thiên. Hiệu là Tiêu Đầu. Trước khi ra làm quan cho Pháp, ông đã đi theo phong trào Duy Tân Và Đông Du của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Ông đã qua Nhật, qua Tàu. Năm 1907, Pháp ký hiệp ước với Nhật, dành cho Nhật nhiều quyền lợi, đổi lại Nhật trục xuất du học sinh Việt Nam. Trong hoàn cảnh đó, ông Trác trở về Việt Nam. Nhiều người bị bắt, bị tù, hoặc bệnh tật, vô vọng chết ở xứ người. Họ là những người yêu nước, mưu đồ đuổi quân xâm lược, như cha ông ta ngày xưa đuổi quân Tàu, giành lại chủ quyền độc lập dân tộc. Nhưng tiếc thay!!! Sau này, Việt Minh nổi lên, với sự giúp đỡ của Nga, Tàu, cam tâm hãm hại người quốc gia. Ông Nguyễn Bá Trác cũng như ông

Phạm Quỳnh, trong hoàn cảnh đó, đành phải ra làm việc cho chính phủ bảo hộ, nghĩa là ra làm quan cho chính phủ Nam triều đặt dưới quyền kiểm soát của viên Khâm sứ Trung Kỳ và viên Toàn Quyền Đông Dương. Hai ông không làm điều gì hại dân, không ám hại những nhà cách mạng chống Pháp. Các ông làm việc trong lãnh vực văn hóa, báo chí. Ông Quỳnh làm chủ bút tờ Nam Phong, ông Trác phụ trách phần chữ Hán. Ông Phạm Quỳnh bỏ Hà Nội vào Huế, trước hết làm Ngự Tiễn Văn Phòng cho Hoàng Đế Bảo Đại, rồi làm Thượng Thư Bộ Học, Thượng Thư Bộ Lại, viết văn ký bút hiệu Thượng Chi, đã xuất bản tác phẩm Thượng Chi văn tập gồm bốn cuốn, tập hợp các bài đã đăng trên tạp chí Nam Phong. Tháng Tám 1945, ông bị Việt Minh bắt tại tư gia ở An Cựu, Huế và sau đó bị giết, chôn cùng một hố với cựu Tổng Đốc Ngô Đình Khôi và con trai Ngô Đình Huân. Đó là về ông Phạm Quỳnh.

Còn về ông Nguyễn Bá Trác, có lúc làm Tổng Đốc Thanh Hóa, Tuần Vũ Quảng Ngãi, nhưng ông không có làm điều gì xấu xa tàn bạo với người Việt Nam mình. Tổng đốc là chức quan đứng đầu tỉnh lớn. Tuần Vũ, quan đứng đầu tỉnh nhỏ. Quận đạo, đứng đầu tỉnh nhỏ hơn. Thời Pháp thuộc, họ tổ chức hành chánh như thế. Cháu nhớ đấy! Chẳng qua vì thời thế, ông Trác phải ẩn nhẫn chờ thời. Ông Trác đã từng trốn vào Nam, sang Xiêm, sang Nhật, qua Tàu, hẳn nhiên muốn tìm cách nào cứu nước. Tâm sự bất thành ấy, ông đã viết cuốn “Hạn Mạn Du Ký” tức lời viết của một người đi chơi phiếm. Nội dung viết về sáu năm ở nước ngoài, từ 1908 đến 1914, trong đó có bài thơ Hồ trường, tất nhiên gói ghém tâm sự của ông! Tâm Sự của ông, mọi việc đều thất bại! Nên nhìn bốn phương đều mờ mịt!... Ôi, uống rượu, nhìn về trời Nam, thì trời Nam mờ mịt! Tâm sự ấy chẳng bi đát hay sao? Cháu thử nghĩ xem... Những người thất trận như ông, dễ thông cảm với tâm trạng thất chí của ông Trác lắm. Ông đây cũng một nỗi tâm sự “Hồ trường” đấy, cháu ạ”...

Ông lão thở dài, nâng ống vó lên môi. Cậu thiếu niên lại hỏi:

“Cảm ơn ông, cháu hiểu về ông Trác rồi! Ông cũng cùng tâm sự! Hèn gì, ông ngâm nga bài Hồ Trường suốt,

cháu chỉ nghe ông ngâm mà thuộc. Cháu còn một câu hỏi nữa. Câu chuyện của ông, có nhắc đến tên một nhà văn...”.

“A, rồi đâu có còn dịp nào để nói nữa! Sau ngày ba mươi tháng Tư năm ấy, mỗi người mỗi ngả. Không gặp lại nhau! Thành ra ông chưa nói gì cả! Mà nếu ông nói, ông chỉ nhắc đến hai câu văn thôi, hai câu ông rất đặc ý trong cuốn *Âm thanh và cuồng nộ* của William Faulner. Câu ấy thế này: “Chiến trường là nơi con người thấy rõ tất cả sự tuyệt vọng của mình!” Và: “Người ta không bao giờ thắng trận!” Nội dung tác phẩm ấy khá giản dị. Người cha tặng cho con trai cái đồng hồ, ý nghĩa không phải để xem thời gian, mà là để quên đi quá khứ, đừng một nhọc thân xác làm gì, vì thời gian sẽ chôn vùi tất cả! Mọi nhu cầu của con người sẽ không bao giờ được thỏa mãn cả. Vậy làm chi cho mệt? Do đó, đích thật, con người không bao giờ thắng trận ! Cháu ạ, ông muốn nói với các chiến hữu của ông rằng mặc kệ cuộc chiến, lúc nào địch đến ta đánh, còn lúc nào có thể bình yên ta cứ thản nhiên uống cà phê, hút thuốc, ăn hủ tiếu mì ở quán mì Tứ Hải!!!”.

Cậu thiếu niên cười lớn: “Hèn chi !Hèn chi ! Cháu hiểu rõ ông rồi! Ông cứ luôn nói: “Thong thả cháu, ngồi lại đây nướng cá ăn đã. Ông muốn uống một tợp rượu chuối ! Ông muốn hút một còi thuốc rồi! Ngày trước ông ăn lương Trung úy, uống bia chai 33, ăn hủ tiếu mì, hút thuốc Salem, chẳng lý tới sống chết ! Bây giờ, làm ông lão câu cá ở Suối Đá Trắng, tự làm rượu chuối mà uống, cũng chả sao! Rồi cũng qua một đời”. Ông ơi, mai kia cháu đi làm có nhiều tiền, cháu sẽ biếu ông, tha hồ ông uống bia Saigon, hút thuốc Ba số Năm, về Đại lộ Hoàng Hôn ăn hủ tiếu mì Hải Ký. Ông ráng chờ cháu nhé ?”.

“Ừ, ông ráng sống thêm chục năm nữa! Chờ cháu thành tài. Mong rằng Ông Trời không gọi ông về sớm! Thật ra, đối với ông, sống chết không thành vấn đề !Không có chi quan trọng nữa rồi!! Ô Người bầy thú rừng Trương Tiêu đến kia”.

Từ một con đường rừng, người bầy thú rừng Trương

Tiêu xuất hiện, bước mau về chỗ giao lộ ngã ba, nơi hai ông cháu Lê Văn Hiệp nướng cá. Trương Tiêu là một cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa, thời cuộc xô đẩy, trôi giạt tới miền rừng này. Cô đơn một mình, không bà con thân thuộc, kết bạn với ông Hiệp rất thân, hành nghề bẫy thú rừng rất giỏi kiếm sống qua ngày. Trương Tiêu tới nơi, hạ cái bị trên vai xuống.

“Hôm nay đê bẫy được hai con chúc. Hai con ! Đê bán một con mua gạo muối. Một con để nhậu ! Hai ông cháu, xin mời tới “ sơn trại” của đê. Hũ rượu chuối, rượu mít của đê, chín nấu ra rồi! Nhậu đã lắm !”.

“Được rồi! Hai ông cháu tôi tới thôi”, ông lão trả lời ngay.

Trương Tiêu gọi căn nhà nhỏ dựng bằng cây rừng của mình ở cuối xã Cần Lê là sơn trại, gọi là thi vị hóa đồ thôi. Có lần ông Hiệp bảo Trương Tiêu: “gọi là lều tranh đi” Trương Tiêu vội xua tay: “Áy chết, đại huynh! Tha cho! Trương Tiêu này chỉ là tay lính thủy đánh bộ, trong đầu chẳng có chút văn chương mưu lược nào! Không dám dùng hai chữ “lều tranh”! Đâu dám sánh với “lều tranh” của Gia Cát Khổng Minh! Dùng hai chữ “sơn trại” đã là láo lếu rồi! Tha cho, đại huynh”. Người bẫy thú ngồi bệt xuống đất. Cậu thiếu niên nhanh nhẹn đem tới cho ông một con cá nướng. Ông lão rót một chén rượu chuối, sai cháu đưa cho Trương Tiêu.

“Bạn già khỏe không”, ông lão hỏi.

“ Bị cảm mạo mới khỏi. Dậy được là đi rừng liền. Đi kiếm sống chứ? Vả ở nhà, buồn lắm, không chịu được. Nhiều lúc muốn bỏ nghề...Nhưng không biết phải xoay ra làm gì ? Muốn về thành phố theo mấy thằng bạn đi bụi, bán vé số, sửa xe, nhưng không có hộ. Tội công an đường phố nó bắt mình bỏ tù mấy hồi! Thôi thì cứ bám rừng, sống ngày nào hay ngày nấy! Đời mình đã chấm dứt từ ba mươi tháng Tư năm ấy rồi, có còn gì quan trọng nữa đâu!!! Mà này, đại huynh, hôm nay, ba mươi Tháng Tư đây, ông anh nhớ không? Đã ba mươi năm !!!”.

Lão già nở một nụ cười chua chát:

“Ừ, sao lại không nhớ! Chúng ta tưởng niệm nỗi đau

của chính mình, mỗi người một cách trong âm thầm, lặng lẽ, không nói ra lời! Thoáng một cái, đã ba mươi năm!!! Thôi, hãy để cho lịch sử xử !Ta uống chén rượu tìm quên đi”.

Ông rót hết chỗ rượu còn lại trong bầu ra được hai chén đầy.

“Nào, cạn chén, ông bạn”.

Hai người bạn cùng cạn chén... như cùng cạn chén đắng trong cuộc đời ! Trương Tiêu đặt chén xuống, tay gõ vào bầu rượu, miệng hát : “ Buồn như ly rượu cạn,.. Không còn rượu để say...” (Trong bài Buồn của nhạc sĩ Y Vân). Rồi Trương Tiêu nói:

“ Ta là người bầy thú rừng. Ta hiểu hơn ai hết thân phận của những con thú bị ta săn đuổi. Nhất là những con thú đáp ứng chiến lược của ta như nai, mễn, chước... Bọn đế quốc có chiến lược toàn cầu và phương tiện hùng hậu thực hiện. Chúng vươn tới mọi nơi. Quốc gia nhược tiểu như nước ta chỉ được xem như con nai, con mễn, con chước... Đó là thân phận tiểu quốc phục vụ đại quốc. Đại quốc không thương tình, ắt nai mễn chim chóc bị ăn thịt hết!! Thôi, ta về trước, ngả món con mồi này... giống như đại quốc thực hiện chiến lược toàn cầu!!!”

Hai ông cháu , cứ tà tà, thủng thỉnh đến sau. Mời hai ông cháu đến “sơn trại” của ta uống rượu tiêu sầu một chiều ba mươi tháng Tư”.

Nói rồi, Trương Tiêu khoác bị lên vai, rời khỏi ngã ba. Ông lão lúi trong túi áo rộng cái bọc da nhỏ. Rất thông thả, chậm rãi, ông nhồi thuốc vào ống điếu. Ông bảo cháu:

“Ông hút xong cỏi thuốc này, ta đến nhà người bầy thú rừng, nhậu chơi, nghe cháu. Gỏi lại mấy con cá nướng kia... Nhớ đổ nước dập tắt bếp lửa nghe cháu. Cứ thông thả, cháu . Ông còn hút cỏi thuốc đã chứ? Chỉ có ống vố là quan trọng! Không còn gì quan trọng nữa mà! Cháu có hiểu không”. Cậu thiếu niên nhìn ông cười: “Cháu hiểu hết rồi! Ông nói bao giờ ông cười hạc qui tiên, ông đem theo ông vố ? Ở cỏi tiên, cũng chỉ có ống vố là quan trọng ? !”.

Ông lão hình như không nghe đứa cháu nói gì, hồn đã

bay theo khói? Hay đã nhìn về phương Nam, Trời Nam mờ
mịt một màu sương?

Ngã ba rừng Cần Lê chìm trong bóng chiều. Chỉ còn
chút nắng đọng ở Suối Đá Trắng.

(trong *Em Có Về Cần Phụng ?* Hương Cau xb, 2013)

HOÀNG NGỌC HIỀN

“RĂN CẢN VÓ NGỰA”

Lời tòa soạn: Bài văn trích dưới đây là chương cuối cùng trong bản thảo cuốn tiểu thuyết “Kim Tự Tháp” của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến. Tác phẩm này là tác phẩm giả tưởng về cuộc hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc & Hoa Kỳ năm 1972 tại Bắc Kinh. Cũng có thể gọi là vài chương hoang ngôn. Để bạn đọc nhận rõ về kiến thức lịch sử cộng vào sự tưởng tượng rất phong phú của tác giả. (TQBT)

Đêm nay, đêm cuối cùng Tổng Thống Richard Nixon và đoàn tùy tùng của ông ở nhà khách chính phủ Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đột nhiên ông cảm thấy lưu luyến. Tổng Thống dạo bước trên hành lang một hồi lâu, sau đó ông vào phòng khách, ngồi trầm ngâm trước một ly trà lypton đậm đặc. Dưới ánh sáng của một chùm ngọn đèn màu hồng nhạt, ông đọc một đoạn Kinh Thánh. Ông có thói quen mang theo bên mình một cuốn Thánh Kinh, nhất là trong những cuộc hành trình ra nước ngoài, dẫu có khi ông không đọc đến.

Giữa lúc đó Tiên sĩ Kissinger bước vào. Tổng thống nở một nụ cười: “Hay quá! Tôi đang cần có một người nói chuyện. Tiên sĩ đến thật đúng lúc. Ngài dùng trà hay cà phê?”

“Thưa tổng thống, tôi dùng cà phê”. Thấy có cuốn Kinh Thánh trên bàn, ông hỏi: “Tổng thống đọc Thánh Kinh à?”

Tổng thống Nixon phác nhẹ tay trong không khí: “Tôi vừa đọc Lu Ca, đoạn con chiên lạc mất. Tôi đang suy nghĩ về chỗ này. Đàn chiên một trăm con, có một con lạc mất. Ngài có suy nghĩ gì về con chiên lạc bầy?”

Ngoại trưởng Henry Kissinger cầm ly cà phê vừa tự tay pha lấy cho mình, đến ngồi đối diện Tổng Thống.

Nixon nói: “Thế này, thưa ngài ngoại trưởng, đàn chiên một trăm con, có một con đi lạc. Con đi lạc đó, có

thể do nó mãi kiếm ngọn cỏ non mà đi xa bầy. Cũng có thể nó tự ý bỏ bầy. Nó chẳng phải có cái gì đặc biệt sao? Mao Trạch Đông chính là con chiên bỏ bầy của nó, vượt lên, trội lên. Mao khi còn nhỏ đã chống lại người cha. Mười tuổi đã bỏ thôn Thiều Sơn ra đi. Mao mô tả Thiều Sơn chìm dưới núi, cây cối um tùm, tre xanh thẳng đứng, nghèo nàn, lạc hậu, buồn bã. Ba trăm nóc nhà ở Thiều Sơn, họ an phận sống với đồng ruộng, con trâu, cái cây, cái cuốc. Mao bỏ đi. Sau này, ông ta là một người hết sức táo bạo. Mao có chủ trương phải làm một cuộc cách mạng làm thay đổi Nước Trung Hoa. Ông ta dùng học thuyết Marx như một thứ vũ khí vay mượn! Ông ta đã là người làm lịch sử!”

Kissinger nói: “Thưa ngài, tôi hiểu. Được tiếp xúc trực tiếp với Mao, hẳn ngài hiểu Mao hơn tôi. Hội nghị thượng đỉnh Hoa- Mỹ đã làm “thay đổi thế giới”. Chắc ngài đã hiểu được con người thật của Mao? Kẻ đã lãnh đạo cuộc trường chinh của Hồng Quân, tất nhiên không anh hùng cũng kỳ nhân?”

“Chính thế! Tôi cảm thấy Mao , trước hết, là một người yêu nước. Ông ta yêu đất nước Trung Hoa. Chỉ có thế, mới có được quyết tâm làm thay đổi Trung Hoa, từ nhược tiểu thành siêu cường. Tôi có cảm tưởng ông ta không hề có tham vọng làm hoàng đế nước Trung Hoa. Ông ta là một người yêu nước chân chính! Rất mực chân chính!”

“Rất mực chân chính?”, Kissinger thốt lên.

Tổng thống Nixon nói như khẳng định: “Chính thế! Khi Mao còn là một sinh viên trường Sư Phạm, ông đã quan tâm đến những hoạn nạn của đất nước, tương lai của người dân, ông đã hình thành tư tưởng cải tạo Trung Quốc. Ông đã cùng Tiêu Tam thảo luận chính trị, đi tìm một phương cách tốt nhất cứu nước Trung Hoa ra khỏi tình trạng bị các cường quốc xâm xé, và thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo đói, dốt nát, bệnh tật; đời sống thiếu tự do, dân chủ. Ông khẳng định: “Phải cải tạo, phải sáng tạo một xã hội mới trên mảnh đất già lão, cổ xưa Trung Quốc này!”. Ông có niềm tin và tự đặt mình vào trách nhiệm. Ông xứng đáng là người con của nước Trung Hoa! Một cái mốc quan trọng trong cuộc đời của Mao. Đó là vào năm 1917, ông

đọc cuốn “Tinh thần vĩ đại của nước Nga” của Leon Trosky, ông nhận ra ngay rằng học thuyết này hoàn toàn mới mẻ, nó đã làm thay đổi bộ mặt xấu xí của nước Nga. Muốn thay đổi, chỉ có cách đập vỡ cái cũ! Muốn thực hiện, phải dùng vũ lực! Lập tức Mao cùng bè bạn thành lập “Tân Dân Học Hội” ngay năm đó, tôn chỉ của hội là cải tạo Trung Quốc và thế giới! Một vài qui định mới mẻ của hội là hội viên không được ăn hối lộ, không được lấy thiếp, chỉ một thê thôi, cũng không được đi đến nhà điếm để sinh hoạt tình dục bừa bãi, phải sống đứng đắn, không được có các hành vi bất lương. Đa số hội viên lúc ban đầu của “Tân Dân Học Hội”, sau này trở thành những đảng viên nòng cốt của Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Khi còn là sinh viên, ông ôm ấp tư tưởng ấy, tất nhiên biểu lộ một tâm hồn trong sạch, nhân hậu, chân thật và lý tưởng. Do đó, tôi khẳng định Mao là một người yêu nước chân chính.”

Ngưng nghỉ một lúc, như để suy nghĩ, Tổng thống nói tiếp: “Trung Hoa là một nước lớn, đông dân nhất thế giới. Thời nào cũng có những nhân vật kiệt xuất, trên mọi lãnh vực. Triết học có bách gia chư tử, văn học có Ngô thừa Ân, Phùng Mộng Long; sử gia có Tư Mã Thiên, Tư Mã Quang. Quân sự có Tôn Tử, Khổng Minh, Hàn Tín, Lưu Bang. Chính trị có Khương tử Nha, Quản Trọng. Còn nhiều lắm,... Bây giờ, có Mao Trạch Đông, nhiều phò tá giỏi, như Diệp Kiếm Anh, Đặng tiểu Bình, Lâm Bưu,... Trung Quốc không bao giờ thiếu nhân tài!!! Thừa ngài ngoại trưởng, Hoa Kỳ phải đối đầu với một quốc gia như vậy, không dễ dàng. Trong một vài thập kỷ tới, Trung Hoa sẽ là đối thủ số một của Hoa Kỳ. Do đó, chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ phải làm thế nào để Trung Hoa trở thành đồng minh chiến lược không thể thiếu. Ngài ngoại trưởng thấy không, họ như thế đó, mà hình như trong họ tiềm tàng một thi sĩ,... Mao làm thơ khi ngồi trên lưng ngựa trong cuộc chạy trốn Quốc Quân. Bài thơ bi tráng nhất của Mao viết về cầu Đại Độ: “Cầu Đại Độ, xích sắt vắt ngang sông lạnh buốt”! Tiến sĩ ạ, ngài có nghĩ Mao là một thi sĩ không?”

Henry Kissinger hạ cái kính cận xuống: “Thưa tổng thống, tôi có đọc Mao Tuyên và một vài bài viết về

Mao. Họ ca ngợi Mao là thi sĩ từ khi còn là sinh viên sư phạm. Có lẽ ông ta là một thi sĩ thật, bởi ông ta sống thật với lịch sử, khi qua cầu Đại Độ, tiếng lòng ông đã bật thành tiếng thơ. Thưa ngài, hình như người phương Đông, hầu hết họ là thi sĩ! Mao trong số đó. Mao là một thi sĩ trên lưng ngựa. Đúng như vậy!!!”

Tổng thống Nixon lại miên man trong dòng suy nghĩ của ông. Mao Trạch Đông hình như có một cái gì đó giống như Tần Thủy Hoàng. Ông đã đọc nhiều sách viết về Tần Thủy Hoàng, một nhân vật kiệt xuất đã gồm thâu lục quốc, dựng nên đế nghiệp nhà Tần. Ông ta không chịu dừng lại để an hưởng ngôi vị đế vương, mà tiếp tục cải cách nước Trung Hoa. Ông quét sạch bọn trí thức thời đó. Đốt sách, chôn sống học trò! Lệnh của vua Tần rất khắc nghiệt: “Sử quan thấy sách gì không phải là sách của nhà Tần thì đốt hết. Sách gì không phải là quan bác sĩ được phép giữ, mà trong thiên hạ cất giấu, như Thi Thư, Bách Gia ngữ, phải đem đến quan Thủ Úy đốt hết. Ai dám nói thảm với nhau về sách Thi Thư thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai đem đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Kẻ nào thấy mà không tố giác thì cùng chịu một tội. Lệnh xuống trong vòng ba mươi ngày mà không chịu đốt thì gọt đầu bôi đen, bắt đi làm phu. Những sách được để lại là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy”. Mức độ tàn bạo của nhà Tần dường như đã để lại bài học lịch sử cho các đời sau: đưa quân đội của sáu nước bại trận (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) đi đầy ở miền cực Bắc nước Trung Hoa, dưới hình thức làm phu xây cất Vạn Lý Trường Thành.”(Ghi Chú: Các triều đại Trung Hoa, mỗi khi triều đại này lên ngôi, thì ra tay triệt tiêu hết mọi dấu tích của triều cũ, giết hết những người lãnh đạo. Việt Nam cũng bắt chước. Gần đây, Hà Nội chiến thắng Miền Nam Việt Nam vào Tháng Tư 1975, đã tập trung hết các sĩ quan của Miền Nam, đưa đi học tập cải tạo, nhưng thực chất là lao động cưỡng bức trong các rừng sâu. Một cách giết họ dần dần. Cộng Sản Hà Nội cũng đốt sách của Miền Nam như đời Tần Thủy Hoàng).

Tiến sĩ Kissinger cười nói: “Thưa ngài, một số nhà nho đã thuộc lòng Thi Thư, Bách Gia Ngữ, truyền miệng

lại. Khi Tần Thủy Hoàng vừa qua đời, những sách ấy lại tự do lưu hành. Những bộ sách bị cấm ấy bỗng trở thành kinh sử!!!”. (Ghi chú: Sách báo của Miền Nam Việt Nam bị đốt ấy, cũng trở thành những bộ sách quý, thành kinh sử, mà sau này chính người Cộng sản lại đi tìm đọc!!! Họ phải thú nhận Miền Bắc không có được một nền văn học như Miền Nam, ngay đến cả một tạp chí, như tạp chí Khởi Hành, họ không làm nổi. Kể chiến thắng năm 1975 đã thú nhận rằng kẻ được giải phóng chính là họ!!!)

Tiến sĩ Kissinger nói: “Thưa ngài, tôi thiết nghĩ cụm từ “cải tạo thế giới” của Mao không có gì mới. Thế giới cần sửa chữa từ thời Cựu Ước. Có lẽ Mao không đọc Kinh Thánh bằng chúng ta. Nhưng có thể Mao đọc Marx nhiều hơn chúng ta. Thưa Tổng thống, hẳn ngài không quên Sáng Thế Ký của Môi-se? Sách ấy đã ghi sự kiện Ca-in xông đến giết em mình là A-Bên ở ngoài đồng. Chiến tranh đã xảy ra từ thuở ấy. Thượng Đế đã hỏi Ca-in: “Người đã làm điều chi vậy? Tiếng của máu em người từ dưới đất kêu thầu đến ta”. Đó là đoạn 4, câu 10 sách Sáng Thế Ký, thưa ngài. Loài người từ khởi đầu đã chém giết nhau, cái noi ấy truyền từ đời này qua đời khác, tồn tại đến bây giờ. Nay cần cải lại để cái noi oán thù ấy không còn tái diễn nữa. Đó chẳng là “cải tạo thế giới” hay không? Để lập lại tình huynh đệ. Nếu không, “đường phố Giê-ru sa lem hết tiếng kêu vui reo mừng, không còn tiếng của trẻ mới và dâu mới, và đất đó sẽ trở nên hoang vu” (I will put an end to the happy singing and laughter in the streets of Jerusalem. The joyful voices of bridegrooms and brides will no longer be heard in the towns of Judah. The land will lie in complete desolation) . Thưa ngài, đó là lời cảnh báo của Giê-rê-Mi đã được ghi rõ ở đoạn 7, câu 34 trong sách Giê-rê-Mi.”

Ngừng nói một lúc, ngài ngoại trưởng nói tiếp một cách buồn bã: “Độc Kinh Thánh, tôi nhận thấy mười hai người con trai của Gia-Cop mở ra mười hai chi phái. Lời tiên tri của Gia-Cop đối với mười hai chi phái lành ít dữ nhiều. Nào Si-Mê-ôn và Lê-Vi là những thanh gươm hung tàn, nào đũa khác thì dữ dần, đũa thì như rắn cắn vó ngựa làm cho kẻ cười phải té nhào (Dan will be a snake beside

the road, a poisonous viper along the path that bites the horse's hooves so its rider is thrown off; Genesis,49,17) , Bên-gia-min thì như một con chó sói.... Đó, thưa ngài, loài người đã khởi đầu và diễn biến qua bao nhiêu thời đại, đều là chém giết, cướp bóc, áp bức, thù hận, oán hờn... Và Giê-Rê-Mi viết: “Thượng đế sẽ làm cho Israel thành hoang vu” (The land will lie in complete desolation) !!! Có nghĩa là cả trái đất của chúng ta sẽ trở nên hoang vu?! Vào một ngày nào đó? Ngày đó sẽ đến!!! Chẳng lẽ chúng ta mặc nhiên ngồi chờ ngày ấy sẽ đến? Đã đến lúc như Mao nói “Cải tạo thế giới”. Nếu không muộn mất, thưa ngài tổng thống!”.

Tiến sĩ lại ngừng nói. Ông thở dài như tỏ ý ngao ngán, bĩ quan về tương lai của nhân loại.

Tổng thống Nixon khẽ nhún vai biểu lộ sự bất lực.

Một lúc sau, tiến sĩ chép miệng rồi nói tiếp: “Nghĩ cho cùng, thưa ngài, tất cả chỉ là phù vân!... Như một đám mây, nổi giữa bầu trời, rồi sau đó sẽ bị gió thổi tan đi. Ảo mộng! Thành ảo mộng hết cả mà thôi! Tôi đã đọc nhiều lần Sách Truyền Đạo, tôi rất chú ý đến đoạn 1, câu 2: “Hư không của sự hư không, hư không của sự hư không, thảy đều hư không” (Everything is meaningless, completely meaningless) . Phải chăng, thưa tổng thống, tác giả sách Truyền Đạo muốn nói rằng tất cả, dầu tồn tại lâu đến cả ngàn năm, thì rồi cũng thành hư không? Câu 4: “Đời này qua, đời khác đến; nhưng đất cứ còn luôn luôn”. Câu 5: “Mặt trời mọc, mặt trời lặn, nó lật đật trở về nơi nó mọc”. Phải chăng, trời đất cứ xoay vần mãi mãi như thế thôi, có gì nữa đâu? Câu 14: “Thảy đều hư không, theo luồng gió thổi”. Đoạn 5, câu 15: “Mình lọt ra khỏi lòng mẹ thể trần trướng thể nào, ắt sẽ trở về thể ấy, và về các huê lợi của sự lao khổ mình, chẳng có vật gì đem theo được”.... Thưa tổng thống, tôi đã lặng người đi nhiều lần khi mất tôi dừng lại ở những câu đó. Nhìn lại đời mình, tôi đã níu giữ được gì? Ăn miếng ngon, hưởng cảm giác ngây ngất, thích thú, nhưng rồi nó cũng qua đi. Tất cả đều theo nhau vào quá khứ, tôi có cảm giác như chưa từng được hưởng, vẫn còn là khát vọng. Phải, hư không!!! Hư không chứ còn gì nữa?! Ấy vậy mà con người vẫn cứ mưu đồ, có khi dùng thủ

đoạn tàn bạo, dê tiện, để thực hiện cho bằng được. Mê chẳng? Phải chăng vì vậy, các triết gia mới đưa ra triết học phi lý? Không ai tránh khỏi cái chết, và ra đi tay không. Mà trong khi sống, có biết bao nhiêu đau khổ? Ấy thế mà nhân loại không biết thương nhau, vẫn ra sức chém giết nhau không thương tiếc!!! Triết học phi lý, tôn giáo chẳng có hiệu lực gì!!!”

Ngoại trưởng Kissinger lại chếp miệng, và thở dài.

Tổng thống Nixon nói giọng trầm xuống: “Tôi đưa ra học thuyết toàn cầu hóa, chỉ nhằm mục đích ổn định thế giới, đem lại một nền hòa bình cho nhân loại. Ngoài ra, không có tham vọng giải quyết tất cả những vấn đề của con người. Hư không? Đó là lãnh vực của triết học, hoặc tôn giáo chỉ đó. Tôi không có tham vọng giải quyết cái gốc rễ, cũng như cái ngọn ngành. Ngài tiến sĩ vừa nói có bao nhiêu cái chết oan ức, kể từ thời Cain đó? Bao nhiêu kẻ đã chết như Abel? Phải, như thế, lịch sử con người là hàng ngàn trang xương máu!!! Chứ gì nữa? Chỉ cần nói riêng một thời kỳ người Mỹ chúng ta bắt đầu trong việc hủy bỏ hay không hủy bỏ “vấn đề nô lệ da đen”, chúng ta đã gây ra cuộc nội chiến Nam- Bắc, bao nhiêu người đã chết? Chúng ta đã tàn sát nhau! Tôi nhớ không lầm, chỉ trong một trận đánh thôi, hình như ở Pennsylvania, có tới mười bốn ngàn người tử vong!!! Quả nhiên, nhân loại có thể tổng kết bằng một lời ngắn gọn: “Lịch sử ấy là con người đã bầm nát nhau!”. Cho nên hệ quả của nó là chất chồng báo oán? Nhân loại ngày nay không được sống trong an ninh vì báo oán? Các linh hồn chết oan ức đã sống dậy đòi báo oán? Đây là lời giải thích của Triết học hay thần học? Thừa ngài, đôi khi tôi cũng như ngài, cho rằng có một thần lực vô hình can thiệp vào thế giới người sống. Mao Trạch Đông, phải chăng là hậu kiếp của Tần Thủy Hoàng? Lenin, Stalin,...đều là những hiện thân của ai đó, sống dậy với mục đích báo oán?! Ôi chao, nói đến Stalin mới đáng sợ chứ?! Ông ta từng cai trị Liên Bang Xô Viết trong ba mươi năm (1922-1953), bằng một chế độ độc tài sát máu. Ông nắm chức vụ Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, lãnh tụ Đệ Tam Quốc Tế sau khi Lenin mất năm 1924,... Năm 1937, ra lệnh thanh trừng, bắn bỏ 70 ngàn sĩ quan cao và

trung cấp, bỏ tù lưu đầy hơn 20 ngàn, lệnh này vẫn còn được lưu giữ trong ngân khố Nga. Năm 1940, ông ra lệnh xử bắn hơn 20 ngàn sĩ quan Ba Lan trong rừng Katyn, gần Smolensk. Cái chết của ông, sau năm ngày hấp hối, nôn mửa ra máu, xuất huyết não,... người đời chưa cho là ông đã đền tội. Ông “sa hoàng đỏ” ấy, đáng bị trừng phạt hơn thế nhiều. Thừa tiến sĩ, tại sao người lại có thể giết người ghê gớm đến như thế? Phải chăng, những linh hồn chết oan nghiệp đã trụ vào thể xác ông ta, xui khiến ông ta hành động trả thù như vậy? Nếu thật như vậy, thử hỏi có thể hóa giải được không? Hóa giải cách nào, và bắt đầu từ đâu? Chẳng lẽ vô phương?”

Tiến sĩ Kissinger nở một nụ cười bí hiểm, rồi thông thả nói: “Thưa tổng thống, chiến lược toàn cầu của ngài không bao giờ là phương hóa giải oan nghiệp, hóa giải hận thù. Hãy thành thực nhìn lại chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với các quốc gia đồng minh, xem có phải đó là một sự lừa bịp trắng trợn hay không? Chúng ta đã dùng những từ ngữ hết sức hoa mỹ, gọi cảm, nhưng lời mờ khó hiểu hầu che đậy ý đồ thâm hiểm của chúng ta. Tôi có thể dùng biểu tượng một đóa hoa hồng. Chúng ta đã trao cho đồng minh của chúng ta một đóa hồng đầy gai nhọn. Thật đáng xấu hổ.”

Nixon nhìn ông bộ trưởng: “Ông cũng biết xấu hổ về điều đó ư? Vậy thì, tiến sĩ nên từ chức ngoại trưởng, tìm một ngôi chùa nào trên núi mà tu? Thưa ngài, tôi cũng không biết học thuyết của tôi có giải quyết được gì không, sẽ đưa Hoa Kỳ và thế giới về đâu? Tôi không tiên liệu được. Chúng ta vẫn phải tiếp tục nói dối, ngay cả với đồng minh của chúng ta. Biết đâu, chúng ta chẳng trao cho họ một bông hoa xương rồng, còn nhiều gai nhọn hơn?”

Nixon nghiêng vai về phía tiến sĩ nói nhỏ xuống: “Này, ngài bộ trưởng, tôi muốn hỏi ngài câu này. Sau khi Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Đông Dương, thì thế nào giới truyền thông báo chí, cũng có người muốn hỏi chúng ta rằng như vậy vấn đề Đông Dương đã xong chưa? Ngài sẽ trả lời thế nào?”

Kissinger cười, rồi trả lời: “Thưa tổng thống, giả thiết tòa Bạch Ốc mở một cuộc họp báo ở Vườn Hồng, nếu

có ký giả nào hỏi câu ấy, ngài hãy nhường cho tôi trả lời. Thưa ngài, tôi sẽ vỗ mấy cái vào cái cặp da truyền thống cũ kỹ của tôi, gần như một vật bất ly thân, cái cặp da luôn đầy cộm, nhưng chẳng hề đựng một văn kiện chính trị nào, nó thường đựng một vài tờ tạp chí, cuốn tiểu thuyết, cuốn sách nào đó mới xuất bản, để tôi đọc trong lúc chờ đợi... Như khi tôi chờ đợi máy bay cất cánh, chờ đợi hội kiến, chờ đợi một cái gì đó,... Vâng, thưa ngài, tôi sẽ trả lời rằng, thưa quý vị, mặc dầu bây giờ các lực lượng Đỏ đang làm chủ Đông Dương, nhưng vấn đề ấy vẫn chưa xong, nó vẫn còn nằm trong cặp da này!!! Như thế là đủ, thưa tổng Thống”.

Đến lượt Tổng thống nở nụ cười: “ Thế giới không bao giờ hiểu được Hoa Kỳ đang làm gì, sẽ làm gì, mà chỉ khi nào xong rồi, người đời mới có thể hiểu được. Có những sự kiện lịch sử, một trăm năm sau, chúng ta mới bạch hóa. Mặc kệ thế giới bình luận, thậm chí nguyên rủa! Hoa kỳ sẽ trở lại Đông Dương khi Hoa Kỳ muốn! Tôi đã theo cách của Gia Cát Khổng Minh, vạch thế tam phân ngay từ khi còn ở “lều tranh”. Ông ta đã trình bày cho Lưu Bị trước khi rời khỏi núi Nam Dương. Lưu Bị không thể làm được, nếu như không có Khổng Minh. Tôi cũng không thể làm được nếu như không có ngài. Ngài cứ nói dối...”

“Tổng thống cũng biểu đồng tình với tôi? Tổng thống ạ, đôi khi mình dối người, dối cả bản thân mình! Có lúc, tôi đã nghĩ đến người vợ cũ, nàng Ann Fleischer, hai đứa con đã có với nàng. Chúng tôi đã chung sống trong mười lăm năm, từ 1949 đến 1964. Rồi đổ vỡ, tôi tự hỏi lỗi tại ai? Tại tôi hay tại nàng? Hay tại thời đại này? Tôi đã đánh mất hạnh phúc của đời tôi, nếu như tôi khôn ngoan hơn một chút. Cũng như Mao, ông ta mơ ước được sống giản dị ở một thôn xóm hẻo lánh, nằm dưới chân cầu Đại Độ chẳng hạn. Dòng sông lạnh buốt ấy, thôn xóm đìu hiu ấy, một mái lá đơn sơ, có thể là hạnh phúc của một đời người. Nhưng dòng đời đầy dẫy,.... Cũng vậy, tôi chỉ thích sống ở một thành phố nhỏ, có Ann Fleischer bên cạnh, nhưng không sao thực hiện được, khó như lên Trời vậy! Giờ đây, tôi sống thì sống thôi. Như chơi vui giữa dòng,.... Tôi đã lao vào dòng đời, tôi đã làm con rắn cắn vó ngựa,

để cho kẻ cười ngã quì, mình lên cười ngựa. Rồi có con rắn khác cắn vó ngựa mình đang cười, mình quì ngã. Phải chăng đó là luật “mắt trả mắt, răng trả răng” (a fracture for a fracture, an eye for an eye, a tooth for a tooth) ? Hay “nhân quả trùng phùng”? Như Stalin giết người, ắt có người khác giết lại (Anyone who takes another person's life must be put to death) ? Khi Stalin đột quì, trùm mật vụ Beria ra lệnh chờ đợi, tới ba mươi tiếng đồng hồ sau mới được chữa trị. Không cách chi cứu được nữa!!! Tôi cũng có đôi khi, cảm nhận như Tổng Thống nói, có một thần lực vô hình chi phối. Phải chăng là oán thù từ thuở xa xưa báo ứng?”

Ngoại trưởng Henry Kissinger ngừng nói. Ông im lặng nhìn dãy hành lang dài mà có cảm tưởng như một con đường sâu hun hút. “Tôi đã trót ngồi trên lưng ngựa rồi, thưa tổng thống.”

Tổng thống Nixon cười nhỏ: “Đã đem thân vào đời, nhất là đem thân vào chính trường, thì hiểm họa “rắn cắn vó ngựa” càng dễ dàng xảy ra, càng khó tránh. Bản thân mình cũng khó không chơi trò “cắt vó ngựa dong ruổi đường dài”. Ấu là bản chất của cuộc chơi? Có đúng không? Hình như là không đúng, thưa ngài ngoại trưởng. Chúng ta phải làm lại! Cả loài người phải làm lại! Chính trị không phải là mưu mô xảo trá, không phải là bịp bợm, không phải là lợi dụng; mà chính trị phải là một cái gì đường đường chính chính, có đạo đức, có luân lý, có nhân nghĩa... Cho nên, tôi soạn thảo chiến lược toàn cầu hầu đưa nhân loại đến một trật tự mới. Nhưng thật ra, chỉ là đưa nhân loại về thuở xa xưa,... Thuở ấy, con người đối xử với nhau có tình có nghĩa, có tín, có trung,... Tôi nghe nói Trung Hoa thuở ấy, thuở Vua Nghiêu, vua Thuấn, nhà nhà không đóng cửa, vật rơi ngoài đường không ai nhặt. Ông Nghiêu, ông Thuấn cũng ra đồng đi cày ruộng như mọi người dân. Vua quan không bóc lột dân. Vua quan chỉ đứng ra làm công việc điều hành đất nước. Đây mới thực sự là “Chính trị”. Bây giờ, mọi sự đã đảo lộn lên hết cả rồi!!!”

Tổng thống Nixon làm một cử chỉ phác tay trong không khí, như một cách bày tỏ sự bất lực. Rồi tổng thống

đứng dậy: “Thôi, khuya rồi. Chúng ta về phòng nghỉ ngơi. Chúc ngài ngủ ngon”. Kissinger bắt tay ông, rồi quay bước, trước khi nói: “Chúc tổng thống ngủ ngon”. Nixon đứng yên nhìn theo cái vóc dáng khòm khòm của vị ngoại trưởng trên hành lang. Hình như ông ta đã có dấu hiệu mệt mỏi, già nua? Kissinger là người thuộc chi phái mà Gia Cóp tiên tri là đứa như “rắn cắn vó ngựa” thật sao? Mao Trạch Đông đã nói cho ông nghe về triều đại vua Nghiêu, vua Thuấn. Trung Hoa đã có những triều đại như thế, thật sao? Thông cáo Thượng Hải đã đưa ra rằng trong bảy ngày họp thượng đỉnh Trung- Mỹ, chúng tôi sẽ làm “thay đổi thế giới”. Ông cầm cuốn Kinh Thánh lên, cấp nó vào nách, rồi chậm bước trên hành lang. Có lẽ nào chính trường lại là một đấu trường giữa rắn và ngựa?. Mình đã trót cười trên lưng ngựa rồi, thôi thì cũng đành...!

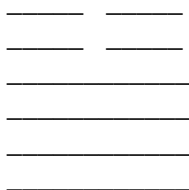
Hội nghị thượng đỉnh Trung- Mỹ đã thật sự kết thúc, và chỉ có một thông cáo ngắn gọn như thế.

(trích truyện dài Kim Tự Tháp)

HOÀNG NGỌC HIỀN

ĐỘC CHIÊU: " LỘNG GIẢ THÀNH CHÂN "

Trong kinh dịch, một trong vài quẻ làm tôi phải bận tâm suy nghĩ nhiều: quẻ LÔI THIÊN ĐỊA TRẮNG



Đó là quẻ số 34. Sấm động ở trên trời, vang đi rất xa, tượng sự lớn mạnh, nên cổ nhân gọi là đại trắng. Nhưng nhìn vào quẻ, tôi thấy hai hào âm lại ở trên bốn hào dương. Âm tượng tiểu nhân. Dương tượng cho quân tử. Nay hai hào âm để lên bốn tượng hào dương ở dưới, quân tử thịnh ở chỗ nào. mà gọi đại trắng được chớ? Thật là lạ lắm! Thế rồi đọc đại tượng, cổ nhân có lời răn quân tử: " Quân tử dĩ phi lễ phát lý "(tạm dịch: quân tử không phải lễ không làm).

Điều đó có nghĩa quân tử không được làm điều gì không phù hợp với lễ công chính của đạo lý, không được làm điều gì trái với lương tâm mình, trái với những điểm căn bản của đạo đức như nhân nghĩa lễ trí tín...và cũng không được giẫm chân lên luật pháp ở đời. Còn kẻ tiểu nhân ngược lại, nó sẵn sàng ra tay tàn độc! Trong quẻ Đại Trắng, có hai kẻ tiểu nhân đang ở vị trí hào ngũ và thượng, kẻ tiểu nhân ở thời đại trắng hay người quân tử ở thời đại trắng đây? Tôi không thắc mắc và cố công tìm hiểu sao được? Nhưng nếu thấy bốn hào dương dương tiến trong quẻ, tựa như một bầy dê mạnh tiến, tựa như một cỗ xe với bốn bánh xe mạnh...rõ ràng quân tử đang ở thời đại trắng.

Vậy có thể có điều gì nghịch lý chăng? Phải giải thích thế nào về cái nghịch lý ấy?

Thú thật, trong nhiều năm tôi đã suy nghĩ về quẻ Đại Tráng này mà chưa hề bằng lòng với cái giải thích của mình đưa ra. Thế rồi, trong thời gian gần đây, tôi có dịp đọc lại Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, tôi bỗng tìm ra cách giải thích nghịch lý trên. Đọc lại hai hồi thứ năm mươi bảy và năm mươi tám, tôi thấy cả kẻ tiểu nhân và quân tử đều ở thời Đại Tráng. Hai kẻ này đều phát huy tài năng đến chỗ kiệt xuất. Cái kiệt xuất của kẻ tiểu nhân là sử dụng được chiêu thức rất độc hiểm " mượn giả thành chân " để ra tay hại người và thực hiện ý đồ của mình. Và cái kiệt xuất của người quân tử là sử dụng cái chí nhu để hóa cái chí cương theo một lời nói của Lão Tử: " Lấy đạo chí nhu trong thiên hạ mà lừa đầy được những thứ chí cương ở trong thiên hạ. "

Tây Du Ký có thể cho tôi thấy rõ điều này. Con khỉ sói sáu tai đã sử dụng độc chiêu: " mượn giả thành chân ".

LỢI DỤNG THỜI THẾ ĐÚNG LÚC ĐỀ THI HÀNH ĐỘC KẾ:

Chẳng là vào lúc Tôn Ngộ Không bị Đường Tăng xua đuổi vì cái tính hung ác, giết người của Ngộ Không:

" Sư phụ, tại sao người lại xua đuổi con đi?

Tạm Tạng nói:

" Cái tuồng khi khôn khiếp nhà mi hung ác quá chừng, không phải là người đi lấy kinh. Hôm qua đã đánh chết hai tên cướp dưới sườn núi, ta đã trách mi là bất nhân. Khi ban chiều đến nhà ông trưởng giả, được người ta cho ăn ngủ, lại được người ta mở cửa sau thả cho chúng mình trốn đi thoát hết. Tuy con trai người ta chẳng lành, không can gì đến ta, cũng không được bêu đầu người ta. Huống chi lại đánh chết nhiều người, hủy hoại bao nhiêu sinh mạng, thương tổn bao nhiêu hòa khí đất trời. Mấy mươi lần khuyên ngăn mi không có một chút thiện niệm nào, cần mi làm chi nữa? Xéo ngay, chớ để ta đọc phải chân ngôn".

Hành giả sợ hãi chỉ cầu:

"Đừng đọc! Đừng đọc! Con đi đây !"

Đoạn lộn lên mây đi thẳng, mắt tích mắt tằm không thấy đầu nữa. (Tây Du Ký cuốn 2- Ngô Thừa Ân- Bản dịch của Thụy Đình- NXB.TP.HCM- trang 133)

Tôn Ngộ Không đi đâu? Nghĩ gì?

Hòa thượng rầu rĩ đi trên không, định trở về động Thủy Liêm núi Hoa Quả, lại e tiểu yêu trong động chê cười, rằng lượn quần mèo lại hoàn mèo, không phải chí khí đại trượng phu, muốn đi lên thiên cung, lại sợ trên thiên cung không cho ở lâu; muốn đi ra ngoài hải đảo, nhưng thấy ngưỡng với chư tiên nơi ba đảo; muốn xuống dưới Long Cung, lại không muốn luồn lụy cạnh Long Vương. Thực là không còn đâu nương tựa nữa. Hành Giả khổ cực trong lòng, lo lắng nói:

" Thôi! Thôi! Thôi! ta lại trở về với sư phụ mới là chính quả." (Sdd, trang 134)

Nỗi lòng Tôn Ngộ Không lúc này thật tan nát, khổ cực. Ai đã từng ở trong hoàn cảnh không biết đi đâu, không biết về đâu, không biết làm gì để sống, để nuôi thân, nuôi gia đình, đang đứng bơ vơ giữa đường, như hoàn cảnh của nhiều người chúng tôi, của quân cán chính chế độ Việt Nam Cộng Hòa sau ngày thất trận 30 tháng 4 năm 1975, bị đuổi ra khỏi nhiệm sở, không ai dám mượn mình làm việc sơ liên lụy, chúng tôi không biết phải đi đâu, về đâu?! Mình bỗng nhiên trở thành những kẻ tội đồ trên quê hương mình, bị xua đuổi, bị khinh rẻ. Tương tự như Tôn Ngộ Không đang bị xua đuổi kia! Ngộ Không suy tính, con đường trở về với sư phụ, đúng thật là chính quả. Nhưng Đường Tăng nhất định không tha thứ, không chấp nhận. Ngộ Không không còn cách nào khác, đành lên núi Phổ Đà kêu với Quan Âm Bồ Tát. Gặp Bồ Tát, Ngộ Không trình bày tự sự. Bồ Tát xét theo công luận cho là Ngộ Không bất nhân, bất thiện; và lưu giữ Ngộ Không ở đó, để xem việc lành dữ thế nào.

Lợi dụng thời điểm Ngô Không không có mặt bên cạnh Đường Tăng, yêu quái đã ra tay hành động. Quả thật, yêu quái biết chọn thời điểm đúng lúc.

YÊU QUÁI BIẾN RA NGÔ KHÔNG GIẢ GIẾT ĐƯỜNG TĂNG

(Sách đã dẫn, trang 139).

" Sư Phụ ngồi một mình, nhịn đói nhịn khát, rất đói khổ cực, đương vào lúc đau khổ chợt nghe thấy một tiếng kêu vang. Sư Phụ sợ sệt nghiêng mình ngoảnh lại, té ra là Tôn Hành Giả quỳ ở bên đường, hai tay bưng hai chén sành nói:

- Sư Phụ không có lão tôn, đến hộp nước thầy cũng không có mà uống. Một chén nước mát mẻ đây, thầy hãy uống một hộp cho đỡ khát, để con đi xin cơm.

Sư trưởng nói:

- Ta không uống nước của mi, dù có chết khát, cũng đành phó cho mệnh trời, ta không cần mi, mi xéo đi!

Hành Giả nói:

- Không có con, người không sang Tây Thiên được.

Tam Tạng nói:

- Sang được hay không, chẳng can chi đến mi! Con khi khôn kiếp, cứ đến quấy rối ta mãi thế hử!

Hành Giả liền trở mặt, đâm cẩu, phát tức, quát mắng lại sư trưởng:

- Cái tuồng trọc đầu khôn kiếp độc ác nhà ngươi đã mười phần khích ta!

Liền quẳng chén sành đi, giơ gậy sắt lên, nhằm lưng sư phụ xiết mạnh một cái. Đường Tăng ngất người ngã lăn ra đất, không nói được nữa, hai cái bao phục bằng nỉ xanh, bị y thò tay xách lấy, lộn lên trên mây đi đường nào mất.

Ngô Không giả mới "trở mặt" như thế được! Và mới "quát mắng" lại sư phụ được thế! Chớ Ngô Không thật chẳng dám thế đâu! Yên chí Đường Tăng đã chết, Ngô Không giả bèn lấy đi hai cái bao nỉ xanh, rồi thẳng đường đến núi Hoa Quả, động Thủy Liêm tiếp tục thi hành kế hoạch biến hóa ra Đường Tăng giả, cũng có Ngựa Bạch, Bát Giới, Sa Tăng

giả quỷ hành lý đi lấy kinh !!!

Nhưng may quá, Đường Tăng không chết! Bát Giới và Sa Tăng đi xin cơm về đến bên đường, đã thấy Tam Tạng úp mặt xuống đất, nằm trên rác bụi, ngửa bạch sở cương, nhảy nhót kêu thét bên đường, gánh hành lý không thấy tăm tích, chú ngọc mới tới gần, đỡ sư trưởng dậy: người tỉnh dần ra, rên rĩ hồi lâu mới quát mắng:

- Con khi khốn kiếp đánh chết ta!

Sa Tăng, Bát Giới hỏi:

- Con khi nào cơ?

Sư Trưởng không nói, chỉ ngồi than thở. Sau đó đòi nước uống mấy hớp, mới nói:

- Đồ đệ, Ngộ Không lại đến làng nhằng, ta dứt khoát không nhận, nó mới đánh ta một gậy, bao mực nỉ xanh bị nó cướp mất.

Bát Giới nghe lời, nghiêng răng ken két, phát cơn điên lên nói:

- Con khi khốn kiếp quá quắt, dám vô lễ đến thế!

(Sđd, trang 141, 142)

Thế là Đường Tăng, Bát Giới, Sa Tăng trúng kế " mượn giả thành chân " của yêu quái rồi! Thật là kế hiểm độc! Nhưng cũng phải nói rằng yêu quái phải có tài biến hóa, có khả năng không kém gì Ngộ Không mới có thể dùng kế này được. Bởi giả phải y như thật, không được phép sơ hở kế mượn giả mới có hy vọng thành công.

3/ KẾ HOẠCH CỦA YÊU QUÁI HAY LÀ CỦA NGỘ KHÔNG GIẢ HIỆN NGUYÊN HÌNH DƯỚI MẮT SA TĂNG

Đường tăng chấp thuận cho Sa Tăng đi đòi hành lý, lại cẩn thận dặn rằng nếu không đòi được, chớ có tranh cạnh, mà hãy đến nói Bồ Tát ở Nam Hải, đem việc ấy ra tố cáo, cầu Bồ Tát đến đòi lại. Sa Tăng lên đường.

" Sa Tăng tay quyết, cưỡi lên mây đến Đông Thắng Thần Châu. Sa Tăng ở trên không trung, đi luôn ba ngày đêm mới đến Đông Dương Đại Hải, chợt nghe tiếng sóng vỗ,

cúi đầu nhìn xuống, chính thức là mây tối rợp trời âm khí thịnh, bề xanh chần nằng ánh mai mờ. Y cũng chẳng lòng nào ngắm cảnh, nhắm núi Tiên, qua đảo Bồng Doanh, ngoảnh về hướng đông, thẳng đến địa giới núi Hoa Quả. Cười gió bẻ, lần nước triều một lúc nữa, đã trông thấy núi cao chót vót, vách thẳng chênh vênh, đến thẳng đầu non, hạ mây theo đường xuống núi, tìm động Thủy Liêm. Đi tới gần, nghe thấy ở trong núi có tiếng reo hò ầm ầm của vô số khí. Sa Tăng lại đến gần nhìn xem, té ra là Tôn Hành Giả ngất ngưỡng ngồi trên thạch đài, hai tay giang một tờ giấy, miệng sang sang đọc to.

Đọc hết một lượt, lại đọc lại lượt nữa. Sa tăng nghe biết là thông quan văn điệp, ném không được, tới gần lên tiếng gọi to:

- Sư huynh, anh đọc văn bản của sư phụ làm gì thế?

Hành Giả kia nghe nói, vội ngẩng đầu lên, không nhận được Sa Tăng bèn kêu:

- Bắt lấy! Bắt lấy!

Đàn khí ủa lên vây chặt, bắt Sa Tăng lồi lồi kéo kéo đưa tời trước mặt, y quát to:

- Mi là người nào, dám thiện tiện đến gần thiên động ta?

Sa Tăng thấy y trở mặt không chịu làm quen, đành phải châu lên làm lễ nói:

- Thưa trên có sư huynh, trước đây sư phụ quả có nóng tính, quả nhằm sư huynh, đọc chú mắt mấy lần, đuổi sư huynh về ở nhà. Một là chúng em chưa hề khuyên giải, hai là vì sư phụ đói khát phải đi tìm nước xin cơm. Sư huynh có lòng tốt trở lại, lại trách sư phụ giữ phép không cho ở, anh đã đánh ngã sư phụ chết ngất lăn ra đất, cướp lấy hành lý mang đi. Chúng tôi đã cứu sống sư phụ giờ đến đây cầu anh, nếu không giận sư phụ, còn nghĩ đến cái ơn ngày trước, sẽ cùng về với tiểu đệ mang hành lý về với sư phụ, cùng sang Tây Thiên làm tròn chính quả này, nếu oán hận còn sâu, không ưng trở về, muôn vạn trả lại bao phục cho em, anh ở lại núi sâu, vui cảnh bóng dâu, thực cũng là hai bên vẹn cả,

Hành Giả nghe lời, khanh khách cười nhạt nói:

- Hiền đệ, bài luận đó rất không hợp ý ta! Ta đánh Đường Tăng, cướp hành lý, không phải ta không sang Tây

phương, cũng không vì ta thích ở chỗ này. Giờ đây ta học thuộc điệp văn ấy, tự mình sang Tây Thiên bái Phật cầu kinh, đưa về Đông Thổ, một mình ta thành công, để cho ở Nam Thiên Bộ Châu lập ta làm tổ, lưu danh muôn đời.

Sa Tăng cười nói:

- Câu nói của Sư Huynh không đúng. Từ trước chưa một người nào nói: "Tôn Hành Giả lấy kinh". Đức Phật Như Lai dựng lên pho Tam Tạng Chân Kinh, trước kia để Quan Âm Bồ Tát sang Đông Thổ tìm người lấy kinh, cho chúng tôi trải khắp nghìn non, tìm hỏi các nước, bảo hộ người đi lấy kinh. Bồ tát đã từng nói người lấy kinh là môn sinh của Như Lai, hiệu là Kim Thuyền Trưởng Lão. Chỉ vì người không nghe Phật Tổ giảng kinh, truất ra khỏi Linh Sơn, chuyển về Đông Thổ, để người tu chính quả phương tây, sửa lại đạo lớn, phải chịu biết bao ma chướng ở dọc đường, giải thoát cho ba chúng ta để đi hộ vệ người. Anh mà không đi cùng với Đường Tăng, Phật Tổ bao giờ lại truyền kinh cho anh, chẳng hóa ra lại uổng cả sự suy tính ư?

Hàng Giả kia nói:

- Hiền đệ, hóa ra chú vẫn tối tăm, chỉ biết một đường mà không biết hai đường. Kể như chú nói là chú có Đường Tăng để cùng với tôi bảo hộ, dễ thường tôi không có Đường Tăng sao? Đây, tôi đã kén một vị chân tăng có đạo tại vùng này tự đi lấy kinh, một mình lão Tôn đi phù trì, có gì là không được! Tôi đã chọn được ngay, đến mai tất cả cùng lên đường. Chú không tin, để tôi mời Đường Tăng ra cho chú xem. Liên nói:

- Chúng con đâu, mời ngay lão sư phụ ra đây!

Đàn yêu chạy vào trong, dắt ra một con ngựa bạch, mời ra một vị Đường Tam Tạng, một Bát Giới theo sau, một Sa Tăng quảy hành lý, cầm cây tích trượng.

Sa tăng trông thấy tức giận nói:

- Lão Sa đây, đi không tên thay, ngồi không đổi họ, lẽ đâu lại có một Sa hòa thượng nữa! Không được vô lễ, hay coi trượng của ta. Sa Tăng hai tay giơ trượng hàng yêu nhằm chính đầu Ngô Không giả, đánh xuống một nhát, nguyên là một con tinh khí.

Hành Giả kia phát cẩu, múa gậy bịt vàng đem đàn khi vây

Sa Tăng lại. Sa Tăng đông xung tây đột, đánh ra ngoài đường, cuối lên mây trốn thoát nói:

- Con khi khốn kiếp quỷ quyệt, ta đi cáo với Bồ tát đây!"

(Sdd trang 144, 147)

Thế là sa Tăng đã đánh chết một con khi, trông thấy Đường Tam Tạng giả, Bát Giới giả, ngựa bạch giả, và cả Sa Tăng giả; tuy nhiên chưa biết Hành Giả đó là Tôn Ngộ Không giả. Sa Tăng thẳng đến Nam Hải, được Mộc Xoa đón đưa vào gặp Bồ Tát.

"Sa Tăng sụp người xuống lạy. Lạy xong, ngẩng đầu vừa sắp tổ cáo việc trước, chợt nhìn thấy Hành Giả đứng ở bên cạnh, không còn kịp nói nữa, liền giơ trượng hàng yêu nhằm thẳng mặt Hành Giả đánh tới. Hành Giả cũng không đánh lại, chỉ né mình tránh.

Sa Tăng miệng thì quát mắng âm ỉ:

- Ta cho mi là cái giống khi khốn kiếp phạm tội ác lại còn đến đây ám ảnh Bồ tát.

Bồ tát quát nói:

- Ngộ Tĩnh, không được quá tay, có việc gì hãy nói với ta trước.

Sa Tăng liền thu bảo trượng lại, lạy hai lạy ở dưới đất, tức hậm hực nói với Bồ Tát."

(Sdd, trang 147, 148)

Sau đó Sa Tăng thuật lại sự việc ở động Thủy Liêm như trên. Nghe xong, Bồ tát nói:

" Ngộ Tĩnh, đừng có đổ oan cho người. Ngộ Không đến đây đã được bốn ngày. ta vẫn chưa từng thả cho y về, làm gì có chuyện y mời đường tăng khác, tự mình đi lấy kinh được."

(Sdd, trang 148)

Sa Tăng cho biết, hiện có một Tôn Hành Giả ở động Thủy Liêm. Bồ Tát liền cho Ngộ Không cùng đi với Sa Tăng đến động Thủy Liêm để tìm hiểu hư thực thế nào. Cuối cùng, quả nhiên Ngộ Không thấy có một Tôn Ngộ Không giả ở đây.

" Hai người ở trên mây bước xuống, xem xét bên ngoài động quả có một Hành Giả, ngồi ở trên thạch đài cao cùng với bảy khi uống rượu làm vui, hình dạng chẳng khác gì

Đại Thánh, cũng tóc vàng thắt vành vành, mắt vàng con người lửa, trên mình cũng mặc áo vải bông dài, dưới mặc quần da hổ, trong tay cũng cầm một cây gậy sắt bịt vàng, dưới chân cũng giắt đôi giày da hươu. Cũng mặt lông, mồm lông công thể vậy, nét mặt khác sao thô, tai bẹp. trán rộng, răng nhọn chìa ra ngoài. Đại Thánh phát câu...." (Sdd, trang 150)

Thật là yêu quái tuyệt vời! Nó đang tiến hành kế " lộng giả thành chân" thật tài tình! Phải có bản lĩnh, tài ba, mưu lược,thủ đoạn, mới có thể thực hiện được kế này vậy!

4/ TÔN NGỘ KHÔNG GIẢ BỊ TÔN NGỘ KHÔNG THẬT ĐÁNH CHẾT

Thế là hai Tôn Ngộ Không đánh nhau!

Vừa đi vừa đánh, thắng tới Nam Hải, đến núi Lạc Già...làm kinh động Bồ Tát, Mộc Xoa Hành Giả, Thiện Tài Đồng Tử và Long Nữ đều ra xem hai Tôn Ngộ Không đánh nhau, cũng không phân biệt được, bèn ra lệnh đưa lên Thượng giới nhờ phân biệt. Ngọc Hoàng cũng không phân biệt được, bèn đuổi ra khỏi điện. Hai người đến chỗ Đường Tăng, sư phụ cũng không nhận ra được thực giả. Hai Tôn Ngộ Không đến chỗ Diêm La, ở đó cũng không tìm ra giả thực. Sau tới núi Linh Thú của Phật Tổ Như Lai. Tới đây, Như Lai mới biết Ngộ Không giả là khỉ sáu tai. Con di hâu này toan chạy, nhưng Như Lai cầm bát tộ vàng tung lên trên... Con di hâu biến thành con ong mật và bị bát tộ vàng chụp úp. Khi Như Lai mở bát tộ ra, nó hiện nguyên hình bản tướng là một con khỉ sáu tai. Tôn Đại Thánh không nhìn được, giờ gậy sắt lên, đánh vào đầu nó một cái chết quay.

Kế " Lộng giả thành chân" của yêu quái hoàn toàn thất bại!Nhưng con khỉ sáu tai đó đã to gan lớn mật, tham vọng quá lớn, đã dám giở thủ đoạn này làm cho thầy trò Đường Tăng bị một phen thất điên bát đảo. Một sơ hở lớn của thầy trò Đường Tăng đó là mối bất hòa giữa Đường Tăng và Ngộ Không mà yêu quái đã lợi dụng được đúng lúc, nhảy

vào thi hành kế của nó. Kế này kể độc, nếu lúc ban đầu nó ra tay mạnh hơn ắt đã gây thương vong cho Đường Tăng rồi!!! Tuy xui xẻo, nhưng cũng còn may mắn giữ được cái mạng để tiếp tục cuộc hành trình về phương tây,

Tôn Ngộ Không trước kia cũng đã sử dụng độc chiêu này để đánh bại Hắc Hùng Tinh ở núi Hắc Long, động Hắc Phong (hồi thứ 17). Khi Ngộ Không đi cùng Bồ Tát đến núi Hắc Phong bắt yêu quái ở đó, hầu lấy lại áo cà sa cho Đường Tăng, trên đường đi, Ngộ Không chợt thấy một gã đạo nhân từ trong sườn núi đi ra, tay bưng một cái khay bằng pha lê, trong khay để hai viên tiên đơn...Lập tức, Ngộ Không giở luôn gậy sắt ra, nhắm đúng đầu giáng cho một phát chết ngay. Bồ Tát mới lên tiếng trách Ngộ Không hung hãn, Hành Giả xách đạo nhân lên xem thì ra một con chó sói màu gio! Cạnh đó có một cái khay dưới đáy khắc chữ: " Lãng Hư Tử Chế". Ngộ Không bèn hiến ngay kế " Lộng giả thành chân" lên Bồ tát để hạ Hắc Đại vương.

"- Khay ấy đã khắc " Lãng Hư Tử Chế" thì chắc rằng đạo nhân gọi là Lãng Tư Hử, Bạch Bồ tát, nếu người y lời đệ tử, xin người biến ra đạo nhân, đệ tử thì nuốt đi một viên đơn, biến ra một viên to hơn một chút. Bồ Tát sẽ bưng khay đựng hai viên đơn đến mừng thọc con yêu ấy. ta nhường viên to cho nó, đợi khi nó bỏ vào miệng nuốt, Lão Tôn sẽ ở bên trong làm việc, nếu nó không chịu trả lại cà sa, Lão Tôn sẽ đem gan ruột nó cuộn vào nhau lôi ra. Bồ tát không có mẹo gì khác, phải gặt đầu y lời " (Tây Du Ký, cuốn 1, trang 325)

Đó là kế Bồ Tát giả làm con yêu quái đạo nhân Lãng Hư Tử để lừa Hắc Đại Vương. Đó là kế " mượn giả thành chân ". Mưu kế này của Ngộ Không và người thi hành kế là Quan Âm Bồ Tát. Bởi thế cho nên khi Bồ tát biến hóa thành Lãng Hư tử, Ngộ Không đã nhìn nói: "Đẹp quá! Đẹp quá! Thế là Bồ Tát là yêu tinh hay yêu tinh là Bồ Tát?" (Sách dẫn trên, trang 325). Kế " Lộng giả thành chân" biến hóa khôn lường. Người hoặc thánh nhân biến hình thành yêu tinh để thi hành kế " lộng giả thành chân". Yêu tinh cũng biến hình thành người, thành thánh nhân để thi hành

kể ấy.

Trở lại quẻ Lôi Thiên Đại Tráng, tôi mới thấy rõ rằng tiểu nhân hay quân tử, người nào kẻ nào cũng có thể có được thời đại tráng của mình. Ai thiện? Ai ác? Bồ tát kia cũng còn dùng kể "lộng giả thành chân" để hại Hắc Đại vương, buộc nó phải hiện nguyên hình con gấu đen, đem nó về giữ núi Lạc Giả. Con khi sáu tai biến hóa thành Ngộ Không, có gì đáng trách? Có lẽ còn phải khen nó có tài cao mới tung được độc chiêu "lộng giả thành chân"!!! Về quẻ Đại Tráng, cụ Phan Bội Châu viết:

"Cổ nhân có câu: đắc ý thường ty thất ý thì. Nghĩa là: hoi đã đắc ý, càng nên phải nghĩ đến khi thất ý. Tòng lai, tiểu nhân sở dĩ hãm hại quân tử, thường rình ngó ở lúc quân tử đắc ý, mà vạch lá tìm sâu, ngậm cát phun vào mặt, nên quân tử càng phải khủng tu tỉnh lắm" (Chu Dịch, Phan Bội Châu, NXB Xuân Thu, cuốn 2, trang 626).

Quẻ Đại Tráng trong Kinh Dịch và kể "Lộng Giả Thành Chân" trong Tây Du Ký xem ra là những bài học quý báu vô cùng, nhất là cho người quân tử cẩn trọng để tránh thất bại, phong ngừa gian trá.

(trong *"Cuộc Hành Trình Thỉnh Kinh - Đọc Tây Du Ký"*, tác giả xuất bản 2014)

VĂN LIỆU ĐẶC BIỆT

Về giải Bút Việt năm 1974 và một E mail của nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Lời Tòa Soạn: Để làm sáng tỏ lời buộc tội của nhà văn Nguyễn Mộng Giác về lý do tại sao cuốn truyện dài “Đường Một Chiều” của ông bị “quấy phá” bởi tạp chí Văn Học cũng như giúp những nhà nhận định phê bình có tài liệu tham khảo, chúng tôi đăng ba bài có liên quan đến vụ phát giải thưởng này :

1. Ghi nhận của Nguyễn Vy Khanh về giải Bút Việt 1974
2. Bài viết của Hoàng Ngọc Tuấn khen ngợi vụ phát giải
3. Bài viết của Nguyễn Tử Năng công kích vụ phát giải

NGUYỄN VY KHANH

GHI NHẬN VỀ GIẢI BÚT VIỆT 1974

"...Nhân đây chúng tôi ghi lại một số sự kiện về giải thưởng này. Theo Nhà văn Nhật Tiến, thành viên Hội Đồng Tuyên Trách giải Bút Việt 1974, thì “không có vụ tranh cãi gì trong việc tuyển chọn giải thưởng Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác trong năm này” (email 25-9-2008 gửi chúng tôi). Như vậy, sau khi giải được công bố thì mới có đôi tiếng phản đối hay phê phán cuốn *Đường Một Chiều*. Phía ‘chống’ gồm Nguyễn Tử Năng (tạp-chí *Văn Học*), Nguyễn Quốc Trụ (*Thời Tập*), còn phía ‘thuận’ thì

chỉ có bài viết của Hoàng Ngọc Tuấn (tác giả HNLTÝ) đăng lại trên *Thời Tập* và bài tường trình trên Bách Khoa của Thế Nhân (*Bách Khoa* số R*, 11-1974). Nguyễn Tử Năng trong bài viết "Tiểu thuyết Đường Một Chiều của Nguyễn Mộng Giác và sự tuyển trạch của trung tâm Văn Bút..." (*Văn Học* (SG), 197, 1974, tr. 75-82) đã ghi nhận rằng lúc bấy giờ trên nhật báo *Chính Luận*, một người dưới bút hiệu Thu-Thủy đã phê giải không xứng đáng [nguyên văn: “ĐMC không thể là một tác-phẩm đúng với ý nghĩa của một tác-phẩm xét theo cả hai mặt hình-thức lẫn nội-dung. Bởi vậy cho nên người ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông V.P. từ bao lâu hằng muốn ông Nguyễn Mộng Giác nhưng “ĐMC” chẳng đáng giá gì cả, dù có muốn có “bóc” cũng không nổi, nên trên nhật báo *Chính Luận*, dưới bút hiệu Thu Thủy, ông V.P. cũng chỉ làm được cái việc đánh bùn sang ao thôi. Kể ra ông P. cũng khôn hơn ông Tuyền, nên nể tình “đồng bạn đồng chí” vẫn không dám vót và cố vót để khoác thêm giây vào mình mà không lợi lộc gì...” (Bđd, tr. 81)]. Còn Hoàng Ngọc Tuấn (tác giả *Hình Như Là Tình Yêu*) trên tạp chí *Thời-Tập* (15, 30-11-1974, trích đoạn bài đã đăng trên *Bách Khoa* số IV-XIX, 20-12-1974) đã khen phục NMG "sáng tác rất công phu", "kỹ thuật cao và khéo léo ... đích thực là một tác phẩm văn chương đúng nghĩa" (tr. 79) khiến Nguyễn Quốc Trụ phải lên tiếng phê bình kỹ thuật viết truyện (*Thời Tập*, 18-19, Xuân 1975, tr. 117). Bài viết của Hoàng Ngọc Tuấn trên tạp chí *Bách Khoa* số IV-XIX (20-12-1974), cho thấy là Nguyễn Mộng Giác có chỉ trích những cây bút hiện sinh thời đó hay lập dị, làm đáng, nên có thể khiến họ thù ghét mà ghét lây cả cuốn sách được giải: "... Điểm đáng đề cao hơn nữa của truyện Đường Một Chiều, là thêm một lần nữa chứng tỏ cái ý hướng trách nhiệm của tác giả đối với xã hội. Truyện của Nguyễn Mộng Giác bao giờ cũng từ chối làm chiều lòng những kẻ trưởng giả giàu sang, ăn chơi phè phỡn, hưởng thụ chán chê rồi học đòi triết lý thời trang rằng cuộc đời là hư vô, phi lý, buồn nôn (...) Và đáng quý thay, các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác từ trước tới nay đã phủ nhận và không tham gia vào trò chơi chữ nghĩa triết lý phòng trà đó". Ngoài lý do khả thể vừa

kể, nhà văn Nguyễn Mộng Giác còn cho chúng tôi biết, qua email ngày 1-10-2008, cuốn Quốc Lộ 13 của Tô Vũ (Lê Vĩnh Thọ) vì thua phiếu nên nhóm Văn Học “quậy phá” trên tạp chí Văn Học và Phổ Thông. Trong các email trao đổi nói trên, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho biết nhà văn Võ Phiến xác nhận với ông rằng “bút hiệu Thu Thủy trước đây tòa soạn Bách Khoa dùng chung cho những bài điểm sách, có khi là Vũ đình Lưu, có khi là Vũ Hạnh, có khi là Võ Phiến. Nhưng có một lần có bài Thu Thủy khen sách Võ Phiến làm nổi lên dư luận là VP tự khen mình, nên ông Lê Ngộ Châu đã loan báo trên Bách Khoa là từ nay tòa soạn không dùng bút hiệu chung ấy nữa. Từ đó về sau, rất xa trước 1974, không ai dùng bút hiệu ấy nữa” và “VP không bao giờ viết những bài điểm sách hay phê bình văn học trên Chính Luận”. Chúng tôi, NVK, ghi nhận sự kiện văn-học này như một chi tiết thư-tịch và văn-học sử, như bao sự kiện, biến cố khác trong tập nghiên cứu về Văn-học Miền Nam này, đã xảy ra và có thể người trong cuộc không muốn nhắc đến. Ngoài ra có chi tiết đã không giống như đỉnh chính: Tạp-chí Văn số đặc-biệt “tiểu-thuyết và văn-chương Võ Phiến” tháng 8-1974, khi cho biết VP còn có bút hiệu Tràng Thiên đã nhắc lại mình xác của tạp-chí Bách Khoa 306, ngày 1-10-1969, rằng tòa soạn BK có những bút hiệu dùng chung như Thế Nhân, Tràng Thiên, Thu Thủy. VP từng ký Tràng Thiên và Tràng Thiên cũng là Nguyễn Ngu Í, Vũ Hạnh, v.v. Công việc nghiên cứu văn-học cho tôi nhận xét, ngoài hiện-tượng chiếu trên chiếu dưới và áo thụng vái nhau còn có vấn-đề địa lý: người cùng gốc gác thường thiên lệch trong phê phán, nhận xét và thường theo chiều thuận lợi trong trường hợp Võ Phiến, nhưng cũng trường hợp Võ Phiến có yếu tố nghịch, tức là hạ kẻ khác dù cùng gốc gác để đứng cao một mình một chắt – trước 1975 có chuyện giải Văn Bút nói trên, sau 1975 ở hải-ngoại thì hình như cũng thế (...)

(nguồn: Internet)

Hoàng Ngọc Tuấn (1947-2005)

Chào mừng Hội Văn Bút Việt Nam nhân ngày
trao Giải thưởng truyện dài 1974 cho tác phẩm
ĐƯỜNG MỘT CHIỀU của nhà văn
NGUYỄN MỘNG GIÁC

Thưa Quý Hội,

Được biết qua báo chí, Hội đồng tuyển trạch của Quý hội quyết định chọn trao cho tác phẩm Đường Một Chiều của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, giải nhất Bộ Môn truyện dài 1974 do Hội Văn Bút Việt Nam tổ chức.

Ở nơi xa, rất tiếc tôi không có mặt để chia vui cùng Quý Hội và tác giả đoạt giải trong buổi lễ trao giải tổ chức vào ngày 15 tháng 11 năm 1974. Là một người lâu nay cũng theo đuổi việc sáng tác văn nghệ và thường theo dõi những hoạt động liên tục và thực tiễn của Quý Hội, tôi xin mạn phép gửi những lời chào mừng nồng nhiệt nhất của tôi đến Quý Hội và nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong ngày mà tôi dự đoán là có sự họp mặt rất đông đảo của quý vị văn nghệ sĩ Việt Nam nói chung và hội viên của Quý hội nói riêng.

Một lời chào mừng có lẽ trở thành khách sáo và thừa thãi nếu không kèm theo những cảm nghĩ, ý kiến chân thành và xây dựng của mình gửi đến những người mình muốn chào mừng. Những lời sau đây của tôi gửi đến Quý Hội cũng vì lý do đó.

Trước hết tôi xin thành thực ca ngợi và chia mừng cùng Quý Hội về sự lựa chọn tác phẩm trúng giải. Ca ngợi, vì một tác phẩm xứng đáng như Đường Một Chiều, khi đoạt giải nhất, đã chứng tỏ một tinh thần thưởng ngoạn và thẩm định văn chương rất tinh tế của Quý Hội. Chia mừng, vì khi tác phẩm đoạt giải là một tác phẩm có giá trị thực sự,

thì uy tín của cơ quan trao giải, của Quý Hội, đã tăng thêm rất nhiều.

Vì không có gì đáng buồn hơn khi người ta không tìm ra được một tác phẩm nào xứng đáng để trao giải. Và càng tệ hơn nữa, càng đáng buồn và xấu hổ hơn nữa, nếu người ta vì một lý do tình cảm riêng tư nào đó, phải trao giải cho một cuốn sách không xứng đáng. May mắn thay, năm nay, 1974, Quý Hội đã tránh được điều đáng buồn đó.

Tôi đã hân hạnh được đọc bản thảo truyện dài Đường Một Chiều của Nguyễn Mộng Giác. Theo tôi, đó là một tác phẩm được sáng tác rất công phu. Say sưa mà vẫn thận trọng, đầy cảm hứng mà vẫn tiết chế, cô đọng bằng một kỹ thuật cao và khéo léo, nội dung chứa nhiều ý tưởng phong phú mà hình thức vẫn gọn gàng, lời cuốn. Những đặc điểm đó khiến Đường Một Chiều đích thực là một tác phẩm văn chương đúng nghĩa.

Tác phẩm ấy đặt độc giả trước một bi kịch. Bi kịch của con người bị đứng trước, bị đẩy đưa trên con đường chỉ có một chiều, không thể, và có lẽ không thể bởi vì yếu đuối không tìm ra một chiều đi khác, một lối thoát nào khác, cũng không thể dừng lại hay quay đầu trở ngược chiều chạy trốn. Và cuối cùng, con đường một chiều ấy đã dẫn nhân vật chính của câu chuyện đến tội ác. Sau đó, người tội nhân trẻ tuổi (đáng thương hay đáng ghét?) không đợi sự trừng phạt của luật pháp, y tự sát (hối hận? sợ hãi? hay thất vọng?)

Truyện của Nguyễn Mộng Giác thường đặt ra cho người đọc những câu hỏi, tác giả không trả lời, chính mỗi người chúng ta, nếu chúng ta là những độc giả không ngại phải băn khoăn suy nghĩ khi đọc sách thì chính mỗi người trong chúng ta sẽ tự tìm lấy câu trả lời riêng cho mình.

Trang cuối cùng của truyện Đường Một Chiều khép lại cuốn sách, đồng thời mở ra những thao thức mới. Định mệnh hay trách nhiệm của hành động tự ý ? Tính dục hay tình yêu ? Có tội hay vô tội ? Thù hận hay tha thứ ? Công lý sáng suốt hay chỉ là sự trừng phạt máy móc đoán ? Những câu hỏi đó có lẽ một ngày kia sẽ đối diện thách

thức trước mặt chúng ta, nếu chúng ta chẳng may đã bị đi trên con đường một chiều, như nhân vật trong truyện. Hay có thể giữa thời đại tù túng, gắt gao, bạo tàn này chúng ta đã phải đi trên con đường một chiều đó rồi.

Điểm đáng đề cao hơn nữa của truyện Đường Một Chiều, tác phẩm thứ 5 của Nguyễn Mộng Giác, là thêm một lần nữa chứng tỏ cái ý hướng trách nhiệm của tác giả đối với xã hội. Truyện của Nguyễn Mộng Giác bao giờ cũng từ chối làm chiều lòng những kẻ trưởng giả giàu sang, ăn chơi phè phỡn, hưởng thụ chán chê rồi học đòi triết lý thời trang rằng cuộc đời là hư vô, phi lý, buồn nôn.

Hư vô chỉ là một trạng thái có thực đối với những người bất hạnh, mất hết tất cả vì cuộc chiến tranh đẫm máu tương tàn đang tiếp tục từng ngày, gieo rắc sự hủy diệt giữa lòng đất nước.

Phi lý chỉ là một nhận thức đích thực đối với những người khốn khổ gặp hết sự bất trắc này đến họa nạn khác, bị giáng xuống trên đầu hết tai ương này đến tang tóc khác vì chiến tranh.

Buồn nôn chỉ là một cảm giác thực sự đối với những người bị chứng kiến, hoặc không sợ hãi trốn tránh quay mặt đi, mà can đảm chứng kiến tận mắt như một chứng nhân, những cái chết đau thương tức tưởi, những đổ vỡ kinh hoàng, những tội ác nhầy nhụa của chiến tranh và vì chiến tranh. Những tiếng hư vô, phi lý, buồn nôn, chỉ có nghĩa thực sự khi phát xuất từ trái tim của những con người bị đầy đọa như thế. Bằng không, nó chỉ là những sáo ngữ của tiểu thuyết phóng tác, nhai lại những sản phẩm nhập cảng mờ ám và trái phép để lờn bịp trẻ con.

Và đáng quý thay, các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác từ trước tới nay đã phủ nhận và không tham gia vào trò chơi chữ nghĩa triết lý phòng trà đó. Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác có một nội dung gắn liền với đời sống và tình cảnh quần bách của những con người bị đeo một số phận nghiệt ngã, đang vùng vẫy kêu cứu giữa cả một cộng đồng nhân sinh cùng chung một nỗi khổ khó vì chính chiến.

Nói rõ hơn, văn chương của Nguyễn Mộng Giác đứng cùng phía hướng đến và nhằm phục vụ khối đa số quần chúng bất hạnh trong xã hội VN ngày nay. Sự phục vụ

quần chúng, phục vụ con người của tác giả có đem lại kết quả mỹ mãn hay không qua những tác phẩm văn chương? Điều đó có lẽ không tùy thuộc vào riêng tác giả mà tùy thuộc đến vấn đề chung là sức mạnh của văn chương liệu có thực hiện thành công ý hướng tốt đẹp đó hay không?

Đây là một vấn đề cốt yếu và rộng lớn không thể bày giải hay trả lời trong một vài lời ngắn ngủi. Đối với những nhà văn chân chính, chỉ cần biết một điều này: là dầu cho sứ mệnh văn chương có được hoàn tất ở cuối đường hay không, điều đáng quý hơn cả là biết và dám nhận lãnh sứ mệnh đó ngay trong phút khởi hành ở đầu đường.

Thưa Quý Hội,

Tôi rất tiếc những lời trên đây của tôi chắc là không được đưa ra thêm một ý kiến nào mới lạ hơn ý kiến của Quý Hội khi nhận định về tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác. Và nhận định của Quý Hội thì đã được biểu lộ một cách hùng hồn hơn bất cứ những lời lẽ văn hoa nào, chỉ với một sự lựa chọn trao giải văn chương năm nay cho tác phẩm Đường Một Chiều của Nguyễn Mộng Giác.

Thưa Quý Hội,

Lời chào mừng của tôi xét ra có thể chấm dứt nơi đây nếu thời cuộc nước nhà hiện nay không xảy ra những biến cố rất lớn, mà đáng mừng thay, Quý Hội hiện đang đóng một vai trò quan trọng trong cuộc vận động chung. Tôi muốn nói công cuộc tranh đấu đòi hỏi quyền tự do sáng tác, tự do báo chí, tự do xuất bản mà Hội Văn Bút Việt Nam đang liên kết chặt chẽ với các đoàn thể khác tại Việt Nam.

Tôi rất tiếc không nhớ rõ chi tiết bản Hiến Chương của Hội Văn Bút thế giới, hay Hiến chương về Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Nhưng tôi chắc chắn là bất cứ một bản Hiến chương nào, bất cứ một Tuyên ngôn nào của bất cứ một tổ chức nào nếu muốn có đủ uy tín để quy tụ mọi người thì điều kiện tiên quyết là phải đòi hỏi cho con người quyền Tự do Tư tưởng.

Quý Hội đang tranh đấu cho quyền Tự do Tư tưởng. Tôi hân hoan vui mừng trước cuộc tranh đấu đó và thành thật cầu chúc Quý Hội thành công. Vì sự thành công của Quý

Hội chắc chắn sẽ đem lại một làn gió mới và làm phục sinh hoạt động văn hóa nước nhà. Với quyền tự do sáng tác, xuất bản báo chí, văn hóa văn chương Việt Nam chắc chắn sẽ phồn thịnh phát triển tương xứng với sự làm việc của các văn nghệ sĩ chứ không ẻo lả, mờ nhạt, kém cỏi một cách bất công như hiện nay. Nghĩa là dầu cho các văn nghệ sĩ có nỗ lực làm việc đến đâu, mà nếu không được tự do xuất bản thì công lao của họ, tác phẩm của họ cũng sẽ mãi mãi bị vùi dập một cách oan uổng trong bóng tối hay chỉ được xuất hiện dưới dáng vẻ khập khiễng, thiếu hụt, trái ý một cách đau lòng cho những kẻ sáng tạo.

Bốn ngàn năm văn hiến của nước Việt Nam không phải là một món đồ cổ bám đầy bụi bặm, mỗi năm đôi ba lần lại được khiêng ra, cho vào trong những bài diễn văn bóng bẩy. Bốn ngàn năm văn hiến ấy chỉ có nghĩa, chỉ là một niềm hãnh diện thực sự khi được chúng ta, những người hoạt động trong lãnh vực văn hóa và sáng tác nghệ thuật ngày đêm cố gắng làm việc để tiếp nối. Ngược lại, những người cứ nhắc nhở mãi đến bốn ngàn năm văn hiến, mà một mặt lại ngăn chặn, cắt bỏ những tác phẩm nghệ thuật là chất liệu nòng cốt để xây dựng văn hiến thì dầu cho là cắt bỏ một phần, một đoạn cũng vẫn giống như là chỉ cắt bỏ một con số 4 trong hàng số 4.000 năm đó. Những người đó phải chịu trách nhiệm nặng nề đối với con số không to tướng của nền văn hóa nước nhà.

Thưa Quý Hội,

Đến đây thì những lời chào mừng của tôi gửi đến Quý Hội mới thật sự xét ra nên chấm dứt thật. Xin kính chào Quý Hội, Quý vị văn nghệ sĩ hiện diện và nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người mà hiện đang nhận lãnh vinh dự trong ngày hôm nay, cũng là nhờ ở một tinh thần làm việc hăng say và một tấm lòng tha thiết đối với văn nghệ rất đáng ca ngợi.

HOÀNG NGỌC TUẤN Qui Nhơn ngày 3-11-1974

(nguồn: DIENDANTHEKY.NET)

NGUYỄN TỬ NẰNG

Tiểu thuyết “Đường Một Chiều” của Nguyễn Mộng Giác và sự tuyên trạch của trung tâm Văn Bút...

Một quyển tiểu thuyết lẽ ra không nên nhắc đến cho tốn giấy hao mực, cho nhảm tai độc giả trong lúc thời cuộc quá ư rối ren lộn xộn này, nhưng “chẳng đáng dừng”... là cuốn “Đường Một Chiều” của nhà giáo kiêm nhà văn Nguyễn Mộng Giác mới trúng giải truyện dài năm 1974 của Trung tâm Văn Bút mà khi xuất bản, tác giả đã đổi tên là “Bóng thuyền say”.

Nội dung tác phẩm này ra sao?

Ông Phạm viết Tuyên vừa là tổng thư ký Văn Bút vừa là giám khảo trong Hội đồng tuyển trạch – (người được kẻ lãnh giải tôn xưng là một vị chủ nhiệm nhật báo chống Cộng “tự do” rất có uy tín bởi được niềm tin ở chính nghĩa giúp cho rất nhiều từ sau cuộc di cư vĩ đại) – đã tóm lược như sau:

“Một thiếu tá chờ suốt mấy ngày ở sân bay gần mặt trận bởi bức điện tín vợ chết, không biết là tin thực hay giỡn? Về tới nhà, gặp cô con gái riêng của vợ, và lũ con đại nây thơ trước bàn thờ vợ, mà vẫn chưa thể ngờ rằng vợ đã bị giết. án mạng đã xảy ra do chính hạ sĩ Ninh, người tài xế mà ông bà Thiếu tá vẫn thương như một người em. Thiếu tá Lộc hỏi hỏi trả lời những câu hỏi cung dồn dập gọi ra nhiều giả thuyết của một Trung úy quân cảnh tư pháp. Sự thực đã sáng tỏ ra sao khi Thiếu tá Lộc từ chiến trường được trát đòi trở về lần sau để ra làm nhân chứng tại Tòa án mặt trận xử vụ hạ sĩ Ninh mưu toan hiếp dâm và cố sát bà Thiếu tá Lộc. Những khía cạnh bất ngờ do lời thú tội của Ninh, lời buộc tội của công tố viện, lời gỡ tội của

luật sư, những lời chứng khác biệt hay trái ngược nhau của các nhân chứng, tất cả chỉ cho thấy một chuỗi những sự kiện thực tế đã đôi phen đứt đoạn và gây hoang mang cho Thiếu tá Lộc cũng như cho cô con gái riêng của bà Lộc là Ly, 14 tuổi, người độc nhất chứng kiến màn bi kịch Ninh giết bà Lộc, phiên tòa sôi nổi còn phải kéo dài, còn phải gác tới hôm sau, thì đêm ấy, bất ngờ Ninh tự sát trong lao, khiến(vài chữ không rõ).... phiên tòa họp lại buổi sáng hôm sau. Và sau khi được cha kể báo tin vào buổi trưa là Ninh đã tự tử, Ly đã đột ngột bỏ nhà trốn đi lúc vừa dứt giới nghiêm sáng ngày hôm sau nữa, để vương lại trong tủ áo xáo trộn một mẩu giấy nháp nhật ký ghi việc “chú Ninh” đã tặng Ly một cuốn “Hình như là tình yêu.”

Nói vắn tắt, đây là một truyện dài được kết cấu bằng vô số những vu vơ, những giả tạo, vừa vụng về vừa non kém đến độ ở dưới mức tầm thường, nếu không bảo rằng chứa chất một dụng ý xuyên tạc sâu sắc như mấy cây bút phê phán trên vài tờ nhật báo, sau khi thấy rõ tác giả đã hiện nguyên hình thành cái thứ người quên lịch sử, mất lý trí, “hùng hổ” đứng trên quan điểm quá muộn của kẻ thù dân tộc, lên án cuộc cách mạng 1945-1954 là một sự thất bại bi đát (cảm tưởng đọc hôm lãnh giải tại Trung tâm V. B. 15-11-1974).

Bởi đó, bất cứ ai còn lương giác lương tri – dù là kẻ ngồi tạo ghế nhà trường của ông Giác – cũng không thể không tỏ thái độ, nhất là tác phẩm trúng giải hơn trăm ngàn bạc ấy, giữa lúc thiên hạ đói cơm rách áo này, lại được ông Tổng-thư-ký Phạm Việt Tuyên, đứng sau cụ Chủ-tịch Thanh Lãng, lớn tiếng ca ngợi là sự thành công xuất sắc của một nhà văn trẻ tuổi nổi tiếng (!) còn hứa hẹn rất nhiều với đại công chúng nữa. (sic)

Và bởi đó, chúng tôi cũng xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến, chẳng những chỉ riêng với tác giả mà cả với Hội đồng tuyển trạch.

THẾ NÀO LÀ TIỂU THUYẾT ĐÍCH THỰC, LÀ TÁC PHẨM GIÁ TRỊ

Chuyện đã qua. Tuy nhiên gần đây trong mấy cuộc mạn đàm về phê bình và sáng tác, khi nhắc đến “Đường Một Chiều” những người có chút ý thức đều ngẫu nhiên cùng chung một kết luận, rằng cuốn tiểu thuyết đó chẳng đáng gì để phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần, bởi vì nếu có chút gì đáng giá như những người làm văn nghệ chân chính vẫn quan niệm, thì nó đã chẳng được lọt vào “cặp mắt xanh” của đa số quý vị trong Hội đồng tuyển trạch của trung tâm Bút Việt.

Câu kết luận này nếu đem đối chiếu với vài ba tác phẩm được trúng giải cách đây nhiều năm thì quả cũng hơi quá gắt gao. Thế nhưng hôm nay, điểm lại, “Tiếng nói của Hội đồng tuyển trạch tuyên đọc trong buổi lễ phát thưởng thì mọi người lại thấy câu kết luận đã hết sức xác đáng.

Thật vậy, ông Phạm Việt Tuyền sau khi tô điểm vẽ vờn một sắc màu triết lý rẻ tiền cho cái truyện dài mà ông và các vị đồng quan điểm với các ông đã chấm giải, vị Tổng-thư-ký Văn bút muốn tỏ ra ta đây cũng đọc nhiều biết rộng như ai, nên ông đã viện dẫn một Ch. Plisnier nào đó để làm điểm tựa cho nhận định của mình. Theo phê bình gia Plisnier: *“Những cuốn tiểu thuyết đích thực là những bản chất vẫn bí mật.”* Rồi ông Tuyền nài ra một loạt những trích dẫn, những nhận định về Dante, về Platon, những kết luận vụn vặt về Thẩm mỹ học thuộc loại xưa như trái đất và đã bị đào thải vì trái tình nghịch lý, ông Tuyền đã sử dụng cái mớ lý luận hỗn độn đó chẳng khác một tay phu thủy tung ra một thứ hỏa mù ở cái thời đại hỏa mù này.

Những cuốn tiểu thuyết đích thực có đúng là những bản chất vẫn bí mật chăng?

Như ai đều biết sự nghiệp văn học nghệ thuật nói chung và sáng tác, phê bình nói riêng vốn không hề giống với việc cờ gian bạc lận hay chính trị điều đóm, điểm dàng. Văn học nghệ thuật mà trong đó vẫn xuôi là một ngành, trải qua bao ngàn năm lịch sử nhân loại, các thể loại sáng tác đã được cấu thành hoàn chỉnh, để đạt đến những luật tắc rồi mỗi thời đại, mỗi giai đoạn, các nhà văn lại kế tiếp

nhau mà phát triển các thể loại văn học mỗi ngày càng được phong phú thêm. Trải qua nhiều quá trình phát triển của văn học nghệ thuật và cho đến hiện nay, các nhà triết học, các nhà lý luận văn học đã tốn phí khá nhiều giấy mực để tranh luận về tác giả tác phẩm, về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Nhưng dù đứng trên bất cứ quan điểm nào, mọi người vẫn phải cùng nhìn nhận rằng những tác phẩm lớn, những tác phẩm đề đời chính là những tác phẩm đã giúp cho con người đọc hiểu sâu cuộc sống, hiểu xã hội và con người. Đã gọi là tác phẩm lớn bao giờ nó cũng có tính chất tổng kết, trong đó tâm hồn các nhân vật được miêu tả toàn vẹn. Trong tiểu thuyết lớn, nhân vật bao giờ cũng sinh động và có tính cách khái quát của một giai tầng, của một lớp người. Các nhân vật của “tiểu thuyết đích thực” bao giờ cũng có quan hệ sâu sắc với nhau. Trong tiểu thuyết lớn, những cái chân, cái thiện, cái mỹ bao giờ cũng cùng cái giả, cái ác, cái xấu so sánh với nhau để tồn tại, đấu tranh với nhau để phát triển.

Như vậy, một cuốn tiểu thuyết đích thực, một tác phẩm có giá trị không thể, hoặc chẳng bao giờ có thể là một bí mật đến nỗi không thể hiểu được, mà chính là nhờ sự biểu hiện nhiều vẻ, nhiều mặt của nhân vật, của bối cảnh (hoàn cảnh xã hội và lịch sử) trong tác phẩm mà người đọc và nhà phê bình có thể mỗi lúc lại rút ra được một kết luận, mỗi lúc lại thực hiện được một khám phá mới về tư tưởng hay nghệ thuật.

Thật hết sức thừa mà nói rằng những tác phẩm của Tào Tuyết Cẩn, của Shakespeare, Balzac, Goethe hoặc của Tolstoi, và cụ thể hơn hết, là truyện Kiều của Nguyễn Du, từ lúc xuất hiện cho đến ngày nay, đã không phải là những cái gì bí mật, mà đó là những thế giới với những con người tiêu biểu của một xã hội, một thời đại những con người cùng những quan hệ ràng buộc, họ đã chiến đấu vật lộn hoặc bị vùi dập, họ đã yêu đương hoặc thù ghét, họ đã thất vọng hoặc ước mơ. Đọc Hồng Lâu Mộng, hoặc Chiến tranh và Hòa bình, hoặc là truyện Kiều ngoại trừ người điên, còn không ai dám bảo đó là những bản chất bí mật,

mà tùy theo trình độ mỗi người có thể nhận thức được cái hay, cái đẹp, cái tốt của tác phẩm theo một cách riêng.

LÀ MỘT BI KỊCH... HAY LÀ MỘT GÓI GHÉM HỒN ĐON?

Trở lại cuốn “Đường Một Chiều” với lời ca ngợi của ông Phạm việt Tuyền, rằng: *“Đường Một Chiều” lôi cuốn do tình tiết ly kỳ mà cũng do tâm lý sâu sắc của nhân vật.*

Xin lỗi ông Tuyền và quý vị đồng quan điểm với ông để được nói rằng tình tiết của “Đường Một Chiều” chẳng những gượng ép, lỏng lẻo mà tâm lý lại quá mức giả tạo. Bất cứ ai có chút trình độ và chút lương tri cũng phải nhận ra cái lỗ bịch, kệch cỡm của Thiếu-tá Lộc, cái giả tạo đến ngớ ngẩn của con bé Ly 14 tuổi cùng là sự kéo dài vô lý của một phiên tòa. “Đường Một Chiều” xét về kỹ thuật sơ đẳng, nếu ông Tuyền và quý vị giám khảo chịu đọc kỹ chắc sẽ phải thấy vô số là vấp vấp, vô số là lảm lẩn và mâu thuẫn trong cách xây dựng nhân vật và sắp xếp tình tiết.

Phải chăng ông Tuyền và quý vị đồng quan điểm với ông đã lóa mắt, ù tai vì những danh từ đao to búa lớn, vì một vài câu văn trống rỗng kêu vang. Không ai hơi sức đâu mà trích lại những câu văn sáo ngỗng cùng những suy lý lẩn thẩn hồ đồ đầy rẫy trong “Đường Một Chiều”. Quả thật người đọc không thể không xấu hổ khi buộc lòng phải dẫn ra một số câu mà ông Nguyễn Mộng Giác đã uống công đèo gọt để tô điểm cho con bé Ly, rằng là *“gương mặt sâu muện và ánh mắt say sưa thành tín”*, rằng là *“nét mặt Ly bất động, trông giống như nổi thống khổ tích lũy cô đọng thành đá.”* hoặc là *“với sức chịu đựng vô biên, gió mưa bão táp chỉ có thể làm ướt mái tóc nhưng khó lòng làm ánh mắt Ly lo âu”*. Ông Giác đã vung vút, đã tô đậm cho nhân vật Ly 14 tuổi bằng những đường nét ghê gớm như vậy, để rồi ở một vài đoạn khác lại viết *“tâm hồn Ly vốn mong manh,”* hoặc *“chiếc linh hồn mong manh như một chén sứ quý đã rạn của Ly.”* (!)

Làm thế nào một tâm hồn mong manh lại có thể say sưa thành tín... chịu đựng vô biên? Cái kẻ có sức chịu đựng vô biên... say sưa thành tín mà tâm hồn lại mong manh? Đó

là một điều không thể hiểu được, và có lẽ đó mới chính thật là “những bản chất bí mật.”

Thế nhưng ông Tuyên ca ngợi tình tiết của truyện và tâm lý nhân vật cả một đoạn dài trong bản nhận định mà xem ra chưa đủ. vì vậy, ở đoạn kết ông Tuyên lại cố ý nói lớn hơn, rằng cuốn *Đường Một Chiều*, một bi kịch, một thảm kịch mà nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã cấu trúc thành với biết bao nhiêu vật liệu lấy trong đời sống hiện tại của quốc gia dân tộc chúng ta.

Đúng không? Có đúng “Đường Một Chiều” là một tấm bi thảm kịch đã cấu trúc với vật liệu lấy trong đời sống hiện tại của quốc gia dân tộc chúng ta, hay là “Đường Một Chiều” chỉ gói ghém một mớ hỗn độn những suy luận được bày tỏ trong “Les Mains Sales” của Jean Paul Sartre cùng là học đòi cách phân tích công lý với luật pháp như kiểu phiên tòa trong Frères Karamazov của Dostoyevsky?

Lẽ tất nhiên, sự nhai lại và chấp nhận những ý tưởng của Sartre, của Dostoyevsky hay của ai ai đi nữa cũng là quyền của ông Giác. Nhưng nêu lên câu hỏi này để được hỏi thêm quý vị trong Hội-đồng Tuyển-trạch của Bút Việt, rằng thế nào là một tác phẩm có giá trị như một bi thảm kịch của thời đại và kẻ viết phải có tư cách như thế nào?

Một tác phẩm có giá trị như một tấn bi thảm kịch của thời đại liệu có thể được viết ra do sự bịa đặt tùy tiện của tác giả được chăng?

Một tác phẩm có giá trị, một cuốn tiểu thuyết đích thực liệu có thể nào đi ra ngoài những luật tắc cơ bản, theo đó tác giả phải có trình độ và khả năng khái quát bề rộng và chiều sâu của thực tại xã hội, tác giả phải nắm vững nghệ thuật biểu hiện, từ xây dựng nhân vật, miêu tả tính cách, bố cục cốt truyện, sử dụng ngôn ngữ và hành văn.

Một nhà văn xứng đáng với danh hiệu của mình, không bao giờ dám tùy tiện bịa đặt. Một kẻ cầm bút để làm nhà văn luôn luôn phải ý thức về nhiệm vụ đặc biệt của hắn. Victor Hugo đã nói: “nhà văn là thuộc về những ai đau khổ, những ai đi lạc hướng, những ai tìm đường. Với người này, anh phải gửi lại được một điều khuyên nhủ, với

người kia anh phải bày được một cách giải quyết với ai ai anh cũng phải có một lời nào đó. Nếu anh vững vàng anh nên cân nhắc và xét đoán; nếu anh là bậc tài lớn nhất trong chúng ta, anh phải an ủi được mọi người. Nhà văn càng có giá trị thì cái bàn mà anh ngồi để viết và nói với trí tuệ người ta, có khi trở nên một cái tòa án, hay một giảng đường...”

Cô nhiên trích dẫn một ít câu nói của Victor Hugo cũng chỉ thực hiện được một phần quá nhỏ giữa cả ngàn muôn lời phát biểu khác nhau của các nhà văn ý thức được nhiệm vụ của nhà văn. Quý vị trong Hội-đồng Tuyển-trạch của bút Việt hẳn đã không thiếu sách vở chữ nghĩa để tìm đọc. Nếu vị nào có can đảm phủ nhận những ý kiến của Victor Hugo và những ý kiến tương tự thì quý vị mặc sức tiếp tục bảo vệ quan điểm của mình. Quý vị hẳn cũng thừa hiểu rằng những người làm văn nghệ chân chính nếu được hân hoan, được vinh dự vì những khen lao tán thưởng đứng đắn, thì ngược lại, ai cũng phải biết sợ hãi búa rìu của dư luận.

SỰ HOANG ĐƯỜNG CỦA MỘT TÁC PHẨM SỚM MUỘN RỒI CŨNG SẼ...

Than ôi! Nếu trong năm trước kia quý vị đã tạo được chút uy tín nhỏ nhoi trong việc lựa chọn chấm giải một vài tác phẩm tương đối sạch sẽ lành mạnh, thì nay quý vị đã tự vấy tay vào bùn khi công kênh cho một tác phẩm bệnh hoạn, lệch lạc, giả dối như cuốn “Đường Một Chiều”.

Quý vị đã đồng lõa với một kẻ cận thị nếu không muốn nói mù lòa, mà lại làm ra vẻ sáng suốt cao ngạo. “Đường Một chiều” không thể là một tác phẩm đúng với ý nghĩa của một tác phẩm xét cả hai mặt hình thức lẫn nội dung. Bởi vậy cho nên người ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông V. P. từ bao lâu hằng muốn ông Nguyễn mộng Giác nhưng “Đường Một Chiều” chẳng đáng giá gì, dù có muốn cố “bóc” cũng không nổi, nên trên nhật báo chính Luận, dưới bút hiệu Thu Thủy, ông V. P. cũng chỉ làm được cái việc đánh bùn sang ao thôi. Kể ra ông P. cũng khôn hơn ông Tuyền, nên nể tình “đồng bạn đồng chí” vẫn

không dám vót và cố vót để khoác thêm giày vào mình mà không lợi lộc gì. Vì nếu cố vót lấy một cuốn truyện nặng mùi như “Đường Một Chiều” thì quả là khoác thêm gánh nặng mà hỏi lợi lộc gì cho bố, tổ nặng mình mà thôi.

viết đến đây, chúng tôi thấy rằng nói với quý vị chấm giải trong Hội-đồng Tuyển-trạch của Bút Việt như vậy kể đã quá nhiều. Quý vị còn nhiều dịp để tự xử nếu muốn tự xử. Ngoài ra chúng tôi tự thấy mình không thể hèn nhất mà không nhân danh một độc giả để nhắn nhủ các bạn trẻ, rằng trong xã hội chúng ta hiện nay kẻ viết văn có quyền lựa chọn lấy một con đường, không thiếu những con đường, nhưng bất luận con đường chân chính nào cũng phải trải qua sự hiểu biết về thực tại của lịch sử đã diễn ra, đang diễn ra, và bắt buộc phải dẫn ra ở tương lai. Sự mù lòa về lịch sử và mơ hồ về thiện ác sẽ khiến cho kẻ viết không thể nào tránh khỏi tai nạn. Không một dòng nước nào có đủ khối lượng để giúp cho gột sạch được những dòng chữ viết ra như những vết nỡ. Đông đảo độc giả đứng đắn dù có rộng lòng khoan dung đi nữa cũng không bao giờ chấp nhận một sự gạt lừa. Sự hoang đường của một tác phẩm nếu có gây được ồn ào đối với một số độc giả trong nhất thời, nhưng sớm muộn rồi cũng sẽ bị vạch trần. Muốn viết theo một kỹ thuật nào cũng được, nhưng trước hết phải sống và phải có cái nhìn nghiêm chỉnh.

Chỉ như tác giả “Đường Một Chiều” hay như những người đã hoan hô, đã cổ vũ là tự dắt nhau đâm bổ vào con đường đen tối nhầy nhụa; tốt hơn đừng làm văn nghệ và đừng nói văn nghệ nữa...

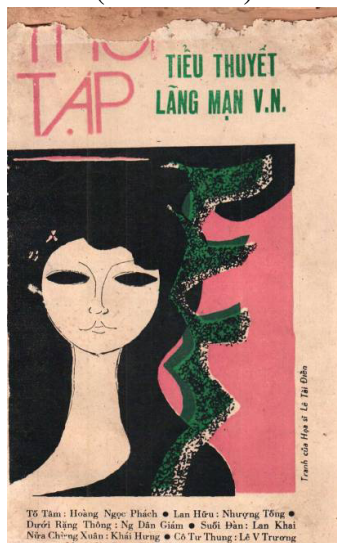
7-1-75

NGUYỄN TỬ NẰNG

(nguồn: Tạp chí Văn Học số 198 năm 1974)

DI SẢN VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM

GIỚI THIỆU TẠP CHÍ THỜI TẬP (1973-1975)



Sơ lược

Chủ trương: Viên Linh

Thực hiện: Lê Tài Điền . Minh họa: Chóe

Biên tập: Cao Huy Khanh, Dương Nghiễm Mậu, Đặng Phùng Quân, Đỗ Khánh Hoan, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Nhật Duật, Thạch Trung Giả, Trần Phong Giao, Hoàng Trúc Ly, Trùng Dương, Tuệ Sỹ.

Số 1 phát hành vào ngày 14-12-1973

Số 23 (Số cuối cùng) ngày 15-4-1975

Tổng cộng 23 số

Tổng số ấn bản phát hành mỗi kỳ: 5000 ấn bản

Trần Hoài Thư

Hành trình của một tạp chí đi vào lịch sử văn học miền Nam

Thời Tập số đầu tiên ra mắt vào tháng 12-1973 mang chủ đề **Nhìn Lại Một Năm Văn Học** gồm bài vở của Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Túy Hồng, Sơn Nam, Nguyễn Đức Sơn, Cao Huy Khanh, Nguyễn Hiền Lê, Nguyễn Sỹ Tế, Bình Nguyên Lộc, Cung Trầm Tưởng, Vũ Thành An, Mặc Đỗ, và số cuối cùng phát hành trước ngày miền Nam bị mất được nửa tháng (ngày 15-4-1975) chủ đề **Văn chương trước tình thế mới** gồm bài vở của Lê Trảng Kiêu, Thích Đức Nhuận, Mặc Đỗ, Tuệ Mai, Bình Nguyên Lộc, Viên Linh, Thạch Trung Giả, Huy Tường, Nguyễn Đạt, Lê Hằng, Phạm Thiên Thư, Xuân Vũ, Ngụy Ngử, Trần Hoài Thư, Võ Phiến, Nguyễn Nguyên Phương, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Mộng Giác, Trúc Sĩ, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Trần Quang Thiều.

Đây là một số báo lịch sử.

Lịch sử bởi vì nó được phát hành sau khi Tây nguyên bị mất. Và chỉ nửa tháng sau là 30/4/1975. Lịch sử bởi vì nó là một pháo đài văn học cuối cùng trong 20 năm văn học miền Nam.

Đọc số này ta thấy rõ những ý nghĩ của các nhà văn nhà thơ quen thuộc trước tình thế mới. Từ cực kỳ lo lắng hốt hoảng như Võ Phiến đến bình thản chọn một thái độ như Dương Nghiễm Mậu. Hay tự rửa xả mình vì từ lâu đứng ngoài thực tế, viết theo thị hiếu của độc giả và tiền bạc như Lê Hằng... Hay bốn phận của nhà văn là ghi nhận lịch sử như Nguyễn Mộng Giác...

Có thể nói hầu hết những người viết bài trên Thời Tập đều từng viết trên Khởi Hành - tuần báo do Viên Linh làm thư ký tòa soạn trước đó. Số lượng phát hành ghi ở trang bìa sau là 5000 số cho mỗi kỳ. Số lượng người gửi bài quá đông, chúng tôi Thời Tập là một tạp chí văn học nhận được nhiều sự đón nhận. Tuy nhiên nội dung bài vở không

“nặng ký”, “dữ dội” bằng Khởi Hành.

Có lẽ vì nó không còn núp bóng của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội như tờ Khởi Hành nữa chẳng.

Thời Tập chú trọng phần Khảo Luận văn học. Những tác giả tiên chiến như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Thụy An, Ngọc Giao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Bính, Khái Hưng, Quang Dũng v.v Đặc biệt có thiên khảo luận nhiều kỳ của Cao Huy Khanh đề cập đến hành trình văn chương miền Nam như “Các Thế hệ tiểu thuyết gia miền Nam hiện đại” (TT số3), “Vấn đề khuynh hướng trong tiểu thuyết Miền Nam” (số 4), “nhà văn miền Nam: vấn đề khuynh hướng” (số 8).

Thời Tập cũng đặc biệt chú trọng về lãnh vực: Ý kiến, phỏng vấn và phê bình. Trong tổng số 23 kỳ báo có đến 14 kỳ có bài liên quan đến Ý kiến, phỏng vấn và phê bình. Về bộ môn này, Thời Tập mở thêm hai mục mới và lạ. Đó là Tay Đôi và Người Khách Chót. Cả hai mục này đều do Viên Linh phụ trách. Mặt khác có mục “Tiếp xúc với người đọc về kinh nghiệm sáng tác” do chính các nhà văn / thơ mà độc giả đặt những câu hỏi trả lời ngay trên Thời Tập...

Ngoài ra, chúng ta còn đọc thường xuyên mục Quanh Bàn Viết do nhà văn Dương Nghiễm Mậu phụ trách, và mục Giải đáp thắc mắc do Thư Trung phụ trách.

Bắt đầu từ số 17, Khởi Hành mở thêm một mục mới là **Thời bút** do Nguyễn Kim Phụng phụ trách.

Mục **Nơi tôi đang sống** từ Khởi Hành vẫn còn tiếp tục duy trì trên Thời Tập..

Đây là một số “Tay Đôi” trên Thời Tập, chúng tôi ghi nhận:

Võ Phiến/Túy Hồng (Số 1)

Sơn Nam/Nhật Tiến (số 2)

Bình Nguyên Lộc/ Nguyễn Mạnh Côn (Số 5)

Cung Tích Biền/Trần Hoài Thư (Số 8)

Kiên Giang/Hoàng Trúc Ly (Số 9)

Đây là một số “*Người khách chót*”:

- Phạm Thiên Thư (Số 13)
- Trần thị NGH. (số 14)
- Xuân Vũ (Số 15)
- Ngụy Ngữ (số 21)

Lý do tại sao Thời Tập lại sống vững

Thời Tập ra đời vào cuối năm 1973 là một chuyện lạ. Lạ bởi vì ít ai tin có một tờ báo văn học ra đời trong lúc chiến tranh leo thang, vật giá mắc mỗ, ngay cả tờ Khởi Hành vẫn còn bị đình bản dù nó là tờ báo bán rất chạy.

Nhà thơ Viên Linh kể lại việc ra đời này trong bài “Qua 16 kỳ báo” đăng trên Thời Tập ra ngày 17-12-1974:

“...Một tháng trước khi Thời Tập ra mặt, tôi đi thu bài những người có liên lạc trước. Ba trong năm người đó ngạc nhiên hỏi lại tôi: Báo anh ra thế nào được mà lấy bài. Một nhà văn tên tuổi lớn đã cả quyết tuyên bố như thế trước nhiều đồng nghiệp. Sau này tôi hỏi lại nhiều người và được xác nhận anh X có nói như thế.

... Một người khác cũng là đồng nghiệp của tôi đã tới tận nhà tổng phát hành tuyên bố rằng nếu Thời Tập sống được, anh sẽ giải nghệ”...

Vậy thì yếu tố nào giúp tờ Thời Tập càng ngày càng được đón nhận mặc dù chiến cuộc càng lúc càng khốc liệt và tình trạng sinh kế người dân càng lúc càng khó khăn ? Nhìn vào số lượng phát hành mỗi kỳ là 5000, và những trang nhận bài vở tràn ngập người gửi bài, ta mới nhận ra sự đón nhận rất tích cực này.

Yếu tố ấy, theo nhà thơ Viên Linh, trong một lá thư gửi một người trẻ là:

“Từ đó, tôi nghĩ được điều này:trước khi mà một việc gì, hãy đi hỏi ý những người trẻ tuổi như anh.”

Lời thú nhận này giúp chúng ta càng hiểu vị thế quan trọng của lớp người trẻ trong việc bồi dưỡng tạp chí Thời Tập nói riêng và sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam nói chung.

Nhà thơ Viên Linh chê trách những người mà ông đề cập là chủ bại, làm cản đường những người bút trẻ: *“Chính những người nhiều tuổi nghề nhất lại là những người bị quan chủ bại nhất. Và chính đó là những người - trên một khía cạnh nào đó - đã góp sự có mặt của họ trong số những kẻ đã vô tình cản đường anh em cầm bút trẻ tuổi”*.

Ông xác nhận về sự có mặt của đội ngũ trẻ:

“(Họ...) có mặt từ vài năm trước trên các diễn đàn văn học, cho tới ngày hôm nay, một số những người bút trẻ tuổi của chúng ta đã xác định được sự có mặt ấy, tuy không rầm rộ, nhưng rõ ràng là đều đặn và thường xuyên, là còn đều đặn và thường xuyên hơn nữa, như nắng phải lên lúc hùng đông, mưa sẽ đổ đúng mùa dù cho hùng đông kia và mùa mưa này chưa biết hứa hẹn gì cho một thời của Văn chương miền Nam mưa hay nắng.

...

Không tuyên ngôn, việc ấy đã rõ - nhưng có điều này: cầm bút, chuyện bình thường, cầm bút viết, không có sự mệnh gì cả, nhưng viết, và viết, và làm việc, không có gì để đập phá ngoài bản thân mình, không có gì để hô hào cạnh tân ngoài con tim và bộ óc mình...”

Lá thư tòa soạn này được viết vào cuối năm 1974. Nhà thơ Viên Linh vẫn chưa biết tương lai văn chương miền Nam mưa hay nắng, hứa hẹn gì cho lớp trẻ mà ông đề cập. Ông làm sao biết chỉ 4 tháng sau là cả miền Nam bị mất, không phải mưa hay nắng như ông nghĩ, trái lại là một trận đại hồng thủy quét sạch, cuốn sạch cả một nền văn học miền Nam không phân biệt già hay trẻ, nam hay nữ.

Đã rồi đa số những người viết trẻ - lúc ngồi viết của họ

trong thời kỳ sung mãn nhất - thì họ đành phải vất vả, tảo tán chữ nghĩa sách vở bản thảo của mình.

Chỉ có một số ít là lộ nguyên hình như Ngụy Ngử - *người khách chót* của Thời Tập là cán bộ CS. Còn lại, hầu hết vào tù, mang thân trâu ngựa hay may mắn chạy được ra nước ngoài.

Nếu còn lại chẳng là những trang giấy, thấy càng đau lòng thêm. Giống như tờ cáo phó phân ưu ghi lại những giờ phút “huy hoàng rồi chợt tắt” như dưới đây: :

thời tập

điển đàn
thường trực
của
những người
cầm bút trẻ tuổi v.v.

gần nhất, khởi sự với

Cao Huy Khanh • Các Khuynh Hướng Văn Học

Miền Nam

Phạm Thiên Thư • Nguyễn Đạt • Thơ

Nguyễn Mộng Giác • Gió Diên

Hoàng Ngọc Tuấn • Nhật Ký Gửi K.

Ngụy Ngử • Trong Mưa

Nguyễn Mai • Âm Cảnh

Trần Hoài Thư • Nước Chảy Qua Cầu

Nguyễn Tôn Nhan • Thơ

Lữ Quỳnh • Những Người Tương Quen Nhau

Dã Thụy • Định Mệnh Nghệ Thuật

Mang Viên Long • Bóng Mây

Trần Văn Nam • Đọc Thơ Một Người Tuổi Trẻ

Tay Đôi:

Cung Tích Biền / Trần Hoài Thư

Trần Phong Giao

Độc giả và những người làm một tạp chí văn chương

(TQBT sưu tầm)

Mở đầu cho sự hợp tác với diễn đàn văn nghệ này từ năm thứ hai của nó, anh Trần Phong Giao gửi cho Thời Tập một bài viết xoay quanh việc là một tạp chí văn chương – mà anh đã có đầy đủ kinh nghiệm sau gần mười năm điều khiển bán nguyệt san Văn. Bài của anh Trần Phong Giao dưới hình thức một lá thư ngỏ gửi cho người chủ trương diễn đàn này – nói về rất nhiều việc, từ độc giả một tờ báo văn chương qua những người cộng tác là các nhà văn nhà thơ, cho đến người làm tờ báo đó, và các đồng nghiệp. Chính vì những điều này – được chia thành các đề mục I, II, III... do chúng tôi đặt – bài viết sẽ được đăng trọn. Nó liên hệ đối với những người yêu chuộng báo văn chương, tuy trong đó có những điều riêng tư của người viết – và của những người được nói đến – và hẳn đó là những điều hy vọng sẽ được coi là thường tình nếu bạn đọc chấp nhận đọc một lá thư ngỏ: Thư Ngỏ Của Trần Phong Giao Gửi Viên Linh.

Sở dĩ có thư này vì trong *Thời Tập* số trước (17), trả lời ông bạn Vũ Phan L. ở Bình Định, bạn Viên Linh đã gọi đích danh tôi ra mà cho rằng “người tổ chức một tạp chí văn nghệ có tài phải là anh Trần Phong Giao.” Tôi tin là ông bạn họ Vũ ở Bình-dịnh sẽ không tin điều bạn khẳng định. Thư này sẽ nói rõ vì sao.

I

Độc Giả Miền Trung Và Một Tạp Chí Văn Chương

Nhớ lại cách đây không lâu, anh Võ Phiến, từ Bình

Định về, có cho tôi biết là anh em văn nghệ ngoài nó có nhắc tới tôi và khen tôi là “khôn”. Khôn vì tôi đã thôi không làm báo. Và vì không làm báo nữa nên tôi còn giữ được “cái huyền thoại là người làm báo giỏi”. Anh em ở Bình Định đã có lý. Không cứ gì người cầm bút, ngay các độc giả trung bình ở miền Trung đã rất tinh tường.

Tôi nói thế không phải để “nịnh” độc giả của một miền mà chỉ là nói lên một sự thực: Tập san văn chương nào không được độc giả miền Trung – cái miền Trung khô cằn sỏi đá nhưng ham đọc nhất nước – ủng hộ, thì sẽ có cơ duyên mất đi chừng phân nửa độc giả tính chung trong nước. Điều đó đã xảy đến với tạp chí mà ta tạm gọi tên là Pb. Một cây bút trẻ ở Tuy Hòa, nhân vui câu chuyện, cho biết ông già của anh mua tạp chí Pb trong nhiều năm liên tiếp. Thế rồi, đột ngột, ông cụ “chê”, không mua tiếp nữa, vì “nó đã sút kém đến trở thành vô bổ” (những chữ trong dấu ngoặc kép là dẫn nguyên văn lời anh bạn họ.) Một dữ kiện cần nêu rõ: ông cụ thuộc thành phần khá giả, không chịu ảnh hưởng gì của các biện pháp kinh tế mùa thu, mùa đông, v.v... Gần đây, tôi được biết là số bán của tạp chí Pb so với năm trước khi ông cụ ngoài Tuy Hòa ngừng mua chỉ còn chừng phân nửa. Trong lúc các tạp chí bạn không những không giảm số bán mà lại có phần tăng lên chút đỉnh, con số phân nửa độc giả cũ của Pb tản mác đi đâu? Vấn nạn đặt ra, chung cho những ai muốn làm báo văn chương. Giải được vấn nạn này là coi như bắt được yếu tố “nắm được độc giả”, - yếu tố cần và đủ thứ nhì sau khi “tìm được độc giả”.

Khởi đi một cách khiêm nhường thầm lặng, Thời Tập đã *tìm được độc giả*. Nhà phát hành cho tôi biết báo bạn tăng dần dần, không tăng nhiều nhưng mỗi số đều nhích lên chút đỉnh. Như vậy là bạn đã tìm được độc giả. Vấn đề đặt ra cho bạn bây giờ phải chăng là “nắm lấy độc giả”. Tôi tin là bạn biết cách cần làm. Ở đây cần tới cái tài *ngủi* (nhà phê bình Vũ Ngọc Phan dịch chữ *flair*, tôi dùng theo) của tay làm báo: biết độc giả cần gì, muốn gì. Rán lên bạn nhé. Mất đi một độc giả, buồn lắm. Mà không chỉ buồn. Con số “mất đi” thường không chỉ bỏ đi một cách đơn độc. Nó rủ rê, nó la lối, nó gây ảnh hưởng khó ngờ.

Kinh nghiệm cổ văn sĩ Nguyễn Vũ và tạp chí *Phổ Thông* năm nào, hẳn bạn còn nhớ đấy.

II

Tạp Chí: Không Ai Làm Nổi Một Mình

Cách đây khá lâu rồi, một anh bạn có lòng thương loan tin trên báo (mà ta tạm gọi là báo *Pa*) rằng tôi sẽ đảm trách những số báo đặc biệt. Trước khi loan tin, gặp tôi anh có bảo tôi làm. Nhưng ảnh chỉ bảo vậy thôi nên tôi cũng nghĩ là ảnh chỉ nói thể cho vui, chứ báo *Pa* của ảnh chẳng cần gì tới một tay “hết thời” như tôi. Có tôi chợ thêm đồng và không có tôi thì chợ vẫn tung bưng tấp nập. Phần khác, tôi còn một mối lo lớn khác: lo kiếm miếng ăn độ nhật. Thành ra, cho tới nay, nhiều năm tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa có hân hạnh đáp lại mỹ ý của anh bạn có lòng nọ.

Bạn Viên Linh, bạn đưa đề nghị với tôi bằng miệng, còn tay bạn thì nhét vào túi tôi một khoản tiền. Hiện nay tôi không đến nỗi “chạy ăn từng bữa” và cũng không có khoản gì cần tiêu cách đặc biệt. Khoản tiền bạn đưa ra không lớn, nhưng đủ để tôi mua cho mấy đứa con mỗi đứa một đôi dép. Trẻ thơ, ngày Tết, được đi dép mới cũng là niềm vui. con được vui, chẳng lẽ bố không lo làm trả nợ.

Không một ai có thể làm nổi tạp chí *một mình*. Một người cộng tác không tới, một người bỏ đi, phải coi là một thiệt thòi chung cho tờ báo. Thiệt thòi lớn hay nhỏ không quan hệ. Chỗ quan hệ là sự thiệt thòi, tout court.

Nhờ ai việc gì, mời ai làm gì, chẳng nên nhờ hay mời cách khơi khơi. Đồng tiền trả công không quan hệ bằng cách trả. Tôi đã nói điều đó với những bạn tìm đến tôi để hỏi về “kinh nghiệm làm báo”.

Một gói trà ngon, mấy dòng chữ viết khéo gọi cùng tập báo biểu, riêng đối với một số tác giả, lại quý hơn tiền bạc.

Cái khó là phải cư xử với người hợp tác sao cho thuận tình hợp lý. Người chủ trương của một tập san văn chương cần phải khéo léo. Sự khéo léo đó chẳng ai dạy cho mình, ngoài kinh nghiệm sống của chính bản thân và tuổi nghề...

III

Dư Luận Của Đồng Nghiệp

Hai chữ “hết thời” viết ở đoạn trên cũng là chuyện xưa tích cũ. Cách đây hơn hai năm, một nhà thơ cho biết là nếu tôi không cố làm một tạp chí thì tôi sẽ bị “họ” coi như là tên “hết thời”. Tôi đã trả lời: “Tao có cái thời nào đâu mà còn hay hết!” Anh bạn có vẻ không chịu hiểu câu nói của tôi mà phá lên cười hô hô.

Nhớ lại *Thời Tập* mới ra, một ông chủ báo danh tiếng lầy lùm (một trong những “họ” mà bạn tôi định nói) đã chê “*Thời Tập* là báo con nít, văn nghệ ai mà thèm đọc, sống giỏi lắm được vài ba số...” Lời ông chủ báo, người đã có danh có tiếng, có dưới tay cả một “bộ biên tập chủ lực hùng hậu”, hỏi tôi không tin sao được! Ấy vậy mà tới nay *Thời Tập* đã ra được gần hai chục số; số độc giả tìm đến *Thời Tập* cũng gần bằng số độc giả mua báo của ông chủ nọ.

Bạn Viên Linh,

Xem thế mới biết bạn là tay làm báo văn chương giỏi. Bạn làm việc một mình, không có ngay đến một thầy cò giúp việc (có người bảo tôi bạn đi làm 8 tiếng, tan sở về thẳng nhà tư ngồi cặm cụi sửa bài). Làm việc một mình cần phải kiên nhẫn nhiều. Cứ làm mà không nói. Làm được đến đâu hay đến đó, cách giản dị và khiêm cung.

Không có gì dễ bằng nói. Càng nói lớn lối càng dễ. Nhưng không có gì khó bằng làm, cứ làm và chỉ làm. Chỗ quan hệ là làm. Việc làm sẽ biện minh cho sự im lặng của ta, đó là câu trả lời hùng hồn nhất cho chúng bỏ công kích ta.

Từ lâu tôi xa lánh nơi ân oán giang hồ. Nhưng tôi có linh cảm là làm *Thời Tập* bạn bị công kích nhiều lắm. Do đó kỵ, do bề phái, do bức bối... Nín đi, bạn ta. Ngay cả vài dòng viết trên bìa đầu tờ báo cũng chẳng dám viết làm gì. Điều nên viết nhất là viết cho bạn đọc, viết vì bạn đọc. Hay nói theo ngôn ngữ của văn chương hiện thực “hôm nay” : viết cho ai chứ không viết cho chính mình.

IV

Vì Sao Tôi Đóng Góp Cho Thời Tập

Giữa “hôm nay” như vậy mình già rồi, già thật sự rồi. Người già thường hay lẩm cẩm. Có vẻ vì lẩm cẩm nên đã hơn một năm nay tôi thường liên tiếp từ chối lời mời làm tạp chí văn chương của nhiều vị có lòng thương tưởng tới. Nghĩ cho kỹ, sự lẩm cẩm của tôi có nhiều nguyên do sâu xa và thường là thâm kín. Đem giải bày ra giấy trắng mực đen, e không tránh khỏi làm buồn lòng vị này vị nọ, kẻ còn sống người đã khuất.

Tôi xin lạm dụng những trang báo này để minh định đôi điều:

- Từ tay trắng, với rất nhiều công khó, tôi đã dựng nên một tạp chí, văn chương tự lực mà sống lâu hơn cả trong quá trình sinh hoạt báo chí nước ta. Tôi không có tài, chỉ có chút công. Hơn hai năm nay tôi không viết báo, không làm báo, vì tuân theo một nguyên tắc do chính tôi đặt đề cho cuộc sống.

Từ nay, nếu thỉnh thoảng tôi có giúp cho Thời Tập một đóng góp nho nhỏ, ấy là vì tôi biết rõ anh bạn Viên Linh đã và đang làm báo một mình, cô đơn và thiếu thốn.

Rất có thể, rồi ta tôi cũng sẽ làm báo trở lại. Nhưng đó là chuyện về sau. Chuyện chỉ xảy ra trong trường hợp nếu tôi bị đói quá, nếu tôi thấy cần đền đáp tình người tri kỷ, nếu tôi, tự làm lấy báo của riêng mình hoặc nếu gặp được người biết cách đãi ngộ tốt với các cộng tác viên... Ngoài mấy trường hợp trên, tôi xin được nhận chữ “khôn” của anh em ngoài Bình-Định đã âu yếm tặng cho. Rất vui và nhận.

V

Không Phải Là Những Tuyển Tập Đều Đều

Tôi vừa lo xong cuốn sách đã làm tôi mất nhiều thì giờ hơn cả từ nhiều năm nay. Bạn nghe thấy chẳng tiếng tôi thờ dài, nhẹ nhõm!

Hi vọng là sang năm mới đây, tôi sẽ đỡ bạn được một vài công việc, nho nhỏ thôi, nhưng – tôi mong muốn thế - sẽ làm cho bạn đọc Thời Tập được bằng lòng.

Sau ngày ban bố sắc luật 007/12, tôi ngưng làm tờ *Chính Văn*, quay về nghề cũ, nghề thủ thư. Cái nghề hít bụi này có được lợi điểm là có nhiều tài liệu. Lục chồng sách cũ, tôi kiếm được ít nhiều tài liệu xưa. Khởi đầu, tôi sẽ sao chép, sắp xếp lại và sẽ gởi bạn một số tài liệu về NHUỘNG TỔNG, cây bút tài hoa danh tiếng thời tiền chiến.

Đương nhiên là rồi tôi sẽ chỉ giúp bạn được về phần tài liệu thôi (cái mà bạn từng gọi là “ưu điểm đầu tiên”). Còn việc làm cho một tạp chí, được đông đảo người biết và tìm đọc nhiều hơn, sẽ là do chính người chủ trương. Tôi nghĩ, không gì bằng trích dẫn ngay lời của bạn, phát biểu với tư cách *một độc giả* (cái này mới là quan trọng) khi được tập san *Văn* tham khảo ý kiến hồi đầu năm 1972:

(...) “Tôi muốn *Văn* trở nên một tờ bán nguyệt san đúng nghĩa: nửa tháng không đọc nó là phải thấy mình kém sinh hoạt. Một tờ báo nửa tháng có thể khai thác sinh hoạt nhiều hơn một tờ báo tuần, và dĩ nhiên, lẹ hơn tờ báo tháng. Để không là những tuyển tập đều đặn.”

Hai năm trước, bạn đã “dạy khôn” thiên hạ. Bây giờ, bạn hãy làm đi! Làm để khỏi mang tiếng là “chỉ biết nói.”

Tránh không làm những tuyển tập đều đặn. Được bấy nhiêu đó, tôi tin là bạn sẽ được độc giả ủng hộ. Mà khi đã được độc giả ủng hộ rồi thì lo gì giấy lên giá, điện lên giá, gạo lên giá. Có độc giả, nói theo ngôn ngữ thời thượng, là bạn có tất cả.

Bạn Viên Linh,

Ngày hai bữa cơm rau, nếu không được “vỗ bụng no bình bịch” thì cũng đỡ chạy xuôi chạy ngược, lo đôn lo đáo, thì giờ rảnh rang, học thêm ít chữ nghĩa thánh hiền cho mình bớt ngu. Đêm đêm chong đèn, dịch văn. Dịch xong, cuốn nào in được thì cho in. Gặp khó, đem cất kỹ vào ngăn tủ... chờ thời. Được làm những việc mà mình ưa thích há chẳng đủ là niềm hạnh phúc của kiếp nhân sinh, chao ôi, cái kiếp nhân sinh đầy đầy hệ lụy!

Nói quanh nói quẩn rồi cũng quay lại chữ “thời.”

Gặp thời thì dễ. Tạo ra thời mới khó.

Bạn là người không chịu ỉn nhẫn, lại chịu thương chịu khó; kinh nghiệm không giàu nhưng cũng đủ để làm hành trang. Con đường đi tới còn dài. Tôi là một trong những người tin là bạn sẽ đi được xa trong tương lai gần.

Vì tin như thế nên thư này không được chắt hết bằng những lời chúc tụng thường tình. Mà nó gói đi, tới bốn phương, sự ước mong sẽ được anh em bằng hữu khắp nơi chia sẻ với tôi niềm tin tưởng đó. #

Sài gòn, ngày 1. 1. 1975

T. P. G.

(Thời Tập số 21)

VIẾT CHO NGƯỜI THỰC NỮ

**Khi còn tàu khuya về ngang cổ quán
Than lửa tập lò gió lạnh xuyên tim
Ta muốn đi, nhìn em một lần vĩnh biệt
Ta phải nhìn cho rõ mặt oan khiên. #**

211

KIM THƯƠNG

CẦU SƯƠNG,
U LINH CÙNG QUÁN NGỒ

Người đàn ông hỏi thăm về núi
Với chim rừng mà chim làm thính
Người đàn ông hỏi thăm về suối
Suối đã già nên suối vô minh
Suối đã già như đời xé bóng
Chiều thâu vào quán cổ hư không
Người đàn ông ngồi bên vệ đường
Soi bóng mình già nua tiếc thương
Em một thửa qua hồn quỉ mị
Còn buổi nào cho áo thơm hương
Người đàn ông đi trên đường mòn
Đầy đá tảng dựng cao bia mộ
Người đàn ông qua cầu se gió
Bóng ngã dài như bóng u linh. #

DƯƠNG HUYỄN Ý

CHIÊM BAO TRÊN MỘT MÀU CỎ

Trên màu cỏ ấy, chiêm bao
Rớt xanh thắm dấu mưa nào đã khô
Lòng im vào bóng gương mờ
Sớm mai tôi đứng soi trơ mặt trần
Hồn như bãi rộng hoang hôn
Chiều đi không hết nỗi buồn động tâm
Hỏi thăm tôi đã hỏi thăm:
Ai bôi màu cỏ ấy không chiêm bao? #

TRẦN THỊ NGH.

khoan điệu



Buổi sáng có vẻ hứa hẹn một ngày quang đãng. Tôi tới Hội Trường sớm để lấy thiệp mời cho buổi hòa nhạc sắp tới. Lúc về trời có hơi chuyển tối nhưng rồi gió thổi tàn mây cụm mây tụ phía trái. Mặt trời chỉ hé một chút như ngưng sau mấy ngày mưa dầm. Người ta đã đưa nhăm tới ba thiệp mời. Tôi nghĩ tới Dĩnh, tự hỏi Dĩnh sẽ về ngày nào, xin đừng trùng với chương trình vui chơi của tôi dù còn dư một cái thiệp tốt. Nhưng nếu Dĩnh có mặt? Tôi cũng hơi phân vân. Cuối cùng tôi mang mấy cái thiệp ghé qua Anne, cả hai cùng đồng ý sẽ gửi cho bạn Anne cái thiệp dư, dĩ nhiên rất nghi hoặc. Tôi không có người bạn nào thích âm nhạc, ngoài Tâm và mấy băng nhạc cổ điển của Tâm ra. Có Hoàng, nhưng hình như con nhỏ cũng hơi làm bộ.

Chiều tôi tới trường mà không mang theo áo mưa, ý y cái mặt trời tốt. Giáo sư không đến. Trời đổ mưa dầm. Tôi xuống phòng âm nhạc tìm ông Bảy lão công gửi tặng ông mấy ống thuốc thoa nhưc mỡ Baume Solar mà ông đã theo hỏi xin cả kẻ từ mấy bữa trước. Ông xun xoe mở cửa phòng đàn, vặn đèn quạt, bảo tôi cứ đàn tự do, ông sẽ khóa trái cửa để không ai làm phiền. Tôi rất thích cây đàn của trường, cây đàn làm mọi bản đều trở nên nhỏ nhẹ dằm thắm. Nhất là khi chơi bài Invention số 13 của Bach. Những ngày đeo đuổi tôi sát nút Dĩnh vẫn hay lên vô ngồi nghe nơi cái ghế bành khuất xa nơi tôi ngồi đàn. Thường thường những lần ấy tôi không chơi được gì tận tình bởi tôi biết Dĩnh không hiểu ất giáp tôi đang làm gì. Ngoài ra vẫn thường có cha thầy chùa trốn lính bạn của Dĩnh ẩn hiện đâu đó, tỏ ra là một người đam mê được nhiều thứ ở đời trong cánh áo cà sa khiêm nhượng. Ôi những ngày cũ ấy. Tôi không bao giờ muốn coi đó như những kỷ niệm có được với Dĩnh. Thực ra có xưa cũ gì cho quá. Chỉ mới mấy tháng trước đây giữa niên học vừa rồi. Đó cũng là lúc Dĩnh bày ra những trò tìm hiểu, với mấy truyện ngắn Dĩnh sưu soi mỗi ngày trong dáng vẻ trầm trọng. Dĩnh hiểu được gì qua bài Marche Turque cả quyết và vui vẻ

mà tôi cứ dần đi dần lại hoài, còn mấy cái truyện ngắn cắt trong các tạp chí văn nghệ cũ, Dĩnh đọc thấy gì vậy?

Ông Bảy biết điệu khóa trái cửa nhưng tới ba giờ tôi phải trả đàn lại cho người khác. Lúng túng không biết làm gì tôi lại đi lang bang trở lên lớp học khi nãy. Mấy người bạn cùng lớp vẫn chưa về vì cơn mưa rầm rộ bên bờ. Giáo sư nghỉ hoài. Thăng Việt bỏ lớp đi ra khi thấy tôi. Chị Ngọc, sao chị? Vui vẻ không? Mấy bữa nay trời lạ quá hả. Ồ vui chớ. Chị vui không, đừng làm bộ. Trời đất, vui mà. Tôi biết rõ. Đừng đây nói chuyện một lát được chớ chị? Rất được, mưa mà. Thôi hay xuống Cầu Lạc Bộ uống nước. Đề tôi mời cho. Tôi xăng xai đi trước. Gió thổi tạt bụi mưa qua hành lang, lạnh xiết.

Gió dữ quá. Thăng Việt khui gói Bastos Luxe, bật quẹt lộng cọng. Mùi khói phất ngang mũi, làm tôi nhớ Tâm. Sau này tôi đã tập cho Dĩnh hút cùng loại thuốc đó. Ban đầu tôi còn nhớ Tâm nhưng rồi dần dần tôi lẫn qua mùi cháy khét trên ngón tay trở của Dĩnh. Thăng Việt bắt đầu nạo xói muốn tôi nói rõ về mấy tháng hè sau ngày cưới. Tại sao nó tỏ ra lưu ý đặc biệt? Hồi cuối niên học có lần nó đã hung hăng nhần nhe sẽ tát tai Dĩnh chỉ vì tôi đã từ chối dịch dùm nó một bài báo về vô tuyến truyền hình thế giới. Nó biết tội miếu cường từ chối vì Dĩnh. Hồi đó chỉ còn hai tuần lễ nữa đám cưới. Thực ra, theo lời thăng Việt nói, đầu đuôi chỉ vì tôi đã xuất hiện ở phòng 304 mỗi tuần hai giờ Hồi thảo với bộ vớ lông mận của một cây bút trẻ, hết lời đồn đãi. Cũng từ hồi đó, nó bắt đầu theo dõi khi thấy Dĩnh bỗng nhiên nghiêm nghị trước đám đông, song song với sự nghiêm nghị của tôi.

Thăng Việt cho rằng nó nhìn thấy tôi thấu suốt, ít ra là trong cái hồn nhân này. Tôi có rất nhiều cánh cửa, mở ra hết nhưng Dĩnh không thể bước qua cánh cửa nào cả. Những cánh cửa của tôi không phải mở ra với Dĩnh. Như người khát đứng trước dòng sông lớn chỉ biết bưng mặt khóc, không dám uống. Dĩnh muốn uống cạn hết dòng sông một mình không chịu chia xẻ cho ai. Nhưng Dĩnh chịu thua. Dĩnh đã không thể bước qua cánh cửa nào cả. Đó là tất cả những lời nghị bàn của thăng Việt. Tôi thăm chừng điều thuốc trên tay thăng Việt, sốt ruột nhìn mưa trải ào trắng xóa qua khung cửa sổ mở lớn của Cầu Lạc Bộ. Cánh cửa nào? Tôi kêu lên. Dòng sông nào? Đừng làm bộ chị ơi. Tôi đã biết chị có rất nhiều cánh cửa mở, và chị đang

dần dần đóng lại, cho tới khi chỉ còn mình chị ở trong.

Tôi mang gói thuốc còn đầy ắp của thằng Việt về nhà. Đã có nhiều đêm rất thềm nhưng tôi ít can đảm mua lấy một gói để châm hút tự nhiên như những ngày có Dĩnh. Mùi thuốc bốc trong hơi mưa khi ngồi cạnh thằng Việt ở Cầu Lạc Bộ vẫn còn làm tôi nhớ tới ngón tay trở của Dĩnh.



Không muốn đếm xỉa gì tới mấy lời nghị bàn nạo xoi của thằng Việt, nhưng quả thật bữa chiều mắc mưa ở Cầu Lạc Bộ đã làm tôi suy nghĩ đầy dứa về Dĩnh hoài. Tôi đã định viết cho Dĩnh một cái thư quyết liệt nhưng mấy ngày mưa dầm vừa qua đã khiến tôi dịu giọng. Mưa làm tôi mềm mỏng, ngọt ngào. Tôi không muốn gửi vội cho Dĩnh cái thư đã niêm khi Nha Khi Tượng hãy còn cho biết trời sẽ nặng nề ít ra cũng vài ba ngày nữa. Dù sao tôi vẫn nên thành thật với Dĩnh.

Coi như tuần này liên tiếp ngày nào cũng mưa, trừ sáng hôm qua, buổi sáng ngắn chút xíu với một ít nắng hoe của mặt trời hé ngượng. Mưa hoài. Tôi không thể bỏ giờ đàn với cụ Truyền lẫn nữa. Đoạn cuối trong Sonatine của Steibelt sẽ chẳng bao giờ xong. Còn biến khúc 6 ở Six Variations của Beeth. nữa. Bài nào cũng dở dang. Cụ Truyền đã bắt đầu đồ quạu, bực bội. Cụ nói tôi chưa đủ sức đàn biến khúc 6, tại sao cứ đàn chơi chơi hoài mấy cái bài Danse Hongroise, Lettre à Elise, La Prière d'Une Vierge, rồi Hương Xưa, Thu Vàng gì đâu. Mỗi lần tôi đi học đàn hồi trước Dĩnh đều theo ngồi đợi hàng giờ, ngủ gục trong cái ghế mây ngoài phòng khách nhà cụ Truyền. Thực tình tôi không muốn Dĩnh theo tôi khắp cùng mọi chỗ như vậy. Từ hồi gửi cho cụ Truyền cái thiệp báo hỉ, khả năng và thiện chí của tôi dường như đã bị cụ nhìn sai lệch, nghi ngờ. Cụ cho là tôi không còn dành thì giờ để tập thêm ở nhà, tôi không thể thuộc bài nữa, dù là những bài cũ si. Thực ra mấy bữa nay tôi đang ngắc ngứ với Lettre à Elise, bản đàn cũ si mà ngày xưa Tâm đã yêu cầu tôi đàn cho nghe thử, bằng cái Moutrie kê cuối gian phòng tiếp tân rộng rinh của Hội Trường. Mưa làm tôi nhớ tới mùa hè trước. Những cơn mưa rũ rượi thế thiết. Tôi đã mềm yếu hết sức suốt mùa mưa đó. Nhưng rồi bản đàn cũ vẫn chưa được chơi cho Tâm nghe lần nào, tôi mắc cỡ như một đứa phở. Sau này khi bắt đầu dạn dĩ hơn thì tôi cũng biết mùa

hè ấy đã thực sự chấm dứt. Đã mấy lần tôi mời Tâm đến chơi bằng cách này hay cách nọ, có khi tôi viết mấy câu ngắn ngủn trong tờ giấy khổ lớn, xếp tư, gửi Buu điện. Nhưng Tâm không bao giờ tới để nghe tôi đàn bạo đàn. Không bao giờ Tâm muốn nghe bài đó nữa.

Dù sao tôi cũng đã quyết Tâm tới giờ phút chót. Và tôi cũng chẳng còn nhớ lần nào là lần chót tôi còn gặp Tâm. Có phải cái lần Anne đưa tôi tới sở làm của Tâm để gửi thiệp mời đám cưới không? — Tâm vẫn bình tĩnh. Tôi quay ngoắt nghiêng không dám quan sát. Nhưng tôi đã thấy Tâm rõ ràng từ lúc ấy cho tới bây giờ, trong tưởng tượng Tâm cầm cái bì thư trắng lớn đựng thiệp cưới đứng chờ băng qua đường để vào lại sở làm, hai cùi tay hơi khuỳnh, dáng đi chậm rãi, khom khom. Tôi không dám đọc lại những bức thư cũ hay nghe lại những băng nhạc Tâm đã thu cho. Ngỡ cho cùng, đây có phải là một mối tình? Một mối tình đang dở với Tâm, và một người bạn mới là Dĩnh, người bạn đời. Tôi không muốn, không biết nhớ lại từ chỗ nào. Tôi đã đi quanh trong vườn nhà cùng với Tâm suốt một buổi chiều nào đó, cười cợt khi kể lại Tâm nghe cuộc tấn công và lời đề nghị của Dĩnh. Tâm từ hử, vui lấy lệ. Tâm nói anh không có quyền gì để nói gì trong chuyện này cả. Tôi chia tay Tâm và sau đó xoay sở mọi chuyện một mình.

Bản đàn làm bản thần. Tôi đẩy nắp đàn. Bỗng giờ rưỡi. Rồi cụ Truyền sẽ la lối tại sao tôi không tập lại biến khúc 6 của Beeth. Tại sao cứ đàn chơi hoài. Mưa rù rì tưởng không bao giờ dứt; tôi ngần ngại mặc áo mưa, luồn quyền sách nhạc trong ngực.

 Mấy tháng sau tôi mới biết cụ tên là Truyền, nhân đọc thấy trên bì thư ai gửi cụ, để dẫn dưới cái đồng hồ reo trên bàn viết. Cụ vẫn mặc hoài cái áo may ô cũ với quần dài màu hột gà có viền nâu. Cột đeo sợi dây chỉ buộc hai miếng vải bùa khâu vuông, đem thui dây cộm, chia đều đặn hai phía sau lưng, trước ngực. Tôi về kể chuyện Dĩnh nghe, gọi cụ là cụ Bùa. Tôi cũng than phiền với Dĩnh cụ coi bộ chẳng có vẻ gì là nghệ sĩ cả. Thực ra cụ chỉ cần mặc thêm áo dài tay, cùng bộ với cái quần hột gà là tôi có thể thay đổi một vài ý nghĩ thất vọng về cụ, kể từ sau buổi học đầu.

Căn phố cụ ở dài thôn. Đó là một hiệu bách hóa mới mở, tủ hàng còn mới sạch. Mọi thứ đều được xếp ngăn nắp,

khéo gọn. Gian trước buôn bán, gian kế là phòng khách, tượng Đức Mẹ đứng buông hai tay áo rộng kê gần cửa sổ, một cái đàn dương cầm điện kê sát vách, đóng bụi, hình như ít dùng. Phòng khách rồi tới chân cầu thang dẫn lên lầu, tiếp theo mới là căn phòng cụ dạy học. Cây đàn hiệu Gulbransen loại lùn kê xéo ở góc tường, phủ vải nỉ đỏ, trên đặt tượng bán thân của Brahms đã vàng cũ. Vách có treo tấm bảng đen cụ vẽ nốt nhạc và các dấu ký âm. Nhiều khi ngồi đàn tôi nghe được tiếng bầm xắt từ phía trong xa. Hình như gian bếp cách phòng học đàn một gian phòng nhỏ, gian phòng này có thể là phòng riêng của cụ Truyền. Trong lúc tôi đàn cụ hay bỏ vào phòng trong, rồi nhấc chũm mồi lần tôi đàn sai nhịp qua tấm vách ngăn, thường thường với giọng cao hơn một bát độ so với mọi khi.

Tôi đến nơi ướt loi ngoi. Còn sớm năm phút. Không thấy bà cụ đâu, mọi lần bà vẫn ngồi trông hàng bệ vệ sau cái tủ gương mới, tay cầm quạt giấy phe phây. Hiệu đang có người mua hàng. Có gái nhỏ hình như là con cháu của ông bà cụ, đang vụng về gói mấy tập vở mới. Tôi định bụng lát về sẽ mua ở hiệu cụ một ít tập vở còn thiếu. Trong tủ kính có đề giá chính thức mỗi quyển vở 100 trang hiệu Olympic giá 90 đồng, nét chữ nắn nót kỹ lưỡng. Có lần tôi đã muốn mua một gói mỹ chay cho Dĩnh sau giờ học đàn, nhưng có lẽ tôi hơi mắc cỡ. Mua một gói mỹ chay sau khi đã đàn Dussek hoặc Haydn ở ngay trong hiệu của cụ Bùa, dù sao cũng có phần ngượng.

Vào tới phòng khách tôi nghe thấy ai đang chơi Con-certo en Mi Majeur của Bach, Adagio. Có tiếng vĩ cầm đệm theo hun hút, ngọt lịm. Khúc nhạc nghe chìm nổi chập chùng trong tiếng mưa xối ào ạt bên ngoài. Tôi ngồi lại phòng khách nơi cái ghế mây Dĩnh vẫn ngồi đợi tôi hồi trước. Dĩnh đã ngồi ở đây nghe những bản đàn tôi chơi từ phòng phía trong. Những lúc đó Dĩnh nghĩ gì? Dĩnh đã theo tôi khắp cùng, trong phòng mạch của bác sĩ Võ, ở nhà đợi phi trường Liên Khương, phòng âm nhạc của trường, giờ Hội Thảo của nhóm Báo Chí, ở gian hàng bán đồ lót trong chợ Sài Gòn, ở nhà những người bạn học cũ, trong tiệm uốn tóc, ban ngày ban đêm, ngay cả những lúc tôi ngủ mê Dĩnh cũng đánh thức hỏi vặn vẹo em đang nghĩ gì, tại sao em gọi Má, tại sao nằm bên anh mà em gọi Má, anh là chồng em anh không đủ cho em, sao? Dư. Dư sức Dĩnh ơi. Tôi mệt muốn bệnh. Dĩnh trào ngạt tràn đầy tôi không đủ sức chữa. Dĩnh làm tức ngực ngộp thở. Đừng theo dõi quá chớ. Em không nên ngồi một mình hát nghêu

ngạo như vậy, em tiếc hả ? Nhân vật Tâm nào, thằng Việt, cụ Truyền, Anne nào trong các truyện ngắn của em, tên của anh đâu có phải là Dĩnh. Tôi trào máu, tên em là Ngọc, có những cái tên em đặt cho những nhân vật dựng đứng, em đâu có biết họ là ai. Nhưng tên anh có phải là Dĩnh không ? Thực ra, Dĩnh, anh có thích bài Invention số 13 không ? Đối với anh những bản đàn em chơi đều giống như tiếng mấy viên xi ngầu đồ xòa trong cái chén sành, nhưng anh yêu em, Ngọc. Dĩnh thành thật. Có lẽ anh không hợp với em nhưng anh biết em làm gì. Tôi tức tối, em không biết em làm tất cả những cái đó để làm gì. Đừng đẩy anh ra, em. Thằng Việt nói sao, tôi đang dần dần đóng lại các cánh cửa mở, cho tới khi chỉ còn mình tôi ở trong ? Cánh cửa nào ? Còn chương trình hòa nhạc tối nay với Anne. Dĩnh sẽ về ngày nào ? Cái thiệp dự đã gửi cho bạn Anne. Tôi không muốn Dĩnh luôn luôn theo tôi khắp cùng như vậy. Đừng làm hỏng những ngày thanh thoi của tôi chờ. Những ngày tôi quỳnh quáng làm đủ điều vui thích trong sự vắng mặt của Dĩnh. Sợ chiều tối, sợ hết ngày, hết tuần lễ. Sợ Dĩnh về ngay hôm nay khi tôi đã sắp sẵn chương trình buổi tối với Anne.

Tôi bắt đầu sốt ruột. Mưa đã ngớt. Tiếng vĩ cầm nghe dồn dập, trầm nặng, rồi dương cầm đổ xuống như đùa đầy, khiêu khích. Cụ đã quên giờ dạy. Tôi vào phòng đàn. Vẫn cái áo may ô cũ với quần dài màu hột gà có viền nâu, miếng bùa đen vuông vức mằm đầy trên lưng chỗ cổ áo khoét, cụ Truyền đang dòn dã ở điệp khúc tung tăng nhất. Bên cạnh, cụ bà mặc áo cánh trắng, đầu tóc búi nhỏ đứng nâng vĩ cầm ngang cầm lim dim nghe đợi. Họ chuẩn bị sang Rondo. Tôi ngạc nhiên và cảm động trước cảnh tượng ấy, lặng điếng không dám bước thêm.

Sau lúc bản đàn dứt cụ Truyền ngồi yên một lát hơi lâu, trong khi cụ bà lui cui cho cái vĩ cầm vào trong bao vải cũ, đứng cạnh giá nhạc. Tôi vẫn chưa ra khỏi cơn bỡ ngỡ, chùng hững. Khi quay sang thấy tôi cụ Truyền đổi lại sắc mặt mọi ngày. Ờ hay, sao không vào đàn đi ? Tôi vàng dạ lúng túng. Biến khúc 6. Coi kia, khoan đã. Nào. Allegro. Hồng. Hồng hết. Cụ kêu lên thất vọng. Thế này thì biết bao giờ mới xong. Xem đây. Cụ đẩy tôi đứng dậy, ngồi vào đàn. Có lẽ Dĩnh nghe đúng thật. Tất cả những bản đàn tôi chơi đều giống như tiếng mấy viên xi ngầu đồ xòa trong chén sành. Em là một người nghệ sĩ, Dĩnh cười dè dĩnh, em viết truyện ngắn, em đàn, em học Văn khóa, em ăn

mặc có gout, em không bao giờ đeo bùa hay bán tập hóa như cụ Truyền, đúng không em ? Tôi giận run. Đã bao nhiêu lần tôi đàn *Lettre à Elise* và nhờ Tâm, lần nào bản đàn cũng làm tôi lừ khừ, phấn chấn. Tại sao Tâm không bao giờ muốn nghe bản đàn đó nữa ? Tại sao Dĩnh không nhận thấy tôi đã như thế nào mỗi lần chơi lại bản đàn cũ si đó ? Tại sao cụ Truyền cứ bắt tôi đàn những bài *Allegro*, *Allegretto* thay vì *Moderato* hay *Andante*. Thắng Việt nói sào, tôi một lúc sẽ chỉ còn có một mình tôi ở bên trong những cánh cửa đã đóng kín. Cánh cửa nào. Cụ Truyền đứng dậy. Hiểu chưa ? Cụ lại lên giọng nữa. Không bao giờ chịu để thì giờ tập ở nhà, đến nơi rồi lại tập, còn thì giờ đâu mà học bài mới ? Tôi ngó đôi mắt đầy sụp mí của cụ Truyền. Cái cằm nung núc đầy tàn nhang, cái miệng rộng với hàm răng vàng bọt thuốc, cái mũi, cái trán, mái tóc cắt cao đã bạc trắng, hai vành tay gầy, cái bụng của cụ, sợi dây lưng quần... Đúng không Tâm ? Em là một người nghệ sĩ. Tôi ráng dần cơn khóc, ngồi lại đàn.



Mưa dứt hồi nào. Tôi chào cụ Truyền, tay chân lạnh cóng. Cái áo mưa mặc tôi khi nãy vẫn chưa ráo nước. Phía sau mũi xào nấu bay lên thơm phức. Có lẽ đã chiều lắm. Anne sẽ chờ tôi 7 giờ rưỡi ở nhà cùng với người bạn của Anne. Chương trình hòa nhạc bắt đầu lúc 8 giờ, tôi còn phải dùng cơm tối nữa. Cụ Truyền đã dạy bù thêm gấp đôi số giờ bị lấn vì *Concerto en Mi Majeur* của Bach. Hình như tôi muốn bệnh. Những ngày mưa dầm. Bức thư đã niêm kín chưa gửi cho Dĩnh. Những cánh cửa loay hoay đóng mở. Hai thân tôi run muốn khuyu. Thái dương tế nóng như bị bóp thắt chắc chĩa.

Ra tới phòng khách tôi thấy Dĩnh ngồi đơ trong cái ghế mây tôi đã ngồi nghe đàn khi nãy. Không lẽ tôi tưởng tượng hay mong muốn như thế. Nhưng Dĩnh đã về. Tôi tự hỏi tôi đã tưởng tượng hay mong muốn như thế ? #

ĐỘC THÂN

Truyện Ngắn Của

HOÀNG NGỌC TUẤN

Đã gần bốn năm nay, tôi không có dịp nào gặp Thiệp. Giờ gặp lại hẳn, tôi vẫn chẳng thấy hẳn có gì thay đổi. Có lẽ vì chúng tôi quen thuộc với nhau quá. Hai đứa cùng một tuổi, cùng ở chung một nhà từ cái thuở cả hai mới bắt đầu cấp sách đến trường. Lớp Ấu Trĩ, trường tiểu học « Tê-Rê-Xa » năm tuổi, cuối niên khóa tôi đứng thứ nhất, Thiệp hạng nhì, cả hai ôm gói phần thưởng học trong giấy bóng đỏ đua nhau chạy về nhà.

Thiệp với tôi là anh em bà con. Nhưng chúng tôi chơi với nhau như bạn bè. Chẳng xưng hô « anh em » gì cả. Hồi nhỏ gọi bằng « mày tao ». Bây giờ xưng hô « ông ông tôi tôi » với nhau.

Bây giờ, có nghĩa là tôi và Thiệp đã gần ba mươi tuổi. Với số tuổi đó, trong dòng họ nhà tôi, hẳn và tôi trở thành hai người đàn ông lớn tuổi nhất còn độc thân. Ngoài ra, tất cả những người bà con của tôi thường cưới vợ lấy chồng rất sớm.

Hiện nay, Thiệp ở một tỉnh nhỏ miền Trung. Hẳn đã vào quân đội, làm việc tại một trại lính cách thành phố mấy chục cây số. Mỗi tuần hẳn được nghỉ phép 24 giờ đồng hồ, chiều thứ bảy đón xe nhà binh về nhà, chiều chủ nhật vào trại trở lại, sáng thứ hai phải có mặt sớm để sửa soạn chào cờ. Tuần nào cũng vậy đều đều như thế đã ba năm nay rồi, Thiệp nói thế.

Tôi đến tìm hẳn vào một buổi chiều thứ bảy, trời sắp tối. May mà đúng lúc hẳn vừa từ trại lính về nhà. Dù lâu năm không gặp nhau, nhưng lần này gặp, chúng tôi cũng không tỏ vẻ mừng rỡ gì nhiều. Hẳn chỉ nói:

- Lâu ngày quá ta.
- Ờ... lâu ngày thật. Đạo này ra sao?
- Thường thường. Chán. Còn ông?
- Cũng thường thường. Chán.

Thế là xong, tôi theo Thiệp lên căn phòng riêng của hẳn ở trên lầu. Cả gia đình hẳn ở tầng dưới.

Thiệp vứt bao thuốc lá trên bàn. Hẳn ưỡn oải cởi bộ áo

quần lính, đôi giày « bốt đờ xô » to tướng, bít tất dài thông. Hấn nói :

— Ông ngồi đó chơi một chút. Tôi đi tắm. Uống cái gì không?

— Thôi.

Thiếp ra khỏi phòng. Tôi tìm một chiếc ghế, ngồi du đưa, lấy thuốc hút. Trên bàn Thiệp bừa bộn giấy má, một chiếc lọc cà phê còn cạn, hai ba cái gạt tàn đầy ấp những mẩu thuốc ngấm dụi nát. Tôi để ý thấy những vỏ bao thuốc của Thiệp đều mang nhãn hiệu Quân Tiếp Vụ. Tôi cũng thế. Thử thuốc lá này miễn thuế, tệ hơn và giá rẻ hơn thử thường một chút. Quân nhân như Thiệp mỗi tháng mua được khoảng sáu bảy bao, hút thuốc nhiều phải mua thêm ở chợ thứ thuốc lá tuyệt đối cấm bán ngoài thị trường này.

Dưới chân giường có một chiếc máy hát cũ kỹ bám đầy bụi và vài cuộn băng nhạc không biết gồm những bài hát nào. Tôi cũng muốn nghe nhạc nhưng ngại không biết cách sử dụng cái máy gần như long gẫy già sụm này. Tôi đợi Thiệp.

Một lát sau, hấn vào. Tay với lấy bao thuốc lá thì chân hấn đã rút lên giường.

Hấn nằm dài người ra hút thuốc, mắt lim dim như ngủ. Trông hấn chẳng thay đổi chút nào, lúc nào cũng thế, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm. Thật giống như tôi. Hồi nhỏ chúng tôi bị người lớn trong nhà la mắng hoài vì cái tính lười biếng lờ đờ này. Đến nay, hai mươi năm qua, tôi vẫn không thể siêng năng hàng hái được thêm chút nào. Mọi sự đều buồn chán, cuộc sống tôi mỗi mẹt và rầu rĩ lắm.

Còn Thiệp ?

Có lẽ hấn cũng không khá gì hơn tôi. Hấn không cần phải tâm sự, kể lể. Cứ nhìn cái khuôn mặt lạnh lùng và vài sợi tóc bạc trông thật trái mùa buồn cười trên gáy tóc hấn thì biết.

Hấn ngừng đầu lên :

— Lâu ngày mới gặp. Phải đãi ông cái gì mới được. Nhậu ?

— Cũng được.

— Bía hay rượu ?

— Cái gì cũng được.

Hấn nhăn mặt dụi tắt điếu thuốc, lăm bầm :

— Đáng ghét. Hút nhiều muốn ói. Lâu nay chưa hút một bao thuốc Mễ hay Ăng-Lê. Đắt tiền chịu không nổi.

Hồi trước sướng thật...

Tôi nhún vai :

— Hồi trước thì còn nói làm gì (kể ra cũng đâu có lâu gì, năm năm trước thôi. Thủa tôi bắt đầu hút thuốc mỗi ngày một bao, giá một bao Camel, thứ tôi khoái, là ba chục đồng, Pall-mall, « gu » của Thiệp, bốn chục đồng. Bây giờ những hiệu thuốc lá ngon ấy giá mỗi bao gần bốn trăm đồng.)

— Mẹ, ông nội ai mà dám hút mấy thứ đó, nhất là tụi mình mỗi ngày hơn hai bao.

Thiệp nhếch mép cười buồn, thở dài. Hắn bỗng nhòm người dấy, nói :

— Thôi hôm nay coi như đại tiệc. Mua một bao thuốc xa xỉ phẩm hút chơi. Ông bây giờ khoái thứ gì? (on Mèo? Philip Moriss? Garrich?)

— Philip vắng.

Thiệp gật đầu. Hắn háng hái đi ra cửa phòng, nhìn xuống cầu thang kêu :

— Ê... ê...

Một cô bé trạc chừng mười tám tuổi nhanh nhẹn chạy lên. Hắn đưa tiền và dẫn dò gi đó. Cô bé đi xuống, Thiệp nói với tôi :

— Ông nhớ con nhỏ đó không?

Tôi lắc đầu. Tôi chỉ biết đó là em gái của hắn, như thế cũng là em bà con với tôi. Nhưng hắn có nhiều em gái lắm. Hồi xưa tôi đến đây chơi thường thấy một bầy chơi u mọi với nhau, sần sần tuổi nhau, tôi không phân biệt được đứa nào với đứa nào.

Thiệp nói :

— Nó sắp lấy chồng rồi đó. Đám hỏi rồi.

— Trời đất ơi!

Tôi ngạc nhiên kêu lên.

Thiệp nhướn mày :

— Có gì lạ đâu. Tụi nó phải lớn chứ.

— Nhưng mau quá vậy. Tôi nhớ hồi xưa tụi nó nhỏ xíu mà, còn nhảy dây, mặc áo đầm xoè.

Thiệp lặng lẽ mỗi một điều thuốc khác. Hắn lắc đầu :

— Xưa khác, nay khác. Bọn mình cũng vậy.

— Bọn nhỏ lớn mau như thổi.

— Còn bọn mình mau già thật. Tôi bắt đầu thấy mình « lạc điệu ». Chán nản quá chẳng còn biết thích cái gì, làm cái trò gì cho vui được bây giờ.

— Công việc của ông mệt không? Chắc cũng có cái thú chứ?

Thiếp nhún vai. Hắn đá đôi giày «sô» chui lọt khuấy dưới chân giường. Hắn mân mê tấm thẻ bài bằng kim khí treo trên ghế, vòng quanh chiếc cổ áo lính có gắn hai bông mai vàng của hắn. Tôi biết với cái tính lạnh lẽo chịu đựng mọi chuyện của hắn, hắn sẽ không có ý kiến gì dù cho áo hắn gắn một chữ V hoặc gắn mấy ngôi sao. Người ta đẩy đưa hắn từ chỗ này đến chỗ khác, từ giai đoạn này đến giai đoạn khác, hắn chẳng buồn hờ rãng kêu ca phản đối hay vui mừng gì, hắn cứ tỉnh bơ cả phê thuốc lá Tiên miên kể từ ngày vào trung tâm nhập ngũ, sang giai đoạn khóa sinh, rồi sinh viên sĩ quan đeo alpha hình con cá vàng, rồi ra trường với cái lon chuẩn úy hình quai chảo, rồi mười tám tháng sau lên thiếu úy, rồi hai năm sau lên trung úy... Hắn làm việc ở văn phòng, tôi đoán chắc chẳng có lúc nào hắn lãnh một cái huy chương Anh Dũng Bội Tinh hoặc một ngày phạt trọng cấm nào. Đều đặn lừ đừ, không hăng hái gì, cũng không bê trễ gì, từ ngày này qua ngày khác.

Tôi hỏi lại:

— Công việc ông ra sao? Đi làm khoẻ không?

Thiếp nói:

— Tôi kéo cày thôi mà. Năm này qua năm khác, chẳng có gì lạ, chẳng bị thương tích chết chóc gì, mà cũng chẳng sống khoẻ thêm chút gì. Cạo giấy, hồ sơ, phiếu trình, học tập chiến tranh chánh trị... Chào kính cấp trên, đánh bóng giày mỗi sáng thứ hai chào cờ, mỗi tuần trực đêm một lần, ngày hai mươi mỗi tháng lãnh lương, đóng tiền cơm tháng xong, đến ngày đầu tháng hết tiền, bỏ về nhà xin bà già hay mượn mấy đứa em vài trăm mua thuốc hút cầm chừng.. đợi một ngày lãnh lương sẽ đến..

— Nản quá nhỉ.

— Ừ, nản lắm. Được nghỉ mỗi tuần một ngày ở phố, tôi cũng chẳng biết đi chơi đâu, thành phố này chán lắm. Chủ nhật nào cũng nằm lì suốt ngày trong phòng, hút thuốc hay kiểm tí rượu unction, mấy cái đĩa nhạc cũng cũ rích... rồi 5 giờ chiều mặc áo quần đón xe lên trại... và hết, một tuần lễ khác bắt đầu.

Tôi mỉm cười với Thiệp. Tôi không biết nói với hắn điều gì. Tôi cố nói đùa cho vui:

— Thôi, ông ráng đi. Sống lâu lão làng, cứ tà tà như vậy vài chục năm sau, biết đâu ông lên Tướng.

— Hừ... Tôi chỉ muốn giải ngũ. Còn đang sợ lên Đại Úy đây.

— Sao vậy?

— Minh là dân trừ bị mà. Qui chế cho giải ngũ tính theo tuổi tác ở mỗi cấp bậc. Ở tuổi tôi bây giờ, chỉ chờ bổ luật Tổng Động Viên, áp dụng đúng theo qui chế quân nhân trừ bị là tôi được giải ngũ, lên lon làm gì cho kệt lâu thêm.

— Ông nhắm có hy vọng gì được «giã từ vũ khí» không?

Thiệp nói:

— Giã từ áo nhà binh thì đúng hơn, tôi giã từ vũ khí lâu rồi. Cao giấy mà, thỉnh thoảng có lẽ lạc gì mới đeo súng lục làm kiểng. Cũng khó biết được, tình hình thì êm êm rồi, hiệp định ngưng bắn hai lần ký mà, nhưng cũng chưa biết sao, rủi buồn buồn nổ súng lại thì mình còn bị giữ kệt cứng... thôi, chịu đựng đã lâu rồi, ráng thêm một chút nữa vậy.

Tự dưng tôi chợt có ý nghĩ là Thiệp thật xứng đáng là mẫu người tiêu biểu cho hàng triệu thanh niên Việt Nam can đảm trong thời chiến. Đó không phải là những người ở mặt trận cũng không phải là những kẻ may mắn được thanh thoi ở Đò Thị. Rất cuộc, «người hùng» của thời đại này phải là như Thiệp. Là một người sống từ năm này đến năm khác, mỗi năm có đúng 365 ngày, mỗi ngày có 24 giờ, mỗi giờ có 60 phút, mỗi phút có 60 giây... mà không dám mơ ước gì, không thể dám làm gì, không nhớ mình là ai, không còn hiểu tự do hạnh phúc, lý tưởng là cái quái gì và kết cuộc là còn sống sót mà chẳng thấy vui mừng gì, với hai bàn tay chẳng bần cũng chẳng sạch, bàn tay khô queo ám khói thuốc lá vàng như nghệ... Thế đó, khi chiến tranh chấm dứt. Xứ sở này chỉ còn lại những thanh niên như thế. Họ là rường cột, là hy vọng, là tương lai của nước nhà. Dù họ cũng chẳng còn biết tương lai là cái gì, hy vọng là gì nữa...

Quá khứ đã dạy cho bài học làm người «sao cũng được» từ nay sẽ tiếp tục sống ra sao cũng được, mỗi năm có 365 ngày, mỗi ngày có... vân vân...

Tôi định nói với Thiệp điều đó nhưng tôi ngại ý tưởng của tôi chưa được rõ ràng chắc chắn và có lẽ hẳn sẽ cho rằng tôi hiểu cợt hẩn, nên tôi im lặng và như thế Thiệp mất một dịp biết mình chính là người hùng của thời đại.

Trời tối rồi. Cô em gái của Thiệp đem lên phòng bao thuốc lá thơm và mấy chai bia lớn. Con bé thật trẻ trung xinh xắn, nó rụt rè chào tôi. Tôi nói:

— Trong trường em có đứa bạn gái nào cũ được như em gái thiên cho anh đi.

Cô bé cười như tỏ vẻ không tịn lời tôi, rồi bỏ chạy xuống nhà. Thiệp nói với tôi :

— Ông đừng ham. Đối với lứa tuổi nó bây giờ cỡ mình là ông già rồi.

Tôi buồn buồn cãi lại :

— Tôi còn trẻ mà

— Hừ. Ông có thấy bọn con gái mười bảy mười tám bây giờ mới biết mình già rồi, đáng cho ra rìa rồi. Ông quần tụt nó ba mươi phân, nhốt ông vào trong cũng vừa, áo lại ngắn ngắn bày ra nguyên cái bụng trắng phếu với lỗ rốn.

— Buồn cười nhỉ. «Mốt» của tụi mình hồi xưa đâu có vậy.

— Ờ. Hồi tôi với ông còn đeo nhau bằng xe đạp đi thi trung học, tụi mình diện cái quần «Jean» mới tinh, ông chặt nịch kéo quần không lên được đầu gối, áo thì rộng phồng phình như kiểu Hiệp sĩ «mút cờ tex».

Tôi bật cười. Ngày xưa vui nhộn và tươi đẹp thật.

Thiệp nhìn lại áo quần mình, nói tiếp :

— Lâu nay đi đâu tôi cũng chỉ mặc toàn đồ nhà binh cho tiện. Mặc đồ dân sự vào ngay mấy đứa em gái nó cũng cười cười nhìn tôi như là nhìn một ông lý toét từ quê lên tỉnh.

Thiệp làm tôi tự ti và buồn rầu quá. Tôi và hắn không nói gì thêm nữa. Hai đứa nốc bia và hút rít từng hơi khói thuốc Philip Moriss vàng thơm tho ngọt lịm. Tôi khoái trá nói :

— Ông còn sang quá. Đãi đãi lính đinh như thế này.

Thiệp mỉm cười :

— Sức mấy. Bà già tôi đãi ông đó. Tôi chỉ còn mấy trăm đề mua một trăm gam cà phê.

— Mua làm gì ? Ông hết thích ngồi ngoài quán rồi à.

— Tốn tiền chịu đau nời. Lâu nay tôi bỏ hết xì nê, may mặc, ngồi quán... rồi. Đem cả phê lên trại, tôi tối đun nước sôi pha. Mẹ, vật giá leo thang như ngựa bay, lương tiền tôi như rùa bò, ngoài hai thứ cà phê nước nhè nước ba và thuốc đen của lính, tôi chẳng dám xài thêm cái gì. Sống như nhà tu kín.

— Gái ?

— Ông nghĩ coi... Độc thân mà hơn một tháng mới dám đi chơi bởi một lần. May mà cái thứ đó lại không hề tăng giá. Bình dân thì lúc nào cũng chỉ ba trăm và năm năm, mấy năm nay vẫn giữ nguyên giá cũ đó.

Tôi gật gù :

— Ờ nhỉ. Tụi nó có lương tâm nghề nghiệp thật.

— Kể ra thì tụi nó đáng phục thật. Chẳng có con nào tốt nghiệp bằng tiến sĩ, thạc sĩ kinh tế hết mà vẫn... «ồn định vật giá» thật tài không hề leo thang một phần trăm nào cả.

Tôi hợp một hơi bia, nâng ly hăng hái nói:

— Một bông hồng cho gái giang hồ!

Thiếp cung ly, phụ họa:

— Một gái giang hồ cho một người đàn ông độc thân...

—... Cho đến khi người độc thân kiếm được vợ hiền: và tôi bỗng sức nhớ hỏi Thiệp:

— Mà sao ông không lấy vợ cho rồi?

— Một mình chưa đủ ăn. Lấy vợ đẻ mà đói à? Thế còn ông, sao cũng chưa?

— Một mình không đủ ăn. Lấy vợ đẻ mà chết à?

Cứ thế, tôi và Thiệp lải nhải nói đi nói lại mấy lời đó bên ly bia, như một đôi song ca ăn khớp với nhau nhất.



Đêm tối. Thiệp nói với tôi hãy ngủ lại ở nhà hẳn đêm nay, tôi gật đầu. Có âm thanh ông gõ lao xao từ rạp chớp bóng và mấy quán kem ngoài đường vắng vào. Nhưng coi bộ nhạc phồng thanh kêu mời khách đến rê máy cũng không hiệu nghiệm gì lắm. Đêm qua, tôi đã đi vòng quanh phố, các quán hàng vắng ngắt và trong rạp hát người ngồi xem lèo tèo chỉ chiếm mấy hàng ghế, một nửa số khách lại là coi «cọp»...

Tôi khật khưỡng nói:

— Có nhạc nhiễu gì mở nghe chơi.

Thiếp lừ lừ lời chiếc máy hát từ gầm giường, hẳn thôi bụi trên mặt đĩa, lắc đầu:

— Toàn là mấy bài xưa rích thôi à.

— Kệ. Nghe đỡ buồn.

Thiếp mở máy, chiếc đĩa mòn với kim rê chậm chạp xoay xoay. Một bản nhạc vang lên, hồi xưa tôi đã nhiều lần nghe bản này nhưng bây giờ không còn nhớ nhan đề. Điệu nặng nề buồn buồn, nghe có vẻ như một khúc nhạc của những người chiến bại.

Thiếp bỗng nói:

— Ờ... nãy giờ quên hỏi. Mấy năm nay ông làm gì, ở đâu mà tôi không biết tin tức gì cả? Du lịch giang hồ tứ xứ hay buồn bán làm ăn lớn nơi xa?

Tôi lặng lẽ hút cho đầy một hơi thuốc lá như để biết chắc rằng mình đang được nếm chút ít mùi vị ngon lành. Rồi tôi chậm rãi trả lời:

— Tôi mới ở tù ra.

Thiệp không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào. Hắn chỉ nói:

— Chà... Chắc khổ dữ à.

— Ừ.

— Tôi ở ngoài này cũng đâu sướng gì.

Đêm đó, chúng tôi hút thuốc uống bia dai dẳng đến khuya. Tôi và Thiệp chẳng đứa nào còn muốn nhắc nhở đến kỷ niệm, đến những ngày xa xưa đẹp đẽ dưới mái trường nữa. Những điều ấy giờ đây tưởng chừng như chỉ có trong tiểu thuyết.

Tôi thiếp ngủ lúc nào không hay. Dĩa hát chạy đã hết nhưng không đứa nào buồn lật sang mặt khác hay thay đĩa. Rốt cuộc, chúng tôi không còn biết yêu thích điều gì nữa, không còn biết thưởng thức một cái gì hết. Âm nhạc, ngày xưa chiếm địa vị số một đối với chúng tôi. Thiệp chơi được đàn phong cầm, hắn cũng thường theo dõi kết quả những bản nhạc thời trang ăn khách nhất ở Hoa Kỳ và Pháp Top Hit, Hit Parade..., và gì gì đó, tôi mê nhạc tiền chiến, bây giờ chúng tôi đâm ra lơ là với thứ đó, những nhạc điệu như trôi hời hợt bên tai, chẳng thấm được vào người nữa.

Tôi ngủ mê mết. Rốt cuộc, có lẽ tôi chỉ còn biết thức và ngủ. Đôi khi mất ngủ thức trắng đêm đã dụi. Đôi khi ngủ say li bì như người chết.

Một buổi sáng chủ nhật cũng đi qua theo cách cố hữu của Thiệp. Nằm lý trong phòng, uống cà phê, gặm thêm một miếng bánh mì dẫn bụng, hút thuốc, bây giờ trở lại với thứ thuốc lá đen rở tiền như mọi ngày.

Đến chiều, có hai người bạn gái của Thiệp đến chơi. Họ gần bằng tuổi chúng tôi và Thiệp đã cho tôi biết trước họ đều chưa chồng. « Hội những người độc thân ở tỉnh phố », Thiệp nói đùa bây giờ có thêm tôi là hội viên tôi mới ở xa đến thành phố này.

Trong hai cô bạn, Thiệp có vẻ thân mật hơn một chút với cô A. Hắn giới thiệu và như cố ý đẩy tôi và cô B ráp lại thành một cặp. Tôi cũng không có gì phản đối. Tôi đang thui thủi một mình trong thành phố này, người quen biết duy nhất của tôi là Thiệp nhưng hắn ít thì giờ đi chơi quá, và điều trở ngại nhất là hắn thuộc phái đực rựa như tôi.

Đồng hồ điểm đúng năm giờ, Thiệp lạng lẽ nai hịt bộ đồ nhà binh lại một cách đàng hoàng. Hắn vuốt thẳng chiếc mũ lưỡi trai, bắt tay và nói:

— Thôi, tôi vào trại. Nếu ông còn ở đây đến thứ bảy tuần sau thì gặp.

Rồi hắn nói riêng với tôi :

— Ráng kiếm đâu chút tiền dẫn con nhỏ đó đi chơi một vòng cho vui. Tôi coi mặt ông hình như thiếu chất đàn bà, trông ủ dột rầu rĩ quá.

Tôi gật đầu. Trước khi đi, Thiệp không quên giới thiệu thêm cho tôi biết cô B là nhân viên của một chi nhánh Ngân Hàng Pháp ở tỉnh này. Nhưng điều ấy không có nghĩa là cô ấy biết chế tạo ra giấy bạc, và nếu tôi có mục đích đào mỏ thì thật là một điều lắm lần lớn, vì cô B đã tốt nghiệp một khóa học về tài chánh và tiết kiệm.

Tôi chỉ biết gật đầu. Cô A và cô B chào chúng tôi về nhà ăn cơm. Tôi hẹn với cô B tối nay tôi đến đón cô ấy đi dạo một vòng và uống cả phê hoặc uống nước dừa, ăn kem giải khát v.v.. Cô B nhận lời và cho tôi biết địa chỉ. Cô nói :

— Khoảng tám giờ nghe.

— Thôi, chín giờ đi.

— Cũng được.

Bây giờ là năm giờ: Tôi cần có bốn tiếng đồng hồ để đi kiếm một ít tiền. Nếu chỉ ba giờ sợ đôi khi gấp quá không xoay kịp.



Tôi có trong túi năm ngàn đồng. Chín giờ năm phút, một chiếc xe xích lô đạp mang tôi đến trước nhà cô B, đúng theo địa chỉ.

Chúng tôi đang đi trên con đường dọc theo bờ biển. Dưới chỗ cát thấp ven đường, lấp loè ánh sáng xanh đỏ của những quán nước nằm sát bên nhau, trông có vẻ tối mù và xấu xí.

Cũng may cô B là người địa phương, cô biết một quán nước lịch sự nằm trên đường này. Chúng tôi đi đến đó. Tấm bảng hiệu trước cổng đề mấy chữ «Hội quán thành phố». Đây có lẽ là quán nước đẹp nhất của tỉnh này. Bàn ghế thấp nhỏ bằng gỗ đặt rải rác trong sân rộng, dưới những lùm cây; vài ba ngọn đèn với ánh sáng vừa phải khiến bóng tối còn được giữ lại trong đêm, không khí ngoài trời thoáng mát gió biển, nhạc Stéreo âm cúng không ồn ào quá.

Thực đơn lại ghi đầy những món nhậu hấp dẫn của xứ biển, nhưng cô B không phải là tôi, cũng không phải là Thiệp. Cô chỉ uống một chai nước cam. Tôi uống một chai bia nhỏ. Mấy đứa trẻ nít đến mời mua thuốc lá. Tôi

nhìn cô B chiếc áo của cô đang mặc khác với hồi chiều. Hình như cô cũng đánh phấn sáp, trang điểm nước hoa v... v... đôi chút. Tôi mua bao thuốc Lucky như đề cầu may.

Cô B rành rẽ nhiều chuyện trong thành phố này. Cô có vẻ quen biết nhiều. Một vài người khách khi đi ngang qua bàn chúng tôi cười chào cô và tò mò nhìn tôi. Bà chủ quán cũng hỏi thăm cô B mấy câu và bà dấu một nụ cười khi thấy cô ngồi cùng bàn với tôi. Bà ta cố ý tìm dịp đến gần để xem tôi là ai, nhưng khi nhìn thấy rõ, bà ta có vẻ thất vọng, tôi là một người hoàn toàn xa lạ trong thành phố này.

Cô B nói :

— Cái tỉnh này nhỏ xíu mà lại lắm chuyện. Họ thấy tôi đi chơi với anh bữa nay là ngày mai đồn đại lung tung cả.

— Đồn đại thế nào ?

— Chắc họ nói mình là... bỏ bịch với nhau.

— Cô có ngại gì không... Sợ phiền cho gia đình hay một người nào đó ?

— Không. Tôi lớn rồi.

Tôi và cô B nói chuyện với nhau, cô kể những chuyện vui ở nơi làm việc của cô, cô phụ trách quầy Trường mục Tiết kiệm trong ngân hàng nên quen biết với nhiều người trong tỉnh này. Tôi góp chuyện đôi câu với cô. Dần dần cô cho biết quan niệm của cô về đàn ông, về chuyện hôn nhân... Tôi đưa ra những ý kiến trái ngược khiến cô cãi lại, nhờ thế câu chuyện kéo dài vui vẻ và hào hứng đôi chút.

Sau đó, chúng tôi ra khỏi quán. Tôi nhìn thấy biển trước mặt, tôi nói :

— Minh xuống bãi biển, đi bộ một quãng cho vui.

Cô B có vẻ không thích thú :

— Đi bộ trên cát mỗi chân lấm.

— Đi một chút thôi.

Rốt cuộc cô B cũng bằng lòng như muốn chiều ý tôi chứ không tỏ vẻ thích cái trò đi dạo trên cát biển trong đêm. Tôi cũng thế, tôi chợt có ý định này vì lý do kỷ niệm. Ngày trước có lần tôi yêu một cô gái cũng ở miền biển, nhiều lần chúng tôi mơ ước cùng được đi bên nhau trên bãi biển vào một buổi tối nào đó, nhưng đến nay, tôi và nàng đã xa nhau và vẫn chưa một lần làm được điều đó.

Tôi và cô B băng qua đường, bước vào bãi cát. Chân tôi nặng nề và vương vãi trong lớp cát thật mau mỗi chân, đúng như cô B đã nói trước: Chúng tôi đến chỗ cát ướt,

và đi chậm rãi dọc theo những lớp sóng đều đặn kéo vào tràn lên bờ. Ở biển trời nhiều gió. Chúng tôi đi sát bên nhau, gió thổi mạnh làm tà áo dài của cô B bay phấp phất nhiều phen quấn vào chân tôi. Tôi đảo mắt nhìn quanh bãi biển để tìm một chỗ thật tối, tôi muốn hôn cô B. Nhưng bãi biển đầy người lớn dạo mát, trẻ con chạy nhảy nô đùa, ánh đèn đường chiếu sáng, đèn trong các quán nước cũng tỏa ra sáng quá. Tôi không tìm ra được một chỗ nào kín đáo và thuận tiện để hôn cô B cả.

Sau đó, tôi gọi cho cô B một chiếc xe xích lô và tiễn cô ra về. Xe lăn bánh, tôi quay đầu lại đi lủi thủi một mình trên đường. Tôi hơi buồn vì đã không làm được cho cô B vui vẻ trong cuộc hẹn vừa rồi. Tôi cũng chẳng cảm thấy vui gì.



Đường đầy cát lầy và ổ gà, tôi càng đi xa bờ biển, không khí càng oi bức ngột ngạt. Đường vắng tanh, thỉnh thoảng mới có tiếng máy nổ của xe nhà binh rì rầm vụt qua rồi mất hút.

Chó hoang trong những bụi rậm tối lăm vụt sủa ăng ăng khi thấy có bóng người. Tôi lưỡng lự tiếp tục bước, tôi bước đi đâu đây, làm gì cho qua đêm nay...

Tôi dừng lại trước một quán nước đèn mù mù yếu ớt. Tấm bảng hiệu đề mấy chữ có vẻ thơ mộng: *Quán mùa thu* và quán làm toàn bằng tre, lợp tranh trông khá lạ mắt thú vị. Tôi bước vào, vấp phải mấy chiếc ghế thấp lổng chổng. Trong quán tối mù, người ta cố tình chỉ thấp một ngọn đèn đỏ như đầu điều thuốc rực sáng một đóm nhỏ. Tôi gọi một chai bia, trên bàn có bày sẵn mấy gói đậu phụng da cá. Tôi uống lai rai, gọi thêm bia. Khi mắt tôi đã quen với bóng tối, tôi chợt thấy ở chiếc bàn góc quán, ba thanh niên và một thiếu nữ đang ngồi chụm đầu vào nhau, chuyền tay một điều thuốc, mỗi người hút hai hơi, nhà khói rất ít. Nhìn cái cách hút thuốc đó, tôi biết chúng đang « phi xì ke ». Một đứa nhìn tôi có vẻ ngờ vực, chắc chúng đoán tôi là « côm » bài trừ ma túy. Tôi đóng kịch cho chúng yên lòng. Tôi quay đầu điều thuốc lá cháy đỏ của tôi vào trong lòng bàn tay như giấu giếm rồi đưa lên miệng rít một hơi, mắt lim dim như đang phi, tay vờ vẽ điều thuốc làm như có nhét bạch phiến ở trong. Chúng nhìn tôi có vẻ thông cảm.

Ngày hôm qua, tôi nghĩ rằng tương lai của nước nhà tùy thuộc vào những người như Thiệp, kẻ không còn muốn làm gì cả. Bây giờ, tôi nghĩ rằng chút tương lai đầy triển

vọng ấy lại có thêm sự đóng góp của đám thanh niên thiếu nữ đang ngồi chui rúc trong quán này.

Tôi hút hết bao thuốc, quán không có bán thuốc lá. Tôi trả tiền cho người bồi, ra khỏi quán.

Một gã chạy xe « ôm » hướng dẫn tôi vào một ô nhện theo lời yêu cầu của tôi. Căn phòng nóng bức làm tôi toát mồ hôi, mỗi phòng cách nhau chỉ bằng một tấm màn vải dơ bẩn lung lay, thỉnh thoảng tôi thấy một bàn chân từ phòng bên lộ ra sau bức màn trông thật buồn cười. Tôi và một cô gái bình dân, cô C, trên chiếc giường kêu cọt kẹt thật khó chịu. Xong xuôi, tôi nói với cô C :

— Anh buồn quá. Đêm nay anh cũng không biết ngủ đâu. Anh ngủ với em suốt đêm được không ?

— Một lần chỉ năm trăm. Cả đêm giá hai ngàn, anh tiếc tiền không ?

— Tiếc chứ, anh đâu muốn ngủ lại đây. Em có nhà riêng không, cho anh theo về đó với. Sau giờ làm việc của em, em đừng có tính tiền chứ.

Cô C có vẻ ngần ngừ một lát. Cô bật đèn lên, tò mò quan sát tôi từ đầu đến chân. Trên người tôi lúc này chỉ mặc một cái đồng hồ đeo tay. Cô C có vẻ ái ngại :

— Sao anh gầy quá vậy ? Thiếu ăn hả ?

Tôi trả lời :

— Thiếu vui.

Tôi quan sát lại thân người của cô C. Cô C cũng chỉ mặc một chiếc dây chuyền vàng ở cổ. Tôi nói :

— Sao em mập quá vậy ? Dư ăn hả ?

— Kỳ quá... Đừng nhìn em.

Cô C kêu lên, cô tắt đèn và sột soạt mặc lại áo quần trong bóng tối. Rồi cô nói :

— Được rồi. Anh ra ngoài chờ em. Mười một giờ em mới về nhà được, em cho anh về theo.

Tôi ra phòng ngoài. Ở đây cũng có được một bộ bàn ghế dành cho khách ngồi chờ. Tôi kêu một chai bia và bao thuốc lá Mèo. Mụ Tú Bà đếm tiền lại đầy đủ, còn mở mấy thâu băng cho tôi nghe một tuồng cải lương « cánh sen trong bùn », có Bạch Tuyết và Hùng Cường trong hai vai chính. Mấy cô đồng nghiệp với cô C cũng ngồi gần đó, lắng nghe cải lương một cách mê mẩn, đến nỗi quên hẳn mấy ông khách thỉnh thoảng dáo dác bước vào phòng. Mụ chủ phải lên tiếng la rầy, thúc hối mấy cô siêng năng hăng hái làm việc hơn. Rồi lần lượt, mỗi cô dẫn một ông ra phòng sau. Cô D kẹp tay với một ông nhà binh mang ba hông mai vàng trên cổ áo, cô E đi với một ông Trung Sĩ, cô G quàng

vai một cậu Hippy lồi đi... chỉ có cô H là còn rảnh, ngồi vắt mông chân chờ khách. Cứ điệu này, nếu tôi còn ở lâu trong thành phố này, có ngày tôi vào giường với cô Z.

Tôi ngồi chờ cô C đi khách đến mười một giờ. Trong bụng tôi cũng thành thật mong rằng đêm nay cô C dắt khách, như thế cô sẽ vui vẻ hơn và không đổ xui cho tôi.

Hết giờ làm việc, mụ chủ sửa soạn kéo cửa sắt đóng lại. Tôi theo cô C về nhà cô. Cô nói có thuê một căn phòng riêng ở gần đây.

Lát sau, cô C đi trước, tôi đi sau, cả hai rón rén được trên chiếc cầu thang gỗ dẫn lên phòng của cô C. Cô mở chìa khóa nói với tôi :

— Anh đừng chờ đây. Em vào trước dọn dẹp một chút, phòng bê bối lắm.

Tôi lại đứng chờ. Có vài tiếng động nhỏ trong phòng, rồi một ngọn đèn ngủ bật lên. Bỗng cô C lộ mặt ra, giọng trầm thì :

— Chết cha... không được đâu. Chồng em đang ngủ trong phòng, không biết sao đêm nay nó lại mò về nhà được.

Tôi hoàn toàn thất vọng. Cô C nắm tay tôi, an ủi :

— Thôi, anh về đi, đề bữa khác. Thằng chồng em nó... dữ lắm.

Cô C không nói tôi cũng rõ điều ấy. « Chồng » của gái giang hồ thường là một gã ma cô hoặc là một tên lính rất là cô hồn. Hắn sẽ không ngần ngại ném tôi từ lầu hai xuống đường, không phải vì tôi muốn ngủ với « vợ » hắn mà vì tôi làm hắn giật mình thức dậy khi đang ngủ ngon.

Tôi nhìn đồng hồ tay, đã gần đến giờ giới nghiêm. Số tôi xui thật, biết thế tôi đề nghị ngủ đêm với cô D hay cô Echo rồi.

Cô C có vẻ tội nghiệp cho tôi. Cô suy nghĩ một chút rồi ra khỏi phòng, khép cửa lại, cô dắt tôi đi và nói :

— Thôi để em giới thiệu anh với con bạn em. Nó cũng thuê phòng ở gần đây.

Cái chữ « giới thiệu » có vẻ long trọng quá khiến tôi tò mò :

— Cô bạn em làm gì ?

— Thì nó cũng làm... nghề như em chứ gì. Nhưng nó chưa... chồng.

Tôi lại đứng chờ trước một cánh cửa phòng khác. Cô C gõ mạnh cửa cộp cộp. Một lúc lâu, một khuôn mặt đàn bà đầu bù tóc rối lộ ra, giọng ngái ngủ với cô C.

— Gì vậy mày ?

Cô C chỉ tay vào tôi, nói với cô I :

— Ông khách này... ông muốn ngủ đêm với tao, nhưng tao kẹt. May rảnh không.

— Cô I liếc tôi, buong thổng hai tiếng :

— Hai ngàn.

Tôi kỳ kèo :

— Ngoài giờ làm việc mà, bớt chút ít đi.

— Cửa chùa à ?

Cô I « hừ » một tiếng, định động cửa lại. Tôi kêu lên :

— Thôi được.

Cô C nhéo má tôi ra dấu tạm biệt. Cô nói :

— Số anh xui xẻo. Nếu thằng chồng em đêm nay không về, em cho anh... ngủ không, đầu lấy tiền.

Tôi cảm động. Tôi nhớ đến vợ tuồng cải lương vừa nghe. Tôi vỗ vai cô C nói :

— Em tốt lắm. Em đúng là một cánh sen trong bùn.
Sau đó tôi vào phòng với cô I.



Tôi thức dậy khi trời còn sáng sớm. Trong tiếng quạt máy chạy vù vù đều đều lên trần hình tròn nhể nhại đang ngủ li bì của cô I, tôi cảm thấy tất cả những gì trống rỗng, hoang lạnh lợt lạt của cuộc đời này đều dồn vào ở trong bụng tôi. Miệng tôi đắng nghét dư vị của khói thuốc và mùi rượu trong đêm tối bụng tôi đói cồn cào. Tôi không « buồn nôn » theo nghĩa của triết lý thời đại, nhưng giờ đây, tôi dợm muốn ói mấy lần trong phòng tắm.

Tôi mở cửa phòng, ra đứng trước bao lơn. Đường xá còn vắng tanh, giờ này chắc Thiệp đang đánh bóng đôi giày lại để ra sân chào cờ, đứng nghiêm nghe ông đơn vị trưởng có mấy lời với toàn thể quân nhân các cấp trong trại. Cô B chắc cũng đang rửa mặt đánh răng, đánh sấp môi, thoa chút phấn hồng, sửa soạn đến sở làm, một ngân hàng đứng đắn sang trọng phòng nào cũng có gắn máy lạnh. Cô C thì đang ngủ với chồng. Còn cô I đang nằm dài kia trong phòng, dựa đầu trên chiếc gối có nhét mấy tờ giấy bạc đáng giá hai ngàn ở dưới.

Và tôi. Tôi muốn nhảy xuống từ tầng lầu hai này, đâm đầu xuống đất chết cho xong.

Nhưng cách đó xem chừng khá đau đớn nên tôi không làm được. Rồi cuộc tôi vẫn sống nhân rằng.

Tôi vẫn sống. Tôi thấy không có cách nào khác. Chỉ còn một cách là tôi cứ vẫn sống. #

(Thời Tập ngày 24-2-1975)

LỮ QUỲNH

NHỮNG NGƯỜI TƯỞNG QUEN NHAU



Khi xe vượt qua trạm gác của quân cảnh để vào bến, tôi thò tay vào túi áo lấy sổ tay ra xem một lần nữa địa chỉ anh Hoán. Con số và tên đường đã nằm sẵn trong trí tôi, nhưng tôi vẫn không ngăn được thói quen máy móc của mình. Chiếc xe lắc lư tiến chậm rãi vào chỗ đậu giữa

Khi xe vượt qua trạm gác của quân cảnh để vào bến, tôi thò tay vào túi áo lấy sổ tay ra xem một lần nữa địa chỉ anh Hoán. Con số và tên đường đã nằm sẵn trong trí tôi, nhưng tôi vẫn không ngăn được thói quen máy móc của mình. Chiếc xe lắc lư tiến chậm rãi vào chỗ đậu giữa đám bụi mù hăng hăng mùi đất. Tôi đợi cho đám hành khách ngồi trước mình xuống hết, rồi mới thông thả cầm xác tay xuống sau. Tôi gạt đám tài xế xe thò, xe lam, xích lô đang chen khách, tiến tới một quán cóc gần đó. Tôi cần có ít phút để xếp đặt thời khắc biểu cho mình trong thời gian ngắn ngủi ở đây, dù cho chuyến đi này chẳng có gì quan trọng cả. Việc trước tiên có lẽ tôi sẽ tới thăm anh Hoán, sau đó sẽ tới ở lại chơi với Thung. Tôi gọi một ly cà phê đá, lấy một gói thuốc, và hỏi vắn vơ cô hàng về con đường mà tôi sắp tới. Cô hàng nói, con đường đó nhà rất ít nên ông rất dễ tìm. Tôi mỉm cười hình dung ra căn nhà của anh Hoán, tự hỏi không biết bây giờ những người ở đó còn ai nhận ra mình nữa không.

Nắng buổi chiều đậu trên những ngọn cây đầy bụi cho tôi một cảm giác hết sức khó chịu. Cảnh vật đó với thứ khí hậu oi ả không hợp với tôi chút nào, rồi nghĩ tháng này ở đây lẽ ra phải đang lạnh chứ. Tôi đứng dậy chào cô hàng, và theo ngón tay chỉ của cô, tôi tà tà đi tới nhà anh Hoán. Đường phố gập ghềnh những ổ gà, bụi và rác bám

trên lề đường. Tôi nghĩ chút nữa sẽ đùa với anh Hoàn về cái tỉnh của anh. Tôi quan sát những ngôi nhà xinh xắn có cổng bằng gạch đỏ. Tôi đoán ra ngôi nhà anh một cách dễ dàng. Tôi tiến tới, ngừng lại nói với người lính gác mấy câu cần thiết, nhưng vì tôi là người khách hoàn toàn xa lạ với y, nên y phải gọi điện thoại vào nhà xin xác nhận, rồi mới lễ phép để tôi vào.

Tôi bước giữa hai đám cỏ xanh được cắt xén cẩn thận. Ngôi nhà với tường vôi màu vàng thẫm trông thật uy nghiêm. Những cánh cửa sô màu nâu với rèm vải màu gạch. Tôi mỉm cười nghĩ đến anh Hoán thừa tôi còn nhỏ và anh mới ở trường võ bị ra được vài năm. Hồi đó anh đâu có nghĩ có một ngày anh làm lớn thế này. Tính tình thẳng thắn, hồn nhiên, nghịch ngợm của anh đâu phải là những đức tính của một người làm chính trị. Tôi không bước vào cửa chính mà tiến vòng cửa sau, một thiếu nữ tôi đoán chừng là đứa con lớn của của anh Hoán đang đứng ở cửa chào tôi và đưa tôi vào phòng khách. Tôi ngắm thiếu nữ đi nhẹ nhàng trước mình không tránh nghĩ đến thời gian được. Thời gian là mầm sống, nhưng cũng là sự chết của con người. Đứa bé ngày nào trong một thời gian không gặp, đang là một thiếu nữ trước mặt. Tôi đứng giữa phòng khách, chỉ tay vào thiếu nữ, hỏi tự nhiên:

-Có phải Nữ đây không?

Thiếu nữ dạ nhỏ, tay cuốn tròn những sợi tóc trước ngực.

-Mời chú ngồi đợi ba cháu. Cháu đã điện thoại và có lẽ ba cháu cũng sắp về. Xin phép chú cháu đi lấy nước.

Thiếu nữ vào nhà sau. Còn một mình, tôi ngã người ra lưng ghế, nhìn lên những bức tranh và đồ trang trí chung quanh. Một chiếc đàn Tây Ban Cầm treo khiêm nhường ở góc tường, gợi tôi nhớ đến những buổi chiều bên giòng sông Bồ, anh Hoán đã chơi đàn như người ta đánh trống. Những bản nhạc hùng tráng được anh ưa thích nhất. Không biết bây giờ anh có thì giờ và còn tâm hồn ngày xưa để chơi những bản nhạc như thế nữa không.

Thiếu nữ trở vào, đặt trước mặt tôi một ly nước cam vắt.

-Cám ơn Nữ, tôi nói và đưa tay chỉ lên cây đàn,

anh Hoán có còn thường chơi đàn nữa không?

-Thưa chú thỉnh thoảng thôi ạ. Ba cháu cứ bận rộn suốt ngày. Thỉnh thoảng ba cháu vẫn nhắc đến chú...

Tôi cười, chỉ ghế phía trước cho thiếu nữ:

-Nữ ngồi tự nhiên đi. Lần gặp trước Nữ bằng chừng này, tôi đưa tay ra dấu ngang tầm tay ghế dựa, lần gặp tiếp theo Nữ như vậy đó. Thời gian kể cũng đáng khiếp thật.

-Cháu cũng nghe ba cháu nói về chú, nhất là lúc Ba cháu còn ở ngoài mình. Ba cháu thường bắn khoăn không biết chú đi đâu mà tuyệt tích giang hồ. Tí nữa gặp chú, chắc ba cháu ngạc nhiên và mừng lắm.

Có tiếng xe đỗ ngoài cửa. Tôi đoán biết anh Hoán đã về. Nữ đứng dậy reo lên:

-Ba cháu đã về rồi đấy.

Tôi cũng đứng dậy bước ra với Nữ. Anh Hoán mặt trắng, già hẳn đi. Anh nhìn tôi một lúc mới ồ lên:

-À, chú Phan. Chú từ góc trời nào hiện tới thế? Bao nhiêu năm rồi nhỉ? Mười năm? Ồ mười năm. Chú tẻ thật.

Tôi nói :

-Tôi đâu có tẻ, anh. Tôi vẫn biết về anh mà.

-Làm sao chú biết được?

-Qua báo chí.

-Qua báo chí? Nếu chú biết theo kiểu đó thì coi như chú không biết gì về tôi cả.

Tôi biết anh Hoán hiểu lầm ý tôi, nhưng tôi chẳng nói gì.

Anh bảo tôi thay đồ, ra phòng khách ngồi chơi đợi anh trong ít phút. Sực thấy Nữ đang đứng bên cạnh, anh hỏi:

-Lúc mới vào nhà, chú có nhận ra ngay cháu Nữ không?

-Cũng ngờ ngợ anh ạ, tôi nói, mới ngày nào còn vùi vĩnh làm nũng với chị đó, mà bây giờ...

Tôi trở vào phòng khách ngồi cời giầy. Anh Hoán bước vào theo, mở những nút áo lính một cách tự nhiên.

-Tôi nay tôi có buổi họp, Tuy nhiên có thể tới trễ được. Chú định ở lại chơi với tôi bao lâu?

Tôi nói:

-Xin anh chờ bận tâm. Tôi đến thăm anh một lúc rồi đi. Có người bạn cũng ở tỉnh này, tôi muốn gặp hẳn.

-Tôi trông chú chẳng khác gì xưa cả. Cũng cái tính hồ hững ấy.

Tôi cười. Một lúc, tôi hỏi thăm anh về chị Hoán và mấy đứa nhỏ sau này. Anh cho biết, chị và chúng nó vừa ra ngoài mình thăm. Giọng địa phương của anh làm tôi cảm thấy thân mật lạ lùng.

-Bây giờ chú kể cho tôi nghe chú đi đâu mà biệt tăm biệt tích như thế? Lâu rồi tôi có hỏi thăm chú, và cũng chỉ biết đại khái thôi.

-Tôi cũng quanh quẩn đó đây thôi anh ạ. Giữa thời buổi này không cần thấy, anh cũng biết quá rồi cái sinh hoạt của tụi tôi.

Anh Hoán cười. Anh cười như anh đã sẵn sàng nghe cái câu nói đó từ khuya. Anh làm như anh thông hiểu hết những ẩn ức của tuổi trẻ, nhưng vì ẩn ức đó không đi tới đâu, nên anh có hiểu cũng vậy thôi. Tôi không hài lòng thái độ đó. Tôi nói:

-Sống là thường xuyên giải quyết những vấn đề lúc nào cũng sẵn sàng có đó. Những vấn đề của tôi không rõ ràng. Vì dòng sông của tôi cùng quần., nhưng không phải vì thế mà chúng ta xem như không có vấn đề nào cả.

Anh Hoán vẫn cười điềm nhiên. Anh gọi người lính dọn cơm, bảo Nữ lấy rượu, rồi quay qua tôi:

-Chú cùng quần, chú khổ là do chú. Chú đã chọn những vấn đề phức tạp cho mình. Phải phân biệt những điều mình nghĩ và những điều mình làm. Tôi biết chú đang đòi hỏi gì. Trước một sự bi thảm, đói khát, khổ khổ, ai chẳng biết một cuộc vận động để chấm dứt những cái đó là hợp lý. Trong tình cảnh đó, tôi nghĩ như chú. Nhưng tôi chưa làm gì được, trong khi chú đã làm rồi chứ gì? Chú lên tiếng, chú vận động, nhưng sự vận động đó của chú sẽ đi tới đâu, có làm những người khác có cơm ăn không? Phải thực tế chú ạ...

-Anh mĩa mai tôi có phải không? Dĩ nhiên là tôi không thể đem cơm áo lại cho ai được. Nhưng không lẽ mọi người đều cam phận, chịu đựng hoàn cảnh khắc nghiệt của mình?

Anh Hoán cười. Tôi tưởng như tôi không thể nào làm anh giận được cả. Sự điềm tĩnh của anh Hoán, trong một phút giây nào đó đã làm tôi cảm thấy lao đao. Tôi nghĩ ngợi về sự chần chẫn của mình, về những điều mình từng nghĩ ngợi. Anh Hoán đứng dậy, mời tôi ra phòng ăn.

Chiếc bàn trải khăn trắng với những chiếc ly thủy tinh trông thật ngon mắt. Bữa ăn chỉ gồm có tôi, anh Hoán và Nữ. Tôi ngồi vào ghế, nói với anh Hoán:

-Tôi vẫn nhớ đến sông Bò mỗi lần nghĩ tới anh. Giòng sông quá đẹp. Vào mùa nắng, anh còn nhớ anh thường đỡ tôi ra cái cồn cát giữa dòng. Những bóng cây hai bên bờ thật mát. lại gặp mùa thanh trà...Sau này anh có hay về lại đó không?

-Rất ít, anh Hoán nói, cách đây vài năm tôi có nhìn con sông đó từ trực thăng. Cồn cát đã lớn và dài ra, trong khi dòng sông như hẹp lại. Cây cối hai bên bờ cháy nám. Những trái thanh trà chưa có dịp để ăn, nhưng tôi đã thấy đắng chát từ đáy cổ.

Tôi nghe nổi ngậm ngùi trong giọng nói của anh Hoán. Tôi nhìn anh, khuôn mặt đầy ưu tư nghiêm nghị. Anh rót rượu chát vào ly tôi, trong khi Nữ loay hoay chọn những viên đá nhỏ cho vào ly còn lại.

-Khi nãy chú bảo chú biết tin tức tôi qua báo chí, tôi biết chú đã nghĩ không đúng về tôi. Phải ở vào vị trí của mỗi người, mới thấy cái sai lầm hợp lý, hoặc cái thành công gượng ép của họ.

Tôi cải chính:

-Anh lại hiểu sai ý tôi. Chính nhờ báo chí mà tôi biết anh dự trận Hạ Lào, rồi sau đó về nhận bàn giao ở tỉnh này. Còn những tin tức khác, anh cứ tin là tôi có thể hiểu như anh.

Anh Hoán xới cơm vào chén tôi. Anh nói:

-Thời buổi đầy rẫy sự hoài nghi. Chính cuộc sống này đã tạo sự cô đơn cho mỗi người. Không làm được gì hết. Sống, dè dặt. Làm việc, cầm chừng. Đừng xấu quá, và đừng tốt quá. Hề quá tức là đồ. Chú hiểu ý tôi chứ?

Tôi mỉm cười, nhưng trí óc tôi đang bận nghĩ tới một chuyện khác. Tôi nhớ những điều buồn thảm trong một lá thư của người bạn vừa gửi cho tôi. Cảnh đói kém và

đời sống cùng khổ đã xuất hiện từ lâu nay. Tôi nghĩ tới hoàn cảnh của Thung, hai năm trốn lính, thân thể mỏng dính như một tấm giấy, đang hiện diện trong căn nhà gỗ nào đó của thành phố này. Tôi nói:

-Những ngày còn nhỏ sống bên anh thật tuyệt. Nghe anh nhắc đến sông Bồ vừa rồi, chắc tôi không bao giờ còn có ý định về lại đó nữa. Dòng sông như tuổi trẻ. Tuổi trẻ của tôi có dòng sông là kỷ niệm cũng không còn. Anh có bao giờ đặt câu hỏi ai đã lấy mất tuổi trẻ của thế hệ tôi, ai biến giòng sông xưa thành đồng cỏ cháy? Thủ phạm quá mơ hồ phải không anh?

Anh Hoán cười, lại châm rượu vào ly. Tôi tự hỏi, tại sao anh cười, anh tự tại đến thế. Tôi cảm ly rượu bằng cả bàn tay. Tôi uống một hơi cạn. Nữ đứng dậy bật đèn. Tôi nhìn ra cửa sổ, bóng chiều đã phai nhạt trên những ngọn cây. Bóng Nữ gầy, xinh xắn, tươi mát như một trái cây vừa chín. Tôi nhớ câu nói đùa hơn mười năm trước của anh Hoán, lúc Nữ mới được năm sáu tuổi: Mày đừng lấy vợ sớm nhé, chờ ta gả con Nữ cho. Bây giờ Nữ như thế đó, hẳn cũng đã mười sáu mười bảy tuổi. Giá lúc này nhắc lại câu nói đùa đó, không biết anh Hoán có cười nổi không. Nhìn những sợi tóc bạc lưa thưa, cùng những đường nhăn tuy nhỏ nhưng không dấu được nỗi ưu tư trên khuôn mặt anh, tôi hiểu tôi đã sai lầm khi khai mào câu chuyện. Lẽ ra tôi phải nói với anh về những chuyện khác. Mười năm xa nhau, thời gian quá đủ để có những câu chuyện tươi vui hơn, có sao tôi lại dẫn đưa câu chuyện vào cảnh buồn nản này.

Anh Hoán bảo tôi dùng thêm cơm, nhưng tôi cảm thấy đủ. Tôi nói:

-Cám ơn anh. Anh đã cho ăn một bữa cơm thật ngon .

Nữ mang trái cây tráng miệng.

-Sao Nữ không theo mẹ về thăm quê luôn? Tôi hỏi.

Nữ đặt những miếng cam trước tôi và anh Hoán:

-Ba cháu không cho theo đây. Cháu cũng muốn về ngoài đó lắm, vì cháu chẳng còn nhớ chi hết.

Tôi quay qua anh Hoán.

-Anh vẫn thường nhận tin tức ngoài quê chứ? Tôi

nghe ngoài đó dân chúng sống cơ cực lắm. Nhiều gia đình đã phải nấu cây xương rồng để ăn, một vài nơi chính quyền nghĩ tới nấu cháo phát chẩn cho dân chúng rồi đó.

Anh Hoán nói :

-Người ta bị thảm hóa lên đấy. Tôi nghĩ sau cuộc chiến tranh nào cũng xảy ra tình trạng như thế cả. Nền kinh tế hậu chiến nào cũng vậy cả. Rồi chú còn thấy cuộc sống đen hơn, có thể đi tới chỗ như chú vừa nói, chứ bây giờ cũng chưa đến nỗi nào.

Anh Hoán không tin điều tôi nói, nhưng điều tôi đã nói là sự thật.

-Tôi không biết ở địa vị anh, anh nghĩ gì trước hoàn cảnh đó?

Anh Hoán nhún vai:

-Nghĩ ? Ý nghĩ thì bao giờ mà tôi chẳng giống chú. Nó khác cảm xúc, sự thất vọng, tôi nghĩ, giữa mọi người không khác nhau mấy trong cùng một hoàn cảnh. Nhưng ý chú muốn nói tôi ở vai trò có thể hành động được chứ gì? Chú mong hành động gì ở tôi? Tôi là tôi, nhưng tôi của một guồng máy nó khác chứ. Việc làm của tôi bị giới hạn. Tôi có thể giúp đỡ tạm thời chứ tôi làm sao tạo dựng lại tất cả cuộc đời được.

-Anh bắt lực?

-Tôi cũng không nghĩ thế. Trong phạm vi hoạt động của tôi, tôi làm đủ. Ngoài ra, dù ước muốn thế nào chúng ta cũng không thể thắng được cái qui luật tự nhiên sẵn có của nó. Khi còn chiến tranh, ước muốn và công lý đâu có làm cho cuộc chiến ngừng lại. Thì bây giờ, dù cho hòa bình thật sự có chẳng nữa, những nỗ lực nhân đạo, cũng không thể chặn đứng được nạn nghèo đói. Tiếp theo một cuộc chiến tranh, những gì phải xảy đến thật quá dễ dàng để biết...

Nghe anh Hoán nói, tôi quá thất vọng. Ở vị trí anh, anh đã nghĩ như thế. tất cả phải xảy ra một cách máy móc như thế. Anh Hoán đã coi thảm cảnh đó như những điều tất yếu của lịch sử, và anh đã sống được trong sự bình yên. Tôi thường ray rứt, để rồi cảm thấy bế tắc. Những người dân tiếp tục sống cam phận trong hoàn cảnh khắc nghiệt. Tất cả đều cam phận, tự thấy mình đứng ngoài lề cuộc đời

của nhau. Tôi nhận thấy không còn gì để nói với anh Hoán nữa cả.

Nữ pha cho tôi một tách cà phê và anh Hoán một tách trà chanh nóng. Anh bưng tách lên, đứng dậy rủ tôi trở lại phòng khách. Anh nói :

-Chú phải ở lại với tôi vài hôm. Tôi chưa hỏi thăm chú hết chuyện mà.

Tôi nghĩ đến Thung, với những tháng ngày cùng quần của hắn. Hắn cũng như tôi., những kẻ đã bị thiệt thòi trong chiến tranh, và còn tiếp tục chịu thiệt thòi trong hòa bình nữa. Chiến tranh đã làm giảm thọ chúng tôi gần hết cả cuộc đời. Tôi nói:

-Cám ơn anh lắm, nhưng tôi phải xin phép anh đi. Tôi cần thăm một người bạn ở đây. Cũng khá lâu rồi chúng tôi không gặp nhau.

-Có ở gần đây không? Tôi sẽ đưa chú tới đó.

-Thôi khỏi cần anh ạ. Địa chỉ của hắn cũng rắc rối lắm, tôi sẽ tự tìm lấy, như thế vui hơn.

Anh Hoán cười. Tôi uống những ngụm cà phê cuối. Tôi gọi Nữ vào, nói với anh Hoán:

-Lúc tôi xa anh, Nữ còn bé xíu. Bây giờ gặp lại, cô bé như thế đó. Lần này từ giã anh, chắc lần gặp tới anh chỉ đã có cháu bông.

Nữ cười nhìn xuống đất. Anh Hoán nói:

-Đâu có được. Bây giờ thì tôi đâu có chịu để chú xa chúng tôi lâu đến thế. Chú chẳng đổi khác gì cả. Tôi vui nhận ra điều ấy.

Tôi đứng dậy quàng tay qua vai Nữ, và bắt tay anh Hoán.

-Thôi anh cho tôi đi, tôi sẽ tới với anh như gió.

Anh Hoán đứng dậy, lấy áo mặc vào người, nói:

-Để tôi đưa chú đi một quãng. Tôi cũng phải tới tỉnh họp bây giờ đây.

Chúng tôi ra xe. Dưới bóng tối của những tàng cây, anh Hoán lái xe chậm rãi, anh nói với tôi:

-Không ai sống mà không ý thức về đời sống của mình cả chú ạ. Nhưng vẫn không thiếu những lý do để người ta cam chịu ngộ nhận.

Giọng anh Hoán buồn buồn. Tôi hiểu những điều

anh muốn nói ra. Chúng tôi đang sống như những hình múa rối. Tiếng nói không vọng tới nỗi người gần ta nhất. Nhiệt tình không ấm đủ để kéo lòng nhau lại.

Anh Hoán dừng xe lại ở một ngã tư. Tôi nhảy xuống, đi bọc sang cửa xe bên kia, bắt tay anh một lần chót. Anh nhìn tôi, không nói gì. Tôi nhận ra thêm một lần nữa anh đã già. Những ngày vui cũ không còn nữa ở anh. Giòng sông Bồ đã cạn, đã biến thành đồng hoang rồi không chừng.

Tôi ngậm ngùi nhớ đến bài thơ với hình ảnh vừa bắt gặp. Bài thơ vốn buồn, lúc này nghe chừng như buồn hơn. Tôi nhìn bóng xe anh Hoán mất hút phía tòa hành chánh, trong khi bước chân tôi lang thang tìm nhà Thung. Không biết Thung còn ở đó cho tôi gặp?

(*) -Thời tập, số đặc biệt Thi ca, Sg 1974.

Trần Hoài Thư

ĐÔI MẮT NGƯỜI SƠN TÂY

Buổi chiều có một người sống trôi nổi dưới những cánh rừng trầm, gian khổ cơ cực với muỗi vắt sinh lây, đã trở về nói với tôi về huyền thoại của một con kinh, biên giới giữa hai xứ sở Miên Việt. Tôi mời y một điều thuốc và một ly cà phê đen. Tôi hỏi về những ngày y ở ngoài Bắc, lặn lội trường chinh vượt Trường Sơn với những đoàn xâm nhập, chống chọi cùng bệnh tật, và bom đạn để rồi cuối cùng dừng quân bên kia bờ kinh Vĩnh Tế. Y vừa thả khói, vừa kể. Và một câu nói cuối cùng của y đã làm tôi thật sự xúc động:

- Anh có biết kinh Vĩnh Biệt không ?

Tôi lắc đầu chịu thua. Y thêm:

- Kinh Vĩnh Tế đấy.

Tôi hỏi:

- Tại sao gọi là kinh Vĩnh Biệt ?

- Bởi vì, mỗi lần chúng tôi vượt qua con kinh này, chúng tôi đều nghĩ ngay đến cái tiếng buồn nào nùng kia. Chúng tôi thấy rằng đó là lúc chúng tôi phải vĩnh biệt tất cả. Vĩnh biệt gia đình thân yêu, vĩnh biệt quê hương, vĩnh biệt những ngày thanh xuân...

Tôi đã lặng yên để nghe những lời thành thật của người lính Bắc. Đây là lần đầu tiên, tôi được nghe về một câu chuyện bi thảm dành riêng cho con kinh mà Thoại Ngọc Hầu đã đào cách đây gần hai thế kỷ. Và đây cũng là lần đầu tiên tôi thấy rằng vùng đất mà tôi đã trải qua, luân lạc, không phải một vùng đất quen thuộc. Nó cũng không phải là một nơi trầm lặng, không gọi cảm, cũng như làm phong phú thêm cuộc sống nội tâm của con người. Tôi đã tìm ra một điều là dưới từng vùng đất này, đều có cả một huyền

thoại, ở từng con kinh, con rạch, từng bờ ruộng, bờ vườn đều có những chuyện náo nùng. Ngày xưa vùng đất mới này, là cả một lịch sử kỳ diệu, được tạo dựng bởi năng lực con người. Nhưng bây giờ, cũng có những câu chuyện buồn bã thay thế vào đó. Chẳng hạn, từ một cái tên Vĩnh Tế, hôm nay, cũng có những người thay vào bằng tiếng Vĩnh Biệt.

Đối với người trẻ tuổi gốc Hà Nội này, tâm trạng y là một biển buồn ngùi. Còn tôi, tôi cũng buồn không kém. Tôi đứng dậy, và ra ngoài sân. Tuy xung quanh tôi là nhà cửa, dinh thự bao bọc san sát và những ánh đèn đầu tiên của thành phố báo hiệu một đêm bình an, nhưng rõ ràng trong đầu tôi, lại rực rỡ hiện lên một con kinh màu nước phù sa vàng đục, chảy ngang qua cánh đồng bao la, dưới ánh mặt trời chiều vàng vọt. Con kinh ấy như một giới hạn náo nùng chảy vào tâm hồn tôi. Bằng một chuyện tình xa xôi. Bằng một kỷ niệm không bao giờ phai nhạt được. Tuy hai bờ cách xa nhau mười mấy thước nhưng rõ ràng, khoảng cách đã quá diệu vợi, ngăn cách trùng trùng. Và từ câu lạc bộ tiếng hát của Thái Thanh văng lại bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*. Tự dưng ma quỷ bắt đôi chân tôi bước lại quán, con tim tôi như nhòa lẹ. *Đôi mắt người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Buồn viễn xứ khôn khuây...* Trên bầu trời sầm nhạt, in những cánh chim én. Những cánh chim én của mùa xuân ấy đang lượn vờn như một điệu luân vũ. Thì ra mùa xuân đã lại trở về. Thì ra kỷ niệm đã như những cánh én kia, xa vắng một năm, bỗng một chiều đột nhiên trở lại...

Trước ngày ngưng bắn, tôi là kẻ thường vượt qua giòng kinh Vĩnh Tế nhiều nhất. Bởi nghề tôi bấy giờ là phóng viên chiến trường đặc biệt về chiến trường ngoại địa. Hơn nữa, tôi coi vùng này là một vùng đất cần phải khám phá, học hỏi, giúp cho cuộc sống tôi rất nhiều trong hoài bão mà tôi từ lâu ấp ủ: là viết văn. Tôi sẽ là một chứng nhân của một Đông Dương bất hạnh. Tôi sẽ mở rộng tầm mắt, chữ nghĩa, vượt ra ngoài cái thế giới nhỏ hẹp rêu phong của cuộc sống thường nhật. Tôi muốn tìm xem ở bên kia bờ kinh Vĩnh Tế, chiến tranh là gì, đau khổ là gì, bom đạn là gì, chủ nghĩa là gì. Cho dù, những thứ ấy như một bài

học quen thuộc mà mỗi ngày tôi đã gặp phải đã chứng kiến. Cho dù, tôi hiểu rằng trên mặt địa cầu này, chiến tranh quả là một chuyện thường tình, như một biến chuyển của Lịch sử. Ấy vậy, bằng cõi lòng tham vọng vô bờ tôi vẫn lên đường. Tay xách máy ảnh. Túi đựng cuốn sổ tay, và cây bút. Thế là tôi khởi hành. Khởi hành trong bất cứ thời gian không gian nào. Từ trực thăng, hay trong thiết vận xa hay theo một đoàn quân tiếp ứng lợi bộ, tôi vượt qua biên giới. Nơi là biên giới, nhưng thật ra, nó chỉ là con kinh nhỏ hẹp, như trăm ngàn con kinh ở miền đất tôi về mà thôi. Nó không phải hung vĩ, bí mật và phân định rõ ràng như rặng Trường Sơn, hay một ranh giới thiên nhiên nào khác. Và cũng vì lý do đó, khi xuống chiếc đồ đưa qua bờ, lòng tôi cũng chẳng hề rung động là bao nhiêu. Ngoại cảnh như một bức tranh thường tình. Vẫn là đồng lúa xanh rì, vẫn là những khóm thốt nốt trơ trọi in bóng bên bờ ruộng. Vẫn một mặt trời rực rỡ giữa một tầng không chói chan.

Nhưng rõ ràng, càng đi sâu vào nội địa xứ người, tôi lại càng gặp biết bao nhiêu câu chuyện đáng để ghi nhớ. Từ pháo tháp của một thiết vận xa, giữa một cánh đồng thẳng chập trong mùa nước lớn, tôi đã bấm máy ảnh lia lịa. Mỗi hình ảnh qua đi là một biểu tượng đẹp nào nùng. Từ ngôi chùa mái ngói cong vút màu đỏ thắm ẩn hiện giữa những kẽ lá của hàng thốt nốt. từ những sóc dưới chân núi đồi, như bao phủ bởi một bầu không khí của thần linh tôn giáo. Từ những ngôi chùa đầy ngập người tản cư... Đó là những hình ảnh mà tôi đã gặp phải trong toàn cõi Đông Dương. Chúng cũng xảy ra ở Lào, Vietnam. Và chúng đã làm cho một kẻ bàng quan nhất cũng phải đặt câu hỏi: Chiến tranh và tôn giáo. Cái nào là sức mạnh? Tuy nhiên, theo tôi, vấn đề đã đặt ra quá lớn lao. Tôi còn phải học, học thật nhiều. Với tôi, tôi không phải là một kẻ tham dự. Mà là một chứng nhân.

Vào một ngày đầu tháng chạp, tôi mang đồ nghề theo chân một đoàn thiết vận xa về giải tỏa áp lực địch tại T., một thành phố nằm trên con đường số 1 nối từ Neakluong đến Thủ đô Nam Vang. Buổi tối có mưa sùi sụt, đám quân dừng đêm tại một đồng không mông quạnh, và mệnh mông nước, để sáng sớm tinh sương hôm sau, mới tiến chiếm

mục tiêu. Ngồi trên pháo tháp lạnh lẽo, bên cạnh người bạn mới quen, tôi kể lại những ngày ở thành phố, những buổi chiều của Bonard, Mai Hương và bạn thì kể lại những ngày dài ở xứ lạ quê người. Trời tối như mực, đến nỗi cảnh vật cách xa chừng 4, 5 thước, mắt người cũng chẳng nhận ra nổi. Thỉnh thoảng vài trái sáng được bắn lên từ bên kia rặng núi, soi cả một thình không trong giây phút, rồi tắt lịm.

Người bạn bỗng nói:

- Có bao giờ anh nghĩ rằng ở giữa vùng đất này lại có một người con gái như trong một bài thơ của Quang Dũng?
- Có phải là Đôi Mắt Người Sơn Tây?
- Vâng.

Rồi bạn vừa đốt thuốc vừa kéo cao cổ áo lạnh. Con mưa đã dứt, nhưng khí lạnh lại bốc tỏa đầy trời. Bạn lại giục tôi:

- Trước khi kể câu chuyện, mời anh uống một chút rượu cho ấm. Rượu mang từ quê nhà đấy...

Tôi nghe lời bạn. Hớp rượu nồng nặc cả châu thân, như những giọt hạnh phúc nho nhỏ của một đêm trên vùng bình lữ. Tuy nhiên, thú thật tôi đã bỏ quên những nỗi bất trắc, hiểm nguy ra ngoài. Với tôi, đêm như một cơn mộng, và một tình nhân. Tôi chẳng còn để ý đến những tràng súng nhỏ thỉnh thoảng cất xé cả một lòng tĩnh mịch. Tôi cũng chẳng còn quan tâm đến những tin tức đang giục dã trong máy siêu tần số bên cạnh. Và lời bạn nồng nàn:

- Rồi ngày mai, tôi sẽ đưa anh đến một quán nghèo giữa quận K. Anh sẽ gặp một thiếu phụ trẻ. Hy vọng anh sẽ có nguồn cảm hứng để viết.
- Người thiếu phụ ấy có liên quan gì đến anh?

Người bạn lắc đầu:

- Không. Nhưng liên quan đến tất cả chúng ta. Nhất là anh?
- Tại sao vậy?

Người bạn thiết giáp cười thật bí mật:

- Anh là phóng viên, chắc anh đoán được.
- Bạn nói hơi quá. Phóng viên chỉ là một chứng nhân. Tôi đến để ghi nhận, khám phá. Tôi không phải là thầy tướng số.

- Ừ, xin lỗi. Nhưng, với một tâm hồn dễ xúc cảm, của

một nhà văn, chắc anh đã đoán được.

Tôi cười:

- Thôi tôi xin chịu thua. Anh kể tiếp về người thiếu phụ Miên đó đi.

- Không phải là người Miên, mà là người VN.

- ...?

Bạn vắt mẩu thuốc xuống ruộng nước, rồi tiếp tục hớp khế từng hớp rượu đắng. Đêm nặng và đầy sương. Một trái sáng lại bắn lên từ hướng Bắc. Giọng bạn âm:

- Bởi thế tôi mới gọi là đôi mắt người Sơn Tây. Vâng tôi không ngờ, hai mươi năm về sau, cũng có đôi mắt của một người Sơn Tây để mình bồi hồi nhớ lại mấy câu thơ tuyệt vời: *Em ở thành Sơn chạy giặc về, Tôi từ chinh chiến cũng ra đi* hay *Đôi mắt người Sơn Tây, U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây...Buồn viễn xứ khôn khuây...* Anh biết không, nàng chính là một người Việt. Một người Việt một trăm phần trăm. Khi đơn vị tôi đến quận K., bọn tôi nhào xuống chợ tìm mua một vài vật dụng cần thiết. Riêng tôi, tình cờ tìm đến một ngôi quán nhỏ bên đường. Và người bán hàng quả làm cho tôi ngạc nhiên hết sức. Da nàng trắng muốt, gương mặt thùy mị, tuy nổi cam khổ đã thấy rõ ở những ngón tay, quần áo của nàng. Rõ ràng là một cánh hoa lạ. Trong khi dân tộc nàng, màu da vàng mặt, thì màu da của nàng lại trắng nuột... Tuy nhiên, thú thật với anh, điều này chẳng làm tôi để ý đến bao nhiêu.

Giọng nói của người bạn sùng buồn:

- Vâng. Thú thật tôi đã coi nàng như tất cả những phụ nữ Miên khác. Bởi cách ăn mặc, giọng nói của nàng. Bởi cung cách của nàng. Tôi đã bập bẹ vài tiếng Miên học lóm được, để diễn tả vài điều cần nói. Nhưng về sau, tôi bỗng nhiên nghe được một tiếng mẹ đẻ *Thưa Ông*. Điều mà tôi ngỡ ngàng là giọng nói ấy là một thứ giọng Bắc. Một giọng Bắc chính cống. Rất dịu dàng. Rất dễ thương, nhất là người ấy là người con gái Bắc thì quả là một điều phi thường. Nhất là quê hương tôi là đất Bắc...

- Nàng nói gì không?

- Nàng hỏi quê nhà mình dạo này ra sao? Bên mình hòa bình chưa? Nàng nhớ nhà quá. Còn tôi, tôi hỏi nàng gốc

người ở đâu, tại sao lưu lạc ở mãi vùng đất này.

- Nàng bào sao?

- Nàng nói nàng sinh tại Sơn Tây. Rồi nàng tẩm tức khóc. Sau đó, có chồng nàng đến. Nàng chắc sợ một điều gì đó, nên đã giả vờ vui, rồi nói tiếng Miên huyền thuyên. Tôi muốn hỏi thêm, nhưng lệnh lại ban xuống là đơn vị phải di chuyển gấp. Thành ra tôi chẳng biết gì thêm về nguồn gốc và lịch sử một người thiếu phụ đáng ghi nhớ kia...

- Quả chuyện của anh như một bài thơ.

- Phải. Như một bài thơ của Quang Dũng.

Ngừng một lát, rồi người bạn nói tiếp:

- Ngày trước thú thật, khi đọc bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Quang Dũng, tôi xúc động vì sự xuất thần của nhà thơ. Về câu chuyện tình tuyệt vời mà nhà thơ của chúng ta đã sáng tạo, về những nét gợi cảm của từng chữ nghĩa, cũng như cách gieo vần...

- Hơn nữa là cốt cách tiểu tư sản dần thân của chàng trai Hà Nội...

- Vâng. Khi chúng ta đọc bài *Màu Tím Hoa Sim* hay *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, chúng ta chỉ biết rung cảm cùng những nhân vật, khung cảnh, thời gian trong thơ. Nhưng bây giờ, thật sự tôi đã thấy rõ thật thấm thía một câu chuyện tình lòng trong bài thơ kháng chiến. Bởi hai ba mươi năm sau, lại có một Người con gái Sơn Tây hiện đến với tôi. Anh nhớ những câu thơ này không: *Đôi Mắt Người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây*. Rõ ràng từ khi gặp nàng, mỗi khi đọc lên những câu thơ đó, là lòng tôi lại vương lên một mối sầu. Chỉ có cái giọng nói dễ thương thốt lên trong giây phút. Chỉ có tiếng nói *Thưa Ông*. Chỉ có màu da trắng mượt lạc loài giữa một giống người lạ là có cả một câu chuyện lớn. anh là nhà văn. Dĩ nhiên, tâm hồn anh nhạy cảm hơn tôi. Dĩ nhiên, anh đang đi tìm đề tài. Tôi sẽ mang anh lại vào sáng mai. Đó là cả một đề tài lớn. Tôi tin vậy. Người bạn vất mẩu thuốc cháy dở. Một trái sáng lại òa vỡ, và mắt bạn trở nên lung linh xa vời anh lại nói:

- Anh nên nhớ, là tôi cũng thường xuyên theo dõi sách báo văn nghệ. Có một điều làm tôi ngạc nhiên là sự vay

mượn câu chuyện, tình tiết của người ta nhiều quá. Từ chuyện tình đến chuyện chiến tranh. Tôi xin lấy ví dụ là các nhân vật trong Love Story, hay Roméo et Juliette, hay các tác phẩm của Remarque lại được thổi phồng, thi đua khai thác. Tôi thấy nước mình, hoàn cảnh của bọn mình, có hằng ngàn câu chuyện cảm động quyền rũ, tình tiết và thơ mộng và hơn thế nữa.

- Tôi ghi nhận ý của anh.

Và tôi cười:

- Nội cái câu chuyện Đôi mắt người Sơn Tây của anh quả là một câu chuyện tình tuyệt vời rồi còn gì.

- Anh là nhà văn, tôi xin nhường tất cả cho anh đó. Còn tôi, lưu lạc mãi sống cùng cái chết từng giây từng phút thì giờ đâu...

@@@

@@@

Vào sáng ngày mai, cả đơn vị lại lên đường. Tôi đi theo thiết vận xa của người bạn, mà cõi lòng nôn nao vô cớ. Không phải tôi sợ những quả đạn, pháo bất ngờ từ ngọn núi rơi xuống, hay một trận phục kích nào đó bất ngờ xảy ra. Những điều này chắc không bao giờ xảy ra. Bởi đơn vị tôi đi theo là một đơn vị thiện chiến. Họ đã chiến đấu giỏi và đã từng tham gia nhiều trận đánh khùng khiếp hơn thế nữa. Với lại, là đoàn thiết vận xa đang ở giữa một đồng nước mông mênh khó lòng địch mới nhắm trúng mục tiêu. Nhưng tôi phải thú thật rằng, tôi đang bị hình ảnh người con gái không gặp gỡ, không quen biết kia đã đớp hồn tôi thật sự rồi. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao nữa. Hay vì giọng máu văn nghệ của tôi. Hay vì tôi đã thấy được một đề tài đẹp và thơ mộng trong chuyện vượt biên này. Hay vì hình ảnh bài thơ tuyệt vời mà tôi đã ưa thích ngay từ khi cầm sách đến trường trung học. Chưa chi mà trí não tôi đã vẽ vời bao nhiêu tình tiết, xây dựng nên những nhân vật, mà dĩ nhiên nàng thiếu phụ lưu lạc kia là nhân vật chính, và cả tôi nữa. Tôi phải làm gì đây. Lòng tôi chợt bị kích động. Tôi nghe giọng máu của mình cuộn chảy. Trời đất vẫn quen thuộc khi chúng tôi đi qua. Những người Miên thấy chúng tôi chấp tay cung kính như một phong tục của một dân tộc ngoan đạo Phật. Những ngôi chùa mái cong vút lên

mây ẩn hiện đằng sau những khóm dừa, khóm thốt nốt. Những ngôi nhà sàn trong sóc, còn thở khói. Đám con nít nhìn đoàn quân cười thơ ngây. Trong gió, chừng như nghe mùi đất, mùi rom và cả mùi ngây ngây của luống cây mới vỡ. Có những cánh én bay rợp xuống mặt nước, rồi vút lên cao. Có những cánh én đuổi theo sau những chiếc vận xa, giỡn đùa cùng những ống nước mới vỡ. Bầu trời thật xanh, như mùa xuân. Có ai đã nhắc đến mùa xuân rồi. Gần đến Tết rồi. Anh em ơi. Giọng nói mang vào lòng những đứa con của chiến trường một niềm nhớ nhung tràn ngập. Riêng tôi, tôi mãi đuổi theo những cánh bướm để mua vui. Tôi đã mỉm cười với chúng, với trò chơi nghịch ngợm của một loài chim của mùa xuân. Đối với tôi, loài chim ấy hình như đã có một sự liên hệ mật thiết. Chúng theo tôi như một niềm ân sủng. Chúng từ một cõi nào đó, ngoài thềm lục địa, trở về vui vầy cùng loài người rồi lại ra đi. Như một ngày gần cuối năm này. Chúng hết lượn vờn trên cao rồi sà xuống thấp, sát xuống những bọt sóng. Chúng vô tư, tinh nghịch, chẳng hề biết trên thềm lục địa này có những tai ương bất hạnh triền miên.

Và đúng như lời của người bạn, buổi trưa cả đơn vị dừng quân tại ngay trung tâm quận K. Người bạn đã nháy tôi và cả hai tìm đến ngôi quán bên đường. Và tôi đã gặp người thiếu phụ trẻ ấy. Tôi xúc động, trước màu da trắng muốt, đôi mắt to và linh động, cùng sóng mũi dọc dừa của nàng. Nàng quả là một bông hoa lạ và lẻ loi ở quận lỵ. Tuy mái tóc của nàng rối, chiếc sà rông đã bạc màu, vá vấu, những ngón tay, bàn chân của nàng đã in dấu lấm than, nhưng người ta vẫn tìm ở người thiếu phụ này một vẻ đẹp nổi bật, vượt lên giữa một tập thể dân quê nghèo nàn và khổ cực này. Quả bạn đã nói đúng. Đó là một người con gái Sơn Tây. Nhất là ở đôi mắt kia, đã chứa cả một bầu trời u uẩn. Khi đôi mắt ấy nhìn lên, tuồng như người ta thấy băng khuâng. Và tôi chỉ biết ngồi yên, đôi mắt hớp hồn. Tự dưng tôi cảm thấy thương nàng quá. Chỗ của nàng không phải là chỗ này. Chỗ của nàng là chỗ khác. Ở bên kia biên giới có đồng loại. Có tiếng mẹ đẻ. Có ao nhà, vườn rau. Và hơn nữa, với vẻ thanh tú của nàng, chắc gì nàng không được một người chồng khá giả, danh vọng? Tôi muốn nói

lên một lời Việt cùng nàng. Nhưng cuối cùng tôi chẳng dám. Tôi nhìn chiếc sà rồng màu vàng thẫm kia, thấy nhói ở tim.

Nắng đã lớn, tươi thắm cả khu quận. Người bạn chợt giới thiệu bằng tiếng Việt:

- Đây là người bạn của tôi.

Tôi cúi đầu chào làm quen. Người thiếu phụ cũng cúi đầu đáp lễ. Tôi nhận ra đôi vai của nàng mềm quá. Người bạn lại nói tiếp:

- Hôm qua, cô kể cho tôi nghe nửa chừng. Tại sao thế?

Để đáp lại câu hỏi của người bạn, nàng chỉ nói:

Các ông không hiểu hoàn cảnh của em đâu.

Tôi nói:

- Cô có thể cho tôi được biết không?

Đôi mắt của thiếu phụ chợt hoe đỏ. Nàng nói giọng sùng lệ.

- Thấy các ông, em bỗng nhiên nhớ đến quê nhà quá. Đã mười mấy năm xa cách, em chưa được về. Thưa ông, từ đây qua bên ấy, có xa không?

Câu hỏi của người thiếu phụ đã làm tôi quá chừng xúc động. Thì ra, ở cánh hoa lạc loài này có cả một tâm sự u uất. Tình hoài hương của nàng đang trở về mãnh liệt. Người bạn đưa mắt nhìn tôi như cùng trao một ý nghĩ. Rồi anh đáp:

- Quê mình chỉ cách nơi này non 15 cây số, dùng đường bộ mất khoảng nửa giờ là đến.

- Thế sao. Em không hề biết.

- Chứ cô không bao giờ nghe nói đến quê nhà sao?

- Dạ không.

Rồi nàng lại hỏi:

- Không biết giờ này bên ấy nóng hay lạnh, trời có thường mưa không.

- Bên nhà, trời đã bắt đầu có những cơn rét cuối năm. Có nơi mai bắt đầu nở hoa. Người ta đang sửa soạn ăn Tết rồi.

- Thế ư. Gần đến Tết rồi ư?

Đôi mắt người thiếu phụ sậm buồn. Nàng nói như không:

- Không ngờ, em lại làm kẻ mất quê hương. Các ông biết hoàn cảnh của em đau đớn lắm...

Nàng lại tấm tức. Tôi chỉ đợi nàng có bấy nhiêu. Và tôi tìm cách khơi mào câu chuyện:

- Cô có thể kể ra được không?

Nàng gạt nước mắt kể. Giọng nói của người con gái Sơn Tây mang theo những kỷ niệm đau thương. Từ một quê hương xa lắc xa lơ ngoài Bắc, với những cơn gió rét đầu mùa, với những nàng con gái có tiếng là xinh đẹp. Từ những ngày đầu tiên theo cha mẹ di cư vào Nam, quanh quẩn dưới rừng lá cao su, chưa bao giờ nghĩ đến một ngày rời xa cái thế giới bé nhỏ mà những người mộ phu đồn điền hầu như đã gửi trọn đời mình. Ở đâu? Nàng đã quên địa danh. Nhưng nàng kể đến ông chủ đồn điền người phương xa, mỗi ngày lái xe khắp cả đồn điền để trông coi đám phu cạo mủ, khiêng tải những thùng nhựa trắng đến nhà máy. Ở đâu? Nàng chỉ nhớ lại những tiếng chuông buổi sáng chủ nhật, từ gác chuông ngôi nhà thờ bằng ván tạp với ông linh mục già, hàm râu trắng mượt, đội chiếc beret đen, lúc nào cũng cười, và cho bánh lữ trẻ trong đồn điền. Ở đâu? Nàng lắc đầu. Nhưng nàng kể về những cảnh cơ hàn của những dân phu, gồm đủ hạng người: gồm Thượng, Miên và Việt. Và chúng tôi liền đoán ra đó là Lộc Ninh cũng nên.

Rồi tai họa bỗng nhiên bủa xuống như một trận bão kinh hoàng. Trận chiến từ đâu lại, chọn ngày đồn điền của nàng, đồng dã cả một tuần lễ. Nhắc đến đây, đôi mắt nàng tuồng như đầy ngập cả một bầu trời sầu thảm. Nàng bật run đôi vai, hai giòng lệ tuôn trào rồi lăn trên hai gò má. Tuy buổi trưa nắng lửa, hàng cây bên đường bất động và thỉnh không chói lọi, đất đai bốc khói, nhưng tôi nghe tuồng như có một cơn gió lạ chợt thổi qua, rồi một đám mây buồn bã như đậu lại trong hồn người, như một phiến băng giá. Buổi trưa hôm nay, trong một quán lá xứ người vừa xảy ra một câu chuyện u uẩn, buổi trưa hôm nay, tại một vùng đất xa lạ, đang sôi sục vì khói lửa chiến tranh, có một người thiếu phụ trẻ Sơn Tây gặp lại những người lính đồng hương, để cùng nhau kể lại những ngày tháng trong thời kỳ binh lửa. Đầu nhà bên kia đường, có giàn hoa giấy vàng tươi thắm dưới ánh nắng rực rỡ. Nhưng ở bên này có một nụ hoa tội nghiệp đang khóc cho hoàn cảnh của mình.

- ... Sau đó...

Sau đó. Nàng vừa vuốt tóc thẳng con mẩy thẳng của nàng, vừa kể. Sau đó, cả gia đình nàng thất lạc một người một ngả. Riêng nàng, có một gia đình người Miên cứu thoát và mang về đất Miên. Khi ấy, nàng chừng 12, 13 tuổi là cùng.

- Cho đến lúc này, em cũng chẳng biết số phận của cha mẹ em ra sao nữa...

Nàng mếu máo trong tiếng khóc. Có ai vừa đâm mũi dao vào lồng ngực tôi. Tôi nói cùng nàng:

- Cô có thể cho tôi biết về tên tuổi bố mẹ. Khi trở lại quê nhà, tôi sẽ cố thăm dò giúp đỡ dùm cô.

Nàng nghe lời. Tôi lấy sổ ghi tên tuổi. Rồi tôi nói thêm:

- May ra. Khi trở lại nơi này, tôi sẽ mang theo tin mừng.

- Dạ. Em cảm ơn quý ông. Các ông làm em cảm động quá.

Trên trời, bỗng hiện ra những cánh én. Cánh én báo hiệu một mùa xuân sắp sửa về. Tôi thốt lên vu vơ:

- Tết cũng sắp sửa lại về.

- Vâng. Nhưng đời em chẳng có bao giờ biết đến Tết cả. Nhớ đến ngày xưa, đêm giao thừa, cả nhà quay quần nôi bánh tết, bây giờ điều ấy đã không bao giờ có nữa.

Người thiếu phụ chỉ nói bấy nhiêu. Còn hai đứa chúng tôi chỉ biết đốt thuốc thương cảm nỗi niềm tâm sự của một cánh hoa đồng hương. Giữa lúc ấy, lệnh lên đường lại giục giã. Người bạn chỉ tôi và nói cùng nàng:

- Hy vọng anh bạn của tôi sẽ đem lại tin vui cùng chị.

Còn tôi, bây giờ, một ý nghĩ táo bạo chợt nổi dậy. Tôi nói:

- Hay là chị hãy trốn về quê nhà. Chúng tôi sẽ giúp đỡ chị.

Người thiếu phụ lắc đầu:

- Em cũng mong có ngày về thăm quê hương. Nhưng còn con cái. Bỏ đi tội nghiệp chúng quá. Em không nỡ...

Tiếng còi tập hợp lại vang rền ngoài đường. Chúng tôi bịn rịn từ biệt. Đôi mắt người Sơn Tây hoe đỏ nhìn theo chúng tôi. Đôi mắt tội nghiệp làm sao. Hồn bài thơ xưa chợt bay về, và tôi thấy lại những câu thơ nào nùng: *Đôi mắt người Sơn Tây. U uẩn chiều lưu lạc. Buồn viễn xứ khôn khuây. Buồn viễn xứ khôn khuây...* Tôi quay lại nhìn nàng như

muốn uống trọn cả hình ảnh một loài hoa lưu lạc một lần cuối cùng. Tôi muốn ghi nhớ mãi giọng nói dịu dàng dễ thương của một quê hương xa vời nào đó. Tôi muốn mang theo vĩnh viễn gương mặt hao gầy, những sợi tóc mây, chiếc mũi thanh tú, và nhất là đôi mắt. Và lòng tôi thầm nhủ: Hãy về bên nhà, hãy cố gắng tìm ra tung tích bố mẹ nàng. Để trong ngày trở lại, tôi là kẻ mang theo một tin mừng. Đó là cách duy nhất để giúp đỡ một người đàn bà bất hạnh. Đó cũng là một bổn phận thiêng liêng nữa.

Điều ấy chắc chắn tôi sẽ thực hiện được. Bởi vì tôi là một phóng viên. Chỉ cần nhấn tin trên vài tờ báo, hay đọc trên đài phát thanh. Sau đó, tôi sẽ xin phép đi làm phóng sự ngoại biên và sẽ tìm lại nơi chốn cũ. Tôi cũng tự bảo lòng, là sẽ mang tặng nàng một món quà Tết của quê hương. Chẳng hạn một đòn bánh Tét, bánh chưng, hay một thau dưa món, một gói mứt.

Ừ, tại sao tôi lại bận tâm đến nàng nhiều quá. Hay ở nàng tôi đã bắt gặp những niềm rung cảm, những xúc động chân thành như trong bài thơ kia. Tôi chính là người lính chiến lưu lạc và nàng là một người con gái trôi nổi tha phương.

@ @ @ @ @

@ @ @

Nhưng, tôi sẽ chẳng bao giờ có dịp trở lại chốn cũ ấy nữa. Hiệp định ngưng bắn đã không cho phép tôi vượt qua giòng Vĩnh Tế ấy nữa. Món quà xuân cho người thiếu phụ xa xăm kia đã trở thành một món quà nước mắt. Và tin mừng kia cũng chẳng có bao giờ được bay đến ngôi quán bên đường trong quận lỵ K. nữa. Thỉnh thoảng, tôi lại được về bên này kinh Vĩnh Tế biên giới Miên Việt. Mà mỗi lần về như thế, tôi đều đứng lặng, mắt dõi về bên kia bờ kinh, trên cánh đồng bao la xanh màu mạ, trên những rặng thốt nốt, rặng núi thẳm trong mây, mà vẽ vời nên một hình bóng cũ. Ở đấy, có người thiếu phụ trẻ cùng màu da, cùng tiếng nói của tôi đang trải qua những ngày tháng mỗi mồn bất hạnh. Ở đấy, có một đôi mắt, mà tôi gọi là Đôi mắt người Sơn Tây, như một thiên tình sử nào nung. Tôi tưởng tượng ra, đôi mắt ấy đang đắm đắm nhìn về hướng quê nhà, mà chờ đợi một tin mừng, một món quà của quê hương, để cuối cùng phải hoài công trông đợi.

Còn riêng tôi, đứng trên bờ kinh, tôi cứ ngỡ đứng trên một
điểm cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ được nhìn lại cánh
hoa tuyết vời kia nữa. #

(Thời Tập số chủ đề Quang Dũng)

THỜI CỦA NHỮNG KẺ VIẾT BUỒN

Kề từ kỳ này, Thời Tập mở mục mới : Thời Bút, nơi đề cập những chuyện lớn nhỏ trong văn chương, và trong sinh hoạt văn chương, văn học. Dưới đây là bài thời bút đầu tiên của anh Nguyễn Kim Phượng.

✍ Trong dịp nhận giải thưởng truyện dài Văn Bút 1974 nhà văn Nguyễn Mộng Giác có phát biểu đại khái rằng ông cảm ơn quý vị đàn anh trong ban chấm giải đã có niềm thông cảm đáng quý để chọn một tác phẩm rất khác thể hệ của họ.

Theo NM Giác, từ 1960 về sau, các nhân vật tiểu thuyết « lạc loài, bơ vơ, hoang mang, lơ đãng... » nói chung là sống trong « cái không khí buồn thảm... ». Vì sao ? Theo ông là vì « các biến chuyển lịch sử của đất nước đã tạo nên sắc thái đặc biệt cho nhân vật tiểu thuyết... » (1)

Như thế, thời này hẳn là Thời Của Những Kẻ Viết Buồn ? (Đề nhại chữ của Henry Miller : Thời Của Những Kẻ Giết Người)

✍ Mà thật vậy. Một người viết trẻ măng như Nguyễn thị Ngọc Minh, mà truyện nào cũng đượm buồn chua xót. « Và tôi cố hết sức cắn chặt khúc bánh mì, giữ hai vạt đùi run dề má và các em tôi đừng trông thấy... » (2) : Nhân vật khóc.

Một nhân vật khác của Trần Công Sung cũng khóc : « Thủy nằm im giả vờ ngủ. Nàng nghe từng tiếng bước chân nghiến trên chiếc cầu thang ọp ọp, lặng lẽ khóc... » (3)

Một nhân vật khác nữa của Tiễn thị Ngh cũng muốn khóc : « Đúng không Tâm ? Em là một người nghệ sĩ. Tôi ráng dần cơn khóc ngồi lại đàn. » (4)

Cả thi sĩ trẻ như Nguyễn Bắc Sơn cũng viết cách buồn bã, bơ vơ :

... 'Ta muốn gửi em bài thơ này để nhớ
Nhưng chỉ bằng ta để em quên
Thư phòng ta, bụi vô đầy ống sáo
Đốt ngọn đèn hồng cháy đến thâu đêm...' (5)

Đến như tác giả nổi tiếng của giới trẻ, Hoàng Ngọc Tuấn, thì chính tác giả buồn thảm, hoang mang. 'Tôi hoang mang không biết rõ, tôi hút thuốc, uống bia, hít gió, nhớ lại những ngày qua khổ một mình của mình, tôi buồn quá rồi...' (6)

✎ Có thời nào là thời của những kẻ viết vui không ? Những thời kỳ mà đất nước tương đối an bình như thời Lý, thời Trần mà ta không thấy tác phẩm nào lớn có sắc thái vui ! Các nhà sư thời Lý đều viết buồn (với nghĩa : thân như điện ảnh hữu hoàn vô... này nọ). Trần thế Pháp kể các chuyện quái dị đượm tính cách u uất. Như truyện Hà Ô Lôi, đầy nước mắt hận...

Thời hiện đại, những thập niên 1910 đến 40, Pháp đã đặt vững chế độ bảo hộ ở VN; xã hội có vẻ trật tự thái bình (nhưng đời sống khổ và nhục, dĩ nhiên) nhân vật truyện, tiểu thuyết có cười. Nhưng buồn hiu, như chàng tuổi trẻ của Lan Khai trong *Bóng Cờ Trắng Trong Sương Mù*: 'chàng tuổi trẻ mỉm cười nhận lấy danh từ ngỗ nghịch, và lặng lẽ lui về nhà sống âm thầm với hiu quạnh...'

Hoặc có cười, nhưng nụ cười của kẻ 'không khá nổi', như cái anh chàng Ba bán nước vối trong truyện *Cái Ấm Đất* của Khái Hưng.

Còn cái cười của Trần Tế Xương hay Tú Mỡ thì ai chẳng biết là cười khổ, cười đau !

✎ Và chẳng tôi có cảm nghĩ : hầu hết các tác phẩm lớn chẳng mấy khi có một không khí vui thực sự. Chính Phụ Ngâm và Kiều quá đau sâu. Và ai cũng biết : từ Dante, Homer cho đến Hugo, Maugham, Dost... của Âu Châu đều viết những tác phẩm đầy nét nhân sinh bi đát.

Truyện Tây Du của Tàu vui không ? — Không, mà là kẻ bảy mươi hai cảnh đời trầm luân. Truyện Tam Quốc thì ngồn ngộn sự đời mâu thuẫn. Kim Dung thì luôn luôn cho nhân vật ngao ngán chuyện đời ở lúc chót...

Lý do là ở đâu và lúc nào đời sống cũng không thực sự vui chứ gì? Thật vậy. Một nước như Hoa Kỳ, trẻ trung giàu mạnh, vậy mà tác phẩm của Saul Bellow gần đây chẳng hạn cũng đượm nét u hoài. Trong tác phẩm *Herzog* mới đây Saul Bellow viết: « Một cảnh đời lớn lao đang tiếp diễn. Thần chết luôn canh chừng chờ đợi. Vậy nên, nếu ta có được chút hạnh phúc nào, thì nên che dấu. Và khi lòng ta tràn đầy, thì nên ngậm miệng lại » (7). Một thái độ buồn!

✈️ À, như vậy, Nguyễn Mộng Giác đâu cần cảm ơn các vị đàn anh! Thời nào chẳng là thời của những kẻ viết buồn, khi họ nhận rõ được cảnh đời lớn lao đang tiếp diễn! Tôi không tin là trong căn bản có sự khác nhau giữa các thế hệ những người viết chân chính. Nếu có sự khác như thế, không bao giờ ta thấy thích thú để đọc lại người xưa mà làm gì. Và sau này thế hệ trẻ đọc NMGiac làm gì? Chung qui chỉ là: Cùng một hạn chuyển nhay từng thế kỷ đấy thôi. NMGiac sau này chuyển mỗi hạn ấy lại cho đàn em, không nên chờ đợi sự cảm ơn của đàn em vậy!#

1974

(1) Xem *BÁCH-KHOA*, số ra ngày 02-12-1974.

(2) *Truyện Dọn Nhà*, *VĂN* số ra ngày 11-9-1974.

(3) *Truyện MỘT CUỘC GẶP GỠ NGẮN*, *BK*, số ra ngày 01-11-1974.

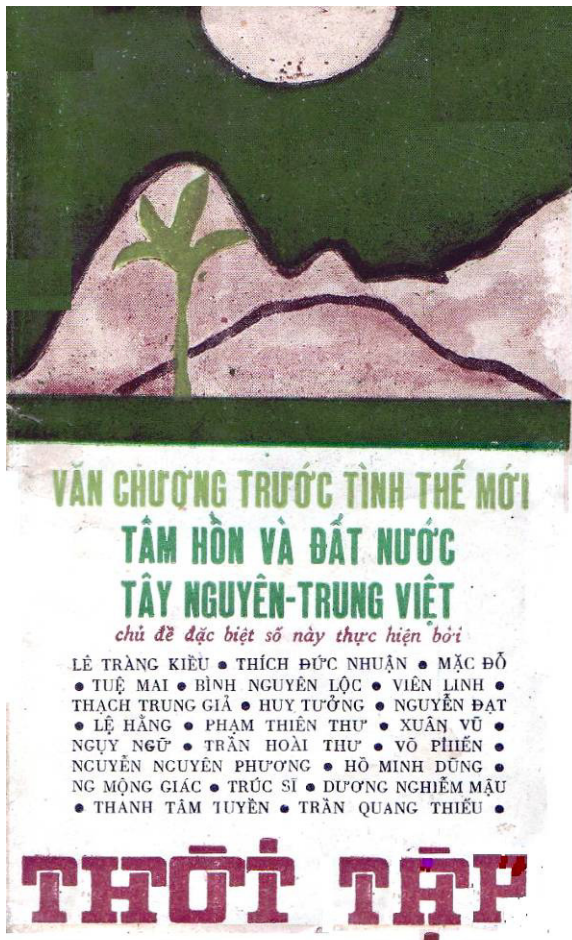
(4) *Truyện KHOAN ĐIỀU, THỜI TẬP*, số ra ngày 30-11-1974.

(5) *Viết cho Người Thực Nữ, THỜI TẬP*, số ra ngày 30-11-1974.

(6) *HÓN-LỄ*, Nguyễn Đình Vương xuất bản, 1974, trang 169.

(7) *HERZOG*, FCB xuất bản 1969, trang 116.

**THỜI TẬP Số 23 phát hành ngày 15-4-1975:
Số báo của lịch sử văn học miền Nam.**



(Tư liệu của TQBT)

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CẦM BÚT TRƯỚC TÌNH THẾ ĐẤT NƯỚC MƯỜI TÁC GIẢ

卅

Trước tình thế đất nước biến động kể từ đầu tháng 3 năm nay — một biến động rơi từ tâm não — Thời Tập đã gửi 2 câu hỏi tới những nhà văn, nhà thơ, để tìm hiểu quan điểm, ý kiến của giới cầm bút trước tình trạng mới vừa xảy đến cho Tổ Quốc. Những quan điểm và ý kiến đăng tải dưới đây — chính là phần trả lời 2 câu hỏi ấy — đã được các tác giả trình bày theo nhiều cách, và hoàn toàn tự do. Với lòng trân trọng Thời Tập gửi đến bạn đọc thân mến — ngày hôm nay không hiểu còn được những ai và còn được bao nhiêu có thể tiếp tục đọc được tờ báo văn chương này; ngày hôm nay không hiểu còn được những ai và còn được bao nhiêu thấy rằng văn chương chưa phải vứt bỏ, rằng niềm tin tưởng vào điều tốt và cái đẹp chưa bị hủy diệt, rằng sự thực vẫn cần được nói ra và giữ gìn — cho dù tất cả những điều ấy có thể gây ngộ nhận hay dị cảm ngoài ý muốn. Với lòng trân trọng, Thời Tập cũng cảm tạ các tác giả đã trả lời, trước vài người đã từ khước 2 câu hỏi như sau :

1 — Anh (chị) có từng phải tự hỏi về vai trò người cầm bút là mình trước một tình thế đất nước biến động như trong những ngày qua hay không ? Xin cho biết.

2 — Theo anh (chị) văn chương thực sự có một khoảng cách như thế nào trước một biến cố được chọn làm đề tài mô tả ?

mặc đồ

*là dân một nước tất nhiên phải
sống với mọi biến cố và lăm phen
muốn làm một cái gì*

1. Chẳng phải đời có biến cố mới có vấn đề vai trò của người cầm bút. Người ta vẫn cho rằng những người làm văn học nghệ thuật có giác quan tinh mẫn hơn số đông, như vậy cầm ứng phải thường xuyên được ghi nhận và biểu tỏ. Đó là nói về cạnh khía «nghề nghiệp» của người cầm bút, còn một cạnh khía công dân nữa, là dân một nước tất nhiên phải sống với mọi biến cố và lăm phen muốn làm một cái gì. Nhưng ở Việt Nam chúng ta làm một cái gì là độc quyền, ở miền Bắc của Đảng Lao Động, ở miền Nam của các ông quân nhân, cho nên trước tình thế những người cầm bút chỉ biết lo sợ và thụ động. Đừng ai huỳnh hoang nói phét, bây giờ có thể nói phét được, nhưng vài chục năm sau sử gia có những phương tiện truy tầm và phân tích rất khoa học để phơi ra hết những sự thật. Khi đó những người nói phét đã mờ yên mả đẹp rồi, nhưng ở dưới mồ tất cũng sốt ruột cựa mình và con cháu thì rất hân hạnh có ông bố, bà mẹ đó, ông nội bà nội đó! Bỏ tay và không dám nói phét cũng khổ lắm chứ.

2. Người sáng tác hoàn toàn làm chủ những phương tiện của mình. Tôi không thấy nhất định cứ phải có một khoảng cách nào mới là đúng giữa biến cố thật và đề tài mô tả. Có điều là phải có khoảng cách (khoảng cách hiểu hết sức trừu tượng). Lấy những dữ kiện vừa xảy ra hôm qua đem viết, như vậy là ghi chép hay kể chuyện chứ không phải sáng tác.

trần thị tuệ mai

*có trách nhiệm ghi nhận và
phản ánh mọi khát vọng
thâm sâu của đời sống*

1. Theo tôi (một người làm thơ) thì Thơ chính là kết tinh giữa những mối thâm cảm phản ánh đời sống, nói một

cách khác, Thơ là đời sống. Dù rằng đời sống có hiện bày dưới những cách nhìn, dưới những mức độ khác nhau, nhưng những biểu hiện đó cũng vẫn là mảnh mún đời sống. Cho nên, một người cầm bút trong xứ sở đầy biến động kinh hoàng nối tiếp xảy ra suốt phần tư thế kỷ này, không những là có trách nhiệm ghi nhận và phản ánh mọi khát vọng thâm sâu của những trạng huống đời sống, mà tâm khảm còn chịu đựng sự quằn quại thôi thúc của ý hướng nhận rõ, mở rộng, nâng cao Tinh Tụ Dân Tộc. Tất nhiên vậy. Để, trước hết thắp sáng chính tâm hồn mình: một điểm sáng nhỏ, nhưng cần thiết, không thể không có ở nay, cho mai...

2. Thiết nghĩ Văn Chương Nghệ Thuật (qua bộ môn Thơ) không hẳn cần phải có khoảng cách nào đó trước một bối cảnh được chọn làm đề tài, mà là tùy theo mức độ rung động của người thơ trước đối tượng đó.

nguyên mộng giác

tôi chọn vai trò người ghi nhận

1. Câu hỏi của Thời Tập vẫn ám ảnh giới nhà văn từ gần bốn mươi năm nay. Lúc tình thế cấp bách, người ta đặt ra một cách khái quát: *vị nghệ thuật hay vị nhân sinh*. Mấy năm trước vấn đề khái quát ấy biến thành *văn chương dẫn thân hay văn chương viễn mơ*. Bây giờ là câu hỏi khần khoản của Thời Tập, trước tình thế đất nước biến động và trước nỗi hoang mang tột độ này vai trò của người cầm bút là gì? Tôi đoán câu hỏi này sẽ làm cho nhiều người cầm bút bán khoăn.

Thật vậy, từ ban đầu, không có nhà văn nào chọn khuynh hướng sáng tạo trước khi chọn đề tài sáng tạo, cách thể hiện. Mỗi nhà văn nhà thơ có một cách cảm nhận sự vật khác biệt. Trước cảnh chợ, người thì chú ý tiến chòm bong bóng đỏ và tiếng còi to toét của người bán mĩ, người thì chú ý đến lão ăn xin đang hàu hấu nhìn bát phở của một thực khách trong quán. Có người ngần ngại vì sắc đẹp của một thiếu nữ thì cũng có người rơm rớm nước mắt vì nhìn bà hàng rau nhớ đến mẹ quê. Xúc động chân thành thuở ban đầu ấy thôi thúc người cầm bút và khi không thể giấu được nữa, lấy bạo, anh ta phải tìm

một cách nào đó để thể hiện. Viết xong, in xong, có người đọc, có người bàn soi chiếu nhiều lần để tự tìm hiểu mình, bấy giờ người cầm bút mới chọn cho mình một hướng đi, một thái độ, một vai trò. Sáng tạo phát khởi tự nhiên như là ngôn ngữ, còn câu hỏi về khuynh hướng, về vai trò nhà văn giống như văn phạm đối với ngôn ngữ. Có nhiều lối giải thích văn phạm cho một ngôn ngữ độc nhất, không thể lấy khuynh hướng sáng tác này để đòi phủ nhận văn chương thuộc khuynh hướng kia.

Tuy nhiên, mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh trong đó nhà văn sống có vài yếu tố nổi bật ghì đậm lên tâm cảm nhà văn đến nỗi có thể chuyển hướng sự sáng tạo hoặc âm thầm ràng buộc nhà văn vào như một định đề đạo đức. Chẳng hạn khi chợ cháy, mà vẫn an nhiên ngắm mấy cái bong bóng xanh đỏ làm trở ngại cho lệnh cứu hỏa, thì thực không hợp thời.

Nói riêng trường hợp của tôi, chắc anh cũng ghi nhận qua những gì tôi viết ra có một nét chung nào đó. Tôi thường xúc động về những hoàn cảnh cực đoan nghiệt ngã, xảy ra nhan nhản quanh chúng ta (nhất là ở Bình Định quê hương tôi, nơi phân ly trong từng gia đình, mâu thuẫn thù oán trong từng xóm nhỏ, và hung bạo tiếp nối cùng khắp) Tôi chọn *vai trò người ghi nhận* và chưa bao giờ đủ tự tin để đóng vai trò khác (như nhiều nhà văn trẻ đòi phải giáo dục quần chúng, bảo vệ đạo đức, cải tạo xã hội...) Trong tình thế này, tôi tiếp tục ghi nhận: cất các mẩu tin đi tản trên báo, thăm hỏi đồng bào tỵ nạn, quan sát phản ứng của mọi người, hồi hộp lo cho quê hương và gia đình. Tất cả những điều thu thập được, tôi hy vọng sẽ tìm được một thời gian thích hợp nào đó, sắp xếp chọn lọc lại, viết thành một tác phẩm ghi nhận đúng bản chất của giai đoạn này. Còn bây giờ? Ngay hôm nay? Tôi chịu thua. Ngay cả chữ bình an cần thiết và nền đất dưới cái bàn viết này vẫn còn là điều khả nghi, như khói như sương, thì còn viết gì được. Tôi đang hoang mang, lo lắng chờ đợi !

2. Tôi nghĩ ngoài các loại ký cần viết ngay trong biến cố để ghi trọn xúc động (như loại ký sự của Nguyễn Tử trên nhật báo Chính Luận gần đây, hoặc các bài ký của Phan Nhật Nam năm 1972) văn chương cần một khoảng cách nào đó với đối tượng mô tả: khoảng cách thời gian để nhà văn lấy được bình tâm để viết, khoảng cách không gian để nhà văn nhìn trọn được đối tượng, tôi mong đón đọc được cái bài ký giá trị cho giai đoạn biến động quan trọng này

trên Thời Tập. Tác giả là những nhân chứng tại chỗ của các cuộc di tản bị thảm, các vinh nhục, tốt xấu của một cuộc tranh chấp tuyệt vọng để sinh tồn. Còn những tác phẩm văn chương tiêu biểu cho giai đoạn này, thể hệ này chắc còn lâu lắm mới có. Năm năm, mười năm, hai mươi năm... hoặc chẳng bao giờ cả, vì người cầm bút Việt Nam không đủ sức chống chọi với cuồng lưu của thời thế để lấy lại bình tâm sáng tạo.

thạch trung giả

những ai nằm đó ?

Những ai nằm đó ?

Dưới khuya này thăm mấy ngàn năm

U minh hình bóng chấp trùng

Miền miền Đất Tổ vua Hùng dựng nên

Bước chân chạm mấy cửa tuyn

Mấy tầng huyết đỏ, lệ hoen chốn này

Những ai nằm đó ?

phạm thiên thư

khi người là con sâu

tất cả là chiếc kén

TỰ HỎI

1. Bao lâu tôi tự hỏi

Cầm bút viết gì đây

Chẳng lẽ những thảm cảnh

Che bởi làn tóc mây

Trò đu bay ngôn ngữ

Trên đau thương đầy đầy

Làm đẹp ? hay nói dối ?

Nhờ nhuộm đen rừng cây.

Bao lâu tôi thăm hỏi
Làm chi làm chi đây
Bài thơ không nuôi nổi
Ngân năn cái thân gầy

Tim người mất niềm tin
Thi ca thành tro trên
Ốc người xanh dây bìm
Tư tưởng đành tắc nghẽn.

khi người là con sâu
tất cả là chiếc kén
vai trò cầm bút u
nghĩ ra càng tự thẹn

KHOẢNG CÁCH

2. khi viết bằng trái tim
văn chương là sự sống
cuộc đời thoát trùng sinh
dù chỉ lần rung động

rồi thành mộng thành thơ
đôi khi rất tình cờ

đôi khi rất ngu ngơ

gác Tịch Mịch
27.3.1975

bình nguyên lộc

tôi nghĩ đến những điều ấy
ngay cả trong thời bình

1. Có, tôi có nghĩ đến những điều ấy, ngay cả trong thời bình. Nghĩ xong, tôi thấy được bốn phận của tôi. Nhưng rồi tôi đau ốm và tôi đã phải chọn một bốn phận ít đến thân hơn, loại bốn phận đến thân chỉ thích hợp với người không đau ốm. Tôi làm văn hóa một cách trầm lặng, nhưng không phải là vô ích.

2. Có cái khoảng cách ấy. Nhưng nó như thế nào thì thật là khó nói. Tôi không bao giờ là lý thuyết gia văn nghệ nên câu hỏi nào của quý báo cũng làm cho tôi bối rối cả. Phải là lý thuyết gia văn nghệ mới nói ra được những điều ấy.

Những lý thuyết gia văn nghệ cứ suy tư về những điều đó nên hỏi là họ đáp được ngay tức khắc. Những người làm văn nghệ thì bận suy tư về những điều khác. Chắc họ cũng đủ trí khôn để suy tư về những điều mà quý báo hỏi, nhưng phải mất một năm họ mới nói ra được.

trúc sĩ

*tôi viết, lấy căn bản lương tri
làm hướng đi cho mình*

1. — Thừa anh không, từ ngày cầm bút viết văn hay làm thơ, dù được in trên báo chí hay xuất bản, chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi về vai trò của người cầm bút cả. Nghĩa là tôi viết theo cảm xúc và nhận định của riêng tôi, lấy căn bản lương tri của con người làm hướng đi một cách hầu như tất nhiên và tự nhiên vậy. Cũng bởi thế, cái ý niệm nhân bản nhiều khi quá khích đến phi liêm nghĩa là tôi thông cảm và chấp thuận nhiều trường hợp phá lẽ của bất cứ một nền luân lý nào. Cụ thể như đối với những hành động có thể coi như bất chính, như ăn trộm ăn cắp, làm dĩ, bán bạc, tham ô, tôi cũng thông qua luôn, bởi đời là cảnh khổ, con người trước tiên phải có bản phận với chính bản thân họ, pháp luật cứ làm nhiệm vụ của pháp luật, nhưng không có cái gì đẹp bằng những hành động phi luân vì hoàn cảnh, để đấu tranh cho cha mẹ vợ con được sống còn, trong nước mắt và sự vinh nhục của mình. Do thế, câu hỏi của anh hoàn toàn ở ngoài tư tưởng của tôi, mà chưa bao giờ tôi nghĩ tới. Chỗ này, tôi nghĩ rằng nên nhắc lại một câu nói của một nhà văn Liên xô, là văn hào Tvardovski trong nhóm Thời Mới (Novy Mir) mà tôi đã được đọc trên tờ Paris-Match cách đây khoảng 8, 9 năm, nói như sau :

— Là người cầm bút chân chính, chúng ta phải đấu tranh cho những kẻ yếu hèn, đau khổ, chứ không phải phụ họa vào cường quyền mà đàn áp nó.

Tôi nghĩ rằng, đây là câu nói bất hủ, mà có lẽ tôi đã có

sẵn trong máu, nên chẳng bao giờ phải suy nghĩ nữa. Có thể là như vậy.

2— Văn chương theo tôi thực sự nó chẳng có khoảng cách nào hết, vì văn chương là nghệ thuật. Chỉ có tư tưởng con người mới có một khoảng cách, mà tư tưởng con người, là chính trị. Khi Thần linh có lý tưởng của Thần linh, thì Quỷ Sa tăng cũng có lý tưởng của Quỷ, và nếu ta đứng làm trọng tài ở phía cao ta sẽ thấy không có ai là Thần linh hay Quỷ cả. Ai cũng có lập trường của mình. Họ lấy văn chương làm lợi khí thì văn chương ấy chỉ là kỹ thuật, mà bỏ phần ý thức hệ, ta chỉ thấy cái sắc bén và tài nghệ của kẻ cầm bút.

Thế thì biến cố gì đi nữa, cũng chỉ tạo môi trường, như làng Guernica dù kinh hoàng đến đâu, cũng chỉ là khung cảnh cho tác phẩm bất hủ của Picasso, thế thôi. Khoảng cách chính trị của văn chương không có, mà chỉ có khoảng cách của nghệ thuật, mà một người vẽ bất tài sẽ không vẽ nổi bằng Picasso, có như vậy mà thôi.

vô phiến

*chúng ta còn quá ít thì giờ
để làm nghệ thuật*

Đối với tình thế hiện nay, nghệ sĩ cũng như mọi người khác hãy cứ phản ứng trong tư cách làm dân, làm người.

Chúng ta còn quá ít thì giờ để làm nghệ thuật, để nghĩ đến nghệ thuật.

Trong biến cố Tết Mậu thân, tôi có trình bày trên tạp chí «Bách Khoa» một vài ý nghĩ về vấn đề anh đặt ra ở câu hỏi thứ nhất. Nhưng tình hình hiện nay không còn được như lúc bấy giờ.

lê trảng kiêu

*nhà văn phải cảm thông
với vận mệnh dân tộc*

— Giữa thời đại này, có nhà văn nào mà than gió,

khóc trắng, đời sẽ cười cho là hủ lậu.

Hơn thế nữa, đời sẽ chế cười vô cùng.

Đây là một sự thay đổi quan hệ trong văn hóa nước nhà từ mấy năm nay; đã hết rồi, những thi thơ mơ mộng, những cuốn tiểu thuyết vô ý nghĩa, đã hết rồi những câu chuyện khiêu dâm, đã hết rồi tất cả những sản phẩm cấu tạo nên dưới dấu hiệu của chủ nghĩa cá nhân đầy khoái lạc.

Văn hóa nước nhà từ mấy năm nay đã lột hẳn bộ mặt cũ, để khoác bộ mặt mới. Không ai bảo ai, cũng chẳng ai hô hào mà người Việt Nam cầm bút viết đã phải ca ngợi sự tranh đấu anh dũng của những lớp người kế tiếp tiến lên. Cả một mối hận lòng ở văn thơ Việt Nam bằng bạc tỏa lên trời cao.

Điều ấy đã thành một sự tự nhiên, tự nhiên như nổi lòng của người Việt khi thấy cần phải làm gì cho nhà khỏi tan, nước khỏi mất, và ở thời nào cũng thế.

Cuộc xâm lăng của bọn Tống triều đã làm cho Lý Thường Kiệt thất nên lời thơ cứu quốc. Cuộc xâm lăng của bọn Mông Cổ cũng thúc dục văn thơ Việt Nam cường lại sóng gió. Rồi nếu các bạn đã từng thổn thức với văn thơ khóc cái ngày mất nước bởi quân xâm lăng nhà Minh sang đây, thì các bạn cũng đã hứng khởi và tự kiêu với những thơ văn hời quân đội Việt của Lê Lợi đánh đuổi bọn quân xâm lăng ấy.

Và trong bao nhiêu chục năm qua, người Việt Nam đã được thổn thức, hờn uất, vui buồn với những lời thơ đầy ý nghĩa dù kém đẹp :

*Xiềng gông ca kệp biệt Đồ môn,
Khằng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn.
Đất nước đắm chìm nòi giống mọn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn !*

(Phan Châu Trinh)

*Tháng ngày bao quân thần sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son,
Nhưng kẻ vớ trời khi lỡ bước
Gian nan chỉ kẻ chuyện con con.*

(Phan Châu Trinh)

*Mùi tù càng nếm lại càng ngon,
Gió bụi đời ta mấy kiếp đồn.
Thương nước nhớ nhà đêm sắp tới,
Lại thêm giấc mộng đảo Côn Lôn.*

(Huỳnh Thúc Kháng)

Còn ngày nay, tất cả những văn thơ vô ý nghĩa, vô ích, đều phải nhường bước cho những văn thơ tranh đấu. Trước sự sống chết của giống nòi, mất còn của tổ quốc, không ai thờ ơ được.

Nhà văn phải cảm thông với vận mệnh dân tộc. Không cảm thông với vận mệnh dân tộc, không còn xứng đáng là một nhà văn nữa.

Trên đây là mấy câu tôi đáp bài phỏng vấn trước kia của nhóm văn nghệ sĩ Hiện Đại (anh Xuân Huyền, anh Như Trĩ v.v... — Mùa Gặt Mới — Xây Dựng — Huế, 1952).

Nay tôi tưởng có thể lấy đề trả lời câu hỏi về vai trò Người Cầm Bút Trước Tinh Thể Đất Nước của Thời Tập giờ đây được.

- 24-3-75

lệ hăng

tôi lết theo định mệnh của dân tộc

1. Chiều hôm qua tôi mới đi xưng tội, tôi phải chờ lâu hơn những lần xưng tội trước. Người ta chạy đến với Chúa đông hơn mọi năm.

Suốt tuần lễ này, tôi không viết được một chữ. Viết gì nữa bây giờ? Tôi đánh đu trên định mệnh của mình, như người dân ty nạn đánh đu trên bánh lái máy bay ở phi trường Đà Nẵng, rồi bị bánh lái ép lại cho tới chết. Tôi cũng lết theo định mệnh của dân tộc tôi như người mẹ dắt năm đứa con trên quốc lộ 19, với máu và nước mắt nhục nhằn.

Tôi còn rất nhiều bạn bè ở Quảng Trị, ở Huế, và nhất là Đà Nẵng. Tất cả những thành phố oan khiên miền Trung, đều có những bằng hữu thân thiết nhất của tôi. Tôi ngồi hàng giờ để nghĩ tới họ, sống hay chết? nhục nhằn đau xót? Tôi còn bạn ở Ban Mê Thuột, giờ coi như mất tích. Anh hỏi tôi, về cái gọi là vai trò của tôi trong lúc này sao? Tôi thất vọng về tôi lắm, tôi làm được gì cho những bạn bè của tôi? Tôi cũng không viết được một chữ từ mấy ngày nay rồi. Tôi đang đánh đu với cái định mệnh khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại. Người ta không thể viết, cũng không thể suy nghĩ tra hỏi mình, khi người ta đang đánh

đu. Tôi không nhìn thấy tương lai của tôi nữa; dù là một đốm lửa nhỏ.

Tình thế đang biến chuyển từng giờ, trên hai triệu người mất nhà cửa và lạc mất nhau trong mùa phục sinh này.

Điều mà tôi cảm nhận một cách rõ ràng và sâu xa nhất là chúng ta mỗi một người trong chúng ta, bây giờ cô đơn, và bị bỏ rơi. Chưa bao giờ cảm giác bị bỏ rơi, ruồng rẫy sâu xé chúng ta nhiều bằng. Tôi không biết, tới phút này, những kẻ «có vẻ thỏa thuê» trong thành phố, đã hiểu thấu chưa sự sống nhờ vào kẻ khác? Chúng ta như một người, thở bằng phổi của kẻ khác, chúng ta dành nằm ngay trên giường cứng, khi hơi thở đó bị ngắt đi.

2 — Bây giờ, đã quá muộn, để tự hỏi, chúng ta phải làm gì.

Anh hỏi tôi vào khoảng cách? về biển cổ ư? Những biển cổ đang đòi hỏi chúng ta, dù muốn dù không vẫn nghệ sĩ như mọi người chúng ta chìm trong những biển cổ này.

Tôi không phải là người viết phóng sự, nên tôi không làm công việc mô tả biển cổ, tôi cũng không phải là người viết tin, hay viết potin. Tôi chìm trong biển cổ, tôi dấu mặt tôi trong biển cổ. Tôi muốn tìm những cái ẩn mặt trong biển cổ hơn.

Ai đem tôi tới chốn này? ngày mai tôi đi đâu?

Dầu muốn hay không, chữ nghĩa cũng sẽ bị biển cổ kéo theo nó, chữ nghĩa cũng lắt lể như người đàn bà, tôi phải nói là lạ lùng lúc mang được con trên ba trăm cây số đường đầy bất trắc, máu lửa, trước mắt và đói khát. Tại sao họ lại về được? những đứa bé còn rất nhỏ, chân quăn vải thay cho giày dép đã rơi rớt dọc đường, sung vù lên, những đứa bé đầu quăn đầy rẽ rách, như những khăn tang cũ kỹ quàng lên phần đất khổ đau này? Làm sao, mẹ con nàng có thể dắt díu nhau đi bộ quãng đường dài như thế? Mai này, con cháu chúng ta có tin được không? có thể tin được người ta xô một người đàn bà xuống khỏi máy bay ở phi trường Đà Nẵng và bà lại nhào lên, để bị xô xuống năm lần. Lần chót hết bà gục ngã, bị dẫm nát, chết như một con vật. Có kẻ thoát vào, và rên rỉ mãi mãi: tất cả lúc đó không còn là người, mà là thú, giống thú dễ tiện nhất.

Tôi không biết, tới giờ phút này, những người, tới ngày chỉ biết vực mặt kiếm tiền, mê mãi vì địa vị và tiền bạc đã hiểu giá trị tiền bạc, và quyền uy không là gì hết chưa? Tôi nghĩ, có lẽ, trừ một số rất ít người trong thành phố này còn lại tất cả, tất cả, sẽ chìm hết trong biển cổ này. Một nỗi

đau khổ chung, không còn riêng rẽ cho ai nữa, giàu và nghèo trước biển cả này, đều lo lắng như nhau. Tương lai trước mắt tôi, như người đàn bà thân tàn ma dại ôm con nhìn sang bên kia sông Ba. Như người đàn bà trẻ, ôm con nhìn ra biển, ngoài đảo Tiên Sa. Bây giờ, đã muộn rồi, để chúng ta tự hỏi phải làm gì ? tôi không thể viết được nữa. Farewell Đà Nẵng, thành phố đã nuôi tôi lớn lên —.

xuân vũ

*là người viết văn tất phải
đặt cho mình một cái gì*

1 — Đây là một câu hỏi có thể ai cũng đã tự đặt ra cho mình chứ không riêng những người viết văn.

Tôi nghĩ, một người cầm bút, trước nhất, là một công dân. Ta cứ hãy nhìn xem chung quanh ta người dân như thế nào thì ta cũng như thế đó, người dân sẽ như thế nào, thì nhất định ta sẽ như thế đó. Nếu như nước ta mất, thì dân ta sẽ trở thành một dân tộc mất nước, thì riêng cái anh nhà văn trong ta có thoát khỏi cái ô nhục của một người dân mất nước không ? Cái nhục mất nước từ khi ông cha ta mới lập quốc tới nay đã từng gội ướt đầu xanh, đầu bạc, đã từng dẫm mình trong đó. Cho đến nỗi gái nữ nhi mà phải vùng lên rửa nhục cho dân tộc ta thay, nữa là...

Tôi còn nghĩ thêm, làm người viết văn phải tự đặt cho mình một cái gì, một cái đó chính mình hiểu hơn ai hết, khác hơn đối với một người thường, về những phương diện nào đó, ví dụ như giúp cho sự giáo dục, động viên, nâng cao tinh thần con người v. v... Nếu không có những điều đó, thì đời không cần nhà văn làm gì. Maxime Gorki đã từng nói rất rõ cho chúng ta, « Nhà văn là kỹ sư linh hồn ! » To lớn vô cùng sứ mệnh của nhà văn.

Nếu chúng ta tự nguyện chấp nhận như thế thì chúng ta cũng phải hiểu rằng một khi nước mất nhà văn càng bị ô nhục nhiều hơn những người thường. Ai có thể sáng tạo trong xích xiềng nô lệ ?

Vì thế cho nên tôi nghĩ rằng : đây không phải là lúc chúng ta trách móc, nguyên rủa, đổ lỗi... cho ai cả, mà chính là lúc chúng ta phải làm nhiệm vụ công dân của chúng ta trước tình thế lâm nguy của đất nước » Ít ra cũng

phải như thế.

Vì trách móc, nguyên rủa, khóc than đều không thể mang lại cho chúng ta gì cả, nhất là Tự do — Lẽ sống của chúng ta.

2 — Không có khoảng cách nào giữa sự thực và đề tài cả. Có chăng đó là cái khoảng cách mà chúng ta tự tạo ra cho mình, nghĩa là khoảng cách giả tạo. Tuy nhiên từ sự thực đến nghệ thuật có một sự sáng tạo. Tại sao khi ta xem điện ảnh, chỉ nhìn thấy cây dừa hay bờ sông ta thấy đẹp ? và ta reo lên : Đẹp quá ?

Hay khi ta đọc mấy dòng sau đây gồm có mấy chữ :

Sương rơi

Nặng trĩu

Trên cành

Dương liễu... (thơ Nguyễn Vỹ)

Có khoảng cách nào không — giữa sương rơi ngoài trời và sương rơi trong thơ ? Ấy thế nhưng không có nhà thơ thì không có thơ.

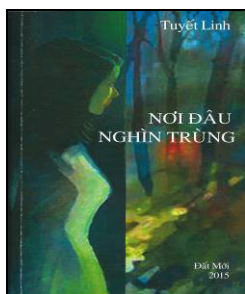
Không có thực tế thì nghệ thuật sẽ không có người. Nhưng nếu không có nghệ sĩ thì dù thực tế có phong phú đến đâu cũng « không thể trở thành nghệ thuật được ».

Vậy theo tôi, cái khoảng cách đó chính là cái sự sáng tạo của nghệ sĩ mà thôi. ¶

GIỚI THIỆU SÁCH

Phạm văn Nhân phụ trách

Trong tháng 5-2015 TQBT chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ gửi đến. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu đến các bạn đọc TQBT. Thành thật cảm ơn những tác giả đã gửi sách biếu. Và xin giới thiệu đến độc giả. (PVN)



NƠI ĐAU NGHÌN TRÙNG. Tập thơ của TUYẾT LINH. Đất Mới xuất bản 2015. Tựa: Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt. Trình bày: Tâm Hữu. Phụ bản: Đinh Cường, Trịnh Cung. Sách dày 177 trang kể cả phần phụ lục.

Được biết nhà thơ Tuyết Linh làm thơ lúc 13 tuổi (trong phần tiểu sử ghi ở bìa sau). Nhà thơ có thơ đi trên các báo ở Sài Gòn trước năm 1975. Như Văn Nghệ Tiền Phong, Giáo Dục Phổ Thông, Hiện Đại, Tia Sáng, Tiếng Dân, Phổ Thông...Có thơ đăng trong tuyển tập Hoa Mười Phương. Trường Giang xuất bản năm 1959. Và trong Thi Ca Việt Nam Hiện Đại của Trần Tuấn Kiệt. Khai Trí xuất bản năm 1967.

Theo tiểu sử đã ghi, nhà thơ ngừng sáng tác từ năm 1965. Mãi đến năm 2011 nhà thơ bắt đầu viết trở lại. Theo Trần Tuấn Kiệt đã viết: *Tiếng thơ như vọng vào thời gian dội lại trong cõi viễn mơ trầm tư của cuộc đời mình, ở đó đôi bờ âm hay dương, nỗi nhớ hay quên, thực và mơ, mơ và thực*

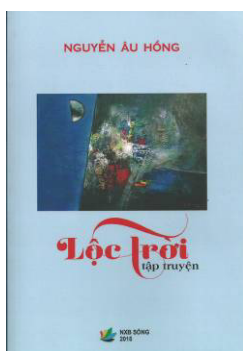
như cánh bướm của Trang Chu trong mơ hóa bướm bay đi ngao du giữa cuộc đời này...

Cũng như trong hai câu kết của nhà thơ: Tình ta từ buổi sang trang/ Thẳng còn vương chút nắng vàng thu xưa.

Nơi Đâu Nghìn Trùng là một tập thơ hay. Đáng tìm đọc. Độc giả TQBT yêu thơ của Tuyết Linh xin liên lạc qua địa chỉ:

tuyetlinh39@yahoo.com

Sách tặng. Không bán



LỘC TRỜI: Tập Truyện của nhà văn NGUYỄN ÂU HỒNG. Nhà xuất bản Sông, năm 2015. Sách dày 194 trang. Lộc Trời của Nguyễn Âu Hồng hầu hết là những truyện anh viết rất ngắn, khoảng 2 trang . Chỉ có ba truyện ngắn Tìm Nhau, Mùa Tôm, Tuyết Trên ĐỉnhTempeline là dài.

Bạt: Trần Thị Nguyệt Mai và phụ lục với bài viết của Trần Hoài thư, Đinh Cường, Nguyễn Lương Vy.

Lộc Trời như những lời tâm sự rất chân thành của Nguyễn Âu Hồng về nơi chốn (chỗ định cư mới), sự việc, tình bạn bè, và quê hương. Với lời văn dung dị dễ thích nghi với người đọc.

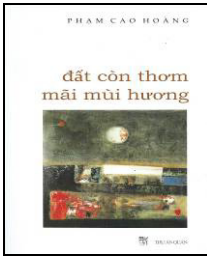
Nguyễn Âu Hồng là nhà văn rất gần với chúng tôi trong thời chiến tranh, thường gặp nhau ở Nha Trang. Anh sinh quán ở Diên Khánh. Tỉnh Khánh Hòa. Sách đã xuất bản:

1/ Máu Đào Như Nước Lã (thơ-1970).2/ Màu Đỏ Lá

Trạng Nguyên (tập truyện in chung với Trần Huyền Ân-1980). 3/Lá Daffodil Thắt Bím (tập truyện- Thư Ấn Quán-2012) . Và Lộc Trời (tập truyện- Sóng-2015) .

Liên lạc tác giả: nguyenauhong@yahoo.com

Giá bán 15 Mỹ kim.



ĐẤT CÒN THƠM MÃI MÙI HƯƠNG: Tập thơ của PHẠM CAO HOÀNG. Do Thư Ấn Quán xuất bản. Tháng 6, năm 2015. Sách dày 105 trang gồm cả mục lục. Trình bày bìa: Đinh Cường. Phụ bản: Đinh Cường và Nguyễn Trọng Khôi. Trình bày: Thiên Kim. Bạt: Nguyễn Xuân Thiệp. Thêm bài Giới thiệu của Phạm văn Nhân: Đất và Người.

Đất Còn Thơm Mãi Mùi Hương gồm những bài thơ ngắn, hay. Trước 1975, bút hiệu Phạm Cao Hoàng không xa lạ gì với những người yêu thơ. Thơ Phạm Cao Hoàng với vần điệu nhẹ nhàng dễ đi vào lòng người. Tôi đọc thơ anh từ những năm 1967-68. Như bốn câu thơ sau đây: *bâng khuâng một chút vườn sau/ngậm ngùi ngô trước lao xao nắng vàng/đã qua chưa cuộc điêu tàn/đám mây năm cũ biết tan nơi nào.* Tuyệt! Thơ PCH vẫn thế.

Hãy tìm đọc tập thơ **Đất Còn Thơm mãi mùi hương**. Độc giả TQBT cần sách liên lạc với Mrs: **Cúc Hoa** qua địa chỉ email: hoatruong206@yahoo.com
Sách tặng. Không bán.

